

MỘNG - BÌNH - SƠN

ÔN CÔ
TRI TÂN

三

故

印

前

TIMISACH.COM.VN

QUYỀN NHẤT

SONG MÓI xuất bản

MỘNG-BÌNH-SƠN

Saigon 9-10-69
Lam-Thanh

L X 14

ÔN-CỐ TRI-TÂN

Những tấm gương phản chiếu

mùa đông trong truyện

Đông-Châu Liệt-Quốc

TẬP I

Gỗng Mời Xuất Bản

Lời nói đầu

Xưa nay người ta thường bảo : « Đông-Châu Liệt-Quốc » là cái túi khôn muôn đời của loài người.

Thật ra ai cũng công nhận như thế, nhưng trái lại rất ít người tìm hiểu cái túi khôn muôn đời ấy.

Ở đây tôi muốn cùng các bạn nêu thắc mắc :

« Đông-Châu Liệt-Quốc có thể gọi là « Túi khôn muôn đời không ? »

— Xã hội loài người luôn luôn tiến tới chỗ tinh xảo, tinh trạng loài người luôn luôn biến đổi theo trạng thái xã hội, sinh hoạt loài người luôn luôn sửa đổi, thì cái khôn của ngàn xưa làm sao có thể gọi là cái khôn của ngày nay mà bảo là túi khôn muôn đời ?

Đó là điểm mâu thuẫn cẩn bản.

Còn như thế nào là khôn, thế nào là dại ? Thực khó định nghĩa. Cái mà người này cho là khôn thì đối với kẻ khác cho là dại. Cái mà người nọ cho là đúng thì kẻ kia cho là sai.

Khôn dại nằm trong quan niệm của mỗi người thì luôn việc dại khôn là chuyện vu vơ.

Ôi, thế thì tìm cái trí khôn của loài người là làm chuyện quái quặc sao ?

Tuy nhiên, từ xưa đến nay, và có lẽ cả đến mai sau, ai cũng phải đi tìm chuyện quái quặc ấy.

Bởi vì, sự tiến bộ của loài người không phải không có gốc. Xã hội không phải từ trên trời rơi xuống, mà được cấu tạo do sức tranh đấu của loài người từ tò mò đơn sơ đến phức tạp.

Cái khôn của loài người cũng thế. Từ chỗ đơn thuần đến chỗ tinh nhí. Muốn khai thác cái tinh nhí không thể bỏ qua cái đơn thuần.

Mặc khác, dù xã hội tiến bộ phức tạp đến đâu, nguyên lý của lẽ sống tức nhân sinh quan vẫn là một.

Không ai khen những bậc ác xảo trá, cũng không ai chê những đạo đức nhân từ.

Vì vậy mà lời người xưa, việc làm người xưa, ý nghĩ người xưa, cuộc sống người xưa rất có liên quan đến hiện tại, đến thế hệ mai sau.

«Ôn cố tri tân» chính là làm cái việc xét thời xưa luận thời nay. Việc ấy không phải là không bồ ích.

Và lại, một câu chuyện phải trải chí có thời gian mới chứng minh được, thì đem chuyện thời xưa, chuyện của quá trình thời gian ra bàn luận, tướng đã đầy đủ lắm.

Nó là một tấm gương phản chiếu trước sự hiện tại để lại chúng ta rất nhiều thích thú.

Đông-Châu Liệt-Quốc là một vườn hoa muôn màu vạn sắc, có đủ hoa thơm có lợ, mà cũng không thiếu gì gai gò xấu xa.

Tôi không đóng vai một chủ vườn hoa, làm cái việc quảng cáo, mà chỉ lấy tư cách một du khách quen thuộc, mời các bạn cùng tôi thử vào đây ngâm nghĩa, khen chê tùy thích, gọi là góp mặt vào kho tàng quý báu của cả nhân loại.

Sài Gòn, mùa Đông Tân-Mão

Mộng-Bình-Sơn

X ĐÔ-BÁ, TÀ-NHO

Vua phải bạn trai thì nên theo vua, bạn phải vua trai thì nên theo bạn. Tôi Đô-Bá không đáng gì mà Bé-hạ đem giết, thiên hạ sẽ cho Bé hạ bắt minh. Hạ thẩn biết mà không can gián, thiên hạ sẽ cho hạ thẩn bắt trung. Nếu Bé hạ giết Đô-Bá, hạ thẩn xin cùng chết.

Đầu đời Đông-Châu, trong nước Trung-Hoa
sanh nhiều biến cố. Vua Tuyên-Vương đi tuần du
gần Kiều-Kinh nghe một bầy trẻ xúm nhau hát :

Thỏ lên ác lặn non mờ,
Túi cơ cung yèm bơ phờ nước non.

Câu đồng dao ấy lọt vào tai vua. Vua lấy làm
giận, sai quân đuổi bắt bầy trẻ. Lũ trẻ chạy tán
loạn, chỉ có hai đứa bị bắt.

Vua quát hỏi :

— Ai bầy chúng bầy hát như vậy ?

Hai đứa bé run lầy bầy, cúi đầu trả :

— Cách đây ba hôm có một đứa bé mặc áo
đỏ đến tại chợ này dạy chúng tôi hát. Nhưng chẳng
biết vì sao cùng một lúc, các trẻ con trong khắp
khu phố đều thuộc lầu câu hát ấy.

Vua cau mày hỏi :

— Hiện giờ thằng bé mặc áo đỏ ấy ở đâu ?

Hai đứa bé đáp :

— Chẳng biết nó đi đâu. Chúng tôi không còn gặp nó nữa.

Nhà vua buồn bã đuổi hai đứa bé ấy đi, rồi truyền quan Tư-Thị loan báo khắp khu phố cấm không cho con nít hát câu hát ấy nữa.

Sáng hôm sau triều thần vào chầu, vua đem câu hát ấy hỏi lại mọi người.

Quan Lê-Bộ Triệu-Hồ tâu :

— Yèm là thứ cây dâu núi dùng làm cung, còn cơ là loại cò dùng đan giò đựng tên. Cứ theo câu đồng dao ấy mà bàn thì trong nước có nạn binh dao.

Vua nghe lời đoán này lập tức truyền quan Đại Phu Tà-Nho nghiêm cấm khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, không ai được làm dụng cụ cung tên bằng gỗ yèm và cơ cơ. Ai trái lệnh sẽ bị bắt chém.

Nhân dân nghe lệnh nhất nhặt tuân theo, duy có các miền xa xôi, lệnh vua chưa được công bố, nên ngày sau có một người đàn bà xách mấy cái túi tên bằng cỏ cơ và một người đàn ông vác mấy cây cung bằng gỗ yèm đem ra chợ bán.

Quân tuần trông thấy xúm lại bắt. Người đàn ông lanh chân chạy thoát. Chúng bắt đàn người đàn bà đem vào nạp cho Tà-Nho.

Tà-Nho đem người đàn bà vào triều phục mệnh. Vua truyền đem tội nhân ra xử tử, và đốt tất cả các túi tên đè rắn chúng.

Trong lúc đó tại hoàng cung có một người cung phi già, trước kia đẹp nhắm nước đái rồng thọ thai hơn bốn mươi năm, nay mới đẻ ra một quái thai.

Khương hậu cho là điểm chẳng lành, đem quái thai ấy ném xuống sông Thanh-Thủy.

Việc này lọt đến tai vua. Nhà vua không an lòng, truyền nội thị đến bờ sông Thanh-Thủy xem đứa bé ấy thế nào.

Nội thị trả về tâu :

— Đứa bé ấy đã trôi đi đâu mất tích rồi.

Tuy vậy nhà vua vẫn không an, truyền rao khắp dân chúng ai tìm được đứa con nít ấy dù sống thác cũng được thưởng ba trăm tấm lụa. Ngược lại, nếu ai giấu giếm mà nuôi sẽ bị toàn gia tru lục.

Vua lại giao việc này cho quan cận thần Đỗ Bá tra xét.

Thời gian trôi trong yên lặng. Tông tích của đứa bé không ai nhắc tới.

Sau ba năm. Một hôm vua nằm mộng thấy một người đàn bà dung nhan tuyệt mỹ len lỏi vào Thái-miếu là chỗ tôn thờ uy nghiêm của hoàng cung. Người đàn bà nhìn vua cười ba tiếng, khóc ba tiếng rồi buộc các bài vị thành một bó, xăm xăm đi về hướng Đông.

Vua tức giận thét gào đến rát cổ, giật mình thức dậy mới biết chiêm bao.

Quan Đại-Phu Bá-dương-Phụ bàn rằng :

— Ấy là điềm nữ họa. Trong cung yêu khí chưa dứt. Điềm này ứng đúng với câu đồng dao ba năm về trước.

Vua nhớ lại cái quái thai trước đó ba năm mà nhà vua đã sai Đỗ Bá tra xét, nên truyền đòi Đỗ Bá vào hỏi :

— Ta giao cho ngươi truy tầm quái thai vớt trên dòng sông Thanh-Thủy sao đến nay chưa thấy kết quả ?

Đô-Bá quỳ tâu :

— Hạ thần hết sức tìm kiếm nhưng chẳng thấy. Khắp trong dân gian không ai tìm được xác chứng tỏ quái thai kia đã bị mất tích rồi. Và lại bệ - hạ đã giết người đàn bà bán cung thi nữ họa đã hết, tra xét lâu ngày chỉ làm khò dân.

Vua nồi giận mắng :

— Làm không được việc lại không phục chì thì rõ là khi quân.

Nói rồi truyền võ sĩ bắt Đô-Bá đem chém.

Tả-Nho vốn là bạn thân của Đô-Bá thấy vậy quỳ tâu :

— Tâu Bệ hạ, đời Nghiêu bị lụt chín năm, đời vua Thang nắng hạn đến bảy năm, thế mà thiên hạ không sah biến chỉ vì lòng nhân đức của hai vị vua ấy. Nay giết không được một đứa bé mà Bệ hạ xử tử một đại thần, tôi e rằng lần bang sẽ chê cười Đức Đô của Bệ hạ. Xin xét lại.

Nhà vua mặt giận phùng phùng :

— Nếu vì tình bạn mà can gián thì người quả trọng bạn khinh vua.

Tả-Nho tâu :

— Vua phải bạn trái thì nên theo vua, bạn phải vua trái thì nên theo bạn. Tôi Đô-Bá không đáng gì mà Bệ hạ đem giết, thiên hạ sẽ chê Bệ hạ bất minh. Còn hạ thần biết mà không can gián, thiên hạ sẽ cho hạ thần bất trung. Nếu Bệ hạ giết Đô-Bá hạ thần xin cùng chết.

Nhà vua nói :

— Ta giết Đô-Bá như hủy bỏ cỏ rác, người chờ lầm lời vô ích.

Nói xong, vua nạt võ sĩ đem Đô-Bá ra chém.

Tả-Nho về đến nhà tự vẫn ngay.

Người sau cảm nghĩa, lập đền thờ ở Đỗ Lăng thờ cúng, gọi là miếu Tả Tướng Quân.

Nhận xét :

Xưa nay, nói đến Đỗ-Bá, Tà-Nho người ta thường cho đó là một tấm gương sáng ngời về tình bằng hữu.

Thật không sai. Tà-Nho vì bạn mà can vua, vì bạn mà dám chết theo bạn hành động ấy tưởng cũng đáng để cho người đời chiêm ngưỡng. Nhưng còn một điều đáng chú ý hơn ở con người của Tà Nho là trong iết phải hơn địa vị. Tà-Nho không đặt vấn đề vua lớn hay bạn lớn mà đặt lẽ phải lớn hơn cả. Câu nói của Tà-Nho : « Vua phải thì theo vua, bạn phải thì theo bạn », chẳng phải Tà-Nho đã hoàn toàn thoát khỏi vòng kẽm tủa của địa vị xã hội sao ?

Xưa cũng như nay nhiều người chỉ biết nịnh bợ, lời nói của kẻ có quyền bao giờ cũng coi trọng hơn những kẻ ít quyền. Chính vua Tuyên-Vương cũng quan niệm như thế nên mới hạch sách Tà-Nho lời nói ấy.

Tà-Nho xứng đáng là một vị thần công lý.

Tục ngữ Pháp có câu : *La raison du plus fort est toujours meilleure.* Và tục ngữ Việt-Nam cũng có câu : *Vai mang túi bạc kè kè, nói quấy nói quả người nghe rầm rầm.*

Thế thì quan niệm phục tùng địa vị, sang giàu từ chối lẽ phải, không những chỉ có ở nền phong kiến cổ hủ nước Tàu mà hầu hết khắp thế giới xưa nay đều như thế cả. Công lý đi sau tiền tài, địa vị. Nếu trong đời này mà có được nhiều người như Tà-Nho thì có lẽ những kẻ hách dịch trong giàu sang địa vị sẽ không còn mấy người nữa. Khô thay ! Hạng người như Tà Nho rất ít.

THÁI-TỬ NGHI-CƯU VÀ BAO-TỰ

*Mỗi tình mẫu tử là sức mạnh thiêng liêng,
dù cho lời người hay loài vật vẫn không
khác gì mấy.*

Vua U-Vương nhà Châu hâm mê tưu sắc, được Bao Hướng dùng mỹ kế dâng nàng Bao-Tự để chuộc tội. Bao-Tự có sắc đẹp, khiến U-Vương đêm ngày mê mẩn, giấu trong cung Quỳnh-dài để say tình cá nồng, một phút không rời. Khi xem trăng, khi sánh nguyệt, khi đối âm, lúc ca xang, chẳng thiết gì đến việc triều chính nữa. Trăm quan thấy vậy đều than thở lo lắng.

Có người đem chuyện vua say mê Bao-Tự nói cho Thân Hậu hay. Thân Hậu tức giận, một hôm dẫn bọn cung nga đến cung Quỳnh-dài xem hư thiệt. Vừa đến nơi, Thân Hậu thoáng thấy U-Vương đang cùng Bao-Tự kề vai ấp má. Thân Hậu bước vào, Bao-Tự vẫn ngồi im, liếc mắt đưa tình nhìn vua, chứ không đứng dậy chào đón. Thân Hậu quá tức, không dám được, chỉ vào mặt Bao-Tự mắng :

— Loài tiện tỳ, mi ở đâu dám đến đây làm nhơ nh López cung vi ?

Vừa nói vừa muốn xốc tới. U-Vương sợ Thân Hậu làm hồn, vội đứng dậy cản lại và nói :

— Đây là mỹ nhơn của trăm mới dùng, chưa định ngôi thứ nên chưa kịp đến ra mắt chánh hậu, xin đừng chấp nhứt làm chi.

Thân Hậu mắng nhiếc một hồi rồi lui ra. Bao-Tự hỏi U-Vương :

— Người ấy là ai mà hung dữ lầm vậy ?

U-Vương nói :

— Ấy là Hoàng hậu. Ngày mai khanh phải đến làm lê ra mắt.

Bao-Tự làm thịnh, rồi ngày mai cũng chẳng đi chào Hoàng-hậu.

Từ khi biết rõ sự tình, Thân-Hậu lòng buồn rười rượi, ngày đêm than thở mãi trong cung. Thái-Tử Nghi-Cựu thấy thế quỳ tâu :

— Tâu mẫu hậu, mẫu hậu đã làm chúa tể trong tam cung lục viện, oai quyền như thế chẳng hay có điều chi bất bình mà buồn bã ?

Thân Hậu đỡ con dậy, hai hàng nước mắt ràn rụa nói :

— Con ơi, Phụ Vương con đắm say Bao-Tự, không kè gì đến mẹ nữa. Thân mẹ dù có bị bạc bẽo cũng chẳng sao, duy có giang sơn sự nghiệp sau này ắt phải tan tành vì con khốn nạn đó.

Thái-Tử nghe nói vừa buồn vừa giận, cầm tay Thân Hậu nói :

— Xin mẹ chờ sầu bi. Ngày mai là ngày Sóc, Phụ Vương con thế nào cũng lâm triều, chứng ấy mẹ sai cung nữ đến cung Quỳnh-dài bẻ phá bông hoa, dụ Bao-Tự ra khỏi cung, con sẽ đánh hàn một trận để trả thù cho mẹ. Dù Phụ-Vương có trách mắng, con xin cam chịu.

Thân Hậu lắc đầu nói :

— Con chờ nén nóng này như thế. Đè thủng thẳng mà liệu kèo lâm vào độc kế của con dâm phụ đó.

Thái-Tử Nghi-Cựu hậm hực ra về.

Sáng hôm sau quả nhiên U-Vương lâm triều, Nghi-Cựu bèn sai một số cung nhân qua nơi Quỳnh dài, chẳng nói gì hết, cứ việc vác cây đập phá bông hoa. Bọn

thế nữ trong đài trông thấy, thắt kinh chạy ra cản lại và la lớn :

— Hoa này vốn của Chúa thượng trồng để cho Bao-nương nương ngoan cảnh, chờ nên phá phách mà tội chẳng nhỏ.

Bọn cung nhân vẫn không ngừng tay, ứng tiếng đáp :

— Bọn ta vâng lệnh Đông cung Thái tử đến bê hoa này về dâng cho Chánh hậu, ai dám cản trở.

Hai bên cãi vã nhau ôm sùm làm cho Bao-Tự đang mơ màng giấc điệp, bỗng giật mình thức dậy bước ra xem, thấy bông hoa rơi tả, cà giận, toan bước tới đánh bọn cung nữ, chẳng dè Thái-Tử nấp gần đấy, nhảy tới trộn mắt hét :

— Nghiệt phụ, ngươi là người chi ? Danh vị thế nào mà dám xưng là nương nương, chẳng biết ai hết. Nay ta làm cho ngươi thấy cái "nương nương" của ngươi.

Dứt lời, Thái-Tử nắm đầu Bao-Tự tát cho mấy cái. Bao-Tự đau quá rú lên. Bọn cung nữ sợ quá đồng quỳ mọp dưới đất thưa :

— Xin Thái-Tử khoan dung kèo phiền lòng Chúa thượng.

Thái-Tử Nghi-Cựu chưa hả giận, nhưng sợ đánh sày tay, bèn buông Bao-Tự ra, rồi chỉ vào mặt nói :

— Nếu mi còn ngạo nghẽ ta chẳng bao giờ đè cho mi sống yên.

Nói xong, Thái-Tử quay gót trở về.



Nhận xét :

Tinh mău tử là mỗi dây liên hệ thiêng liêng, dù trong hoàn cảnh nào chúng ta vẫn thấy. Thói thường tình mẹ thương con bao la như trời bể, trái tại tình con đối với mẹ nhiều lúc lại lạt phai.

Thái-Tử Nghi-Cựu đã hành động thương mẹ một cách vô cùng sâu đậm. Nghi Cựu còn bé, không biết làm sao để trả thù cho Thân Hậu, đến gây chuyện đánh Bao-Tư, tuy việc làm của trẻ con song biểu hiện được mối tình thiêng liêng cao cả.

Trong tích truyện không thiếu gì những tấm lòng hiếu thảo, nhưng ở đây một khía cạnh nổi bật lên cho chúng ta thấy là Nghi-Cựu bướng bỉnh, gan dạ một cách buồn cười. Đinh Bao-Tư, Nghi-Cựu chỉ biết làm cho mẹ vui lòng chứ không nghĩ đến tai hại lì Bao-Tư khi được vua cha yêu. Tâm trạng của một anh chàng Thái-Tử trẻ tuổi đã được diễn tả rất đúng đắn ở hành động ấy.

Chỉ thương hại cho Nghi-Cựu vì quá trẻ tuổi, không biết đến những tai hại về sau. Sắc đẹp là một vũ khí nguy hiểm nhất trong đời, thành phải nghiêm, nết phải đòn cung vì sắc đẹp, thì một chàng Thái Tử ngày thơ như vậy làm sao chống lại với vũ khí nguy hiểm của Bao-Tư đang có trong tay? Vì thương mẹ, Nghi-Cựu chỉ gây ra những mâu thuẫn nguy hiểm sau này mà thôi.

Bởi vậy, một việc làm tuy ở trong lẽ phải nhưng không có lợi thì cũng không nên làm. Kẻ có trí bao giờ công việc cũng phải đắn đo trước.



NU CƯỜI BAO - TỰ

*Sắc đẹp là vũ khí lợi hại của đàn bà.
 Nhưng nó chỉ lợi hại khi ở trong tay một
 kẻ có quyền thế.*

Vua U-Vương đắm say Bao-Tự đến nỗi Bao-Tự muôn gì cũng chiều ý. Nhưng Bao-Tự chưa lấy thế làm thỏa mãn. Sau khi được U-Vương phế bỏ Thân Hậu, lập nàng lên làm Hoàng hậu, nàng trở nên một cô gái trăm lạng không cười một nụ cười nào. Không ai hiểu nỗi cõi lòng của nàng cả.

U Vương thấy Bao-Tự không cười, lòng bâng khuâng lo lắng, bèn triệu tất cả các nhạc công trong triều, tập họp đòn ca hát xướng cho nàng vui, song vẫn không thấy Bao Tự cười lên một tiếng nào.

U-Vương nghĩ thầm :

— Ta phế Chánh cung mục đích để làm vui lòng nàng, thế mà không được nàng trao cho một nụ cười thật là đau đớn ?

Nghĩ vậy vua thủ thi hỏi Bao-Tự :

— Đòn ca hát xướng như thế sao không thấy khinh vui.

Bao-Tự đáp :

— Tâu Bệ hạ, thần thiếp thích tiếng xé lụa vui tai hơn là tiếng âm nhạc.

U-Vương mừng rõ nỗi :

— Ái khanh ưng nghe tiếng xé lụa sao ái khanh không nói cho sớm ?

Liền truyền quan giữ kho mỗi ngày đem vào cung một trăm tấm lụa, lại khiến các cung nữ khoẻ mạnh nhau phiên nhau để xé lụa, làm cho Bao-Tự vui tai.

Nhưng quái thay, xé đến bao nhiêu lụa vẫn không làm cho Bao Tự vui tí nào.

U-Vương io lảng hỏi :

— Đã ưa tiếng xé lụa, và lụa đã xé rất nhiều rồi sao chưa thấy ái khanh vui

Bao-Tự mặt làm li không đáp. U-Vương se thắc cõi lòng.

— Thế nào trâm cũng tìm cách để ái khanh cười lên một tiếng.

Nhận xét :

Sắc đẹp của người đàn bà có một sức mạnh nguy hiểm thật, nhưng nguy hiểm nhất là lúc nó được ở trong tay một kẻ có quyền lực sử dụng. Tuy nhiên, đối với những kẻ có sắc đẹp cũng cần phải biết cách làm cho sắc đẹp tăng phần giá trị, mới chinh phục nổi đàn ông hào sắc.

Sắc đẹp là vũ khí, nhưng quan hệ là kẻ sử dụng vũ khí ấy. Vẫn để sử dụng rất tê nhị và phức tạp, đại khái tuy giống nhau nhưng mỗi người lại có một mảnh khoẻ riêng.

Xưa nay, chúng ta đã đọc không biết bao nhiêu truyện nói về mỹ nữ và anh hùng, cũng như gai nhán và sắc đẹp, khynh dảo cả giang sơn sự nghiệp như Đắc-Kỳ làm mất giang sơn vua Trụ và nhiều trường hợp tương tự như vậy. Tuy nhiên mỗi hành động không giống nhau. Ở đây chúng ta thấy rõi chinh phục của Bao-Tự đối với U Vương không như Đắc-Kỳ làm cho Trụ Vương nịch ái. Bao-Tự đem cái buồn của người đẹp để làm cho U Vương se lòng.

Như vậy người đẹp một khi có nét mặt u buồn cũng làm đau lòng kẻ hào sắc không ít.

Phải, người đẹp mà thiếu nụ cười tức là thiếu tất cả. Lời nói ấy không phải không đúng. U-Vương đâm đem ngàn vàng để đòi lấy nụ cười Bao-Tự thì thấy nụ cười người đẹp giá trị đến bức nào rồi.

Bao-Tự bắt vua U-Vương xé lụa để làm vui không phải nàng thích tiếng xé lụa mà chính là nàng đã dùng cách xé lụa để thử thách mức độ hiểu sắc của U Vương đối với nàng ma thôi.

Người đẹp vui làm cho kẻ hào sắc vui, người đẹp buồn làm cho kẻ hào sắc buồn, đó là quy luật thiên nhiên của vũ trụ loài người rồi. Người đẹp có thêm nụ cười làm cho người đẹp thêm đẹp. Người không đẹp mà có nụ cười thì làm cho đàn ông cảm mến. Thế mà trong xã hội có những người đàn bà muốn cho đàn ông mến mình lại cứ cà ngày nhăn nhó, cău kỉnh thì thật là đại dột.

Hành động Bao-Tự bắt U Vương dùng ngàn vàng để mua lấy nụ cười của nàng, đó cũng là một bài học cho những trang nữ lưu không biết lợi dụng cái tươi tắn trên khuôn mặt mình để chinh phục đàn ông vậy.

Chiều chuộng một người đàn bà để thỏa mãn một khoái cảm đó là sở thích tự nhiên của một người đàn ông. Nhưng trong đời chỉ khác ở chỗ có kẻ quên sự thiệt hại chúng để làm thỏa mãn riêng, kẻ đó như U Vương, gọi là phuơng hào sắc. Có kẻ đặt quyền lợi chúng lên trên thỏa mãn riêng, đó là kẻ có tình yêu chính.



X ĐỐT LỬA GIẾU CHƯ HÀU

Thấy dùng cách xé lụa, Bao-Tự vẫn không có một nụ cười nào, U-Vương lo lắng, quyết tìm cách để mua một nụ cười của người đẹp.

Vua tuyên bố :

— Ai có cách gì làm cho Bao-Tự cười một nụ thì trăm trọng thưởng ngàn vàng.

Quan cận thần Quách-thạch-Phủ quỳ tâu :

— Ngày trước tiên vương có lập mười cái phong hỏa đài tại núi Ly-Sơn, lại tạo mấy chục cỗ trống lớn, để mỗi khi có giặc Tây Nhung đến xâm lấn thi nồi lửa gióng trống lên để các chư hầu nghe đem quân đến cứu. Từ ấy đến nay trong nước thái bình, phong hỏa đài không dùng đến. Nếu Bệ hạ muốn làm cho Chánh hậu cười, xin Bệ hạ cùng Chánh hậu đến Ly-Sơn du ngoạn, rồi nứa đêm đốt phong hỏa đài lên, đánh trống cho thật dữ, binh viện của chư hầu át kèo đến. Chứng ấy không thấy có giặc giã gì, các chư hầu lục tục kéo về, Chánh hậu thế nào cũng phải túc cười.

U-Vương cho đó là kẽ hay, vỗ tay cười lớn.

Hôm sau, U-Vương đặt Bao-Tự đến Ly Sơn du ngoạn. Quan Tư-Đồ Trịnh-bá-Hữu biết việc ấy can :

— Phong-hỏa-dài tiên vương lập lên là để thông tin túc với chư hầu khi trong nước có biến. Nay vô cớ mà bệ hạ đốt lửa gạt chư-hầu để làm trò vui, về sau thoảng có điều binh biến,

bé hạ đốt phong hòa dài lên thì ai còn tin được nữa. Xin bé hạ chờ làm việc đó.

U-Vương nỗi giận, mắng :

— Nay thiên hạ trong lúc thái bình thì cần gì phải nhò đến binh viện. Trâm và Chánh hậu đến Ly-Sơn du ngoạn không có gì vui phải mượn kẽ ấy. Nếu sau này có giặc thi can hệ gì đến người mà người lo lắng ?

Trịnh-bá-Hữu nghe vua nói thở dài, lùi thui bước ra. U-Vương truyền đốt phong hòa dài, gióng trống lên cho thật kêu. Chư hầu ngõ có giặc vội vã điêu binh khiên tướng suốt đêm kéo đến Kiều-Kinh là nơi kinh đô nhà Châu. Đến nơi chỉ nghe tiếng đàn ca hát xướng, và thấy U-Vương cùng Bao-Tự đang kè vai uống rượu, vui trong khoái lạc.

Chư hầu ngõ ngác nhìn nhau rồi bén lén cuồn còng, dẹp trống ai về nước này.

Bao-Tự đứng trên lầu trông xuống thấy quân lính khắp nơi ồ ạt kéo đến rồi lại lặng lẽ kéo nhau về, thích chí vỗ tay cười.

U-Vương ôm Bao-Tự vào lòng, nói :

— Ái khanh ơi ! Một tiếng cười của ái khanh chẳng những làm vui lòng trẫm mà còn tô thắm vạn màu tươi của vũ trụ. Ấy cũng nhờ công của Quách-thạch-Phủ đó.

Liền lấy ngàn lượng vàng đem thường cho Quách-thạch-Phủ.

Sau đó, Thân-hầu vì tức U-Vương vô đạo, phế bỏ vợ con, nên họp với rợ Tây-Nhung kéo quân đến Kiều-Kinh vắn tội.

U-Vương hay tin, thất kinh, hỏi quan cận thần Quách thạch-Phủ :

—Trong nước xảy ra binh biến phải làm sao bây giờ?
Quách-thạch-Phủ quỳ tâu :

Xin bệ hạ sai người đến phong-hỏa-dài nồi lửa cầu cứu các chư hầu đem quân cứu viện. Chừng ấy trong đánh ra, ngoài đánh vào thì còn lo gì không dẹp nỗi giặc Tây Nhung.

U-Vương nghe lời, sai người đến Ly-Sơn đốt lửa. Lửa cháy ngất trời, trông đánh rền vang như sấm mà chẳng thấy quân một nước chư hầu nào kéo đến cứu viện cả.

U-Vương và Bao-Tự bị vây ở chân núi Ly-Sơn nhìn nhau khóc ròng.

Nhận xét :

Tin nghĩa là căn bản của con người đối với xã hội. Thiếu tin nghĩa thì không thể nào làm cho mọi người kính trọng mình được. U-Vương đốt lửa giấu chư hầu để làm vui Bao-Tự nhưng có ngờ đâu lại đem đến cho U-Vương một thảm trạng như vậy?

Xưa nay, ở đời nhiều người thường thấy những việc lợi trước mắt mà không nghĩ đến tai hại về sau. Thực ra U-Vương không đến nỗi mê muội không thấy cái thiệt hại này, nhưng vì sắc đẹp của Bao-Tự đã làm cho nhà vua mờ ám mắt.

Trong xã hội thời nay cũng chẳng thiếu gì kẻ khôn ngoan, thà hiều lè phổi diều trại. Nhưng lúc chưa có một quyền lợi địa vị nào thì sáng suốt, mà đến lúc cầm trong tay một quyền lợi, địa vị thì lập tức bị quyền lợi, địa vị ấy làm tối mắt ngay.

Điều đáng buồn cười là kẻ bị quyền lợi địa vị chỉ phổi cứ thường mình khôn ngoan, tự mình biện hộ lấy cái sai để che đậy cái bản năng xấu xa của mình.

X MỐI TÌNH MẸ CON CỦA TRỊNH TRANG CÔNG

Sai lầm là chuyện dĩ nhiên trong đời người. Nhưng sai lầm mà biết cách sửa chữa thì đó là tự mình đã học được một bài học quý giá nhất đời. Bởi vậy, sai lầm không đáng sợ, chỉ sợ không biết sai lầm để sửa chữa.

Thế tử nước Trịnh là Quật-Đột, từ khi cha chết, lên kế vị, xưng hiệu là Trịnh-võ-Công. Nhân khi nhà Châu suy yếu, chiếm cả đất Quốc và đất Khoái làm thành một nước lớn.

Bấy giờ Trịnh-võ-Công và Vệ-võ-Công đều kiêm chúa Khanh-si tại triều nhà Châu. Qua năm Bình-Vương thứ 13, Vệ-võ-Công thất lộc, còn một mình Trịnh-võ-Công bình chánh, lúc thi về nước Trịnh, lúc ở lại triều nhà Châu.

Vợ Trịnh-võ-Công là Khương-thị sanh đặng hai trai, con lớn đặt tên Ngộ-Sanh, con thứ đặt tên là Đoan.

Ngộ-Sanh vì lúc nhỏ đẻ ngược, nên Khương-thị không ưa, còn Đoan thì mặt mũi khôi ngô, lại có sức khoẻ lạ thường, nên Khương-thị yêu mến lắm.

Một hôm Khương thị ngờ ý với chồng :

— Nếu Đoan mà được nối ngôi Chúa công sau này thi hơn Ngộ-Sanh gấp bội.

Trịnh-võ-Công không bằng lòng, đáp :

— Lớn nhỏ đã có thứ bậc, chẳng nên làm xáo trộn luân thường. Vả chăng Ngộ-Sanh có tội lỗi gì mà ta lại bỏ chính lập thứ ?

Bèn phong cho Ngộ-Sanh làm Thế-tử, còn Đoạn thi chỉ phong một chỗ đất nhỏ ở Cung thành nên gọi là Cung-thúc-Đoạn.

Việc này làm sao Khương-thị không vui. Sau đó Trịnh-võ-Công qua đời, Ngộ-Sanh lên kế vị, xưng hiệu Trịnh-trang-Công, rồi cũng thế chức cha làm Khanh-si nơi triều nhà Châu.

Khương-thị thấy Cung-thúc-Đoạn chẳng được quyền hành gi, một hôm nói với Trịnh-trang-Công :

— Con được nối nghiệp cha làm Chúa nước Trịnh, đất rộng mấy trăm dặm ngoài mà đê em con quản thủ một chỗ đất nhỏ như vậy, con hài lòng sao ?

Trịnh-trang-Công hỏi :

— Ý Mẫu-hậu dạy thế nào xin cho con biết ?

Khương-thị nói :

— Nếu quả con trọng tình ruột thịt thì việc gì không cắt đất Chè-apse phong cho em ?

Trang-Công thưa :

— Chè-apse là nơi hiềm địa Tiên-vương đã có lời di chúc, không nên đem phong cho ai. Trừ chỗ ấy ra, Mẫu hậu muốn chỗ nào con cũng xin vâng lời :

Khương-thị nói :

— Nếu vậy con phong cho Đoạn đất Kinh-thành.

Trịnh-trang-Công làm thỉnh không nói. Khương-thị giận :

— Nếu vậy thì tốt hơn con nên đuổi em ra khỏi nước đê kiểm chỗ dung thân.

Trịnh-trang-Công bùi ngùi nhìn mẹ, nói :

— Thưa mẫu hậu, con đâu dám làm như vậy.

Hôm sau, Trịnh-trang-Công cho đài Cung-thúc-Đoạn vào thành phong đất Kinh-thành. Quan Đại-phu Tề-Túc can :

— Kinh-thành đất rộng dân đông chẳng kém gì Vinh-Dương, nếu đem phong cho Cung-thúc-Đoạnắt sanh hậu hoạn.

Trịnh-trang-Công nói :

— Lệnh của mẹ ta làm sao ta dám cãi.

Cung-thúc-Đoạn được phong đất Kinh-thành liền bái tạ lui ra, vào cung từ biệt Khương-thị đè di nhậm chức. Khương-thị đuổi hết kẻ tả hữu ta, rồi nói nhỏ với Thúc-Đoạn :

— Anh con không nghĩ tinh cốt nhục, bạc đãi con đã lâu. Hôm nay sở dĩ con được phong đất Kinh-thành là nhờ có mẹ nài nỉ lâm mới được. Nay con đến Kinh thành phải lo luyện tập binh mã, dự bị lương thảo cho sẵn, lúc nào có cơ hội mẹ sẽ tin cho con hay, đè kéo binh về đánh lấy nước Trịnh. Mẹ làm nội ứng thì cái ngôi của Ngộ-Sanh sẽ về tay con không khó.

Thúc-Đoạn lãnh mạng từ giã qua Kinh-thành, ngày đêm luyện tập binh mã, tích thảo đồn lương chờ cơ hội khởi sự.

Việc này thấu đến tai Trịnh-trang-Công, nhưng Trịnh-trang-Công vẫn không nói.

Công-tử Lữ thấy thế nói với Trang-Công :

— Thái-thúc-Đoạn ý bên trong có mẫu hậu yêu vi, bên ngoài có đất Kinh-thành là nơi hiểm yếu, luyện binh mã mưu chiếm giang sơn nước Trịnh, xin Chúa công cho tôi đem quân đến đó bắt Đoạn đem về trị tội.

— Thái-Thúc tuy vô đạo, song tội lỗi chưa rõ ràng nếu giết đi không khỏi đau lòng mẹ ta. Hơn nữa trong tình ruột thịt, ta không khỏi mang tiếng bất hiếu, bất nghĩa.

Công-tử Lữ thán :

— Tình ruột thịt nhiều lúc làm cho người ta không thể quyết đoán được việc lớn. Nếu Chúa-công trọng tình ruột thịt thì không tránh khỏi tai vạ.

Trịnh-trang-Công nói :

— Nếu Thúc-Đoạn đã có âm mưu tạo phản thì hành động mỗi ngày một rõ ràng hơn. Tôi lỗi đã rõ thi đấu ta có trừng trị bằng cách nào mẹ ta cũng không thể trách ta bất nhân, bất nghĩa được.

Công-tử Lữ cùi đấu, nói :

— Kiến thức Chúa-công rất cao siêu, tôi không thể sánh kịp. Chỉ e thế lực của Thúc-Đoạn mỗi ngày một mạnh trưởng thêm, chúng ta sau này khó trừ được.

Trịnh-trang-Công trầm ngâm hỏi :

— Thế thi bấy giờ phải làm cách nào để mẹ ta khỏi oán trách ta vô đạo ?

Công-tử Lữ nói :

— Đã lâu, Chúa-công vì lo việc Thúc-Đoạn không vào chầu vua nhà Châu. Nay nhân dịp này, Chúa-công giả cách vào chầu vua nhà Châu để Thúc-Đoạn ngờ thật đem quân đến đây tạo loạn. Tôi xin đem quân phục sẵn ở đất Kinh-thành, đợi Thúc-Đoạn kéo quân, đi lên vào chiếm giữ. Còn Chúa-công cũng đem một đạo quân theo đường tắt đánh áp lại, Thúc-Đoạn dù có cánh bay lên trời cũng không thể trốn thoát được.

Trịnh-trang-Công cho là kẻ hay. Hôm sau tuyên bố với triều thần giao cho Tế-Túc coi việc triều chính rồi sửa soạn vào chầu vua nhà Châu.

Khương-thị hay được tin ấy mừng làm, viết mật thư sai người tẩm phúc đem đến Kinh-thành trao cho Thúc-Đoạn, trong thư ước hẹn nội trong trung tuần tháng ấy phải đem binh về chiếm đoạt nước Trịnh.

Công tử Lữ biết trước sai người phục nỗi yếu lộ, quả nhiên bắt được người đem thư ấy. Công-tử Lữ liền giết quách người đem thư rồi mang thư về trao cho Trịnh-trang-Công ? Trịnh-trang-Công rất đau lòng nhưng không thể vì tinh máu mù mà dung tha kẻ phản nghịch bèn phong bức thư ấy lại như cũ, rồi sai người tẩm phúc của mình đem đến Kinh-thành trao cho Thúc-Đoạn.

Được thư Thúc-Đoạn hẹn ngày động binh, và dặn Khương-thị đến ngày ấy dựng trong thành một cây đại kỳ để biết chỗ tiếp ứng.

Đến ngày ấy, Trịnh-trang-Công ngâm đóng quân ở Lâm-Giêng còn Công-tử Lữ ngầm kéo quân đến Kinh-thành. Bởi vậy Thúc-Đoạn kéo quân ra khỏi thành chưa được bao lâu thì Công tử Lữ đã chiếm mất Kinh-thành, nồi lửa dốt cà dinh trại, khói bốc nghiệt trời. Thúc-Đoạn biết có biến, đem quân trở lại cứu ứng, chẳng ngờ bị Trịnh-trang-Công kéo quân đến tiêu diệt. Thúc-Đoạn không còn ngả nào chạy nữa, phải đem tàn quân đến Cung-thành là chỗ đất được phong trước kia để cõi thù. Nhưng Cung-thành chỉ là một ấp nhỏ, làm sao cự lại với quân triều, nên chẳng bao lâu thành bị phá.

Thúc-Đoạn ngược mặt lên trời than :

— Mẹ ta đã gạt ta, ta còn mặt mũi nào trông thấy anh ta nữa. Nói rồi rút gươm tự vận.

Trịnh-trang-Công thấy trong mình Thúc - Đoạn lúc chét còn giữ phong thư của Khương-thị, nên tức giận gởi trả thư ấy về cho mẹ mình, và cầm viết đè vào đó một câu thề rất độc :

« Nếu không phải là chốn cùu tuyễn, từ nay mẹ con sẽ vĩnh viễn không thấy mặt nhau. »

Phong thư về đến Kinh-dô, Khương-thị mở ra xem, lòng thẹn thùng quá sức, liệu mình chẳng còn mặt mũi nào thấy mặt con nữa nên lia khai cung, tránh mặt ra ở nơi đất Dinh.

Trịnh-trang-Công về đến cung không thấy nê đâu, lòng buồn bã nghĩ thầm :

« Ta đã ép lòng làm hại một đứa em, nay còn nỡ nào lia mẹ ? Nhưng lời thề đã tö, còn biết làm sao ? »

Dinh-khảo-Thúc là quan trấn ở Dinh ấp, có lòng hiếu thảo vô cùng, nghe Trịnh-trang Công có lời thề từ bỏ người mẹ, trong lòng bát mản thường nói với mọi người :

— Dù mẹ có lỗi đến đâu, con cũng không nên bắt hiếu Chúa-công làm như thế thật trái đạo.

Mấy hôm sau, Dinh-khảo-Thúc nghĩ ra một kế để răn vua liền bắt mấy con chim cú đem vào dâng cho Trịnh-trang Công.

Trịnh-trang-Công hỏi :

— Chim gì vậy ?

Khảo-Thúc tâu :

— Đây là giống chim cú. Giống chim này ban ngày dấu một vật to bằng trái núi vẫn không thấy,

nhung ban đêm thi dầu vật nhò bằng sợi tóc cũng thấy rõ. Ấy là giống vật chi thấy cái nhò mà không thấy cái lớn. Hơn nữa, lúc còn nhỏ, chim mẹ kiếm mồi cho ăn, đến lúc lớn lên, nó không biết gì đến chim mẹ nữa, thật là giống chim bát hiếu nên bắt nó làm thịt ăn.

Trịnh-trang-Công nghe nói ngồi lặng thinh. Chợt lúc đó có người đem thịt dê đến dâng cho vua nhâm rượu. Trịnh-trang-Công cắt một miếng ban cho Khảo-Thúc, Khảo-Thúc liền chọn một chỗ thịt ngon nhất, cắt gói lại thành một gói, cắt vào túi áo.

Trịnh-trang-Công lấy làm là hỏi :

— Khanh đè dành làm chi vậy ?

Khảo-Thúc tâu :

— Mẹ tôi đã già mà nhà lại nghèo khổ, ít bao giờ được ăn miếng ngon vật lạ. Nay được Chúa-công ban thường nếu không đè dành cho mẹ tôi làm sao tôi ăn ngon được ?

Trịnh-trang-Công nói :

— Người thật là kẻ chi hiếu. Tiếc rằng trẫm không thể bằng người được.

Khảo-Thúc giả bộ ngờ ngác, hỏi :

— Quốc mẫu vẫn được mạnh giỏi, có sao Chúa-công lại tỏ ý buồn bã ?

Trịnh-trang-Công đem câu chuyện Thúc-Đoạn nói lại với Khảo-Thúc và hỏi tiếc vì mình bị mắc lời thề không sao gǎn mẹ được.

Khảo-Thúc nghe xong, buồn bã, tâu :

— Thúc-Đoạn đã mất, tình cốt nhục chia lìa, nay chỉ còn Quốc-mẫu mà Chúa-công bỏ bẽ phụng

dưỡng e lối đạo làm con. Nếu Chúa-công lỡ lời thề, tôi xin dâng một kế có thể phụng dưỡng mẹ mà khỏi phạm lời thề đó.

Trịnh-trang-Công mừng rõ hỏi :

— Người có kế gì hãy giúp trẫm.

Khảo-Thúc nói :

— Chúa - công thề rằng lúc nào xuống chốn hoàng tuyển mới trông thấy mẹ, vậy thi Chúa-công truyền đào một cái suối sâu đến tận mạch nước, làm một cái nhà ở dưới hầm, coi đó là hoàng tuyển rước Quốc-mẫu đến đó. Hai mẹ con sẽ cõi mờ nỗi lòng, không phạm lời thề gì cả.

Trịnh-trang-Công yết, sai Khảo-Thúc đem năm trăm trắng dân đến Khúc-vị đào một cái hầm dưới núi Nguu-Kỳ, cất một ngôi nhà gác trên mặt nước, rồi rước Khương-thị đến ở đó.

Công việc hoàn thành, Trịnh-trang-Công đến đó gặp mẹ, sụt sùi lấy mấy lạy và nói :

— Ngộ-Sanh này bắt hiếu, xin mẫu hậu dung tha

Khương-thị buồn vui lẫn lộn, úa nước mắt nói :

— Đó là lỗi của mẹ, con có tội gì...

Hai mẹ con ôm nhau khóc sướt mướt.

Nhận xét :

Khương-thị là một người dàn bà tầm thường, nuôi trong lòng một tình thương hẹp hòi. Cùng là con thê mà đứa thương đứa ghét. Hình ảnh Ngộ-Sanh và Thúc-Đoạn cho chúng ta thấy rõ trong gia đình có con yêu con ghét. Đời nay cũng vậy, chẳng



TRỊNH-TRANG-CÔNG GẶT LÚA ÔN ÁP

Có những việc nhỏ cần phải bỏ qua để bảo vệ việc lớn. Có những cái tíc nhỏ cần phải nhân nhượng để khỏi mang cái hận lớn về sau.

Trịnh-trang-Công làm Khanh-si triều nhà Châu, nhân vì trong nước có biến không thể sang triều Châu bình chánh được.

Châu-bình-Vương không thấy Trịnh-trang-Công đến, nhân lúc Quách Công Kỵ-Phủ vào chầu, ý muốn nhờ Quách-Công Kỵ-Phủ quyền đỡ công việc triều đình Quách-Công Kỵ Phủ từ chối không nhận, tàu :

— Trịnh-trang Công không đến át trong nước có việc, nếu bệ hạ dạy hạ thần quyền thế. Trịnh-trang-Công không những oán Bệ-hạ mà còn cản hạ thần nữa. Hạ thần chẳng dám vâng mạng

Trịnh-trang-Công tuy không qua triều Châu nhưng vẫn có người ở Kinh-sư dò la tin tức. Thấy Châu-Bình-Vương có ý như vậy, Trịnh-trang-Công liền sửa sang xa giá đến ra mắt Châu-bình-Vương và tàu :

— Hạ thần đội ơn bệ hạ, cha truyền con nối đã hai đời làm Khanh-si, nay xét mình bất tài, xin từ chức lui về Trịnh để giữ chức hầu.

Châu-Bình-Vương cố thanh minh ý kiến của mình muốn nhờ Châu-Công Kỵ-Phủ quyền đỡ mà thôi, không có ý truất bỏ Trịnh-trang-Công. Tuy

nhiên Trịnh-trang-Công vẫn không thông cảm. Sau đó, Châu-Bình-Vương phải cho Thái-tử Hồ sang Trịnh làm con tin để cho Trịnh-trang-Công thấy lòng mình mà không nghi kỵ nữa.

Sau đó, Bình-Vương băng hà, vua Hoàn-Vương lên nối ngôi, nghĩ đến việc Trịnh-trang-Công bắt Thái-tử Hồ sang làm con tin lấy làm giận, tìm cách truất phế Trịnh-trang-Công.

Trịnh-trang-Công về nước Trịnh, kè việc mình bị Hoàn-Vương nhà Châu bạc đãi cho triều thần nghe.

Quan Đại-khu Cao-Cù-Di nói :

— Chúa công từ trước đến nay đã hai đời giúp nhà Châu công trạng rất lớn. Còn Thái-tử Hồ sang ở nước ta, chúng ta không có gì vò lè, nay vua nhà Châu lại bỏ Chúa-công dùng Quách-Công Ký-Phù, thì thật là kè bát nghĩa. Xin Chúa-công ra binh đánh nhà Châu, phế Hoàn-Vương mà lập vua khác, như thế các chư hầu mới kính nè nước Trịnh.

Dinh-khảo-Túc nói :

— Không nên thế. Đạo vua tôi như tinh mẹ con. Chúa-công đã không thù mẹ sao lại thù Chúa? Chúa-công nên kiên nhẫn, chờ vua Hoàn-Vương ăn năn hối cải mà trọng dụng, dùng nóng này mà mực khí tiết mấy đời nhà Trịnh.

Tế-Túc bàn :

— Cả hai ý kiến đều có lý. Vậy tôi có một cách dung hòa hơn. Chúng ta cẩn dò xét thái độ vua Hoàn-Vương xem có phải là người biết ăn năn hối cải không đã. Nay đem một đạo quân sang đất nhà Châu lấy cớ mất mùa, mượn lúa ở Ôn-ap.

Nếu nhà Châu trách phạt ta sẽ sanh sự, bằng không, Chúa-công phải thân hành vào triều can gián vua Hoàn-Vương.

Trịnh-trang-Công cho là phải, bèn sai Tế-Túc cắt quân kéo đến Ôn-ấp.

Quan giữ Ôn-ấp là Ôn Đại-phu thấy thế la hoảng :

— Sao ngài lại làm ngang như thế? Chưa có lệnh Hoàn-Vương tôi không thè nào cho mượn lúa được.

Tế-Túc nói :

— Hiện nay ở đây lúa mạch đang chín, còn nước tôi thiếu lúa ăn, nếu không cho mượn tôi cứ tự tiện gặt lấy.

Nói xong khiến quân đem liềm xuống ruộng mà gặt. Ôn Đại-Phu thấy quân Trịnh mạnh quá, không dám ngăn cản, vội chạy về Lạc-Dương cấp bão.

Hoàn-Vương nổi giận định hưng binh đánh Trịnh, nhưng Châu-Công Hắc-Kiên can :

— Tế-Túc gặt lúa trộm chỉ là việc nhỏ ở biên định. Bệ hạ không nên vì việc nhỏ mà bỏ việc lớn. Xin cứ lấy đại lượng đối xử, Trịnh-trang-Công sẽ ăn năn cải hối.

Châu Hoàn-Vương nhận lời, bỏ qua việc ấy.

Quả nhiên, Trịnh-trang-Công có ý ăn năn, không còn hiềm khích Hoàn-Vương nữa, và phục tùng nhà Châu như trước.

Nhận xét

Trịnh-trang-Công gặt lúa nhà Châu ở Ôn-ấp chỉ là chuyện khiêu khích đe gây hấn, nhà Châu không lấy thế làm giận hờn, bỏ qua câu chuyện làm cho Trịnh-trang-Công phải hối cải.

Ở đời không phải lúc nào thấy ai làm sai cũng giận hờn. Một nhà chánh trị lỗi lạc bao giờ cũng thấy được cái hại xa hơn là cái hại trước mắt. Một nhà đạo đức gia bao giờ cũng lấy việc khoan dung chinh phục lòng người. Hành động vua Hoàn-Vương đúng với một chánh trị gia mà cũng đúng với một đạo đức gia đó.

Thời nay, nhiều người vì khi tiết hẹp hòi không chịu nổi những cái tức giận nhỏ nhói trước mắt, làm cho việc lớn phải hư. Cái tức giận nhất thời chỉ là bản năng của vật chất, còn cái nhẫn nhục mới chính là khả năng của phân lý trí.

Người có lý trí không bị ai khiêu khích mà làm, họ chỉ làm những việc do trí xét đoán lợi hại của họ. Những kẻ ngông cuồng, nóng nảy thường bị những người điêu ngoa khiêu khích để lợi dụng. Tâm gươong Trịnh-trang-Công gặt lúa nhà Châu tuy không có gì sảng chói lâm, nhưng cũng phản chiếu được vào linh vực giáo dục đối với những ai nóng nỗi hành động không suy xét lợi hại. Nhất là những kẻ đang nắm trọn quyền, nếu chỉ làm theo cái bản năng nhỏ nhen của mình thì không thè nào tránh khỏi bàn tay lợi dụng của những kẻ điêu ngoa nhám vào nhược điểm ấy khai thác.

Đứng về phương diện giáo dục, kẻ có trọng quyền muốn giác ngộ một kẻ dưới tay bao giờ cũng phải dùng phương pháp khoan dung hơn là trừng trị. Đứng về phương diện chánh trị không ai hành động vì tuc giận bao giờ.



X VI NGHĨA,
THẠCH-THÁC GIẾT CON

TÌM SẮC

Mất con, chỉ có một người cha bị
đau khổ. Mất nước, cả một dân tộc bị
nhục nhã, đau đớn. Thủ mất con hơn
mất nước.

Vệ-Trang-Công lấy một cung nữ sanh ra công-tử Chu-Hu.

Chu-Hu tính hung bạo nhưng Vệ-Trang-Công rất quý mến. Do đó, Chu-Hu mỗi ngày một lộng hành, bắt chấp việc giáo huấn. Quan Đại-phu Thạch-Thác thấy thế đã nhiều lần khuyên Vệ-Trang-Công:

— Chúa-công nên tìm cách trấn áp Công-tử kèo sau này khó tránh tai vạ.

Còn Thạch-Thác lại cũng có một đứa con tên Thạch-Hậu, thường giao du với Chu-Hu, rủ nhau săn bắn, luyện tập võ nghệ, làm lâm điệu nhiều hại dân chúng. Thạch-Thác nỗi giận nhiều lần đánh đập khuyên răn, Thạch-Hậu đã không nghe lại bỏ nhà vào nội thành ở luôn với Chu-Hu, làm cho

Thạch-Thác phải bỏ tay trước đúra con ngỗ nghịch đó.

Sau Vệ-Trang-Công mất, Vệ-Hoàn-Công lên nối ngôi. Vệ Hoàn-Công như nhược không làm gì nên việc lớn. Bấy giờ Chu-Hu không còn kiêng nè ai nữa, bàn với Thạch-Hậu mưu việc tiếm ngôi.

Nhân dịp vua Bình Vương nhà Châu mất, Vệ-Hoàn-Công sắp sửa đi diễu tang, Chu-Hu hỏi ý kiến Thạch-Hậu.

Thạch-Hậu nói :

— Đó là dịp tốt. Ngày mai công tử bày tiệc rượu tiền hành đưa Chúa-công đi. Tôi sẽ cho cuan sĩ mai phục ở phòng tiệc. Lúc đang ăn uống, Công-tử rút gươm ra hạ sát Chúa-công đi thì lo gì không đoạt được ngôi báu.

Chu-Hu mừng rỡ làm y kế.

Sáng hôm sau, Chu-Hu bày tiệc ở Công-quán rồi mời Vệ-Hoàn-Công đến dự. Chu-Hu nâng ly rượu nói :

— Nay huynh hầu đi xa, em xin có ly rượu tiền hành.

Vệ-Hoàn-Công nói :

— Hiền đệ quá nhọc lòng. Chẳng qua ta đi vắng độ một tháng trời, nhờ hiền đệ ở nhà coi việc quốc chính cho chu tất là tốt rồi.

Hai người nâng ly vui vẻ. Được một lúc Chu-Hu già say, làm rơi ly rượu xuống đất, rồi cuộn xuống lượm ly đi rửa. Vệ-Hoàn-Công không ngờ bị Chu-Hu lén ra phía sau lưng rút gươm đâm một nhát bỏ mạng.

Lúc đó Thạch-Hậu dẫn năm trăm quân giáp kỵ vây chặt Công-quán, nên không ai dám trái lệnh.

Giết Vệ-Hoàn-Công xong, Chu-Hu lên kế vị, phong cho Thạch-Hậu làm Thượng Đại-phu.

Vừa lên ngôi được ba ngày, Chu-Hu nghe dân

chúng bàn tán về việc mình giết vua, nên bức túc kêu Thạch-Hậu, nói :

— Nay ta mới túc vị oai quyền trong thiên hạ chưa được bao nhiêu. Muốn cho các nước nè vì thi phải làm sao ?

Thạch-Hậu nói :

— Muốn cho dân phục phải bắt những kẻ được dàn tin tưởng phục mình trước đã. Cha tôi trước kia làm Thượng Khanh ai cũng mến đức, nay xin Chúa-công triệu cha tôi vào phụ chính thi ngôi báu ắt vững.

Chu-Hu nghe theo lời, khiến người đem một cặp bạch bích và năm trăm hộc gạo trắng đến cầu Thạch-Thác vào chầu đè nghị việc.

Thạch-Thác giả đau, từ chối không nhận. Chu-Hu hỏi Thạch-Hậu :

— Cha của khanh không chịu vào chầu, ý ta muốn đến đó đè hỏi kế, có nên chăng ?

Thạch Hậu trả :

— Chúa-công đến đó vị tất đã được gặp mặt, đè tôi lấy lệnh vua mà triệu cha tôi đến thì hơn.

Nói rồi trở về nhà vào tò với Thạch-Thác việc kính mến của Chu-Hu. Thạch-Thác hỏi :

— Tân quân muốn triệu cha vào triều làm chi ?

Thạch Hậu thưa :

— Vì lòng dân trong nước chưa phục, Tân quân sợ ngôi báu không vững nên muốn nhờ phụ thân chỉ giáo.

Thạch-Thác nói :

Mỗi chư hầu lên ngôi phải có lệnh vua mới chính đáng, nay tân quân muốn được mọi người tùng phục, thì phải vào chầu vua nhà Châu, khi

vua nhà Châu chấp thuận, ban áo mũ thi người trong nước sẽ vâng mạng.

Thạch-Hậu nói :

— Lời phụ thân dạy rất phải, song vô cớ vào châu nhà Châu e bị nghi ngờ. Vậy phải có người đến đó tâu trình trước thì mới xong.

Thạch-Thác nói :

— Việc đó không khó khăn gì. Trần-hầu là một người đang được vua nhà Châu yêu chuộng, lâu nay chưa hề bỏ phế lê triều sinh nào, hơn nữa vừa rồi, Trần lại đem binh giúp Vệ đánh Trịnh, thì tình giao hảo giữa Vệ và Trần rất mật thiết. Tân quân cứ sang nước Trần nhờ Trần-hầu vào tâu trước với nhà Châu, rồi tân quân sẽ vào yết kiến.

Thạch-Hậu trở về nói lại với Chu-Hu. Chu-Hu mừng lắm, vội vã sắm lễ vật và hành trang, rồi cùng Thạch-Hậu lên đường sang nước Trần.

Nào ngờ đó là mưu của Thạch-Thác. Khi Thạch-Hậu và Chu-Hu qua Trần đều bị Trần-hầu bắt giữ lại do một bức thư mật của Thạch-Thác gởi đến.

Vua nước Trần bắt Chu-Hu nhốt tại Bộc áp và Thạch-Hậu tại Trần-dò để khỏi liên lạc với nhau, đoạn cho người sang nước Vệ báo tin cho Thạch-Thác biết.

Thạch-Thác từ khi cáo quan dường lão không đi đâu nửa bước, nay được thư nước Trần vội vã vào triều thương nghị.

Lúc đó bá quan đủ mặt, Thạch-Thác mở thư ra đọc mới biết Chu Hu và Thạch-Hậu bị bắt, chỉ còn đợi người sang Trần quyết định mà thôi.

Các quan đều nói :

— Đây là việc lớn của quốc gia, chúng tôi
một lòng trông cậy vào ý kiến của ngài cả.

Thạch-Thác nói :

— Hai đứa phản loạn này không thể nào
dung thứ được, tội đáng chém đầu. Vậy ai có
thể vì nước mà can đáng việc này.

Quan Thái-tề Xú bước ra thưa:

— Kẻ loạn tặc ấy ai cũng có thể giết được.
Tôi tuy phận hèn song cũng lấy làm ức, xin cứ
giao việc ấy cho tôi.

Các quan đều đồng thanh nói :

— Phải, việc ấy mà giao cho quan Thái-tề thì
phải làm. Nhưng xét ra Chu-Hu mới là chính
phạm, còn Thạch-Hậu là kẻ a tùng, cũng nên
châm chích.

Thạch-Thác nghe nói nồi giận hét :

— Chu-Hu phản nghịch chính tại đứa con tôi
ma ra. Nay các quan nghị như thế là nghi tôi có
tình riêng với nó hay sao? Thôi, tôi phải thân
hành đến đó để chém đứa loạn thần ấy, thì mới
dám nhìn vào lăng miếu của tiền nhân tôi.

Nhụ-Dương-Kiên nói :

— Thôi, thôi, xin lão quan chờ giận, dè tôi
đi thay cho

Thạch-Thác liền sai Thái-tề Xú qua Bộc-áp mà
chém Chu-Hu, còn Nhụ-Dương-Kiên thì sang Trần-
đô chém Thạch-Hậu.

Lại sai người sắm xe giả sang nước Hình
rước công tử Tân về.

Thái-tè Xú và Nhụ-Dương-Kiên qua đến nước Trần vào ra mắt Trần-Hoàn-Công đè thi hành sứ mạng mình. Khi Thái-tè Xú đến Bộc-ấp truyền quân dẫn Chu-Hu đến. Chu-Hu trông thấy Thái-tè Xú kêu lớn :

— Có phải ngươi đến đây đè cứu ta chăng ?

Thái-tè Xú lắc đầu đáp ;

— Không phải đè cứu mà đè giết.

Chu-Hu trợn mắt, hỏi :

— Người làm tôi của ta sao dám phạm đến ta ?

Thái-tè Xú mím cười đáp :

— Nước Vệ trước kia có người bě tôi mà dám giết vua, vì vậy hôm nay ta bắt chước.

Nói xong truyền quân chém đầu.

Còn Nhụ-Dương-Kiên khi đến Trần - đô cũng đem Thạch-Hậu ra chém. Thạch-Hậu nói :

— Muốn chém ta cũng được, song phải đưa ta về nước đè ta trông thấy mặt phụ thân ta đã.

Nhụ-Dương-Kiên nói :

— Ta vâng lệnh phụ thân của ngươi đến đây giám sát. Nếu muốn thấy mặt cha ngươi thì đè ta chém xong xách đầu về nước Vệ đè ngươi được gặp mặt.

Nói xong vung gươm chém quách.

Nhận xét :

Không có gì nặng bằng tình cha con Thạch-Thác
dám giết con đè bảo vệ cho giang sơn xứ sở thì Thạch-
Thác đứng vào hàng tôi trung của nước Vệ rồi.

Thạch-Thác giết con cừu nước chỉ một mình Thạch-Thác đau khổ nhưng đem lại vinh quang hạnh phúc cho muôn dân, như vậy Thạch-Thác hy sinh tình cha con không thè gọi là bất nhân. Đã là một trung thần lo cho giang sơn tờ quốc dì nhiên phải đặt quyền lợi tờ quốc lên trên quyền lợi gia đình.

Mỗi con, chỉ có một người cha đau khổ. Mỗi nước toàn dân bị đau đớn

Đời nay, thiêng gì kẻ có địa vị lôi kéo cả gia đình thân tộc mình vào để chia xôi chia thịt, làm hại nước hại non, họ cốt vơ vét cho đầy túi tham của họ, còn quyền lợi tờ quốc giang sơn họ không bao giờ nghĩ đến. Tâm grong Thạch-Thác giết con đáng làm cho những ai là kẻ tham quyền cõi soi chung vây.

Ngoài ra, còn có nhiều người vì tình riêng che dấu những tệ hại của người thân thuộc, mặc dẫu hành động của họ rất có hại cho tiền đồ tờ quốc. Những kẻ xem tình riêng nặng hơn tình nước, kẻ ấy chưa đáng mặt tham gia vào công cuộc cứu quốc.

Thời nào cũng vậy, ít kẻ dám hy sinh tình riêng của mình để bảo vệ tình chung dân tộc.





HOA - ĐÓC GIẾT KHÔNG-PHỤ-GIA

— Người chẳng bao giờ cõng muôn
cõi vợ đẹp, nhưng vợ đẹp nhiều khi
không phải là hạnh phúc mà là một
tai họa.

— Người chẳng có vợ đẹp chẳng
khác một kẻ lũ-hành mang theo người
một bảo vật. Đã bận tâm chăm sóc
mà nêu gấp kẻ bất lương còn có thể
bị thiếp mang.

Tống Tương-Công lên ngôi thường hay đem
quảu đánh Trịnh, làm cho hao người tốn của, dân
gian khổ cực.

Không-phụ-Gia làm chức Tư-mã, binh quyển
trong tay, nói gì Tống Tương Công cũng nghe cả.

Bấy giờ triều Tống có Hoa-Đốc làm chức Thái-
tề, thấy Không-phụ-Gia nắm trọn binh quyển
cũng không dám nói gì.

Nhân lúc Không-phụ-Gia đi đánh nước Đái bị
thua to trốn chạy về. Hoa-Đốc cho người len lỏi
trong dân chúng phao tin đồn Không-phụ-Gia chuyên
quyền ép vua gieo binh biến, gieo khò nhọc cho
nhân dân.

Hoa-Đốc lại nghe tin đồn nàng Ngụy-thị
ái thiếp của Không-phụ-Gia nhan sắc tuyệt trần,
nên lòng rạo rực, muốn được trông thấy nét hoa.

Một hôm vào tiết thanh minh, Ngụy-thị đi tảo mộ, Hoa - Đốc tình cờ trông thấy, lòng mê mẫn, chân bước không dành, nghĩ thầm :

— Người đâu mà đẹp đến thế ? Tiếng người đồn thực chẳng sai !

Từ đó Hoa-Đốc đem lòng bâi chánh, mơ ước lấy vợ người làm vợ mình và quyết không để Ngụy-thị nằm mãi trong tay Không-phụ-Gia.

Một hôm, Không-phụ-Gia đi duyệt binh, Hoa-Đốc cho người lén trà trộn vào trong quân sĩ phao tin rằng :

— Không-phụ-Gia sắp đem quân đi đánh Trịnh.

Quân sĩ nhớ đến cảnh lửa binh tang tóc, ai nấy đều sợ sệt, rủ nhau đến dinh Hoa-Đốc yêu cầu tàu với vua bâi việc chinh chiến.

Hoa - Đốc cho người phù dụ, bảo quân sĩ trở về, nhưng quân sĩ tập họp mỗi lúc một đông hơn.

Bấy giờ Hoa - Đốc biết lòng dân đã nung sôi liền mặc áo mang gươm ra cửa nói :

— Không-phụ-Gia cậy quyền, ép Chúa-công gây việc binh đao, làm cho quân sĩ chết oan, dân tình diêu đứng, trước hoàn cảnh này tôi rất đau lòng, nhưng không thể nào ngăn cản được.

Quân sĩ như lửa cháy chẽ dầu thêm, ai nấy nhao nhao lên. Hoa-Đốc già cách khuyên :

— Thôi, các ngươi trở về kéo Chúa-công hay được thi tội của ta không tránh khỏi.

Quân sĩ nhao nhao nói :

— Thưa ngài, sau mấy năm chinh chiến, anh em họ hàng chúng tôi đã chết quá nhiều. Thế mà hiện

giờ chúng tôi lại còn đem thân đi chết nữa. Vậy chúng tôi xin theo ngài giết tên giặc nước ấy đi, đâu có chết cũng được thỏa lòng hơn.

Hoa-Đốc lại nói :

— Muốn ném chết một con chuột, chúng ta phải kiêng tránh những vật báu của chúng ta chứ ? Nay Không-phụ Gia là tôi thương yêu của Chúa-công, thì đâu tàn ác thế nào cũng không nên giết.

Quân sĩ nói lớn :

— Xin ngài hãy đứng ra trừ đứa bất nhân vô đạo ấy. Chúng tôi nguyện theo ngài hết.

Nói xong, quân sĩ xúm nhau kéo Hoa-Đốc lên xe, tiến đến dinh Không-phụ-Gia vây kín bốn bề.

Lúc bấy giờ trời đã tối xầm, Không-phụ-Gia đang ngồi uống rượu trong tư dinh, bỗng nghe có tiếng gõ cửa liền sai người bước ra hỏi :

— Việc gì vậy ?

Hoa-Đốc không đáp, xô cửa bước vào. Quân sĩ cũng đua nhau ồ ạt kéo vào một lượt.

Không-phụ-Gia thắt kinh chưa kịp chạy trốn thì Hoa-Đốc đã nhảy xô đến hét lớn :

— Đè làm gì thẳng giặc hại dân hại nước đó.

Không-phụ-Gia chưa kịp trả lời thì đầu đã rơi xuống đất. Hoa-Đốc cho người vào trong bắt Nguy-thị đem ra dẫu vào xe chờ về nhà.

Nhận xét :

— Không-phụ-Gia chỉ vì có cô vợ đẹp mà hại đến thân. Xưa nay biết bao người có vợ đẹp mang lấy thảm họa. Vợ đẹp nếu không dung sắc đẹp tác yêu

tắc quát với chồng thì cũng bị người ngoài dòm ngó, dè ý. Thế thì vợ đẹp chắc gì đã đem hạnh phúc lại cho chồng, mà thế gian ai cũng muốn mình có vợ đẹp ?

Người đàn bà đẹp chẳng khác một đóa hoa trước muôn ngàn ong bướm, làm sao tránh khỏi lời ong lưỡi én. Trời dành riêng cho người đàn bà nào đó có một sắc đẹp thì người đó chính là trời cũng dành riêng cho một mối tâm. Khô tâm vì phải chông ché với bao nhiêu cùi chi bát chinh của những kẻ hao sắc để giữ lấy danh thanh danh. Người có sắc đẹp là được một phần thường mà cũng đồng thời bị một mối nơ gán trên mình.

Người có sắc đẹp chân chính biết hãnh diện với đời thì cũng phải biết đề phòng mối hiềm họa của sắc đẹp mình.

Tội nghiệp nhất là những ông chồng có vợ đẹp, tuy được hưởng một nguồn tinh thần, nhưng đêm ngày norm nớp lo lắng. Người ta vì người chồng có vợ đẹp chẳng khác một kẻ từ hành mang trong mình một bau vật, đã mất công chăm sóc, mà nếu gặp kẻ bất lương còn phải bị thiệt thắn như trường hợp Không-phụ-Gia vậy.

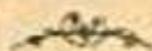
Đời nay cũng thế, người có vợ đẹp bên ngoài ai thấy cũng thêm muôn cái địa vị làm chàng của họ, nhưng thực tế bên trong các ông chồng có vợ đẹp chắc gì đã có mấy người hưởng được hạnh-phúc ?

— Hoa-Đốc là kẻ hảo sắc, nhưng cũng là một tay già giialect về chính trị. Chính Hoa-Đốc đã dùng lời binh vận để đạt lấy thành công. Phương pháp binh vận, dân vận hiện nay trên trường đấu tranh chính trị, người ta cũng áp dụng rất nhiều và rất có kết quả.

Một tướng tài, không được quân binh mến phục thì tướng tài ấy cũng sẽ vô dụng. Một ông vua không được dân yêu, ông vua ấy sẽ phải mất nước. Căn cứ theo đó muốn giành nước trước phải chiếm lòng dân, muốn thắng trận trước phải mua lòng binh sĩ.

Ở nước Việt-nam ta xưa kia Trần-Hưng-Đạo đánh quân Nguyên, mở hội nghị Diên-Hồng, triệu tập các bộ lão để quyết định chống giặc, đó cũng là phương pháp dân vận. Nguyễn-Trãi đánh quân Ngô làm bài Bình-Ngô Đại-Cáo kề tội quân giặc làm nức lòng binh sĩ, đó cũng là một lối binh vận.

Tâm gươong thời xưa đã có rất nhiều trong trường đấu tranh chính trị, thế mà thời nay có nhiều kẻ lên nắm chính quyền chỉ biết tre truá lấy bản thân, cũng có địa vị lo việc vinh thân phì gia, ngoài ra không hiểu gì về chiến thuật chính trị cả. Thế mà cũng vô ngực tự xưng mình là anh hùng cứu nước, bất thien hạ suy tôn, thật đáng buồn cười!



GÁI VĂN - KHƯƠNG

Lòng người đàn bà như một cánh cửa đóng kín mà không gài then. Hãy coi chừng!

Tề Hi-Công có hai người con gái rất xinh đẹp. Người lớn tên là Tuyên-Khương đã gả cho Vệ-hầu, còn lại người nhỏ là Văn-Khương. Nàng này mặt hoa mày liêu, nhan sắc tuyệt vời, lại thêm học hành thông thái, thi phú rất giỏi, vì thế mới gọi là nàng Văn-Khương.

Văn-Khương lại còn có người anh cùng cha khác mẹ, tức là Thế-Tử Chư-Nhi chỉ lớn hơn nàng độ vài tuổi, diện mạo phuơng phi, ra chiêu phong nhã, nhưng phải cái tánh đam mê sắc dục, từ nhỏ đến lớn Chư-Nhi và Văn-Khương thường lui tới gần gũi nhau, do đó trong tình anh em lại có ẩn thêm một mối tình huyền ái.

Tề Hi-Công vốn chiêu con, không bắt buộc giữ gìn khuông phép nên về sau sanh điều tệ hại. Khi Thế-tử Hốt đánh giặc Hắc-Nhung, Tề Hi-Công thường khen tài Trịnh Thế-tử trước mặt Văn-Khương, lại thường nhắc đến việc hôn nhân của nàng với Thế-tử Hồ. Văn-Khương lấy làm đặc ý, nhưng về sau nghe tin Thế-tử Hốt tử hôn, nàng buồn bã sanh bệnh bỏ ăn bỏ ngủ ngày đêm mè hoảng. Thế tử Chư-Nhi thường lại thăm nàng, lân la bên giường bệnh, gây thêm mối tình gian díu. Tuy nhiên, vì lúc nào cũng có quân nhân hầu hạ một bên, nên chưa đến nỗi sanh điều dâm loạn.

Một hôm vua cha vào thăm con gái, thấy thế tử Chư-Nhi đang ngồi chung giường với Văn-Khương bèn kêu ra ngoài mắng :

— Mì là anh, sao mì không biết tí hiềm vậy ?

Chư-Nhi cúi đầu làm thỉnh không đáp. Tề-Hi-Công nói :

— Từ nay mì chỉ được sai cung nhân đi thăm mà thôi, không nên lân la như vậy nữa.

Chư-Nhi bèn lén lui ra. Từ ấy chàng ít khi lui tới. Cách đó không lâu Tề Hi-Công cưới con gái của Tống-Công cho Thế-tử Chư-Nhi.

Được vợ Chư - Nhi thỏa tình tơ tóc quên làng
cuồng vọng, nên anh em càng ngày càng xa lẩn.

Văn - Khương ở nơi phòng loan vắng vẻ, lại
thêm thương nhớ Chư - Nhi, bệnh thể càng nặng
hơn nứa.

Lúc bấy giờ tại nước Lỗ, Lỗ Hoàn Công khi
nối ngôi, đã lớn tuổi mà chưa có vợ. Quan - Đại
phu Tang - tôn - Đạt tâu rằng :

— Chúa - Công nên xem việc tôn miếu là trọng
mà kiểm người làm chủ trong cung mới được. Công-
tử Vận cũng quỳ tâu :

Hạ thần trộm nghe thiên hạ đồn rằng con
gái Tề Hi-Công là Văn - Khương nhan sắc tuyệt
mỹ, trước kia muốn gả cho Thế - tử Hốt nhưng
việc không thành, nay xin Chúa - công cho người
qua đó cầu hôn át định.

Lỗ Hoàn-Công nghe theo, liền sai Công - tử
Vận qua Tề cầu hôn.

Tề Hi - Công thuận ý, nhưng lại thấy Văn -
Khương còn tại bệnh nên hẹn nán lại ít lâu.
Cung nhân hay được việc ấy thuật lại với Văn -
Khương. Nàng lấy làm mừng, lần hồi thiên bệnh.

Kịp đến lúc Tề và Lỗ hội nơi đất Tắc. Lỗ
Hoàn - Công đem chuyện cầu hôn ra bàn. Tề Hi-
Công lại một lần nữa chấp thuận và dính ước
năm sau.

Năm sau, vào năm thứ ba của Lỗ Hoàn-Công,
Công - tử Vận đem lễ vật sang Tề để rước
nàng Văn - Khương về Lỗ. Thế-tử Chư-Nhi nghe
được tin giả chước sai cung nhân đem hoa tặng
Văn - Khương, trong hoa có giấu một bài thơ :

Hoa đào đang độ hảy hót
 Đượm tinh thơ mộng những ngày xa xưa.
 Cảnh hoa hé cửa song thưa,
 Tiếc thay con bướm vẫn chưa đi về.

Văn - Khương xem thơ hiều ý đáp lại rằng :

Vườn xuân một cảnh hoa đào
 Năm nay chưa bê hẹn vào năm sau.
 Hừng hòe bêng nguyệt cảnh thưa
 Hoa xuân đâu đã phai màu thời gian.

Chư - Nhi đọc bài thơ ấy biết Văn - Khương có dạ tướng minh, lòng càng mơ mộng. Cách đó vài hôm, Công - tử Vận đem lè vật đến nước Tề, Tề Hi-Công quá thương con gái nên có ý thân hành đưa Văn - Khương sang Lỗ. Chư - Nhi biết được ý định, bèn quỳ tâu :

— Nay phụ thân ga tiện mũi cho vua Lỗ, đó là việc rất hay, hai nước càng thêm thân mật, song vua Lỗ đã không sang đón, mà phụ thân lại phải đưa đến e thất sách đi chăng. Xin phụ-thân giao việc ấy cho con thay mặt cũng được.

Tề Hi-Công nói :

— Ta đã hứa đích thân đưa Văn - Khương qua Lỗ thì nay không thể thất tín.

Nói vừa dứt lời, được tin Lỗ Hoàn - Công thân hành đến đất Hoan thuộc nước Lỗ để tiếp đón.

Tề Hi-Công nói :

— Lỗ Hoàn - Công là một người trọng lê, sợ ta đi xa mệt nhọc nên đến nửa đường tiếp đón, ta há lại thất lê sao ?

Chư - Nhi buồn bã nín lặng bước ra, đợi đến lúc khởi hành già vờ đến tiễn em ghé vào tai Văn - Khương nói nhỏ :

— Em chờ quên những lời trong thơ hôm trước.

Văn - Khương lòng bìn rịn nhìn anh đáp :

— Anh cứ an tâm, ngày xuân còn dài, io gì không có lúc hội ngộ.

Tề Hi-Công trao lại việc quốc chính cho Thế-tử Chư - Nhi rồi cùng Văn - Khương lên đường đến đất Hoan. Lỗ Hoàn-Công đã bày sẵn tiệc lê đợi chờ. Hai bên gặp nhau vui vầy không xiết.

Tiệc mãn, Tề Hi-Công đáp từ trở về nước, còn Lỗ Hoàn-Công đưa Văn - Khương về nước Lỗ giao bài. Lỗ Hoàn-Công thấy Văn - Khương tài sắc vẹn toàn đem lòng quý mến. Kế đó Tề Hi-Công lại sai Di Trọng - Niên đem lê vật đến đê thăm viếng. Từ đấy mối tình của hai nước rất nên khắng khít.

Cách ít lâu, Tề Hi-Công chết thế tử Chư - Nhi lên nối ngôi xưng hiệu Tề Tương-Công.

Bấy giờ, Lỗ Hoàn-Công đem lê vật đến nước Tề thăm viếng, có nàng Văn - Khương đi theo.

Khi đến sông Lạc Thủy vợ chồng Lỗ Hoàn-Công đã thấy Tề Tương-Công đón sẵn. Hai bên tay bắt mặt mừng, cùng nhau trở về Kinh - đô Lâm-tri, bày tiệc dâng dàng rất trọng hậu.

Tiệc mãn, Tề Tương-Công xin phép Lỗ Hoàn-Công đưa nàng Văn-Khương vào cung đê thăm viếng các cung phi. Lỗ Hoàn-Công thuận ý. Tề Tương-Công dẫn Văn - Khương vào một phòng kín đã sắp đặt sẵn

Hai anh em uống rượu vui vầy, rồi bày cuộc giò mura.

Sáng hôm sau mặt trời đã cao, mà hai người vẫn còn ôm nhau nằm ngủ mãi. Lỗ Hoàn-Công ở ngoài đợi lâu quá sinh buồn, lại có ý nghi hoặc vợ mình, chẳng biết bên trong cánh cửa cung thầm ấy có việc gì rối lòng chàng, mà dù có nghi hoặc cũng không làm sao hiểu thấu, khi mà tường cao vòi voi, bức rèm châu đã khép kín song thưa. Tuy nhiên lòng thấy nao nao không thể nào chịu được, Lỗ Hoàn-Công bèn cho người dò xét mới hay Tề Tương-Công chưa có Chánh phi, chỉ có thứ phi là Liên-thị mà Tề Tương-Công đã ghét bỏ từ lâu rồi.

Lại nghe nói đêm vừa rồi chỉ có anh em Tề-Tương-Công chung tình chờ không có Phi-tần nào cả, Lỗ Hoàn-Công uất hận vô cùng, bỏ ra ngoài thơ thẩn nơi hiên Tây, bỗng gặp Văn-Khương từ đàng xa lèn mènh di dễn, Lỗ Hoàn-Công đưa mắt nhìn từ đầu đến chân, hỏi :

— Đêm hôm ái khanh uống rượu với ai ?

Văn Khương nũng nịu đáp :

— Thần thiếp vui vầy với Liên-thị.

Lỗ Hoàn-Công hỏi :

— Vui đến bao lâu mới hết ?

Văn Khương đáp :

— Đã lâu quá chưa gặp nhau, nên vui mãi cho đến lúc trăng lên đỉnh đầu mới thôi.

— Anh của khanh có đến dự tiệc chàng ?

— Anh tôi đâu có lại đó dự tiệc ?

— Chẳng lẽ anh em lâu ngày xa cách lại không tìm nhau uống một chén rượu cho vui sao?

Văn-Khương có vẻ lưỡng lự đáp :

— Lúc mǎn tiệc anh tôi có uống một chung rượu rồi đi ngay.

Xét thấy lời nói và thái độ Văn - Khương có điều uần khúc, Lỗ Hoàn-Công lại càng nghi ngờ nói :

Tiệc mǎn sao ái khanh không ra ngay còn ở trong đó làm gì ?

— Vì đêm khuya quá thǎn thiếp thấy ra ngoài bất tiện.

— Thẽ thì ái khanh đã ngủ lại nơi đâu ?

— Trong cung thiếu gì nơi nghỉ ngơi, sao Quận hầu lại hỏi lần thǎn như thẽ ?

— Tại sao ái khanh lại dậy trưa ?

— Vì uống rượu quá say nên mệt mỏi không thè dậy sớm nỗi.

— Ai khanh ngủ với ai ?

— Thǎn thiếp ngủ chung với mấy người cung nhân nơi Tây cung.

— Còn anh của ái khanh ngủ ở đâu ?

Văn-Khương sợ sệt làm ra mặt giận đáp :

— Anh ngủ ở đâu làm sao em gái biết mà nói rõ được ?

Lỗ Hoàn-Công cũng giận dữ nói :

— Thẽ mà ta biết anh của ái khanh đã ngủ ở đâu và ngủ với ai rồi. Ái khanh đừng giấu giếm làm gì.

Vân Khương hồn thẹn khóc òa. Lỗ Hoàn-Công lòng đầy hậm hực nhưng biết mình đang ở trong đất Tề khó lòng nói năng được, nên vào từ giã Tề Tương-Công về nước.

Tề Tương-Công nghĩ lại việc xấu của mình lấy làm hối hận, sợ Lỗ Hoàn-Công hay được nên sai người tâm phúc là Thạch-Chi Phân-Như theo dõi.

Phân-Như trở về kể lại những lời cãi và vừa rồi của vợ chồng Lỗ Hoàn-Công cho Tề Tương Công nghe. Tề Tương-Công bối rối nói :

— Ta không ngờ Lỗ hầu lại có thể biết được việc ấy, nếu thiên hạ hay được thì danh dự còn gì ?

Bên khiến Phân-Như đòi Công-Tử Bình-Sinh đến dạy việc :

— Nay ta muốn lập kế giết vua Lỗ, chẳng hay khanh có bằng lòng giúp ta chăng ?

Công-Tử Bình-Sinh vốn có cựu thù với vua Lỗ nên tuân mệnh.

Tề Tương-Công đặt tiệc nơi quán dịch, ai mời Lỗ Hoàn-Công đến dự rồi ép rượu cho đến say.

Lỗ Hoàn-Công nhân lúc đau đớn trong lòng cũng muốn mượn chén rượu giải sầu, nên không từ chối.

Khi Lỗ Hoàn-Công đã quá chén, nằm gục trên ngụ ý, Tề Tương Công sai Bình-Sinh phò Lỗ hoản-Công lên xe, trở về quán. Bình-Sinh ngồi bên cạnh. Khi xe ra khỏi quốc môn vài dặm, thấy Lỗ hầu ngủ say, liền thò hai ngón tay vào cạnh sườn bóp thật mạnh, Lỗ Hoàn-Công bị gãy xương sườn, la lên một tiếng rồi hộc máu chết tươi...

Nhận xét :

Cái tệ hại của Văn-Khuong là do vua nước Tề. Tề Hi Công đã nuông chiều con cái đến nỗi bỏ cả gia giáo trong gia đình. Đối với nước Tàu, dù cho anh em trai, gái trong một nhà cũng không được phép gần gũi nhau khi đến tuổi yêu đương. Phong tục ấy không phải là khát khe. Tâm tưong của gái Văn-Khuong nhẫn như cho những ai có con gái trong gia đình đến tuổi yêu đương mà không biết ngăn cấm.

Đời xưa cũng như đời nay, trong cung cấm cũng như ngoài dân chúng, không thiếu gì tệ-đoan như vậy, ai đã làm cha mẹ phải biết đề phòng.

— Thường thường từ lối lầm này đến lối lầm khác. Những tội lối bao giờ cũng nối đuôi nhau bắt đầu từ nhỏ đến lớn.

Ví dụ : Thê-tử Chur-Nhi gần gũi em gái mình thường ra vào nội cung, đó chỉ mới là một lầm lối sơ đẳng. Từ chỗ lầm lối sơ đẳng ấy đi đến chỗ tư tình, dâm loạn, giết vua Lỗ, lầm lối mỗi lúc một trầm trọng hơn. Thì thà những lầm lối nhỏ không thể không coi là quan trọng, vì có lầm lối nhỏ mới có lầm lối lớn. Những lầm lối lớn bao giờ cũng bắt nguồn từ lầm lối nhỏ. Nếu Chur-Nhi không lui tới với Văn-Khuong làm gì có việc loạn dâm. Nếu Chur-Nhi không loạn dâm với Văn-Khuong làm gì có việc mưu sát vua Lỗ Chỉ sợ người ngoài biết được hành động xấu xa của mình mà Chur-Nhi giết vua Lỗ thì quả tội ác đã đến mức trầm trọng lắm rồi.

Ở đời nhiều người hận hating xấu xa lại không muốn cho kẻ khác thấy hành động xấu xa của mình và tìm cách che giấu bằng những hành vi tội lỗi,

thật đáng khinh. Xưa cũng như nay, những hàng người như vậy không thiếu gì trong xã hội.

Chỉ có điều, những kẻ có địa vị cao chừng nào hành động tội lỗi càng nguy hại chừng nấy.

Nếu là việc loạn đâm ở một giai cấp bình dân thì làm gì có điều kiện để kẻ phạm tội muốn giết ai thì giết, muốn bắt ai thì bắt? Cho nên, kẻ không có địa vị thì lỗi lầm của họ dù lớn đến đâu cũng không bằng kẻ có quyền thế. Thế mà, xưa nay luật pháp đặt ra chỉ trừng trị những kẻ súc yếu thế cỏ, thấp cò bé miệng còn những người có địa vị cao cả chẳng bao giờ pháp luật để ý đến họ. Thật oái oăm cho倜傥 loài người.

TIMSACH.COM.VN

CẤP TỬ VÀ CÔNG-TỬ THỌ, SÓC

- Cây mít cành trái chưa trái ngọt,
Nước mít nguồn dòng đặc dòng trong.
- Bên mít chấm đèn to tướng lai nồi
lên hai điểm son sáng ngời.

Vệ Tuyên-Công là kẻ ham dâm dục, lúc chưa lên ngôi đã tư thông với vợ lẽ của người cha là nàng Di-Khương sanh được một trai tên Cấp-Tử, giao cho Công-Tử Chức trông nom.

Khi Cấp-Tử lên mười sáu tuổi, Vệ Tuyên Công cho người sang hỏi con gái vua Tề về làm vợ Cấp-Tử.

Thọ và Sóc tuy hai anh em ruột, song tính tình rất khác nhau. Thọ thì tánh hiền hậu, nhân từ, thương yêu Cấp-Tử như anh ruột, còn Sóc thì độc ác, hiềm hóc, chẳng những ghét Cấp-Tử mà còn hiềm khích với Thọ nữa. Sóc muốn tiếm ngôi của Thọ sau này nên định ý trước tiên hại cho được Cấp-Tử, rồi sau mới lập mưu hại Thọ.

Một hôm Sóc nói với mẹ :

— Nay tuy thân phụ rất thương yêu mẹ con ta, song Cấp-Tử là anh, chúng con là em, sau này Cấp-Tử thế nào cũng được nối ngôi. Hơn nữa, vì mẹ mà Di-Khương bị vua bạc đãi, nếu sau này Di-Khương được lên làm quốc mẫu thì mẹ con ta không tránh khỏi tai vạ.

Nàng Tuyên-Khương tâm trạng trước kia khác, bây giờ khác. Trước kia hy vọng làm vợ Cấp-Tử, nên muốn mua chuộc lòng Vệ Tuyên-Công, đè sau này truyền ngôi lại cho Cấp-Tử mà vợ chồng vui hưởng phú quý. Bây giờ thi đã có hai con với Vệ Tuyên-Công, hy vọng ấy đâu còn nữa, nên bàn mưu với Sóc đe hại Cấp-Tử.

Vì vậy, thỉnh thoảng có những gièm pha xoi bôi.

Ngày kia, nhằm ngày sinh nhật của Cấp-Tử, Công-tử Thọ làm tiệc rượu chúc mừng, có Công-tử Sóc đến dự. Trong bữa tiệc Công-tử Thọ chuyện trò rất thân mật, Sóc tỏ ý khó chịu, thoái thác lui về trong lòng rất cẩn thận.

Về đến cung, Sóc làm bộ khóc lóc với mẹ :

— Con vi lòng tốt mà dự tiệc với Cấp-Tử, thế mà Cấp-Tử lúc say rượu lại giờ trò đùa,

gọi con bằng con và nói : « Mẹ của mày tức là vợ của ta, mày phải gọi ta bằng cha mới phải ». Con rất lấy làm xấu hổ, xin mẹ xét nghĩ.

Tuyên-Khương tin là thiệt, chờ Vệ Tuyên-Công vào cung khóc lóc thuật lại mọi điều, lại nói thêm rằng :

— Cấp-Tử có tình muôn làm nhục thiếp, nên đã có lúc nói nhiều câu lỗ mãng.

Vệ Tuyên-Công hỏi :

— Thằng súc sinh ấy đã nói những lời gì phạm đến ái khanh ?

Tuyên-Khương sụt sùi nói :

— Thiếp được nghe nó nói rằng « Mẹ ta là Khương Di, vợ của ông nội ta mà phụ thân ta còn lấy làm vợ được thay, huống hồ Tuyên-Khương là vợ của ta mà ta không lấy được sao ? Nay ta chỉ cho phụ thân ta mượn đở mà thôi. Ngày nào đó ta sẽ lấy lại và lấy luôn cả ngôi nước Vệ nữa.

Vệ Tuyên-Công nghe nói cả giận, kêu Công-tử Thọ vào hỏi.

Công-tử Thọ nói :

— Thưa phụ thân, Cấp-Tử là đứa con chí hiếu, chẳng bao giờ có những lời nói lỗ mãng như thế

Vệ Tuyên Công không biết phân xử lẽ nào, bèn đòi Khương-Di đến trách mắng dù điều Khương-Di đau đớn không chịu nổi, thắc cò tự vận.

Cấp-Tử quá thương mẹ, nhưng không nói ra chỉ ôm bụng khóc thầm.

Giết được Khương-Di, mẹ con Công-Tử Sóc vẫn chưa thôi, ngày đêm ép buộc Vệ Tuyên-Công phải làm cách nào giết cho được Cấp-Tử mới nghe.

Vệ Tuyên-Công nói :

— Cấp-Tử không có tội chì, nếu đem ra giết đi thiên hạ sẽ chê cười.

Tuyên-Khương nói :

Khương Di thác oan thế nào Cấp Tử cũng vì mẹ mà trả thù, nếu Chúa-công không giết Cấp-Tử thì mẹ con tôi không làm sao ở yên trong cung được.

Vệ Tuyên Công cực chẳng đã phải nghe theo, tìm cách giết Cấp-Tử cho ôn thỏa đè che mắt thiên hạ. Gặp lúc Tề Hi-Công sang mượn quân nước Vệ, Vệ Tuyên-Công mời bày mưu với Công Tử Sóc sai Cấp-Tử cầm cờ tiết tráng đi sứ nước Tề, rồi cho võ sĩ phục giùa đường mà giết.

Công Tử Sóc được kể rất mừng, triệu tập bọn côn đồ dồn đến núp nơi Sảng-dã là chỗ đường thủy giáp chuyển với đường bộ, he thấy có người cầm cờ tráng đi ngang qua là nhảy ra giết lập tức.

Sắp đặc xong, Công Tử Sóc trở về cung thuật lại cho Tuyên-Khương hay. Tuyên-Khương mừng rỡ vô cùng.

Công Tử Thọ thấy mặt mẹ mình hờn hờ, sanh ngại dò hỏi sự tình. Tuyên Khương ngỡ Công Tử Thọ cũng đã biết việc ấy rồi, nên không giấu giếm gì cả, đem đầu đuôi câu chuyện kể lại.

Công Tử Thọ thắt kinh, nhưng biết âm mưu mẹ mình đã định sẵn không thể can gián được nữa, nên lén qua nói với Cấp-Tử.

Cấp-Tử ngồi thẫn thờ không đáp.

Công Tử Thọ nói :

— Đường đi từ đây sang Tề thế nào cũng phải qua Sảng-dã, mà qua đó tánh mạng anh dữ nhiều lành ít. Chỉ bằng anh trốn sang nước khác để thoát nguy rồi sau này sẽ liệu.

Cấp-Tử đáp :

— Đạo làm con, nếu không nghe lời cha mẹ đâu còn là hiếu thảo. Vả lại, nếu phụ-vương đã có ý giết con thì dẫu ta có sống cũng chẳng ích gì.

Nói xong sửa soạn hành trang từ biệt Công-Tử Thọ, xuống thuyền theo đường thủy sang nước Tề. Công-Tử Thọ khuyên can đến bực nào Cấp-Tử cũng không nghe.

Công Tử Thọ đứng nhìn theo, đôi dòng lệ không rơi, nghĩ thầm :

— Anh ta quả là một người hiếu thảo, nếu đe anh ta chết, sau này ta còn mặt mũi nào nổi ngời. Trong hoàn cảnh này chỉ có cái chết của ta, may ra mới thức tỉnh lòng thương xót của cha mẹ ta và đem lại cho gia đình sự thảo thuận được.

Nghĩ rồi liền chọn một con thuyền, đem đủ vật thực, gọi vài tên tùy tùng, bảo chèo theo cho kịp thuyền của Cấp-Tử để cùng dự tiệc rượu tiễn biệt.

Chẳng bao lâu hai thuyền gặp nhau, Công-Tử Thọ gọi Cấp-Tử sang thuyền mình. Cấp-Tử nói :

— Em theo anh làm gì vậy ?

Công Tử Thọ đáp :

— Anh đi đường xa, em muốn dâng anh một chén rượu tiễn hành đe tỏ tình mong nhớ.

Nói rồi rót một chén rượu đầy trao cho Cấp-

Tử. Nhưng vừa nâng chén chưa kịp nói thì nước mắt đã tuôn tràn, chảy vào ly rượu.

Công Tử Thọ sụt sùi nói :

— Em khóc làm nước mắt rơi vào ly rượu thật vô lè.

Cấp-Tử nói :

— Anh chỉ muốn uống những giọt nước mắt ấy để được giữ mãi vào lòng tấm thân tình của em.

Công Tử Thọ fót thêm một chén rượu nữa trao cho Cấp-Tử. Hai anh em vừa uống vừa khóc. Nước mắt càng hòa với rượu bao nhiêu thì rượu càng nồng bấy nhiêu.

Công Tử Thọ cốt phục rượu cho Cấp-Tử thật say, nên cứ ép mãi. Một lúc sau Cấp-Tử vì vị tình em uống đến say mềm, nằm vật xuống khoang thuyền ngủ thiếp.

Công Tử Thọ ôm Cấp-Tử khóc một lúc lâu rồi bảo bọn thủ hạ :

— Lệnh vua bảo phải đi gấp mà anh ta say nên trễ nãi vậy ta phải đi thế mới được.

Nói rồi nhò cây cờ trắng trên thuyền Cấp-Tử cầm sang thuyền mình, và viết một bức thư dặn tên quân hầu lúc nào Cấp-Tử thức dậy sẽ đưa.

Đoạn Công Tử Thọ cứ thẳng đường sang Sàng-dã. Vừa đến nơi bọn côn đồ thấy có ngọn cờ tiết trắng kéo nhau chạy đến ào ra bắt. Công Tử Thọ chỉ vào mặt bọn chúng nói :

— Ta là Cấp-Tử, Thế Tử nước Vệ, phụng mệnh sang nước Tề đi sứ, sao chúng bấy dám cản trở ?

Bọn côn đồ nói :

— Người đã là Cấp Tử thì đừng có xưng hô làm gì cho uồng tiếng. Chúng ta tuân lệnh Vệ hầu ra đây lấy đầu ngươi.

Nói xong bọn côn đồ áp lại chém đầu Công Tử Thọ bỏ vào một cái hộp, rồi đoạt lấy cờ tiết mang về.

Bọn gia nhân theo hầu Công Tử Thọ sợ hãi chạy tán loạn.

Còn Cấp Tử khi tỉnh rượu mở mắt ra không thấy Thọ đâu lại nhận được bức thư trong lòng hoảng hốt mở thư ra xem, trong thư chỉ thấy một hàng chữ như sau :

« Em đi thay anh, anh tìm nơi lánh nạn »

Cấp Tử khóc oà, với vã bão bọn túy tùng :

— Hãy chèo thuyền đi cho mau kèo chũng làm giết mất em ta.

Bọn túy tùng tuy không hiểu gì cả, nhưng cũng có sức chèo đi rất mau. Thuyền lướt sóng dưới ánh trăng vàng rực, lăn tăn trên mặt sông dài. Cảnh vật êm đềm, nhưng lòng người rộn rã, Cấp Tử chỉ nghĩ đến sinh mạng em mình nên hối thúc liên hồi làm cho mấy tên quân chèo thuyền mệt lả. Một lúc sau thấy远远 xa có bóng thuyền nhấp nhô, Cấp Tử nhìn rõ mừng rỡ hét to :

— Em ta còn sống, thực lòng trời không phụ.

Một tên quân hầu đưa mắt nhìn một lúc nói :

— Thưa Thế Tử, thuyền đó đang đi về phía chúng ta.

Cấp Tử ngạc nhiên chưa biết thế nào thì thuyền nọ đã từ phía xa phảng phảng rẽ nước đi đến.

Trên thuyền không thấy Công Tử Thọ, chỉ thấy một bọn côn đồ gươm giáo sáng ngời. Cấp Tử lồng tiếng, ngạc hỏi :

— Các ngươi phụng mệnh chúa công đã làm xong nhiệm vụ chưa ?

Bọn côn đồ nghe nói tưởng người của Công Tử Sóc sai đến tiếp ứng nên bưng chiếc hộp có đựng đầu Công Tử Thọ đưa ra và nói :

— Chúng tôi đã thành công.

Cấp-Tử vừa cầm đến chiếc hộp vùng ngã ra khóc to nói :

— Ôi thôi ! còn gì em ta nữa.

Bọn côn đồ ngạc vừa đưa mắt nhìn nhau :

Cấp-Tử nói tiếp :

— Ta đây mới chính là Cấp-Tử. Vì ta có tội nên cha ta sai giết, chứ Công Tử Thọ là em ta nào có tội chi.

Bọn côn đồ biết mình đã giết lầm, thất kinh nói nhỡ với nhau :

— Thế này thì phải giết cả nó nữa mới chuộc nỗi tội của chúng ta đã làm lầm.

Nói xong, bọn côn đồ áp lại chặt đầu Cấp-Tử bỏ chung vào một hộp, rồi chèo thuyền đi, đè mặc cho bọn quân hầu của Cấp-Tử ngồi run rẩy trong thuyền, mặt mày tái ngắt.

Về đến thành Vệ, bọn côn đồ đem chiếc hộp và lá cờ trắng dâng lên cho Công Tử Sóc, kè lại sự giết lầm, lòng vẫn nơm nớp lo sợ Công Tử Sóc trách mắng. Chẳng dè Công Tử Sóc không giận mà lại còn vui mừng, đem vàng lụa thưởng cho bọn chúng rất hậu, rồi vào cung nói với mẹ.

Tuyên-Khương buồn vui lẫn lộn. Buồn vì mất con, vui vì đã giết được Cấp-Tử, trù được hậu họa cho mình.

Người sau có thơ :

*Hai chiếc đầu rơi một mối tình
Hòn oan ôm hận khóc xuân xanh
Lòng cha vi có không thương xót
Thà chết cho tròn nghĩa đê huynh.*

Nhân xết :

— Trong đời, cái gì cao đẹp nhất thì cũng có những cái tồi bại nhất. Trong lãnh vực tình yêu cũng thế. Tình yêu tượng-trưng cho cao đẹp thì tình yêu cũng sanh ra không biết bao nhiêu khía cạnh xấu xa bì bì.

Một người đàn ông như Vệ Tuyên-Công dâm loạn đến nỗi lấy vợ cha, đoạt vợ con, xem tình yêu thiêng liêng của con người chỉ là một trạng thái dâm dục, không cần kẽ đến luân thường đạo lý gì cả. Con người như vậy bảo sao không mất hết trí năng? Đem việc dâm loạn làm thú vui trên đời, đến nỗi nghe lời đàn bà giết chết con mình, không một chút đau đớn. Thế mà kẻ ấy lại là một ông vua, một vị chúa tể cai trị cả muôn dân.

Ôi, tình phu tử cao cả biết bao nhiêu, thế mà lại có những người cha giết con trong trường hợp bỉ ổi như vậy.

Thạch-Thác giết con đè cứu muôn dân vì dứa con làm hại dân hại nước, còn Vệ Tuyên-Công thì nghe lời đàn bà giết con đè được người đàn bà mình yêu ưa thích. Hai trường hợp giết con nằm trong hai lãnh vực, một đảng là cao thượng, một đảng là hạ tiện, đảng khinh.

Đến như nàng Tuyên-Khương, trước định làm vợ Cấp-Tử, nhưng sau được Vệ Tuyên-Công sùng ái quên cả Cấp-Tử, đem thân hồn hạ Vệ Tuyên Công để rồi mưu hại Cấp-Tử. Người đàn bà như thế thì tư cách làm sao cao quý được.

Nàng Tuyên-Khương không khác gì những bà dì ghê độc ác nhất trong đời này. Đó là những người thuộc vào hàng hạ tiện.

Công-Tử Sóc di lưu dòng máu của Vệ Tuyên Công và mẹ là Tuyên-Khương, tánh tình độc ác, hiềm hóc, mưu lợi riêng mình, mưu giết cả hai anh để đoạt ngôi của Vệ Tuyên-Công sau này. Ôi, đó là những phường gian ác, đời nào cũng chẳng thiếu gì.

Cái mà chúng ta đang nói là bên cạnh vết mực đen ngòm lại nồi lên hai vết son sáng chói. Đó là tình thương giữa Công-tử Thọ và Cấp-Tử.

Là con của những kẻ xấu xa nhất trong xã hội, hai chàng này lại nồi bật lên như hai luồng ánh sáng giữa bầu trời đêm.

Nếu không có những tấm lòng xấu xa đầy bất nhân bất nghĩa của Vệ Tuyên-Công, nàng Tuyên-Khương và Sóc thì đâu thấy cái quý báu của Thọ và Cấp-Tử. Cũng như không có mối tình thương cao quý của Thọ và Cấp-Tử thì làm sao thấy rõ cái hèn mạt của những người cùng chung máu huyết kia.

Câu chuyện Cấp-Tử và Công-Tử Thọ với Công-tử Sóc chẳng khác nào hai tấm gương một đục một trong, đè song song nhau.



TỬ - ĐỘT ĐEM QUÂN ĐÁNH VỆ

Chính-trị phái đi đôi với Quân-sư. Chính-trị mà thiếu Quân-sư, chính-trị hỏng, Quân-sư mà thiếu chính-trị, quân sự không thành công.

Kiêm-Mâu lên nối ngôi nước Vệ, Công-Tử Sóc muôn đoạt ngôi nên viện binh năm nước: Lỗ, Tống, Tề, Trần, Sái đến đánh Kiêm-Mâu để phục nghiệp.

Kiêm-Mâu hay tin lòng lo lắng, vội viết tờ cáo cấp gởi về nhờ Thiên-Tử nhà Châu cứu giúp.

Châu Trang-Vương xem văn biều rồi hỏi các quan:

— Ai dám thay mặt trẫm đem binh đi cứu nước Vệ chẳng?

Châu-Công quỳ tâu:

— Tâu bệ hạ, từ khi nhà Châu thua Trịnh lòng quân giải dãi.

Nay nếu đi chinh phạt e khó thắng, vã lại chư hầu lấy cớ phục nghiệp vua nước Vệ là danh chánh ngôn thuận, chúng ta không thắng nổi đâu.

Quách Công Kỵ-Phủ cũng cho lời nói ấy là phải.

Bỗng có người bước vô tâu:

— Lời nói của hai ông thật không đúng. Nếu bảo rằng quân của chư hầu mạnh hơn binh triều thì phải nhưng nếu bảo việc chư hầu phục nghiệp cho Vệ Sóc là danh chánh ngôn thuận thì thật sai lầm không thể chối cãi được.

Các quan xem lại người vừa nói đó là Tử-Đột, đang làm chức Hộ Sĩ.

Châu Công quắc mắt nhìn Tử-Đột hỏi :

— Một nước Chư hầu bị tiếm ngôi, các nước khác đem binh tới cứu thế mà không đánh chánh ngôn thuận ư ?

Tử-Đột nói :

— Việc lập Kiêm-Mẫu lên ngôi nước Vệ đã có Vương mạng thì sao gọi là tiếm vị ? Vương mạng mà không kè, lại kè chư-hầu này lập chư-hầu kia là danh chánh ngôn thuận sao ?

Quách-Công Kỵ-Phù nói :

— Đừng nói đến thuận nghịch gì cả. Việc binh già phải căn cứ vào sức mạnh. Cái mạnh bao giờ cũng có lý, mà có lý tức là lẽ phải rồi.

Tử-Đột cãi lại :

— Lý lẽ và sức mạnh là hai việc khác nhau. Mạnh yếu tại sức, còn hơn thua là tại lý. Nếu bỏ lý mà vẫn nên việc, át thiên hạ phải đảo điên, không còn ai theo lẽ phải nữa.

Quách-Công đỏ mặt nói :

— Nếu đem binh cứu Vệ, người dám đảm trách chuyện đó không ?

Tử-Đột nói :

— Cứ lấy lý mà nói thì tôi sẽ thắng, vì tôi sẽ đem lý lẽ của tôi mà khuyên nhủ các chư-hầu. Một khi chư-hầu đã nhận nhận lẽ phải thì gươm giáo không còn là vật đáng sợ nữa.

Các quan nghe Tử-Đột lý luận như vậy ai nấy đều muốn thử thách tài năng, nên tâu với vua cho

phép Tử-Đột được hưng binh cứu Vệ.

Châu-Trang-Vương nhận lời, khiếu Quách-Công-Ký-Phủ phát cho Tử-Đột ba muôn binh rồng.

Châu Công đã có ý ghét Tử-Đột nên chỉ phát cho hai trăm cỗ binh xa mà thôi.

Tử-Đột ngạc nhiên nói :

— Sao ngài lại phát binh xa cho tôi ít như vậy ?

Châu Công nói :

— Nếu ngươi dùng sức mạnh mà thắng giặc thì ta sẽ phát binh nhiều, nhưng nay ngươi dùng lý lẽ để thắng giặc thì cần chỉ đến quân sĩ cho đông ?

Tử-Đột làm thinh lạy tạ vua rồi kéo quân ra đi.

Lúc ấy quân của năm nước chư hầu đã đến vây thành nước Vệ đông nghẹt. Tử-Đột dẫn một toán quân quá ít, vừa đến nơi thi binh lao mã liệt, xe cộ ngửa nghiêng, chưa kịp nói gì với Chư hầu đã bị quân năm nước áp đến đánh một trận manh giáp tai bời mạnh ai nấy chạy trốn.

Tử-Đột ngược mặt lên trời than :

— Ta vâng mệnh Thiên-Tử đến đây dẹp giặc, đâu có thác cũng được tiếng trung nghĩa.

Nói rồi liều chết vung gươm giết hơn mươi mươi tên địch, mới tự vận...

Nhận xét :

Tử xưa nay trong xã hội loài người vẫn có hai quan niệm chống đối nhau trong lẽ sống.

Quan niệm thứ nhất : Lý kẻ mạnh bao giờ cũng thắng (*La raison du plus fort est toujours meilleure*).

FILE DÀNH ĐỂ QUẢNG CÁO

KÍNH THƯA QUÝ ĐỌC GIÀ!

ĐỂ TẠO ĐIỀU KIỆN CHO CHÚNG TÔI XÂY DỰNG
THƯ VIỆN SÁCH XƯA ĐỌC BẰNG FILE HÌNH SCAN
ĐƯỢC PHONG PHÚ, ĐẦY ĐỦ, ĐA DẠNG HƠN.

VỚI ĐỀ ÁN "THƯ VIỆN SÁCH XƯA" CHÚNG TÔI
CHÂN THÀNH KÈU GỌI QUÝ ĐỌC GIÀ ỦNG HỘ,
ĐÓNG GÓP KINH PHÍ BẰNG CÁCH NHANH TÍN VÀO
ĐẦU SỐ 8689 HOẶC CHUYÊN KHOẢN.

CTY TNHH QC TRÍ

SỐ TK: 007 100 412 0213
TẠI: NGÂN HÀNG NGOAI THƯƠNG VIỆT NAM
CHÚNG TÔI CHÂN THÀNH CẢM ƠN !

ADMIN: NGUYỄN HỮU VY

Địa chỉ liên hệ: 18/161C Trần Quang Diệu, Phường
14, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: 084.873073978 - 084.8.62750927
084.1677.744.447

Góp Quỹ Phát Triển Tim Sách

Soạn Tin:

QTS <Username> gửi 8689



Mỗi sự đóng góp của quý đọc giả dù là tinh thần hay vật chất luôn là nguồn động lực giúp chúng tôi quyết tâm xây dựng website www.timsach.com.vn trở thành một nơi cung cấp nguồn tri thức đầy đủ hơn cho quý đọc giả! Rất mong nhận được sự chia sẻ đóng góp ý kiến nhằm xây dựng website ngày một hoàn thiện hơn! Chân thành cảm ơn!

Quan niệm thứ hai : Lý vô nhị thi. Lê phải không bao giờ có hai mặt.

Quan niệm thứ nhất cho sức mạnh trên hết. Sức mạnh đây không phải chỉ nói riêng về sức mạnh vật chất mà bao gồm cả sức mạnh về kim tiền, về thế lực nữa. Kẻ chủ trương sống trong sức mạnh bao giờ cũng dùng sức mạnh trấn áp nhân tâm, dùng bạo lực làm cùu cánh.

Quan niệm thứ hai cho lê phải là một sức mạnh tuyệt đối, không có gì lạy chày nỗi. Lê phải đây tức là nhân đạo. Kẻ chủ trương sống trong lê phải thường lấy nhân tâm làm mục thước, không thừa nhận sức mạnh vật chất, mà chỉ biết có sức mạnh tinh thần.

Cả hai quan niệm đều đưa đến những thành công. Tuy nhiên, trong đời không phải lúc nào cũng dùng bạo lực, hoặc lúc nào cũng dùng đạo đức. Các nhà chính trị gia ngày nay cũng đã kinh nghiệm nhiều trên trường tranh đấu rồi, họ rất già giặn, họ biết lúc nào phải có bạo lực, lúc nào phải dùng đạo đức chính piety. Có điều, dù trong trường hợp nào cũng vậy, chính trị không thể tách rời quân sự và ngược lại. Cũng như đạo đức không thể tách rời bạo lực được.

Kẻ khôn ngoan phải tùy thời tùy lúc mà áp dụng.

X CHỮ TÍN CỦA TÈ TƯƠNG-CÔNG

Làm một người dân thât tín côn chay
đã từ cách, làm một ông vua thât tín thì
tư cách lại còn hèn hả hơn.

Tè Tương-Công giúp Vệ đánh được Kiêm-Mâu, khôi phục lại ngôi nước Vệ, nhưng tự nhận thấy mâu thuẫn với nhà Châu mỗi lúc mỗi sâu sắc hơn, sợ vua nhà Châu đến đánh trả thù nên sai Liêm-Xứng làm Chánh tướng, Quản Chi-Phủ làm Phó tướng, đem quân ra đồn trú nơi đất Quý-Châu để trấn giữ mặt Đông Nam.

Hai tướng tuân lệnh kiềm điềm binh mã kéo đi, nhưng trong lúc bái biệt, hai tướng tâu với Tè Tương-Công :

— Việc đồn trú nơi biển ải là một công lao cực nhọc, cần phải có kỳ hạn để quân sĩ khỏi nản lòng vì buồn chán.

Tè Tương-Công đang ngồi ăn dưa hấu, nghe tâu vội đáp :

— Đến mùa dưa hấu năm sau ta sẽ cho người ra thay.

Hai tướng cúi lạy từ giã.

Tháng ngày thăm thoát trôi, trôi trên sự mong chờ của đoàn lính xa nhà, gối tuyết nằm sương trong chốn biên cương lạnh lẽo.

Rồi mùa dưa hấu đến, đoàn quân biên cương khắc khoải mong ước được hồi hương, mà tin vua biển biệt không thấy đến.

Hai tướng Liêm-Xứng và Quản-chí-Phủ cho người về kinh đô dọ thám được tin Tề Tương-Công ra ở nơi Cốc thành vui riêng với nàng Văn-Khương suốt tháng không về triều.

Liêm-Xứng nồi giận nói :

— Hôn quân vô đạo, đã không đoái tường đến tướng sĩ lại còn tiếp tục dâm loạn với Văn-Khương. Như thế chúng ta đóng nơi đây đến rục xương, chưa biết ngày nào mới được về.

Quản-chí-Phủ nói :

— Chúa công đã hứa với chúng ta đến mùa mưa hứa hứa cho người đến thay, có lẽ Chúa công quên đi rồi. Vậy chúng ta làm sớ dâng về triều nhắc lại. Nếu Chúa công bỏ qua chúng ta sẽ tìm cách khác.

Liêm-Xứng khen phải, liền làm sớ sai người về triều trình tấu.

Tề Tương-Công xem sớ nồi giận mắng :

— Việc binh đời đời là quyền ở ta, sao lại dám xin ?

Liên ra lệnh bắt hai tướng phải chờ đến mùa mưa hứa năm sau nữa mới định liệu.

Liêm Xứng nghe tin mặt giận hầm hầm nói với Quản chí Phủ :

— Hôn quân vô đạo, đã không biết giữ lời hứa, chúng ta há đem thân trung thành với kẻ thất tín sao ? Ý ta muốn thí quân, lập vua khác.

Quản-chí-Phủ nói :

— Tề Tương-Công là người giỏi binh pháp, nhưng tính lại ưa săn bắn, nếu muốn thí hôn quân phải dụ cợp ra khỏi hang thì mới trị nồi. Chúng ta cứ chờ dịp nào Tề Tương-Công ra ngoài thi hành sự.

Hai người viết thư về thông đồng với Công-Tôn Vô-Tri để làm nỗi ức.

Mùa đông năm ấy, Tề Tương Công sắp đặt lên núi Bồ-kỳ nơi đất Cô-phản để săn bắn.

Công-Tôn Vô Tri biết được liền viết một mảnh thư sai người đưa ra biên giới cho Liêm-Xứng và Quản-Chi-Phủ hay :

Liêm-Xứng bàn với Quản-Chi-Phủ :

— Hôn quân đi săn bắn, trong nước không còn ai, bọn ta kéo quân về Tề-dô lập Công-Tôn Vô-Tri lên ngôi cho rồi.

Quản Chi-Phủ nói :

— Tuy Tề Tương-Công là một hôn quân dâm loạn song các chư hầu có nhiều nước đang tương trợ. Nếu để hôn quân còn sống, viễn binh nước ngoài về đánh, chúng ta cư sao lại. Chỉ bằng phục binh giết quách đi rồi sau sẽ tôn Vô-Tri lên cũng chẳng muộn.

Hai tướng bàn bạc xong kéo binh sang đất Cô-phản phục săn.

Khi Tề Tương Công đến nơi bị hai tướng giết chết.

Nhận xét :

Thường thường một ông vua giữ được nước, cũng có được quyền lực, bảo vệ được ngai vàng là nhờ ở tấm lòng trung kiên phục vụ của tôi thắn, và lòng tin tưởng ở dân chúng.

Muốn thế, ông vua phải triệt để giữ chữ tín, luôn luôn tả lòng ưu ái chăm sóc cho đời sống của quân dân.

Trái lại, làm như vua Tế Tương-Công là tự đưa mình đến chỗ tự hủy diệt.

Một ông vua thiếu đạo đức, cũng không có tài, may được một sự nghiệp của ông cha để lại, rồi bám vào đấy mà a cùa thỏa mãn riêng cá nhân mình, không hề đến một bầy tôi trung nghĩa, không màng đến cuộc sống khốn cực của nhân dân, không hề đến những kẻ năm sương gói tuyêt để bảo vệ cái địa vị hiện hữu của mình, thì dù ông vua như thế có bị chết đến mấy lần đi nữa cũng không đáng tiếc, mà chỉ nên xem đó là một tấm gương cho các nhà làm chính trị sau này.

Thời nay cũng không thiếu gì Tế Tương-Công, khi năm được một địa vị quan trọng thì không hề nghĩ đến kẻ tung sự với mình, kẻ đã giúp mình đứng vững trên địa vị ấy. Họ cứ tưởng rằng địa vị ấy do tài năng họ mà có, họ không ngờ rằng nếu thiếu những người giúp họ thì địa vị của họ một ngày cũng khó giữ được.

Chiến thắng trên trường chính trị, đưa sự nghiệp đến thành công, dù cho một nhà chính trị tài đức đến đâu, một mình cũng không thể làm nên chuyện. Dĩ nhiên phải nhờ vào sức nhân dân ủng hộ, sức cộng sự của nhiều người.

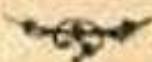
Nhà lãnh đạo chính trị cần phải được lòng tất cả. Muốn thế chữ tin là cần thiết. Chữ Tin đối với nhà làm chính trị có một tầm quan hệ phi thường. Thiếu nó, nhà chính trị không thể tập hợp thành một khối lực lượng ủng hộ quanh mình, và đoàn kết được đa số quần chúng.

Nói chung, dù là hạng người nào, chữ tin bao giờ cũng có một tầm quan trọng cả. Trong đời thiếu gì người chỉ nói cho được việc, không nghĩ đến tai hại về sau.

Hãy cẩn hứa đường để cho được việc mình, tránh áp cấp thời nhàn tản rồi ủ ù không làm theo lời hứa, hay mượn uy quyền mà chà đạp, lấy vũ lực mà đàn áp như Tế

Tương-Công đó là chính sách mị dân, phỉnh dân mà xưa nay các nhà chính trị thiểu đạo đức, kém lương tâm không lập trường phục vụ nhân dân thường hay vấp phải.

Chẳng phải ở thời Chiển-quốc mới có hạng vua quan như Tề Tương-Công, mà chính ở thời đại ngày nay, trên trường chính trị cũng đã có không ít Tề Tương-Công.



X ĐỒ-NHÂN-PHÍ VÀ MẠNH-DƯƠNG

TIME SA

Đem thân giúp cho một người không để tư cách làm một việc lớn, thân mình sẽ vì đó mà mất giá trị. Trung thành với một người không có tín nghĩa thì lòng trung ấy coi như đã bị phụ bạc rồi.

Tề Tương-Công đi săn ở Bối-khâu đè rồi sang đất Chuốc tư thông với em gái là nàng Văn-Khương, vợ vua Lỗ Hoàn-Công.

Trong lúc đó hai tướng của Tề Tương-Công là Liêm-Xứng và Quản-Chí-Phủ vì giận hờn quân thất hứa nên phục binh tại chân núi đè giết vua.

Tề Tương-Công truyền đốt lửa đè cho các thú rừng chạy ra ngoài mà bắn.

Bỗng có một con thú hình thù quái dị từ trong rừng sâu hiện ra, to bằng con trâu, nừa giống heo nứa giống cọp.

Tề Tương-Công hoảng sợ, quay lại gọi Mạnh Dương là viên quan theo hầu, bảo

— Người hãy bắn con quái vật ấy cho ta.

Mạnh-Dương tay rút tên, mắt nhìn chăm vào con quái vật đó, và nói :

— Tâu Chúa công, con vật này sao giống Công-Tử Bành-Sinh.

Tề Tương-Công nói :

— Bành-Sinh đã chết sao còn dám đến đây phạm giá ?

Nói rồi giật lấy cung tên bắn một mũi. Quái vật né tên. Tề Tương-Công bắn luôn ba phát vẫn không trúng.

Đột nhiên quái vật đứng dậy, hai chân đi như hai chân người, làm cho Tề Tương-Công sợ hãi, mình mẩy ròn ốc, té nhào xuống xe, chân rơi ra một chiếc giày. Quái vật chạy đến tha chiếc giày biến mất.

Kẻ ta hữu vội chạy đến đỡ Tề Tương-Công lên xe, phò về ly-cung nơi Cô phàn an nghỉ.

Đêm ấy, Tề Tương-Công lòng nóng như đốt, không làm sao ngủ được, lại bị trặc chân đau nhức vô cùng, mới bảo Mạnh-Dương đỡ mình đi lại trong phòng cho thư thả.

Nhin lại thấy mất một chiếc giày, Tề Tương-Công cho đòi Đồ-nhân-Phi là viên quan coi về y quan đến quờ mảng.

— Sao ta chỉ còn một chiếc giày thế ?

Đồ-nhân Phi tâu :

— Lúc Chúa-Công bị té, chiếc giày văng ra, con quái vật ngoạm lấy tha đi mất.

Tề Tương-Công hé:

— Người giữ việc quan-y thế mà đè con quái

vật ấy tha mát chiếc giày của ta, mà người vẫn còn sống sao ?

Nói xong, lấy roi đánh bồ vào lưng Đồ-nhân-Phi, đánh đến máu chảy đầm đìa mới chịu thôi.

Đồ-nhân-Phi vừa khóc lóc vừa bước ra cửa, bỗng gặp Liêm-Xíng đi với hai người tùy tùng đến đó thám thính dè mưu sát Tề Tương-Công.

Thấy Đồ-nhân Phi là người hầu cận của nhà vua, Liêm-Xíng thompson hỏi :

— Hôn quân hiện giờ ở đâu ?

— Chúa công đang ngủ trong phòng. Còn tướng quân đang trấn nơi biên thùy tại sao lại đến đây có ý lạ như vậy ?

— Ta quyết đến đây trừ dứa hôn quân để đem lại hạnh phúc cho bá tánh. Người là người hầu cận của dứa hôn quân dĩ nhiên phải chết.

Liêm-Xíng vừa nói vừa vung dao lên.

Đồ nhán Phi giả cách sợ hãi, nói :

— Tôi vừa bị hôn quân dùng roi da đánh đến bóc thịt, lòng giận của tôi chưa nguôi. Nếu được Tương quân tha chết, tôi nguyện làm nội ứng.

Liêm-Xíng xem lại thấy trên lưng Đồ-nhân Phi quả nhiên vừa bị đánh tàn nhẫn, vết roi còn róm máu ướt cả mấy làn áo, nên tin lời, dặn :

— Hãy xem hôn quân ngủ ở đâu rồi ra báo với ta lập tức

Đồ-nhân-Phi vội vàng chạy vào trong báo lại tin dữ cho Tề Tương-Công hay. Tề Tương-Công sợ quá chưa biết phải làm sao thì Đồ-nhân-Phi đã bay kẽ :

— Xin Chúa-Công cho một người già Chúa-công liều chết thay mạng nằm trên long sàng, còn Chúa-Công ăn núp sau cửa, may thoát nạn.

Mạnh-Dương nói :

— Tôi mang ơn Chúa-công rất trọng, nay nguyện liều mình chết thế.

Nói rồi trèo lên giường, nằm ngoảnh mặt vào trong, Tề Tương Công cởi áo cầm bào đắp trên mình Mạnh-Dương rồi lén ra phía sau trốn đi.

Thấy Đồ-nhân Phí theo mình, Tề Tương Công nói:

— Người không trốn sao ?

Đồ-nhân-Phí lâu :

— Tôi phải hợp sức với binh sĩ cự địch.

Tề Tương-Công hỏi :

— Lưng người còn đau thế mà không ngại à ?

Đồ-nhân-Phí nói :

— Chết còn chưa tiếc thì cái đau có kẽ gi.

Tề Tương-Công than :

— Ôi, người là đảng trung thần, tiếc rằng ta đã không có con mắt nhận xét.

Đồ-nhân-Phí cầm dao đứng nơi cửa phòng. Lúc ấy Liêm Xứng từ bên ngoài pha cửa hùng hổ bước vô. Đồ-nhân Phí xốc đến toan chém thi đã bị Liêm-Xứng xả cho một dao lòi ruột chết ngay.

Giết xong bọn cận vệ, Liêm-Xứng bước đến bên giường thấy một người nằm trên giường đắp cầm bào sau bức màn thêu, ngờ là Tề Tương-Công liền vung gươm chém một mót nhát, đầu văng ra khỏi cổ.

Liêm-Xứng lượm đầu lên xem thấy không râu,
biết mình đã làm liên lục soát khắp nơi.

Tìm đến xó cừa sau, thấy Tề Tương-Công đang núp ở đấy, Liêm-Xứng nắm cò đè xuống chặt làm hai khúc...

Nhận xét :

- Ở đây chúng ta thấy rõ hai tấm lòng trung.

Luôn luôn theo thờ chủ, dù thấy chết trước mắt vẫn không tránh. Dù chủ vừa đánh đập tàn nhẫn vẫn không phản phúc. Đỗ nhân-Phi và Mạnh-Dương đã bộc lộ hai tấm lòng trung đó

Nhưng về chữ trung có nhiều nghĩa : Trung hậu, trung tin, trung liệt, trung nghĩa...

Kẻ đem lòng trung thờ một người mà người ấy thay mặt mình để miru cầu hạnh phúc cho dân cho nước tức là đã gián tiếp giúp cho nước cho dân vậy.

Kẻ vì thanh danh của mình, không chịu đầu hàng địch, dù phải chết, để bảo vệ khiết Minh. Đó cũng là một lối trung.

Kẻ mang ơn một người, đem thân mình đập đèn cho cá nhân ấy. Đó cũng là một lối trung. Nói chung lối trung nào cũng được khen.

Nhưng về phương diện chính trị, trung nghĩa có nhiều lợi hại. Đem thân mình trung thành với một kẻ hồn ám, vô đạo, bất nghĩa, tàn ác, như ông vua Tề Tương-Công tức là đã vô tình giúp cho kẻ tàn ác gây thêm tội lỗi, phản dân hại nước. Kẻ trung như vậy chẳng khác nào gián tiếp hại dân. Thanh danh những kẻ trung ấy không có giá trị.

Xưa nay có rất nhiều kẻ trung theo lối Đồ nhân-Phi và Mạnh-Dương, vì cảm tình với cá nhân người ấy mà tận trung chí không hề nghĩ đến hành động tai hại của người ấy.

Triết sanh giống chó trung thành với chủ. Cho dù bị đánh đập cách nào hễ chủ gọi đến cũng ve vẩy đuổi chạy đến liếm chân, chẳng bao giờ biết giận hơn. Dù nhà nghèo, ăn uống khổ cực vẫn không bao giờ đến ở nhà khác thấy nhà khác có nhiều thức ăn hơn.

Cái trung của con người không thể quá giản dị như vậy được.

Một ông vua dâm loạn, tàn ác như Tề Tương-Công làm gì có đạo đức? Mắt một chiếc giày mà dám nói với một quan cận vệ:

— Chiếc giày của ta mất mà người còn sống sao?

Rồi dùng roi da đánh viên quan ấy đến bóc da lưng, máu chảy ướt mây lăn áo. như thế nhà vua đã xem giày mình quý hơn một mạng người, hay một viên quan cận vệ của mình.

Lúc hàn vì ai cũng cho những hành động như vậy là bất nghĩa, nhưng đến lúc ngồi trên một địa vị cao, được mọi người cát tường, bợ đỡ, nhiều người đã quên hẳn cái xấu xa của con người mình, tưởng rằng mình làm gì nói gì, cũng đúng cả.

Đến lúc lâm nguy mất nước, mới chịu mở mắt ra, hối hận:

— Tiếc rằng ta không có con mắt...

Than ôi!

TÌNH TRÍ KỲ

— Sinh ta ra ãy là cha mẹ, hiều
biết ta thì trong đời này chỉ có
một Bảo-thúc-Nha mà thôi.

Quản-di-Ngô tên chū là Trọng, một người tướng mạo khôi ngô, thông minh xuất chúng, học rộng mưu cao, dù tài kinh thiên vĩ địa. Lúc còn làm hàn sī là bạn với Bảo-thúc-Nha. Hai người thường đi buôn chung, nhưng mỗi khi kiếm được lời, Quản-di-Ngô bao giờ cũng nhận lấy phần hơn, chỉ chia cho Bảo-thúc-Nha chút ít mà thôi. Tuy nhiên, Bảo-thúc-Nha chẳng bao giờ có ý phản nàn.

Người ngoài thấy vậy nói với Bảo-thúc-Nha :

— Cùng công cán như nhau, sao ông lại đè Quản-di-Ngô ăn lấn ông như vậy ?

Bảo-thúc-Nha đáp :

— Quản-di-Ngô đâu phải tham lam, chỉ vì gia đình nghèo, tiêu không đủ nên cǎn tiền thế thôi.

Đến lúc sau ra phò Tề Tương-Công, giúp việc quân vụ, mỗi khi ra trận, Quản-di-Ngô đi sau, nhưng đến lúc lui binh thì Quản-di-Ngô lại chạy trước. Ai nấy cho Quản-di-Ngô là nhát gan.

Bảo-thúc-Nha nói :

— Không phải Quản-di-Ngô nhát gan đâu, chỉ vì ông ta còn mẹ già nên muốn giữ lấy thân mình để nuôi mẹ.

Việc làm của Quản-di-Ngô phần nhiều bị thất bại, ai nấy cho là kẻ bất tri. Bảo-thúc-Nha bảo chừa;

— Đó là con người chưa gặp thời. Nếu lúc Quản-di Ngô đã gặp thời thì mười việc không sai một.

Quản-di-Ngô nghe Bảo-thúc Nha nhận xét mình như thế, lòng khâm phục than thầm :

— Sinh ra ta ấy là cha mẹ, mà hiều biết ta trong đời chỉ có Bảo-thúc-Nha mà thôi.

Từ lúc đó hai người trở nên tương đặc.

Nhận xét :

Những tâm hồn lớn gặp nhau.
Trong đời hiều người hiền minh là chuyện khó khăn lắm.

Tri óc con người không phải lúc nào cũng cố định, nó biến đổi tùy theo trạng thái của vật chất. Cùng một việc mà người này nhận xét thế này, người kia nhận xét thế khác. Cung một việc, cùng một người mà thời gian này nhận xét thế này, thời gian kia nhận xét thế khác. Cung một việc, cùng một người mà khi ở địa vị này họ nhận định cách này, ở địa vị kia họ nhận định cách khác.

Như vậy, tư tưởng con người thay đổi theo giá trị sinh hoạt của thể chất. Do đó việc hiều người, hiền minh thường bị sinh hoạt vật chất ánh hưởng làm cho con người sai lạc.

Kẻ muốn hiền minh, hiều người cho xác đáng nhất định phải để tư tưởng mình tách rời khỏi giá trị sinh hoạt hiện thời.

Người ta nói những tâm hồn lớn thường gặp nhau, đó là những tâm hồn khoáng đạt, siêu thoát ngoài vòng danh lợi, từ tưống họ không đe danh lợi ràng buộc vây.

Xem như Bảo-thúc-Nha đi buôn chung với Quản-di-Ngô, trong lúc Quản-di-Ngô ăn chết mình đã không giận mà còn nói :

— Quản-di-Ngô không phải người tham, chỉ vì nhà nghèo cần tiền tiêu đây thôi.

Như vậy không phải Bảo-thúc-Nha đã đe tưống mình vượt ra ngoài vòng danh lợi rồi sao.

Tưống không bị ràng buộc, tưống ấy nhận xét mới chính đáng.

Đến lúc Quản-di-Ngô phò Tề Tương-Công, phục vụ trong binh ngũ, lúc ra trận thì đi sau, lúc lui quân lại đi trước, dĩ nhiên là Quản-di-Ngô sợ chết rồi.

Có điều đáng bàn là việc Quản-di-Ngô sợ chết có chính đáng không ?

Bảo-thúc-Nha nói :

— Quản-di-Ngô không nhất gan, chỉ vì còn mẹ già nên muốn đe dành thân mình phụng dưỡng.

Bảo-thúc-Nha trả lời như thế cũng chỉ cho qua chuyện, thực ra Tề Tương-Công là một ông vua dâm loạn, bạo ngược, tàn ác, còn Thúc-Nha và Di-Ngô là bậc tôi hiền. Tôi hiền không thử bạo chúa.

Họ ra giúp Tề Tương-Công không phải để phò vua giúp nước mà đe chờ thời. Kế chờ thời lại đem tâm kinh hữu dụng mình chết một cách vô lý sao ?

Cho nên, những kẻ không có chí lớn chỉ thấy việc trước mắt, còn kẻ có chí lớn không những thấy bồn phồn mình ngày nay mà còn biết nhiệm vụ mình ngày sau nữa.

Đời nay, tình bạn nhiều người không hiều nhau bằng tâm hồn mà hiều nhau qua chén rượu, qua những lời nịnh dọc. Họ khen chê nhau cũng chỉ vì quyền lợi của họ đối với cá nhân ấy, hoặc đe đẽ cao lấp địa vị của mình mà thôi, đâu có nghĩa gì gọi là hiều minh hiều người. May ai được như Thúc-Nha Quản-Trọng.



NHỮNG KẺ THÁY XA

*Đã khong bô được lòng
ta át tai họa phải đến.*

Tề Tương-Công có hai người con người lớn
l) Công Tử Cù, người nhỏ là công-tử Tiêu-Bạch.
Hai vị công tử tuy không phải con giòng đích,
nhưng Tề Tương-Công thấy đã khôn lớn cần phải
tim thầy dạy dỗ. Do đó Bảo-thúc-Nha và Quản-
di-Ngô được chọn vào làm Sư-phó.

Quản-di-Ngô nói với Bảo-thúc-Nha :

— Tề hầu có hai người con, tuy là giòng thứ, nhưng không có giòng chính thì giòng thứ sau này cũng được nối ngôi. Bây giờ chúng ta lãnh mỗi đứa một người mà dạy dỗ, sau này nếu người nào được nối ngôi thì chúng ta tiến cử lẫn nhau để được trọng dụng.

Bảo-thúc-Nha khen phải. Hai người vào triều yết kiến Tề Tương-Công. Bảo-thúc-Nha lãnh công-tử Tiêu-Bạch, còn Quản-di-Ngo, lãnh công-tử Cú, có Thiệu-Hốt giúp đỡ.

Thời gian sau, Tề Tương-Công ham mê săn bắn, thường bỏ triều chính, ra nơi đất Chước tư tình với nàng Văn-Khương.

Thúc-Nha thấy vậy tỏ ý với công-tử Tiêu-Bạch :

— Chúa công dâm loạn, dân tình không phục, tôi e trong nước sanh biến chẳng lân. Công-tử nên tò lòi khuyên can.

Tiêu-Bạch y lời. Một hôm vào tàu với Tề Tương-Công :

— Phụ thân đi săn bắn nơi đất Chước, thiên hạ dị nghị rất nhiều, xin phu tham ti hiềm đừng đến đó nữa.

Tề Tương-Công nồi giận xách giày liêng Tiêu-Bạch, hét :

— Mày là con nít biết gì đến chuyện của ta mà nói.

Tiêu-Bạch thắt kinh chạy về nói lại với Bảo-thúc-Nha

Thúc-Nha buồn bã nói :

— Đã không bỏ được lòng ta át tai họa phải đến. Vậy công tử cùng tôi sang nước khác lánh nạn, ngày sau sẽ tính.

Tiêu-Bạch hỏi :

— Bây giờ phải qua nước nào ?

Thúc-Nha nói :

— Nước lớn thường cậy thần cậy thế, tánh tình

hay thay đổi bất thường, còn nước nhỏ thì thù phận, ít sanh chuyện lôi thôi. Vậy ta nên sang nước Cử, gần gũi nước Tề, sau này có trở về cũng tiện.

Tiêu Bạch thuận tình, hai người trốn qua nước Cử.

Cách đó không lâu, Tề Tương-Công bị giết, Công-tôn Vô-Tri lên nối ngôi, và sai người đến triệu Quản-di-Ngô vào triều giúp việc.

Quản-di-Ngô nói:

— Bọn ấy gươm đã kè cò mà không biết còn muốn lôi kéo đến kè khác sao ?

Nói rồi cùng Thiệu-Hột phò công-tử Cử chạy sang nước Lỗ.

Nước Lỗ vốn là bên ngoại của công-tử Cử nên công-tử Cử được Lỗ-trang-Công trọng đãi, cho ở nơi đất Sinh-dâu.

Chỉ một thời gian sau, Vô-Tri bị quản thân không phục lập kế giết đi, làm cho nước Tề rối loạn không có vua.

Nhân xét :

Những người có chí lớn thường thấy những việc xa, còn kẻ bát tri chỉ thấy được những việc trước mắt thôi.

Trong lúc Tề Tương-Công đang mạnh thê, chỉ vì dâm loạn ác tâm mà Bảo-Thúc-Nha đoán biết nước Tề không thể nào tránh được nguy cơ, với phò công-tử Tiêu Bạch trốn đi.

Sau ngày Tề Tương-Công bị giết, Công-Tôn Vô-Tri lên ngồi, mời Quản-di Ngô ra giúp việc nước.

Quản-di-Ngô đã không giúp mà còn cùng Thiệu-Hốt
dẫn công-tử Cù trốn sang nước Lỗ.

Áy vậy, những kẻ thấy xa hiền rồng bao giờ cũng
không chú ý đến cái lợi nhất thời mà bỏ cái lợi to tát
về sau.

Quản-di-Ngô về điểm này tuy không bằng Thúc-Nha,
nhưng cũng còn có con mắt tinh đời hơn kẻ khác nhiều.

Thời nay, thiếu gì người chỉ biết có cái địa vị trước
mắt mà không thấy cái nguy hại về sau. Mỗi khi vớ được
một địa vị gì tưởng đó là cái ngôi vĩnh viễn, họ có biết
đau cái địa vị ấy nền xây trên cát bụi thì nó sẽ sụp
đò không lâu.

Gặp thời nào xuôi theo thời nấy. Gió chiều nào cờ
phất theo chiều ấy, đó chỉ là những kẻ nịnh bợ, xu thời,
kiếm ăn, đâu phải là những nhà chính trị, những kẻ yêu
nước thương dân.



CUỘC ĐẤU TRÍ GIỮA BẢO-THÚC-NHA VÀ QUẢN-DI-NGÔ

Tề Tương-Công bị giết, nước Tề không có vua.
hai công-tử con vua là Tiều-Bach được Bảo-thúc-
Nha dẫn đi lánh nạn ở nước Cử. Công-tử Cù được
Quản-di-Ngô dẫn đi lánh nạn ở nước Lỗ.

Khi nghe được tin, Quản-di-Ngô sợ công-tử
Tiều-Bach về trước giành ngôi vua, nên vào tàu với
Lỗ-trang-Công :

— Để ngăn cản công-tử Tiều-Bạch, xin Chúa công cho tôi mượn một con ngựa hay và một ít quân lính đi dòn đường Tiều-Bạch. Như thế mới tranh ngôi cho công-tử Cử được.

Lô-trang-Công hỏi :

— Người muốn đem bao nhiêu quân ?

Quân-di-Ngô đáp :

— Chỉ cần độ ba mươi cỗ xe là đủ.

Lô-trang-Công liền cấp phát. Quân-di Ngô lệnh mang kéo quân đi.

Ngay lúc đó bên nước Cử, công-tử Tiều-Bạch cũng đã hay tin liền bàn với Bảo-thúc-Nha mượn một trăm cỗ xe của nước Cử để tổng trở về.

Cử và Tề ở sát biên giới, công-tử Tiều-Bạch đi chưa bao lâu đã ra khỏi biên giới nước Cử. Còn Di-Ngô đem quân đuổi theo, đến biên giới thì đã nghe tin Tiều-Bạch đi qua khỏi rồi. Quân-di-Ngô vội vã đuổi theo hơn ba mươi dặm nữa mới theo kịp.

Vừa thấy Tiều-Bạch, Quân-di-Ngô nói lớn :

— Từ ngày cách mặt nhau đến nay, công-tử vẫn được mạnh giỏi chứ ?

— Nhờ trời tôi cũng được bình yên.

— Chẳng hay công-tử kéo quân đi đâu mà gấp vậy ?

Công-tử Tiều-Bạch đáp :

— Tôi muốn về nước cư tang cho thân phụ tôi.

Quân-di-Ngô nói :

— Việc cù tang đã có công-tử Cù là anh cả, còn công-tử là em thì vội gì. Xin định lại.

Bảo-thúc-Nha nói:

— Chúng ta ai vì chúa này, xin Di-Ngô chờ nhiều lời.

Nói xong thúc quân tiến bước.

Quân di-Ngô muốn cản lại, nhưng thấy Tiều-Bạch đóng quân hơn minh nên không dám, bèn rút cung tên nhằm ngay Tiều-Bạch bắn một mũi. Tiều-Bạch la lên một tiếng trào máu miệng té ngửa xuống xe. Thúc-Nha thát kinh lật đật đến cứu. Bọn tùy tùng trong hấy khóc rống lên.

Quân di-Ngô tin chắc Tiều-Bạch đã chết, vội vã quay xe lui binh về, lòng hơn hờ nghĩ thăm:

— Công-tử Cù có phước lâm, thế là ngôi báu kia không còn ai tranh đoạt nữa.

Tuy nhiên, Quân di-Ngô đã lầm, mũi tên kia không giết được công-tử Tiều-Bạch, chỉ xẹt qua chiếc dây đai thắt lưng. Công-tử Tiều-Bạch là người lanh lợi, biết tài bắn của Di-Ngô, nên giả vờ ngã ngửa ra cắn lưỡi phun máu đẽ Di-Ngô khỏi bắn tiếp mũi tên thứ hai.

Khi thấy Tiều-Bạch không bị thương tích gì, Thúc Nha vội thay quần áo, giấu vào trong một cổ xe riêng, hồi quân tiến gấp về Tề-đò.

Đến nơi, Thúc-Nha vào thành ra mắt các quan và chủ trương lập Tiều-Bạch lên nối ngôi, lấy hiệu là Tề Hoàn-Công.

Cách mấy ngày sau, Di-Ngô yêu cầu vua Lỗ cử binh đưa công-tử Cù về nước Tề kế vị, nhưng vua

đến biên giới đã hay tin công-tử Tiêu-Bạch lên ngôi rồi.

Thế là Di-Ngô và vua nước Lỗ đành thua tri Thúc-Nha, phải đốc quân chiến đấu.

Nhận xét

Thúc-Nha và Quản-di-Ngô đều mưu việc phục hưng nước Tề. Ai cũng thuận theo lòng người, lập con Tề Tương-Công lên nối ngôi cha. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là ai vì chúa này. Thúc-Nha thì phò Tiêu-Bạch, Di-Ngô thì phò công-tử Cù, dĩ nhiên ai cũng muốn người mình chiếm được địa vị độc tôn.

MNgười đời sau thường khen Di-Ngô là người tài trí hơn người, có tài đồ vương định bá. Tuy nhiên đi sâu vào việc, chúng ta thấy rằng Di-Ngô chỉ có tài dựng nước mà không có tài sáng lập. Cũng như Bảo-thúc-Nha chỉ có tài sáng lập mà không có tài dựng nước. Hai người tuy là có tài cả, nhưng tài năng khác biệt nhau.

Nếu không có một nước Tề do Di-Ngô dựng lên thì chưa chắc Thúc-Nha sau này đã đủ khả năng đào tạo một ông vua như Tề-Hoàn-Công. Cũng như không có Di-Ngô giúp Tề-Hoàn-Công sau này thì Thúc-Nha không thể nào biến nước Tề thành một nước Bá chủ được.

Một nhà chính trị có tài dùng người phải thấy khả năng của mỗi người trong mọi lãnh vực.

Còn so cuộc đấu trí giữa Thúc-Nha và Di-Ngô, chúng ta thấy Di Ngô thua Thúc-Nha một bước. Trước hết, Thúc-Nha biết trước nước Tề có loạn, đưa Tiêu-

Bạch đi lánh nạn trước, trong lúc ấy Di-Ngô vẫn còn đợi cho đến lúc Tề Tương-Công chết mới thấy được tình hình.

Thúc-Nha ra đi biết trước sẽ có ngày về nên không đi xa, đưa Tiêu-Bạch qua nước Cử để gần nước Tề là một dụng ý về mưu lược.

Đào tạo Tiêu-Bạch thành một Tề Hoàn-Công sau này cũng nhờ ở tài năng của Thúc-Nha.

Di-Ngô phò công-tử Cù là anh, đó là một điểm lợi thế. Lánh nạn qua nước Lỗ là một nước lớn có đủ binh hùng tướng mạnh, đó là một lợi thế nữa. Ấy vậy mà không tranh nồi với Bao-Thúc-Nha thì quả Di-Ngô mưu trí không bằng Thúc-Nha rồi.

Cho nên, khen Di-Ngô không phải khen về mưu chước mà khen về tài an bang tề thế, có đủ sách lược để biến riết nước yếu thành một nước mạnh, biến một nước loạn ra một nước trị mà thôi.

Tề Hoàn-Công không phải là kẻ biết dùng người, nhưng nhờ ở Thúc-Nha, con người hiều người hiều ta. Thúc-Nha không bao biện, chỉ làm những việc hợp với tài năng mình thôi, còn việc mình không đủ tài phải cậy vào kẻ khác.

Đời nay nhiều người khi chiếm đoạt một địa vị rồi thì bo bo lo sợ những kẻ khác xen vào cướp mất địa vị mình. Những kẻ ấy chính là những kẻ mưu lợi riêng cho mình hơn là lo cho tiền đồ dân tộc.



CÁI CHẾT CỦA THIỆU-HỐT VÀ CÁI SỐNG CỦA QUẢN-DI-NGÔ

Thiệu Hốt và Quản Di Ngô cùng phò công-tử Cù
mưu việc nỗi ngôi nước Tề, nhưng vì Bảo-thúc-Nha
sớm đưa công tử Tiêu-Bạch về nước lên ngôi trước.
Thất cơ, Di Ngô phải nhờ Lỗ-trang-Công cù binh
giao chiến để đòi lại chiếc ngai vàng.

Chẳng may qua hai lần giao tranh, Lỗ-trang-
Công bị bại binh cuồn cù kéo quân về.

Nước Tề không lấy thế làm vừa lòng, viết thư
sai sứ đem đến nước Lỗ buộc Lỗ hầu phải giết
Công Tử Cù rồi mới giao hòa, nếu không sẽ đem
binh đánh nước Lỗ.

Lỗ-trang Công sợ hãi, hỏi Thi Bá :

-- Khanh có cách nào giải quyết việc khó khăn
này ?

Thi-Bá suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Đành phải hy sinh công-tử Cù.

Bấy giờ công - tử Cù, Quản di-Ngô và Thiệu-Hốt
đang ở tại Sinh-dậu. Lỗ-trang-Công sai công tử Yến
đem quân đến giết công - tử Cù, bắt Quản-di-Ngô và
Thiệu Hốt bỏ vào tù xa.

Thiệu-Hốt thấy vậy than rằng :

-- Làm con nên vì cha mẹ mà chết, làm tôi nên
vi Chúa mà hy sinh, ấy mới phải đạo. Nay công
tử Cù đã chết, thì Hốt này còn sống làm gì ?

Nói rồi đập đầu vào một cây cột tư vatem.

Quản-di Ngô nói :

— Nếu Thiệu-Hốt quả liều chết theo chúa thì ta nên vì Chúa mà giữ thân này lại để có ngày minh oan cho chúa ta.

Nói rồi bó tay chịu trói mà vào tù xa

Nhận xét :

Làm con vì hiếu mà chết,
Làm tôi vì trung mà chết.

Cái chết của Thiệu-Hốt làm nỗi bất một tâm lòng thùy chung của một tôi thân thùy chung đối với Chúa. Thật đáng khen và kính mến. Nhưng so với cái sống của Quản-di-Ngo, Thiệu-Hốt còn kém ở chỗ hẹp hòi, cùn nè, ít sáng suốt và thiếu óc phán đoán.

Nói như thế sẽ có người phản đối : Theo phò Chúa mà Chúa chết không biết bão thù, lại tham sống thì anh hùng sao được ? Thiệu-Hốt không sợ chết, không chịu nhục gông cùm, như thế mới là một tôi trung.

Không ai chối cãi Thiệu-Hốt là một tôi trung. Nhưng cái trung của Thiệu-Hốt chỉ là trung với Chúa, chứ không phải trung với nước Tề. Trung với nước Tề mới là cái trung đáng kề. Bởi vì công-tử Cù và công-tử Tiều-Bạch là hai anh em, không người này lên làm vua thì người khác, cũng đều là con vua Tề Tương-Công cả. Dẫu Cù hay Bạch có làm vua thì cũng làm vua cho nước Tề thôi. Phương chi, trong một nước không thể có hai vua, tất nhiên không thể dung dưỡng hai con hồ cùng tranh nhau một miếng mồi, thì nếu công-tử Cù không chết thì công-tử Tiều Bạch cũng sẽ chết.

Chỉ hận cho chẽ độ phong kiến, sự giành giật
ngôi vua giữa anh em muôn đời vẫn xảy ra khiến cho
thành nghiêng 'nước ngửa. Buộc một người phải chết
đè cho nước Tề được vững vàng đó là nguyện vọng
của kẻ làm tội. Bảo-thúc-Nha hành động như thế không
phải tạo cái ác đầu. Nếu Tiêu-Bạch và Cù hòa nhau,
thương yêu nhau như anh em công-tử Thọ và công-
tử Cáp-Tử thì làm gì có cái chết ấy.

Thiệu-Hốt chết theo công tử Cù, người đời khen
lòng trung nghĩa, nhưng không khen chí trượng phu.
Cái chết của Thiệu-Hốt hép hòi ở chỗ chỉ biết có một
công-tử Cù mà không thấy rằng mình là tội nhân của
nước Tề, phục vụ cho toàn thể nhân dân nước Tề.

Hủy tâm thán hữu dụng của mình, Thiệu-Hốt chỉ
làm rạng danh cho một kẻ trung, vì chưa mà chết
thôi.

Ngược lại, cái sống của Quản-di-Ngô là con người
tự-tử tham-sinh, nhưng với cặp mắt biết nhận thức
được người tàn, thì người ta sẽ hoài nghi về cù-chí
của Di-Ngô và phản-van chưa biết đó là quản-tử hay vẫn
là kẻ thường nhẫn. Nhưng đối với con mắt tinh đời
thấu triệt được hoài bão sâu xa, cùng tài quản-thể của
Di Ngô thì người ta phải kính nể, sợ sệt đối với ý
thức nhẫn nhục ấy.

Mấy ai có được đôi mắt như Thi-Bá và Bảo-thúc-
Nha.



QUÀN-TRỌNG, MỘT CHÍNH TRỊ GIA NỘI TIẾNG

Quản-Trọng phò công-tử Cù, bị Tiều-Bạch giành ngôi, công-Tử Cù chết, nhưng Quản-Trọng không chết. Quản-Trọng chủ trương dành lại thân minh đền minh oan cho Chúa sau này. Điều đó nhiều người dị nghị về Quản-Trọng rất nhiều.

Về sau, Quản-Trọng bị bỏ vào tù xa đem về nước Tề. Bảo-thúc-Nha giới thiệu với Tề Hoàn-Công (Tiều-Bạch) mời Quản-Trọng vào triều dùng vào việc kiến-quốc

Tề Hoàn-Công y lời chọn ngày lành rồi thân hành đi đón Quản-Trọng.

Khi Quản-Trọng vào triều, Tề Hoàn-Công mời ngồi trên chiếc cầm đòn bên cạnh mình với cử chỉ rất thân mật.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Nước Tề ta vốn là một nước lớn, tiên quân ta là Hi-Công, đã làm cho các chư hầu kính nể. Đến đời Tương-Công chinh lệnh bắt thường, xảy ra tai biến. Nay ta vừa mới lên ngôi, lòng dân chưa định, thế nước chưa yên, nay muốn cho nước mạnh, dân an, phải làm gì trước ?

Quản-Trọng nói :

— Lê, nghĩa, liêm, sĩ là bốn điều cốt yếu để trị nước, nếu thiếu một trong bốn điều đó tai biến sẽ xảy ra. Nếu cả bốn điều đó không có thì nước sẽ mất.

Tề Hoàn Công hỏi :

— Nếu đã có bốn điều đó thì làm cách nào mà trị dân ?

Quản-Trọng nói :

— Muốn trị dân trước hết phải yêu dân.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Muốn yêu dân phải làm cách nào ?

Quản-Trọng nói :

— Yêu dân phải dạy dân, lấy đạo thân ái chấm sóc đời sống hàng ngày cho dân, bớt xíu giảm thuế làm cho dân giàu, hễ dân giàu tức là nước mạnh.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Dân giàu nhưng binh khí, quân cụ trong nước thiếu thốn thì phải làm sao ?

Quản-Trọng đáp :

— Muốn đủ binh khí, quân cụ thì binh pháp trong nước nên đặt lệ cho chuộc tội. Tội nặng cho chuộc một cái giáp, tội nhẹ cho chuộc một cái quy thuận, tội nhỏ cho nạp kim khí, tội nghi thì tha hẳn. Ké nào tung lý tương đối thì bắt nạp một bó tên, rồi giải hòa. Làm như thế át quân dụng không thiếu.

Tề Hoàn Công hỏi :

— Đã làm như vậy nhưng không đủ dùng thì phải làm sao ?

Quản-Trọng nói :

— Khai mỏ đúc tiền, nấu nước bể làm muối, trữ hàng hóa lấy lãi, cất ba trăm nhà nữ-lưu cho các khách buôn bán đi lại tụ họp ở đó mà đóng thuế. Như vậy công quỹ phải đủ dùng.

Tề Hoàn Công hỏi :

— Của dùng đã đủ, nhưng quân lính còn ít, không đủ mạnh thì làm sao ?

Quản Trọng nói :

— Quân không cần nhiều, chỉ cần tinh nhuệ, mạnh không vì sức mà vì cốt ở tinh thần, do đó, chúa công muốn có binh mạnh chỉ cần giữ vững lòng quân, rèn luyện kỹ thuật chiến đấu là đủ.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Bi h thế đã mạnh, có nên đi đánh các nước chư hầu chẳng ?

Quản Trọng đáp :

— Chưa nên đánh vội. Làm chủ các chư hầu không phải sức mạnh hăm dọa mà phải đem đạo đức ra chỉnh phục. Trước hết phải đặt mình lên địa vị chính đáng đã, sau sẽ dùng cái địa vị đó mà trấn an các chư hầu.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Làm thế nào để đặt mình vào địa vị chánh đáng ?

Quản Trọng đáp :

— Danh chánh ngôn thuận là ý muốn của mọi người, các chư hầu đều có bồn phận phải tuân vương mạng, vậy trước tiên Chúa Công phải kính trọng nhà Châu, và bắt các chư hầu cũng phải kính trọng như mình.

Tề Hoàn Công hỏi :

— Rồi làm thế nào để trấn an các chư hầu ?

Quản Trọng đáp :

— Phải đem đạo đức mà giao hữu với họ, đem tất cả các đất đai đã chiếm được trả cho họ, tỏ ra mình không tham lam, lại đem lễ vật đến khắp nơi cầu người hiền đem về nước mà dừng. Nước chư hầu nào bị loạn tặc nên đem quân đến cứu, làm như vậy nước nào không mến phục?

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Xưa nay đất rộng dân đông là biểu hiện cho nước giàu mạnh mà khanh lại bảo không đem quân đến đất giành dân thì làm sao cho nước hùng?

Quân Trọng nói :

— Đem sức mạnh chiếm đất cũng chỉ chiếm được một chỗ nhỏ nào thôi, vì chiếm rồi còn phải giữ, nếu không đủ sức giữ sẽ bị mất, còn đem đạo đức mà chiếm đất thi không cần giữ, do đó có thể chiếm bao nhiêu cũng được.

Tề Hoàn Công cùng Quân-Trọng nói chuyện trong ba ngày đêm mà không biết chán.

Tề Hoàn Công lấy làm đặc ý phong cho Quân-Trọng làm Tề-Tướng.

Quân Trọng từ chối không nhận. Tề Hoàn-Công nói :

— Bởi ta muốn theo sách lược của khanh nên phải dùng khanh binh chánh, có gì khanh lại từ chối?

Quân Trọng nói :

— Không phải sức một cây gỗ có thể làm nên một nhà lớn, không phải sức một dòng nước tạo nên một bể cá, nếu Chúa-Công đã có chí lớn thì nên dùng năm kiệt sĩ đương thời.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Năm kiệt sĩ ấy là ai ? Tài năng như thế nào ?

Quản-Trọng nói :

— Có tài giao thiệp biết giữ lẽ phép thì tôi không bằng Tháp-Bằng, xin cho Tháp-Bằng làm Đại-tư Hành. Có tài khai khẩn, biết cách trông trọt thì tôi không bằng Ninh-Việt, xin cho Ninh-Việt làm Đại-tư Điền. Có tài luyện tập quân sĩ, khiến cho người ta quên chết thì tôi không bằng Hành-Phù, xin cho Hành-Phù làm Đại-tư-Mã. Có tài xử đoán khiếu người ta khỏi bị hầm oan, thì tôi không bằng Tân-tu-Vô, xin cho Tân-tu-Vô làm Đại-tư Lý. Có tính cương trực, thấy điều trái tất phải nói ngay, thì tôi không bằng Đông-quách-Nha, xin cho Đông-quách-Nha làm Đại Giám-quan. Chúa công trọng dụng năm người ấy át trong nước được cường thịnh.

Tề Hoàn-Công nghe theo lời Quản-Trọng phong chức cho năm người ấy, và quyết định phong cho Quản-Trọng làm tể-tướng.

Quản-Trọng nói :

— Chúa Công đã có chí lớn, dẫu tài tôi hèn mọn cũng xin cố sức mà vâng mệnh Chúa Công.

Tề Hoàn Công lại hỏi :

— Ta bình sanh có tánh tra săn bắn, lại thích nết sắc, chẳng hay hai điều ấy có hại đến nghiệp bá chẳng ?

Quản-Trọng nói :

— Đã rõ được nhược điểm của mình tất không hại.

Tề Hoàn Công hỏi :

— Thế thì điều gì mới có hại cho nghiệp bá ?

Quân-Trọng nói :

— Không biết người hiền là hại. Biết người hiền mà không dùng là hại. Dùng người hiền mà không dám phó thác việc lớn là hại. Phó thác việc lớn mà đe kẽ tiều nhơn xen vào là hại.

Tề-hoàn Công khen phái. Từ đó công việc triều chính đều phó thác cho Quản-di Ngô, lại gọi Quản-di Ngô bằng Trong-Phụ.

Nhân xéL :

— Không phải sức một cây gỗ mà làm được một nhà lớn. Không phải sức một dòng nước mà làm nên được biển cả.

Một nhà chính trị lỗi lạc như Quản-Trọng tất nhiên

hiểu rất sâu xa thuật ngữ thế trong xã hội loài người rõ.

Quân-Trọng trả tài giúp Tề-Hoàn-Công dựng nên nghiệp bá chính là nhờ ở trí óc thấy xa hiều rộng vạy.

Chương trình kiến quốc của Quản-Trọng rất vĩ đại, mà thời xưa ai cũng lấy đó làm khuôn thước để noi gương.

Trước hết, đặt vấn đề trị mroc, Quản-Trọng chú ý đến bốn điểm : Lê, Nghĩa, Liêm, Sỉ.

Bốn điều ấy chính là cương lĩnh để cho trong xã hội biết tôn ti thương hạ, trên dưới kính nhường nhau. Lê, Nghĩa, Liêm. Sỉ là bốn điều cốt bản để đào luyện tư cách con người. Từ vua quan đến thường dân nếu ai cũng giữ được bốn chữ ấy thì trật tự trong nước sẽ tiến đến chỗ tốt đẹp. Nên bốn điểm ấy,

ý thức Quản-Trọng đặt nặng văn để giáo dục quần chúng và rèn luyện tư cách lãnh đạo trước nhất.

Vì, tư cách lãnh đạo có, mà giáo dục quần chúng thiếu thì cũng không thành công được. Giáo dục quần chúng có, mà tư cách lãnh đạo thiếu thì chẳng đi đến đâu. Hai việc này phải đi song song với nhau.

Nhưng bốn điểm này không phải là cơ sở của chương trình kiến quốc, mà chỉ là cơ sở cho việc quốc thái dân an thôi.

Có bốn điểm ấy chỉ mới là việc tổ chức trật tự trong nước, việc giáo dục quần chúng chờ chưa phải là việc trị dân.

Đến như việc trị dân. Quản-Trọng chú ý đến việc yêu dân.

Yêu dân không phải hứa hẹn sôong điểm này điểm nô, mà phải thật tế làm cho đời sống của dân bớt khổ sở. Cụ thể là bớt suru cao thuế nặng.

Như vậy nhà chính trị Quản-Trọng trước nhất đã đặt quyền lợi nhân dân lên hàng đầu rồi.

Thời chiến quốc là một thời phong kiến cực đoan, nước nào cũng lấy sức mạnh làm phương châm hành động, lấy việc áp bức dân làm uy quyền, thế mà Quản-Trọng đề ra ý thức như vậy thật mới mẻ lắm. «Làm cho dân giàu để cho nước mạnh».

Tuy nhiên, một bên giáo dục dân chúng, sửa đổi dân sinh, Quản-Trọng cũng không đặt nhẹ văn để quân sự, kèm theo một bên vì, quân sự là uy thế của chính quyền, nếu chính quyền không đủ uy thế quân sự thì dân chúng sẽ không tuân hành, chính lệnh sẽ vì thế mà mất nghiêm.

Quân-Trọng chủ trương hình phạt bằng lối gõp sức của dân, bắt dân phải chịu đóng góp những cái trong nước thiếu thốn. Thật là một lối trừng phạt mởi mè, có lợi cho việc giữ nước.

Về kinh tế, Quân-Trọng chủ trương khai mỏ, đúc tiền. Lấy nước biển làm muối, mở mang việc trồng trọt đó chính là một kế hoạch kiến thiết mà các triều vua thời bấy giờ không ai để ý đến.

Về việc chinh phục các nước, Quân-Trọng chủ trương dùng đạo đức thu phục nhân tâm, không dùng sức mạnh chiếm đất đai.

TÌM SÁCH.COM.VN

Đem sức mạnh chiếm đất chỉ chiếm được một phần nhỏ mà thôi vì chiếm rồi còn phải giữ, nếu không đủ sức giữ sẽ bị mất. Đem đạo đức mà chiếm đất thì đất không cần phải giữ nên có thể chiếm bao nhiêu cũng được*.

Lối chiếm đất của Quân-Trọng quả có một ý nghĩa vô cùng sâu sắc, đáng là một nhà chính trị lỗi lạc vây.

Thế giới ngày nay, qua những cuộc tranh lẩn đốt đai, vì vũ khí khoa học mỗi ngày một tiến triển, con người ý vào sự tiến triển ấy không kè đến kế sách chiếm đoạt lòng dân.

Tuy nhiên, kinh nghiệm cho ta thấy, vũ khí mạnh chỉ là phương tiện chiếm đất chứ không phải phương tiện giữ đất. Lời nói của Quân-Trọng đối với thời nay vẫn còn như một tấm gương sáng để cho các nhà chính trị thế giới suy gẫm vây.

Nói tóm lại, sách lược kiến quốc của Quán-Trọng chia làm hai phần: Đồi nội và đồi ngoại.

Đồi nội: Quán-Trọng chủ trương giáo dục dân chúng, rèn luyện cán bộ lãnh đạo, phát triển kinh tế, củng cố quân binh bằng lối ung đúc tinh thần chiến đấu, sửa đổi bộ máy cai trị theo lối phân công, mỗi nhân tài chịu trách nhiệm một ngành.

Đồi ngoại: Tương giao với nước ngoài bằng cách cho người đến thăm hỏi, mà nhất thiết không nhận của cải để khỏi mang tiếng tham lam.

— Siết chặt tình đoàn kết với các nước bằng cách giao trả những đất đai đã bị mình xâm chiếm từ trước.

— Gây uy tín cho mình bằng cách đem quân chính phạt nước nào có loạn tặc cướp ngôi để sáng lập lại đồng chánh của nước ấy.

— Cho người nước mình sang các nước ngoài để xét xem các nước cần thiết những hàng hóa gì để mang đến bán.

Đây là chính sách mà các nước Tây Phương đã áp dụng trong hai thế kỷ nay để xâm chiếm thuộc địa ở Á và Phi châu vậy.

Từ xưa người ta đã phân biệt hai chính sách kiến quốc gọi là đồi vương định bá.

Một là theo bá đạo: chính sách này áp dụng cấp thời, mục đích làm sao cho được việc trước mắt để thù lợi. Chính sách này áp dụng lúc mềm lúc rắn tùy theo mỗi việc, đôi khi thấy như điêu ngoa giả dối.

Hai là vương đạo: chính sách này nhằm một lối lâu dài và chắc chắn, lấy đạo đức làm căn bản để dân.

Đời Nghiêu, Thuần lấy vương đạo trị dân, đời Tề Hoàn-Công lấy chính sách bá đạo trị dân.

Phân biệt hai chính sách này chúng ta không thấy rõ ràng trong chính sách cấp thời, khôn khéo của Quản-Trọng nữa.



KẾT QUẢ CỦA CHÍNH SÁCH BÁ ĐẠO

Vương-Đạo và Bá-Đạo, hai chính sách tuy khác nhau, nhưng việc làm gần giống nhau. Chỉ có lúc thành công rồi mới nhận thấy bộ mặt thật của hai chính sách ấy.

Sau khi thu phục chư hầu, nắm trọn quyền bá chủ, Tề Hoàn-Công sanh ra tự kiêu, cho mình đã làm được nhiều việc có lợi ích cho dân, bèn sửa sang cung điện vô cùng lộng lẫy, các ngựa xe, đồ dùng nhất nhì đều được sửa sang rất lịch sự, sang trọng các cung điện đều được xây cất lộng lẫy.

Các quan trong triều thấy vậy cũng đua nhau phục súc và trang hoàng dinh thự của mình. Quản-Trọng đã không ngăn cản mà còn tự mình xây cất đài Tam-Qui cao ba tầng đè ở, xài phi rất huy hoát.

Bảo-thúc-Nha có ý nghi hoặc, hỏi :

— Vua xa xỉ, mình cũng xa xỉ, vua tiếm phạm mình cũng tiếm phạm, như thế nghĩa là sao ?

Quản-Trọng đáp :

— Một ông vua đã trải bao gian nguy khò sờ lập nên công nghiệp, tất có ngày phải được hưởng sung sướng và khoái lạc. Nếu mình đem lẽ phép mà gò bó thì át người ta sanh chán. Tôi sờ dí bắt chước chúa công phung phí như vậy là đè chia bớt tiếng cười chê của thiên hạ đối với chúa công vậy.

Bảo-thúc-Nha làm thịnh, nhưng trong lòng không phục.

Nhận xét :

Hành động của Tề Hoàn-Công trên đây là kết quả của một chính sách ba-dạo.

Không thể bảo rằng vì mình có công trạng nhiều với dân mà trở nên kiêu kinkel, xa hoa như vậy. Một ông vua vì nước vì dân thì phải xem việc mình làm là nhiệm vụ đối với dân với nước, sao lại cho đó là một án huệ?

Tề Hoàn-Công đã theo ba-dạo, đã vì tham vọng riêng của mình mà lập nghiệp, đâu phải vì dân nước Tề.

Đứng về vương đạo mà nói thì ông vua vui cái vui của dân, khò cái khò của dân. Dân sướng tức là vua đã sung sướng rồi, cần gì phải hưởng riêng cái sung sướng mình mới là sung sướng. Đã nghĩ riêng cho mình thì không thể nào miru cầu hạnh phúc cho dân được nữa.

Quản-Trọng bảo là vì vua xa hoa phung phí nên ông cũng phải xa hoa phung phí đè che bớt tiếng xấu của vua đối với dân chàng.

Lời nói này quả là nguy biện. Đã biết việc làm của vua là xấu, lại không khuyên can, còn hùa theo mà làm, thế thì sao gọi là trung, sao giữ được uy tín đối với dân.

Một ông vua xa hoa dân chúng đã khờ rỗi, cả triều thần xa hoa nữa thì dân lại còn khờ hơn. Việc kiến quốc không phải một mình nhà vua hay một nhóm triều thần làm nên được, phải nhờ ở sức dân mới thành, thế mà không nghĩ đến dân lại nghĩ đến riêng mình thì quả là mỉ dân rỗi.

Lời thành nhân nói: Kẻ biết lo cho dân, hãy lo lắng trước cái lo lắng của dân, hãy vui sau cái vui của dân, như thế mới gọi là vì dân.

TIMISA★H.COM.VN

BẢO-THÚC-NHA, MỘT TINH THẦN YÊU NƯỚC

Bảo-thúc-Nha phò công tử Tiêu-Bạch lên nối ngôi Tề Tương-Công, tranh với Công tử Cù.

Bấy giờ Quản-Trọng bị bắt, Thúc-Nha thân hành đến dắt Dương-phụ mở tù xa thả Quản-Trọng ra.

Quản-Trọng hỏi:

— Chưa có mệnh sao dám mở tù?

Thúc-Nha nói:

— Tôi sắp tiến cử ông với Chúa công, xin đừng ngại.

Quản-Trọng nói :

— Tôi cùng Thiệu-Hốt phò Công-tử Cù, đã không làm nên việc lại không tận trung mà chết theo vua, nay Lại trở về phò kè cừu địch thì Thiệu-Hốt ở dưới suối vàng sẽ cười tôi phản phúc.

Thúc-Nha nói :

— Muốn làm nên việc lớn sao câu nệ điều nhỏ.

Ông là người có tài trị thiên hạ, nhưng chưa gặp thời. Ông nên nghe lời tôi.

Sau đó Thúc-Nha đưa Quản-Trọng về triều rồi tâu với Tề Hoàn-Công :

— Công-tử Cù là anh ruột của Chúa công, nay bắt đắc dĩ vì việc nước mà phải dứt bỏ tình thân, hạ thần có lòng kính viếng. Nhưng kính viếng xong, thần lại mừng cho Chúa công. Mừng vì Quản-di-Ngô là bậc kỳ tài, tài nhiều hơn Thiệu-Hốt, tài nhiều hơn hạ thần, đã được bảo toàn đem về đây. Thế là Chúa công đã có một hiền sĩ xuất sắc.

Tề Hoàn-Công nói :

— Quản-di-Ngô bắn vào đai áo của ta, mũi tên đó ta còn giữ, chỉ chờ lúc bắt được hắn ta phân thây xé thịt ra, nay ta còn dùng hắn sao được ?

Bảo-thúc-Nha nói :

— Làm tôi ai cũng một lòng vì Chúa. Lúc Di-Ngô bắn vào đai áo của Chúa công chỉ vì Di-Ngô biết có Công tử Cù mà không biết đến Chúa Công. Nay nếu Chúa công dùng Di-Ngô thì Di Ngô sẽ vì Chúa công mang tên bắn cả vào thiên hạ.

Tề Hoàn-Công mắt sáng lên bảo :

— Khanh nói đúng đấy. Ta nghe lời khanh tha tội cho hắn.

Tề Hoàn-Công định giao quyền chính cho Bảo-thúc-Nha, nhưng Bảo-thúc-Nha từ chối nói :

— Chúa công già ân cho cả gia tộc tôi được no ấm, thế là đủ lắm rồi, còn việc chính trị thì Thúc-Nha nãy thật không đương nổi.

Tề-hoàn-Công cố ép :

— Không, khanh là người đã vì ta mà dựng nghiệp nước Tề, nếu không có khanh thì ta làm sao được như ngày nay. Tài khanh ta đã biết, khanh chờ chối từ, phụ lòng ta.

Bảo-thúc-Nha nói :

— Chúa công biết tôi là người kinh cần giữ lê chó không phải có tài về chính trị. Nếu cương mà dùng tôi, hại sẽ nhiều hơn lợi. Một người có tài chính trị phải là người mềm dẻo, biết cách xử thế bên trong đủ cho mọi người khâm phục, bên ngoài đủ cho các chư hầu kính vĩ, đó mới là bậc kỳ tài. Nếu Chúa công không cần đến những bậc đó thi thôi, còn nếu cần thì ngoài Di-Ngô không còn có ai hơn.

Tề-hoàn-Công nói :

— Nếu vậy khanh cho gọi đến ta xem thử tài năng ra sao ?

Bảo-thúc-Nha nói :

— Thiết tưởng : hèn thì không trị được kè giầu, sợ thì không trị được người thản. Chúa công muốn dùng Quản-di-Ngô tất phải giao quyền Tề-tướng, đã

như bậc phụ huynh mới được. Đã muốn dùng người làm Tè-tướng mà cho kêu gọi như vậy sao gọi là trọng người? Di-Ngô là bậc phi thường, Chúa công nên chọn ngày lành thành hành đến đón mới được. Thiên hạ thấy Chúa công quý kè hiền sĩ không kè đến thù riêng thì ai lại không muốn tìm đến làm tay chân cho Chúa công.

Tè-hoàn-Công nghe theo lời rước Di-Ngô về triều phong làm Tè-tướng.

*

Năm quyền Tè-tướng, Quản-di-Ngô tiến cử nhiều người, nhưng không hề nói đến Bảo-thúc-Nha, mặc dù tình thân giữa đôi bên vẫn không hề phai lạt.

Trước ngày lâm chung, Quản-di-Ngô đang nằm trên giường bệnh, Tè-hoàn-Công cầm tay thăm hỏi và tiến cử người thay thế cho Quản-di-Ngô sau này.

Quản-di-Ngô vẫn không hề nói đến Bảo-thúc Nha.

Tè-hoàn-Công ngạc nhiên hỏi :

— Ta chưa hề nghe Trọng-phụ nói đến Bảo-thúc Nha là nghĩa làm sao?

Quản-di-Ngô nói :

— Thúc-Nha là một người quân tử chứ không phải một nhà chính trị. Bảo-thúc-Nha rất ưa điều thiện mà cũng rất ghét điều ác. Ưa điều thiện là việc tốt, nhưng ghét điều ác thái quá thi kè làm ác không chịu nổi. Như vậy không ai chịu được và không dùng ai được.

Có người tôi thắc tiêu nhân xưa nịnh đem việc ấy nói lại với Thúc-Nha. Thúc-Nha chỉ cười và bảo :

— Chính vì thế mà trước kia ta mới hết sức tiến cử Trọng-phụ với Chúa công. Trọng-phụ trung với nước mà không vì bạn. Già sú như Chúa công giao cho ta chức tư khấu để khu trừ những dứa gian nịnh thì ta làm được, chứ như cho ta cầm quyền chính trong nước thì bọn các người còn chỗ nào dung thân.

Lúc nước Tề đang hùng mạnh, được vua nhà Châu phong cho làm bá chủ chư hầu, Tề Hoàn-Công thết tiệc dài quẩn thân. Tiệc đến nửa chừng, Bảo-thúc-Nha rót chén rượu đầy đến trước mặt Tề Hoàn-Công chúc mừng :

— Nghe rằng : vua đâu sáng suốt, bề tôi đâu có hiền và trung liệt, nhưng vui vẻ đến đâu cũng không nên quên hồi lo nghĩ, cực nhọc. Nay tiệc vui, rượu tuy thơm, hương vị béo, Thúc-Nha nay cũng xin Chúa công chờ nên quên những ngày trốn sang nước Cử, Quản-Trọng chờ nên quên lúc còn ở tù xa, Ninh-Thích chờ nên quên lúc còn chăn trâu nơi thôn dã.

Tề Hoàn-Công sụp lạy hai lạy và nói :

— Ta và các quan không quên lời quan Đại-phu. Đó là lời vàng ngọc mà cũng là cái phúc cho nước Tề.

Quản-di-Ngô mất, Bảo-thúc-Nha vì quá ghét bọn nịnh đến nỗi buồn rầu mà bỏ mình...

Nhận xét

— Muốn làm việc lớn sao lại
cứ chấp chuyện nhỏ nhặt ?

Phải nhìn nhận rằng Bảo thúc-Nha là một người đạo đức hoàn toàn, có thêm một số vốn chính trị khá cao, mặc dù ông tự nhận là thua kém Quản-di-Ngô.

Ngoài tấm lòng tri kỷ, tài hiếu minh hiếu người,
Bảo-thúc-Nha còn là người yêu nước triệt dề.

Không dựa vào công cán giành lấy ngôi cao, địa
vi, quyền thế, biết đặt lợi riêng mình dưới quyền tối
cao của Tù quốc, non sông. Cứ chỉ úy chí có những
kẻ chán thành yêu nước mới làm nỗi.

Nói rằng Bảo-thúc-Nha có bệnh ta điều thiện,
ghét cay ghét đắng nhưng kẻ ác tam xu nịnh, đó cũng
chỉ là tâm trạng của một kẻ yêu nước cực đoan mà
thôi.

Nếu không có Bảo-thúc-Nha, Quản-Trọng làm gì
có lối dụng võ, đem tài năng minh phai triển trong
lãnh vực chính trị.

TĐồng ý với Quản-Trọng, một nhà chính trị phải
mềm dẻo, không quá khắt khe với kẻ tiêu nhân, phải
linh động trong kế sách lãnh đạo mới thành công được.
Nhưng xét ra Bảo-thúc-Nha không phải là một kẻ non
kém về chính trị như lời nhận xét của Quản-Trọng đâu.

Cái khác biệt mà Bảo-thúc-Nha tự cho mình kém
hơn Quản-Trọng có lẽ là cái khác biệt giữa hai chính
sách Bá-đạo và Vương-đạo.

Quản-Trọng có tài mưu đồ cho sự nghiệp Bá-đạo,
biết dân Thúc-Nha trong chính sách Vương-đạo sẽ thành
công rất lớn.

Mỗi người có một tài riêng, mà trong lúc Tù
Hoan-Công thực hiện chính sách Bá-đạo, Thúc-Nha không
giúp được gì mà thôi.

Tâm trạng người xưa, người nay làm sao hiểu
thấu được? Cũng có thể nói rằng Bảo-thúc-Nha vì
thấy Tề Hoàn Công ưa chánh sách Bá-đạo, nên tự
nhận mình bắt tài tiên cù Quán-Trọng đứng ra thay
mình để gánh vác việc ấy, vì Thúc-Nha hiều tài Bá-
đạo của Quán Trọng.

Cho nên, so sánh tài đinh bá đồ vương không
thể đem Bảo-thúc-Nha ra so sánh với Quán-Trọng rồi cho
Quán-Trọng hơn Bảo-thúc-Nha được.

Trong lúc Quán-Trọng phò Tề Hoàn-Công nỗi bất
tài trí nước thì Bảo-thúc-Nha đứng ngoài chính trường
lại nỗi bất tâm lòng yêu nước thanh cao. Bảo-thúc
Nha chỉ biết vị tha mà không may may vị kỵ.

Ngay lúc Quán-Trọng còn là một tù nhân của
nước Tề, Bảo-thúc-Nha đã nói với Quán-Trọng một
câu : « Muốn làm nên việc lớn sao lại cần chấp chuyện
nhỏ nhặt ». Câu nói ấy chứng tỏ Thúc-Nha không đến nỗi
hẹp hòi như Quán-Trọng đã nhận xét Thúc-Nha lúc
lâm chung. Trước lại, Thúc-Nha rộng lượng và cas
thuong hơn ai hết. Giới thiệu bạn vào một địa vị
tối cao trong một nước, đến lúc bạn chết còn mở lời
chè mình. Thế mà Thúc-Nha vẫn không có chút gì
tự ái hay giận hờn, thật quả là một kỵ nhân. Điều
đó ấy chỉ có trong con người thiết tha yêu nước quên
mình mà thôi.

Người đời sau ít để ý Thúc-Nha mà chỉ nhắc nhở
Quán-Trọng thật là một sor sót đáng kẽ.

TẾ-TÚC VÀ UNG-CÙ

*Việc bí mật trong nước mà đem nói với
đàn bà thì không còn là bí mật nữa*

Vua nước Trịnh là Trang-Công chết. Con trưởng là Công tử Hốt lên nối ngôi tức là Trịnh-chiêu-Công. Con thứ sang ở quê mẹ là người nước Tống, được Tống-trang-Công thương có ý muốn giúp đỡ đưa về nước đoạt ngôi anh. Người con thứ này là Công tử Đột.

Trịnh-chiêu-Công hay tin này, liền sai Tế-Túc một tài thần trung kiên đi sứ sang Tống để dò xét tình hình hoạt động của em là Công tử Đột.

Nhưng Tế-Túc đến nơi, bị vua Tống bắt giam buộc phải đem công tử Đột về nước Trịnh làm vua, và phải già con gái cho Ung-Cù.

Tế-Túc mặc kệ trong thế bi không biết làm sao phải ăn thè và thực hiện đúng với lời đã hứa.

Sau một cuộc đảo chính, Tế-Túc đưa Công Tử Đột về làm vua nhưng quyền binh trong nước Tế-Túc đều nắm giữ, Công Tử Đột tức Trịnh lệ Công chỉ làm vua cho có vị thôi, việc gì cũng do Tế-Túc định đoạt cả.

Trịnh lệ Công thấy làm vua mà không có một quyền hành nào dám ra buồng chán, ghét Tế-Túc cay đắng, nhưng không biết làm cách nào để giết Tế-Túc cho được.

Một hôm, Trịnh lệ Công dạo mát ở huê vién, có quan cận thần Ung-Cù theo hầu. Ung-Cù là

rè của Tế-Túc. vì trước kia vua Tống Luộc Tế-Túc già con gái cho Ung-Cù.

Trịnh lệ Công bỗng thấy đàn chim bay qua kêu hát véo von, nhìn chim mà tủi lòng than:

— Ôi, ta không bằng loài điểu thú.

Ung-Cù hiểu ý hỏi :

— Đang tiết xuân, trời đẹp hoa tươi, cây cỏ xanh dòn, sao Chúa Công lại không vui ?

Trịnh lệ Công nói :

— Các giống chim đều được tự do không ai áp chế, còn ta tuy làm vua, nhưng không bằng giống chim.

Ung Cù nói :

— Có lẽ Chúa Công đang nghĩ đến người đoạt quyền hành trong nước chăng ?

Trịnh lệ Công nín lặng không đáp. Ung-Cù nói :

— Tôi thiết tưởng làm con không giải được tru phiền của cha là bất hiếu, làm tôi không giúp được vua trong lúc hoạn nạn là bất trung, nếu Chúa công không cho tôi là kè vô dụng thì đâu việc gì khó khăn đến đâu tôi cũng không từ nan.

Trịnh lệ Công đuổi hết quân hầu ra ngoài rồi hỏi Ung-Cù :

— Người không phải là rể Tế-Túc sao ?

Ung-Cù đáp :

— Tuy rẽ thật, song tình cha con đâu bằng vua tôi. Vả lại Tế-Túc già con gái cho tôi là do vua Tống ép buộc chứ đâu phải do thiện ý.

Trịnh-lệ-Công rõ được lồng Ung-Cù liền nói thẳng :

— Nếu người có cách gì giết được Tế-Túc ta sẽ phong cho người làm Thượng-Khanh.

Ung-Cù suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Xứ Đông-giao bị quân Tống cướp bóc, dân chúng đang đói khát, Chúa Công sai Tế-Túc đến đó phát chằn chiêu an. Tôi sẽ lợi dụng cơ hội ấy làm một tiệc tiễn hành rồi bỏ thuốc độc vào thức ăn giết Tế-Túc đi là xong.

Trịnh-lệ-Công nói :

— Kế ấy rất hay, song phải cần mật lâm mới được.

Ung-Cù vè nhà nghĩ đến vợ là Tế thị, lòng ấy này không an, mặt mày có vẻ lo láo.

Tế thị thấy thế hỏi :

— Hôm nay trong triều có việc gì quan hệ chăng ?

Ung-Cù lắc đầu đáp :

— Không có việc gì lạ cả.

Tế thị không tin, gạn hỏi nhiều lần :

— Vợ chồng ở với nhau đã lâu lẽ nào không biết ý. Nếu Tướng quân có điều gì lo lắng xin cho thiếp biết, may ra thiếp có thể giúp đỡ phần nào chăng ?

Ung-Cù cực chẳng đã nói :

— Chúa công muốn sai nhạc phụ ra Đông Giao ủy lạo dân chúng, lại khiến tôi dâng rượu tiễn hành để chúc thọ nhạc già.

Tế thị hỏi :

— Dâng rượu để chúc thọ nhạc gia, việc gì mà tướng quân lại phải lo lắng như vậy ? Thiếp tưởng trong triều có điều chi rắc rối nên tướng quân không muốn cho thiếp biết.

Ung Cù nói :

— Không có việc gì cả. Sai nhạc phụ đến Đông-Giao chỉ là mệnh vua, phu nhân chờ hỏi nhiều.

Thái độ và lời nói của Ung-Cù làm cho Tế thị càng nghi ngờ hơn, mới lập kế phục rượu cho Ung-Cù uống thật say, rồi đợi lúc Ung Cù đang ngủ mơ màng, nàng mới đập mạnh vào vai hỏi lớn :

— Nay, Chúa công sai mày giết Tế-Túc mà mày lại quên rồi sao ?

Trong lúc đang ngủ Ung-Cù giật mình đáp :

— Việc ấy tôi đâu giám quên.

Tế thị thất kinh, rõ được tâm trạng của chồng, đứng nhìn mà đôi dòng nước mắt chảy ròng. Rồi nàng tự nghĩ :

— Có thể như thế được sao ? Hay chàng đã vì hoảng hốt mà nói sảng.

Sáng ngày Tế thị nói với Ung-Cù :

— Tướng quân có ý muốn giết phụ thân, việc ấy tôi đã rõ.

Ung Cù giật mình nhìn vợ, nói:

— Ấy chết, ta có bao giờ dám làm điều vô đạo, sao phu nhân lại nghĩ vậy ?

Tế thị nói :

— Đêm hôm qua tướng quân say rượu đã nói rõ với thiếp rồi, bây giờ còn giấu làm chi ?

Ung Củ rướm mồ hôi trán nhìn vợ hỏi :

— Nếu quả có việc ấy thì phu nhân nghĩ thế nào ?

Tế thị ngao ngán thở dài; rồi hình như dè soi sáng tẩm lòng ác hiềm của chồng, nàng giả vờ nói :

— Đã lấy chồng thì theo chồng, tướng quân hỏi làm gì câu ấy.

Ung Củ nghe vợ nói mừng rỡ, đem đầu đuôi câu chuyện thuật lại một hồi.

Tế thị nói :

— Phụ thân thiếp là một kẻ đa mưu túc trí, e không dám đi. Vậy đè thiếp vào tư dinh xét thử tình ý của người xem như thế nào.

Ung-Củ mừng rỡ nói :

— Nếu việc thành tôi được lên chức Thượng-khánh thì phu nhân cũng được vinh hiển trọn đời.

Tối hôm ấy, Tế thị ghé vào tư dinh thăm mẹ. Tế-Túc phu nhân thấy con về mừng rỡ hỏi :

— Lâu nay con vẫn được mạnh giỏi chứ ?

Tế thị không đáp buồn bã hỏi mẹ :

— Chồng với cha nên trọng bên nào hơn ?

Câu hỏi lạ lùng ấy làm cho Tế phu nhân ngạc nhiên, nói :

— Sao con hỏi vậy ? Chồng với cha đàng nào mà chẳng trọng ?

Tế thị nói :

— Nhưng nếu gặp trường hợp giữa cha và chồng có điều mâu thuẫn nhau thì nên trọng đàng nào ?

Tế-Túc phu nhân nói :

— Cha mẹ do trời định, vợ chồng do người định. Mất chồng có thể lấy chồng khác, còn mất cha không thể tìm một người cha khác được.

Tế-Túc phu nhân nói vừa dứt lời, Tế thị khóc òa, bước tới ôm mẹ nói :

— Hôm nay con quyết vì cha mà không vì chồng.

Đoạn đem hết chuyện Ung-Cú nói kè lại cho mẹ nghe. Tế-Túc phu nhân kinh hãi, vội đem nói với chồng.

Tế-Túc cau mày nhìn con gái mình như đắn đo với bao ý nghĩ. Qua một lúc, Tế-Túc nói :

— Việc này chớ tiết lậu ra ngoài, đè mặc ta định liệu.

Sáng hôm sau, Trịnh Lệ-Công sai Tế-Túc đến Đông-Giao, và Ung-Cú bày tiệc tiễn hành đưa đón rất trọng thề.

Tế-Túc về nhà sửa soạn hành trang, rồi sai Công-tử Át đem một trăm quân gác nơi quán dịch chờ Ung-Cú đến. Chẳng bao lâu Ung-Cú đem ba tên quân hầu đến đó. Tế-Túc nói :

— Ta đi đây chỉ vì việc nước, người bày vẽ đưa đón làm gì ?

Ung-Cú nói :

— Nhân tiết xuân mát mẻ, con có chén rượu tiễn mừng, xin nhạc phụ tưởng tình con rè.

Tế-Túc một tay bưng chén rượu, một tay nắm lấy Ung-Cú tươi cười nói :

— Đây là ý vua hay tình của con đối với ta ?

Ung Cú cúi đầu nói :

— Đây là lòng thành kinh của con mà cũng hợp theo ý của vua nứa.

— Khốn nạn, dám phản phúc với ta như thế sao ?

Liền hô quân giáp sĩ bắt Ung-Cù trói lại Ung-Cù mặt mày biến sắc, kêu círu ầm ĩ Trịnh Lệ-Công sai đoàn ngự lâm quân đến círu nhưng bị Công Tử Ất đánh chạy về.

Tế-Túc truyền đem Ung-Cù ra chém lập tức Trịnh Lệ-Công hay được tin than :

— Ôi thôi việc đã đến thế này, Tế-Túc át không dung tha ta.

Than rồi liền thu xếp hành trang bỏ cả cung điện giang san lén trốn qua nước Sii tị nạn, trong lòng vẫn còn thắc mắc không biết tại sao âm mưu bại lộ.

Mãi về sau, Trịnh Lệ-Công hay được chuyện Ung-Cù nói với vợ, buồn bã than rằng :

— Việc lớn của nước mà đem nói với đàn bà tránh sao khỏi chết.

Nhận xét :

— Người anh hùng không phải cẩn cứ ở lời nói, mà cần cứ ở việc làm

Ung-Cù theo phò Công tử Đột cướp ngôi Trịnh Chiêu-Công, đó là một việc làm không hợp lý, vì Trịnh Chiêu-Công là anh, đang ra phái được thừa kế ngôi cha.

Tuy nhiên, chuyện ấy không nói làm gì, vì mỗi người có một lập trường và quan niệm khác nhau. Điều đóng

nói ở đây là Ung-Cù mưu sát cõi địa vị hão-huyền mà có tình giết Tế-Túc, cha vợ mình trong lúc anh chàng này vẫn yêu vợ.

Buồn cười hơn, đã là một nhà tướng, định mưu sát một Đại-thần, thế mà việc chưa làm, chỉ mới đứng trước một người đàn bà đã bối rối, lẩn cật thì cơ hội đến nơi mới làm thế nào được?

Xét như thế, Ung-Cù là hèn chí hùng trong lời nói mà gan dạ không hùng chút nào. Cho nên, chưa thực hành mưu kế mà thất bại đã thấy trước mắt rồi.

Ung-Cù chết là phải, chết là lẽ tất nhiên trong mưu sự của nó.

Người đàn bà vốn chắc gan, nhưng lại nhẹ dạ, khó mà giữ kín được những bí ẩn trong lòng một khi đã có người thân một bên.

Bao nhiêu người tướng giỏi, chỉ vì thương yêu và tin vợ, cho dù vào các mưu kế mà phải thất bại do một cử chỉ hay một lời nói vụng về, sơ hở của vợ mình.

Đã mưu giết cha vợ lại cho vợ biết, Thật Ung-Cù là một thằng ngốc, không biết thế nào là tình cốt nhục, không biết gì về mánh khoe của đàn bà.

Tế thị hy sinh hạnh phúc cá nhân mình, cam ôm cảnh góa bụa để giữ tròn đạo hiếu, thật đáng thương.

Ngoài tấm lòng hiếu đạo, Tế thị còn là một người đàn bà mưu trí, hiếu được tâm lý chồng mình, dùng kế khai thác tâm tư người chồng một cách hay ho.

Cho nên, qua việc Ung-Cù mưu sát Tế-Túc, chúng ta có thể nói đây là một cuộc đấu trí giữa anh chàng Ung-

Cù dại dột và mảnh lời khôn khéo của Tế thị người vợ hiếu đạo vây.

Càng đáng thương và đáng kinh hồn là lời dạy đỡ thẳng thắn của Tế-Túc phu nhân, một người mẹ dạy con rất minh bạch về chồ on cha nghĩa chồng.

Cha quấy, chồng phải, phản làm con gái còn phải năn nỉ cha khuyên can chồng đe dung hòa tình nghĩa, hoặc chết thay cha nếu cần, đe nếu chử hiếu, chử tình của mình.

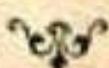
Cha đã vô can, chồng lại hèn nhát, muốn giết cha để phục vụ một tham vọng riêng thì người đàn bà dù có thương chồng đến đâu, cũng khó theo chồng mà giết cha được.

Có người sê bảo : Sao Tế thị không lợi dụng tình chồng vợ khuyên can Ung-Cù đừng hành động bất nghĩa như vây để hàn gắn lại tình gia đình và giữ lấy tình vợ chồng cho trọn nghĩa ?

Tưởng rằng người đàn bà thương chồng đã hiều tâm lý của chồng rồi. Tế thị là kẻ thương chồng lại hiều rõ tâm lý của Ung-Cù hơn ai hết. Chính nàng đã đứng trước người chồng mù quáng ấy thở dài, đau đớn. Mỗi đau đớn ấy tượng trưng cho sự bất lực của nàng đối với anh chồng tham vọng kia. Dù nàng có khuyên can, Ung-Cù cũng không đồi ý. Huống hồ, việc đã quá gấp, quyền hạn của nàng không có cách gì ngăn cản nổi, nếu đe trễ, cha nàng sẽ chết, nàng còn có thể sống với một người chồng đã giết cha nàng không ? Thà rằng nàng hy sinh hạnh phúc riêng mình để tròn chữ hiếu hơn là đe mất cha rồi lại mất chồng.

Cái ngu xuẩn thấy rõ trong con người Ung-Cù. Thế gian có người đàn bà nào có lương tri mà chung sống

với người chồng giết cha mình không? Đó là một khía cạnh tâm lý, mà cũng là một tấm gương muôn đời đe cho những ai cầm nắm địa vị cao, muốn mưu cầu quyền lợi riêng mình không kè đến tình nghĩa đặt tình nghĩa nhẹ hơn tiền bạc, địa vị, rồi mang lấy phản ứng nặng nề.



MỐI TÌNH VƯƠNG-CƠ

Lòng người đàn bà là một kho tàng kín đáo, chưa đựng nhiều uẩn khúc. mà cũng chưa đựng nhiều ngang trái của đời mình.

Thiên-Tử nhà Châu chấp thuận gả con gái mình là Vương-Cơ cho Tề Tương-Công, vua một nước chư hầu, lại hạ chiếu cho vua nước Lỗ đứng lên sắp xếp việc hôn nhân.

Vợ vua Lỗ là nàng Văn-Khương, em cùng cha khác mẹ với Tề Tương-Công, nhân dịp ấy đòi theo vua Lỗ về Tề để thăm viếng Tề Tương-Công.

Vua Lỗ không hiểu mối tình dâm loạn của đôi anh em cùng cha khác mẹ này nên thỏa thuận cho vợ mình là Văn Khương cùng theo.

Trong lúc vua Lỗ lo việc thực hiện sứ mệnh hôn nhân do Thiên Tử nhà Châu giao phó thì hai anh em Tề Tương-Công lại lén dâm loạn với nhau đến nỗi vua Lỗ nghi ngờ.

Biết vợ mình có tình ý riêng với Tề Tương-Công, vua Lỗ cố tình dò hỏi, nên công việc đò vỡ.

Đè êm nhẹm, Tề Tương-Công phục rượu Lô Hoàn-Công và cho người giết chết, đồng thời cưới nàng Vương-Cơ về để che giấu tiếng dâm loạn và vô đạo của mình.

Vương-Cơ là người thùy mị, ôn hòa, điềm đạm và trọng lê nghĩa. Từ khi về làm vợ vua Tề, nàng nhận thấy Tề Tương-Công là người dâm dục, nên sinh lòng chán nản buồn rầu, tâm tánh vợ chồng không hợp, sau mấy tháng chung sống, nàng được biết chuyện vô đạo loạn luân và tàn nhẫn của Tề Tương-Công, nên thường than thở và buồn rầu cho số phận của mình :

— Con người mà có thè dâm loạn như thế, tàn ác như thế, thì thật không khác loại cầm thú, thật khốn khổ cho đời ta bất hạnh gặp phải dứa tiều nhân.

Buồn khổ lâu ngày, Vương-Cơ uất hận sanh bệnh không đầy một năm thì chết.

Nhận xét

— Nếu phái chịu đựng nhiều đau đớn, trái ngang trong đời thì người đàn bà chịu đựng nhiều hơn người đàn ông.

Trong lúc nàng Vương-Cơ, một Công chúa thùy mị, ôn hòa, trao cả thân phận cao quý cho mình thì bên cạnh nàng Văn-Khương, một cô gái dâm loạn, trắc nết theo chiếm đoạt mối tình nàng đối với Tề Tương-Công.

Tại sao Tề Tương-Công lại không biết quý trọng cái nhan sắc diêm lệ của Vương-Cơ, và tâm hồn thùy mị của người đàn bà cao quý ấy ?

Thói thường, những cái quý trọng của con người chỉ có những người có tư cách mới thấy được mà thôi. Tề Tương-Công một ông vua đam ác thì làm sao thấy được cái ý nghĩa cao quý của đàn bà?

Kẻ làm ác thích ghen những cái ác.

Nàng Vương-Cơ đau buồn không phải vì không được Tề Tương-Công yêu, mà nàng đau buồn vì số phận nàng, một người đàn bà chính chuyên lại gặp phải duyên phận như thế.

Thói đời lâm cảnh éo le trái ngược, làm cho cuộc sống tình duyên phải điều đứng khồ sở.

Vương-Cơ, người con gái nét na trong lẽ nghĩa làm sao chung sống được với Tề Tương-Công là kẻ vô đạo, sống hoàn toàn cho nhục dục thè xác?

Gặp ông chồng như vậy nàng còn biết làm sao hơn, nàng phải ôm sầu nuốt hận cho đến chết là phải.

Làm cha mẹ, hạnh phúc cho con là một việc lớn, không nên vì quyền lợi riêng trước mắt mà buộc đứa con mình phải rơi vào bể khồ của tình duyên.

Làm chồng, khi được một đóa hoa quý, nếu không che chở nàng mưa thì sắc tươi cảng phải héo, sắc thâm cũng phải phai, tình nghĩa vợ chồng không thể nào gây được hạnh phúc.

Thời phong kiến, quyền chuyên chế của cha mẹ và người chồng đối với con và vợ có một sức mạnh tuyệt đối. Người con gái nếu may gặp được số phận trong sạch thì nhờ, bằng gấp nơi vẫn đực thì phải ôm hận suốt đời thôi.

Mối tình nàng Vương-Cơ và cái chết của nàng tượng trưng cho sức áp chế của thời phong kiến chuyên chế.

Đóa hoa lài cầm bái cirt trâu



NAM-CUNG TRƯỜNG-VẠN với câu nói đùa vô-ý-thức của VUA TỔNG

*Dù nói đùa hay nói thật, lời nói ra vẫn
có một giá trị của nó. Người ranh tâm
lý không bao giờ đè cho lời nói mình
thiểu một giá trị.*

Quân Tề bị quân Lỗ đánh thua ở Trường-Thược, bèn cho người sang Tống mượn quân tiếp viện.

Tống Mẫn-Công cho Nam-Cung Trường-Vạn mang quân sang giúp. Nam-Cung Trường-Vạn là người sức khỏe vô cùng, không ai địch nổi, nhưng cậy mạnh bắt cháp quân binh hàng ngũ, Trường-Vạn xông pha ngoài chiến trường và lọt vào ồ phục kích của quân Lỗ, Bị Lỗ Trang-Công bắn trúng vào vai, Chuyên-tôn-Sinh thừa thế đâm thêm một nhát vào đùi nữa, và bắt bỏ vào tù xa, nạp về Lỗ làm tù binh.

Một năm sau, Tề, Lỗ lại giao hòa, Nam-Cung Trường-Vạn được tha về nước Tống.

Vua Tống Mẫn - Công thấy Nam-Cung Trường Vạn về thân mật nói đùa :

— Ngày trước người là tướng, ta rất mực kính yêu, nhưng nay người là tù nước Lỗ, ta không còn kính yêu nữa.

Nam-Cung Trường-Vạn nghe nói thẹn đỏ mặt, cáo từ lui ra.

Quan Đại-phu Cửu-Mục hiều ý nói riêng với Tống Mẫn-Công :

— Vua tôi giao thiệp với nhau cần phải đứng đắn, không nên nói dưa bờn làm mất lẽ nghi, sinh điều khinh lòn phản nghịch, xin Chúa công xét lại.

Tống Mẫn-Công nói :

— Ta cùng Nam-Cung Trường-Vạn quá ư thân thiết, đã thân thiết mà còn giữ lẽ thì sao gọi là thân ? Ta tưởng điều ấy chẳng tai hại gì.

Năm ấy vua Trang-Vương nhà Châu mất, Thái tử Tề lên ngôi tức là vua Hi-Vương. Vua Hi-Vương gởi tờ cáo phó khắp các chư hầu, lúc đến nước Tống thì gặp khi Tống Mẫn-Công đang cùng các cung phi vui chơi nơi Mông-Trạch, lại khiến Nam-Cung Trường-Vạn ném kích làm trò vui. (Nguyên Nam-Cung Trường-Vạn có tài ném kích lên trời, cao đến mấy trượng, rồi lại đưa tay bắt lấy, trăm cái không trật một, cung nhân nghe nói ai nấy cũng muốn xem, nên Tống Mẫn-Công cho Nam-Cung Trường-Vạn theo hầu, và bảo làm trò ném kích ấy).

Các cung nhân xem thấy tài ném kích của Trường Vạn đều vỗ tay khen không dứt lời.

Tống Mẫn-Công không bằng lòng, có ý ghen tai liền sai nội thị đem bàn cờ ra đè đánh với Nam-Cung Trường-Vạn, hễ ai thua phải uống một bát rượu thật lớn.

Tống Mẫn-Công vốn là tay cao cờ. Trường-Vạn thua luôn năm ván. Trường-Vạn phải uống luôn năm bát rượu nên đã ngà ngà say, nhưng lòng chưa thỏa, xin đánh thêm nữa.

Tống Mẫn-Công nói :

— Tù nhân thi tài phải thua, dù đánh thèm mấy ván cũng chẳng thắng nỗi.

Nam-Cung Trường-Vạn xấu hổ, ngồi lặng thinh không nói, tống có tin sứ nhà Châu đem thiếp cáo phó đến, Tống Mẫn-Công nói :

— Thế thi ta phải sai người vào triều nhà Châu điếu tang và chúc mừng vua mới.

Nam-Cung Trường-Vạn nói :

— Tôi nghe Kinh đô nhà Châu đẹp làm mà mắt chưa từng thấy, xin Chúa công cho tôi đi sứ.

Tống Mẫn-Công vừa cười vừa nói :

— Khi nào nước Tống không con nữa thì mới sai tù nhân đi sứ.

Các cung nhân đều cười ầm lên. Trường Vạn mặt đỏ bừng, vì thẹn quá mà hóa giận, lại đang lúc say rượu chẳng cần nghĩ gì đến đạo vua tôi, cả tiếng mắng :

— Hôn quân vô lễ. Người nên biết rằng tù nhân cũng có thể giết người được.

Tống Mẫn-Công nói giận mắng :

— A, thắng tù nhân, may dám nói càn đến thế sao ?

Nói xong, giật cây kích của Trường - Vạn toan đâm một nhát, Nam - Cung Trường - Vạn giật ngay bàn cờ đập vào đầu Tống Mẫn-Công té xuống rồi bối luôn mấy cái. Tống Mẫn-Công chết tươi. Bọn cung nhân sợ hãi chạy tán loạn.

Nam-Cung Trường - Vạn hơi giận chưa nguôi cầm kích ra khỏi ly cung...

Nhận xét :

— Nhứt ngôn ký xuất từ mā nan truy.

Một người có tư cách, lời nói bao giờ cũng thận trọng dẫu trong trường hợp nào.

Tổng Mân-Công ý tình thân thích, nói dưa không giới hạn đưa lại một tai hại khủng khiếp.

Thuật xử thế không cho phép con người vô ý thức như vậy được. Phàm một lời nói, một cử chỉ phát ra đều có một tác động cả. Cử chỉ và lời nói là một lời khí chỉnh phục. Kẻ dùng lời nói để mê hoặc lòng người khác kẻ dùng lời nói để gièm pha, nguyên rủa cho thỏa mãn ý riêng, kẻ dùng lời nói để gây cừu chuốc oán. Người ta có thể căn cứ vào lời nói để hiểu biết tư cách và giá trị của một người. Nhir thế lời nói có một tầm quan trọng không thể coi thường được.

Tùy lúc, tùy thời mà nói. Cũng lời nói ấy mà áp dụng đúng với hoàn cảnh sẽ đem lại một lợi ích lớn nhưng cũng lời nói ấy mà áp dụng không đúng với hoàn cảnh đã làm cho lời nói ấy mất giá trị mà còn gây lầm tai hại không lường được.

Những lời nói dưa của Tổng Mân-Công trên đây là một tấm gương đối với những ai đang có trách nhiệm trên trường chính trị. Chớ xem thường.

Nam - Cung - Trường - Văn dù có là một khúc gỗ đi nữa cũng không thể tai nghe mắt điec trước hàng trăm cung nứ như vậy, huống hồ Trường Văn là một trong hàng tướng lãnh, có tánh nóng.

Việc Trường Văn nói nóng đậm bàn cờ vào đầu Tổng Mân-Công là việc tất nhiên phải xảy ra.

Đừng ý mình có một địa vị lớn, muốn nói gì với ai thì nói không kiêng nèo gì. Lời nói ấy tuy kè dưới không dám cãi lại nhưng nó vẫn lưu vào lòng kè ấy rồi đợi lúc nào thuận lợi, sức phản ứng sẽ bộc phát. Đó là trường hợp thường, còn trường hợp như Nam-Cung Trường-Vạn với vua Tống là trường hợp đặc biệt hơn. Nhưng đâu trường hợp nào kết quả đều tai hại.



CÔNG TỬ MỤC-DI

— Tài không đợi tuổi.

Nam-Cung Trường-Vạn là một tướng mạnh của nước Tống, vì Tống Mẫn-Công nói chơi vô-ý-thức, chạm đến lòng tự ái, khiến Nam-Cung Trường-Vạn một phút nóng tính không nhẫn nhịn được, giết Tống Mẫn-Công.

Công Tử Nghị-Thuyết mang quân từ đất Bạt về đánh báo thù, rồi lên nối ngôi, hiệu là Tống Hoàn-Công.

Nam-Cung Trường-Vạn cự không lại phải công mẹ chạy sang nước Trần lánh nạn.

Tống Hoàn-Công sai sứ sang nước Trần nhờ bắt Nam-Cung Trường-Vạn giải về Tống.

Công tử Mục-Di bấy giờ mới lên năm tuổi, đứng bên cạnh Tống Hoàn-Công, bật cười nói :

— Không bắt được Nam - Cung Trường - Vạn
đầu.

Tống Hoàn-Công hét :

— Mi là con nit, biết chi mà nói ?

Công Tử Mục Di nói :

— Người có sức khoẻ ai mà chẳng trọng dụng
Tống bỏ đi thì Trần át dùng. Nếu chẳng có lẽ vật
đè mua lòng thì Trần chẳng bao giờ chịu vì ta mà
bắt giùm Nam-Cung Trường-Vạn

Tống Hoàn Công nghĩ lại khen phải, liền sai sứ
mang theo rất nhiều lẽ vật, vàng ngọc châu báu đè
hiển nước Trần.

Bấy giờ vua nước Trần là Trần Nguyên-Công
tánh tham lam, thấy sứ Tống mang lẽ vật đến quá
nhiều, hip mắt, không nghĩ gì đến lợi hại nữa, bèn
thu lẽ vật, thuận trả Nam - Cung Trường - Vạn về
Tống.

Tuy nhiên, Trần Nguyên-Công lại sợ Nam - Cung
Trường-Vạn sức mạnh phi thường không sao bắt được,
biên lập mưu giao cho Công-tử Kết bày tiệc rượu mời
Nam-Cung Trường-Vạn đến khoản đãi rồi bỏ thuốc mê
bắt Nam-Cung Trường-Vạn trói lại giải về nước Tống.

Nam-Cung Trường-Vạn không ngờ độc kế, uống
đến say mèm, lúc tỉnh lại thấy mình bị bó chặt trong
một tấm da dê rất lớn, bên ngoài cột bằng dây da trâu
rắn chắc.

Đi đến nửa đường, Nam-Cung Trường-Vạn vùng
vảy, nhưng da dê bền và trói chặt quá không sao tung
ra được.

Khi đến gần thành Tống, tấm da dê bị rách, tay chân Trường-Vạn lồi ra ngoài, bọn quân sĩ lấy gậy đập đến nỗi giập cả xương ống.

Tống Hoàn-Công truyền đem Trường-Vạn ra lòc từng miếng thịt để làm mắm, rồi chia cho các quan mỗi người một ít, bảo :

— Kẻ nào làm tôi không trọng đạo thờ vua, hãy trông vào thứ mắm đó.

Nhận xét :

— Cao lỗ dẽ thưa.

Nếu vua nước Trần không phải tham lam, coi của cải, lỗ vật hơn một kẻ tài năng thì làm gì Nam-Cung Trường-Vạn bị bắt.

Mỗi năm tuổi đầu, công tử Mục-Di đã rõ tình đời: hơn ai hết, hơn những kẻ cao nién cầm vận mạng trong một nước. Thời phong kiến, đối với các bậc vua chúa của cải địa vị là hơn hết. Trước mặt họ không có gì khác hơn là tiền và địa vị. Cao lỗ dẽ thưa, đó là bí quyết thành công của Công tử Mục-Di và cũng là một miếng mồi ngon nhử kẻ tham lam tối mắt vì tiền tài mà làm tay sai cho mình.

Ngày nay cũng thế, nếu không có những kẻ tham lam tiền của, địa vị thì làm sao có những tay sai cho bọn đế quốc, làm lung đoạn nền độc lập của một nước.

Nước Việt-Nam ta nếu không có người vì lợi riêng, thì công cuộc giải phóng của dân tộc chúng ta đâu đến nỗi kéo dài trong bao năm gian khổ, nước non tang tóc, gây bao nhiêu sụp đổ cơ hàn.

TAM QUÝ

— Hai ta không ai khác hơn là những kẻ quâ trung tín, quá thân yêu, gần gũi ta. Cũng như làm tan thê xác ta khi ta chết chính là những con vị tràng sống trong thân thể ta và đã giúp ta khi còn sống.

Tề Hoàn-Công được Quản-Trọng giúp sức dựng nên nghiệp vương bá, làm chủ chư hầu.

Bấy giờ quyền chính trong nước, Tề Hoàn-Công đều giao cho Quản-Trọng quyết đoán, cả ngày chỉ gần bên những bạn tôi thân hầu hạ để tìm thú vui hưởng lạc.

Dưới trướng Tề Hoàn-Công có ba tên đầy tú trung thành được Tề Hoàn-Công ưa thích nhất, mà người đời gọi là « TAM QUÝ ».

Đó là Thụ-Điêu, Dịch-Nha và Khai-Phương.

*

THỤ-ĐIÊU

Từ khi Tề Hoàn-Công giao việc quốc chánh cho Quản-Trọng, Tề Hoàn-Công thường ở trong cung, không hay ra ngoài, Thụ-Điêu không làm sao gần gũi Tề Hoàn-Công được nên tự ý thiến mình làm quan hoạn, xin Tề Hoàn-Công cho phép được vào ở trong cung hầu hạ.

Thấy Thụ-Điêu có lòng trung thành như vậy, Tề Hoàn-Công mến Thụ-Điêu lắm, cho ở luôn bên cạnh để hầu hạ.

DỊCH-NHA

Là con người khôn lanh, có tài bắn cung, khéo đánh xe, cho ngựa chạy rất êm thấm, mau lẹ. Lại giỏi về nghề nấu bếp.

Vương-Cơ, người vợ yêu của Tề Hoàn-Công đau nặng, nhờ sự châm nom săn sóc món ăn của Dịch-Nha mà Vương-Cơ lành bệnh. Do đó, Vương-Cơ rất yêu mến Dịch-Nha.

Dịch-Nha đem nghề nấu ăn của mình khoe với Thủ-Điêu, nhờ Thủ-Điêu tiến cử mình được yết kiến vua. Thủ-Điêu tâu lại với Tề-Hoàn-Công.

Một hôm, Tề Hoàn-Công gọi Dịch-Nha vào hỏi :

— Người có phải kê nấu ăn khéo không ?

Dịch-Nha tâu :

— Tâu Chúa-Công, tài ấy không ai sánh kịp.

Tề Hoàn-Công nói đùa :

— Các giống điều thú trùng ngư ta đã dùng đủ, bây giờ chỉ có thịt người ta chưa biết vị mà thôi.

Dịch-Nha lui ra.

Đến bữa trưa, Dịch-Nha bưng vào dâng lên một mâm thịt chín mềm như thịt dê non, mùi thơm ngào ngạt.

Tề Hoàn-Công ăn xong hỏi Dịch-Nha :

— Thịt gì mà ngon thế ?

Dịch-Nha tâu :

— Đó là thịt người.

Tề Hoàn-Công giật mình kinh ngạc hỏi :

— Nhà ngươi lấy ở đâu ?

Dịch-Nha trả lời :

— Đứa con trai đầu lòng của tôi mới lên ba tuổi. Tôi thiết tưởng đã trung với vua thì còn kẽm gì đạo nhà, nên làm thịt đem dâng cho Chúa-công ăn.

Tề Hoàn-Công trầm mặt nói :

— Thôi ngươi hãy lui ra.

Từ ấy Tề Hoàn-Công cho rằng Dịch-Nha có lòng trung nghĩa nên yêu quý Dịch-Nha như Thụ-Điêu vậy.

KHAI-PHƯƠNG

Khai-Phương là Công-tử nước Vệ, được lệnh vua cha là Vệ-huệ-Công sai đem lê vật qua nước Tề để cầu hòa, vì lúc bấy giờ nước Tề rất cường thịnh.

Khai-Phương đến nơi tình nguyện ở luôn nơi nước Tề để giúp nước Tề.

Tề Hoàn-Công nói :

— Nhà ngươi là con trưởng của Vệ hầu, ngôi vua nước Vệ sau này thế nào cũng về tay ngươi, sao lại bỏ ngôi cao mà sang làm tôi nước Tề ?

Khai-Phương thưa :

— Tề chúa là bậc hiền đức trong thời nay, nước Tề dựng nên nghiệp Bá, chư hầu đều kính trọng. Tôi thiết tưởng làm tôi một nước Bá còn thích hơn làm vua một nước nhỏ.

Tề Hoàn-Công khen lâm, phong làm quan Đại-Phu nước Tề

Công tử Khai-Phương rất được Tề Hoàn-Công yêu mến, cho cùng Thụ-Điêu, Dịch-Nha theo luôn bên cạnh phục dịch.

Đó là bộ ba mà người nước Tề gọi là TAM QUÝ. Và chính bộ ba này về sau đã làm tan nát nước Tề.

Nhận xét :

— Có những kẻ dưa mị không kè giá trị con người thì cũng có những kẻ mù quáng, không rõ thể nào là dưa mị thể nào là truy hâu.

Trong đời, những kẻ dưa mị chia ra làm hai loại. Thứ nhất có những người thấy kẻ khác trong tay nắm quyền thế, chạy theo bợ đỡ đè cầu thân, hòng mưu cầu một tư lợi nào đó. Những hạng người này xưa cũng như nay, có rất nhiều trong xã hội.

Thứ hai, có những loại người háo danh, xa địa vị, họ muốn cầu thân, hoặc làm tay sai cho những kẻ có địa vị, mục đích đè vênh váo, thỏa mãn lây tánh hướng thượng của họ thôi, không vì tư lợi, hoặc có thiệt thòi chút ít cũng vui. Hạng người này có rất nhiều ở các thời đại phong kiến.

Nói chung, cả hai loại người trên đều là những tay sai đặc lực cho những kẻ có quyền thế. Nhưng cuối cùng họ lại là những kẻ phản phúc không thể tưởng tượng nếu gặp cơ hội thuận tiện.

Thụ-Điêu, Dịch-Nha, Khai-Phương diễn hình cho hai loại người dưa nịnh trên. Lúc Tề Hoàn-Công còn hùng mạnh, chính họ đã hy sinh thân mình để phục vụ Tề Hoàn-Công, thậm chí một kẻ tự thiến mình, một kẻ làm thịt con, một kẻ bò ngai vàng, đe gân gửi Tề Hoàn-Công, thế mà lúc Tề Hoàn-Công chết, chính họ đã phản phúc một cách trắng trợn bất nhan hơn ai hết,

Cái chết thảm của Tề Hoàn-Công là một tấm gương sáng cho những ai tra thói đua mèo.

Người nghèo mà được người nghèo giúp đỡ mới quý, còn kẻ cao sang tột bậc mà được xu phụ thì kẻ xu phụ phần nhiều là hạng tiêu nhân cả.

Kẻ thù hại ta, có thể tránh được, còn người thân yêu định hại ta thì ta không thể nào tránh khỏi. Bởi vậy, kẻ sành đời không sợ những người thù trước mặt, mà chỉ sợ những người cùu cạnh làm thân, đe rủi nhan cơ hợi nao đó trở thành kẻ thù.



TÌM SÁCH COM.VN SÁI-HẦU, TÚC-HẦU VÀ ĐÀO-HOA PHU-NHÂN

Còn giao tranh nhau, ngư ông hưởng lợi.

Bấy giờ nước Sở đang hồi cường thịnh. Các nước chư hầu đều quy phục, nạp cống lè. Riêng nước Sái cậy có thân với nước Tề không chịu quy phục nước Sở. Sở Văn-Vương tuy có ý giận nước Sái, nhưng chưa dám hưng binh chinh phạt, vì còn sợ nước Tề hợp binh.

Do đó, Sái và Sở vẫn ở trong thế quân bình.

Nước Sái ở gần nước Túc, ngoài tình láng giềng lại còn có thêm tình anh em bạn rè nữa. Vì Sái-hầu và Túc-hầu đều cưới con gái nước Trần. Sái-hầu cưới người chị, Túc-hầu cưới người em. Vợ Túc-hầu là nàng Túc-Vi nhan sắc tuyệt vời. Đã có sắc đẹp mà tánh tình lại đoan-chính, trông rất khà-ái,

Một hôm, Túc-Vi được phép Túc-hầu cho về nước Trần để thăm viếng quê hương. Khi đi ngang qua thành nước Sái, Sái-hầu hay tin, bụng bão dã:

— Túc phu-nhân là em vợ ta, nhan sắc tuyệt diêm, nhân lúc này nàng đi ngang qua đây, ta cũng nên mời vào thành đai tiệc để xem nhan sắc người đàn bà đẹp ấy sau khi có chồng đã mờ phai chưa.

Bèn sai người đón Túc phu-nhân rước vào cung đai tiệc.

Thấy vẻ đẹp của Túc phu-nhân đã không phai lạt còn tăng vẻ đậm đà, trong lúc ăn uống Sái-hầu dùng lời trêu ghẹo, tỏ ra không đứng đắn. Túc phu-nhân nỗi giận bỏ tiệc ra đi.

Túc-hầu hay được chuyện Sái-hầu vô lễ, chọc ghẹo vợ mình lòng căm phẫn, nghĩ cách báo thù, liền sai sứ vào triều cống nước Sở, và mật báo với Sở Văn-Vương:

— Sái-hầu cậy thế có Tề che chở nên không phục Sở. Vậy xin Sở cứ giả cách đem binh sang đánh nước tôi. Nước tôi sẽ sang cầu cứu với nước Sái. Sái-hầu là người nông nỗi, thế nào cũng đem quân đến giúp. Chừng ấy, qui quốc sẽ hiệp binh với nước tôi bắt Sái-hầu trị tội.

Sở Văn-Vương được kế, mừng làm, cắt quân sang nước Túc.

Quân sĩ rần rộ đến vây thành. Túc-hầu liền viết thư sang nước Sái cầu cứu.

Đúng như lời Túc-hầu đã dự tính, Sái-hầu không suy nghĩ gì cả, cử binh đến nước Túc giải vây.

Nhưng vừa đến nơi thì bị binh Sở phục nơi yếu lô đánh một trận tai bời, quân sĩ rối loạn. Sái-hầu thất kinh, toan chạy vào thành nước Tức mà trốn nhưng Túc-hầu đóng chặt cửa thành không cho vào.

Biết mình đã mắc kẽ, oán hận thấu trời, Sái-hầu đành bỏ tay nạp mình cho nước Sở.

Sở Văn-Vương dẫn Sái-hầu về nước truyền quân áem xứ tràm.

Quan cựu thắn nước Sở là Dục-Quyền can gián, Sở Văn-Vương mới tha chết, và mở tiệc tiễn hành đưa Sái-hầu về nước để mua lòng các chư hầu khác.

Trong tiệc, Sở Văn-Vương truyền bọn mỹ nữ dòn ca hát xướng tung bừng. Lại truyền bọn mỹ nữ dâng rượu. Trong lúc đang đối àm, Sở Văn-Vương chỉ vào một mỹ nữ nói :

— Nàng này đã đẹp lại có tài hát hay.

Nói xong bảo mỹ nữ ấy dâng cho Sái-hầu một chung rượu. Sái-hầu tiếp lấy uống cạn rồi tự tay rót một chén đầy bước tới dâng cho Sở Văn-Vương, để tạ ơn.

Sở Văn-Vương tiếp lấy chén rượu vừa cưỡi vừa nói :

— Hiện hẫu đã bao giờ trông thấy một người đàn bà tuyệt sắc chưa ?

Sái-hầu nghe nói sực nhớ đến mối thù của Túc-hầu vừa rồi đã xui Sở đánh nước mình, bèn đáp :

— Tàu Đại-vương, theo nhận xét của tôi trên thế gian này không ai đẹp bằng Túc-Vi. Nàng ấy quả sánh với tiên nga trên cung Quảng.

Sở-Vương hỏi :

— Cái đẹp của Túc-Vi như thế nào ?

Sái-hầu nói :

— Mắt trông như thu thủy, má ửng như nhụy đào minh mai vóc liêu, gót sen uyển chuyền như áng mây chiều trước gió, tướng không tài nào tả hết.

Sở Văn-Vương nói :

— Người đẹp đến thế, tiếc rằng ta không làm sao thấy mặt.

Sái-hầu nói :

— Uy-đức của Đại-vương dẫu Tề-Khương, Tống-Tử cũng chẳng khó gì, huống chi Túc-Vi chỉ là người đàn bà trong vòng thế lực của mình.

Sở Văn-Vương nghe nói đẹp lòng.

Tiệc mãn Sái-hầu bái tạ về nước. Sở Văn-Vương muốn thấy mặt Túc-Vi, liền mở cuộc tuần du sang nước Túc.

Túc-hầu hay tin, ra khỏi thành tiếp đón rất trọng thể. Hai vua cùng dắt nhau vào thành mở tiệc chung vui.

Túc-hầu bưng chén rượu dâng cho Sở Văn-Vương mừng cuộc hội ngộ, và cũng đề tạ ơn Sở Văn-Vương đã giúp mình trong việc trả thù Sái-hầu vô lè chọc ghẹo vợ mình.

Sở Văn-Vương tiếp lấy ly rượu uống cạn rồi nói :

— Ngày trước ta cũng có chút công mọn với quý phu-nhân, vậy nay mời quý phu-nhân tương kiến, đề mời ta một chung rượu cho vui.

Túc-hầu không dám trai ý, vội bước vào cung gọi Túc-Vi ra, giữa lúc ấy Sở Văn-Vương ngồi một mình mắt mơ màng nhìn vào nội cung, tay mân mê ly rượu tỏ vẻ nóng lòng.

Cánh màn se sít động, những chuỗi ngọc lồng lánh dưới ánh huyền đăng, nàng Túc-Vi từ từ bước ra, gót hài thoăn thoắt, hơi hương ngào-ngạt, khiến cho Sở-Vương cảm thấy như mình đang lạc vào chốn non Bồng.

Túc-Vi đến sụp lạy Sở Văn-Vương, rồi đưa tay lấy ly rượu rót đầy. Bàn tay ngọc với ly ngà không phân màu sắc. Sở Văn-Vương ngàn ngờ nhìn, rồi đứng dậy tiếp lấy chén rượu, nhưng Túc-Vi đã trao cho cung nữ đè dâng lên cho Sở Văn-Vương. Sở Văn-Vương vừa cạn chén thì Túc-Vi đã lui ra bái tạ vào cung.

*Rèm châu khép kín bóng hồng,
Hơi hương còn thoảng, rượu nồng chưa phai.*

Ngày hôm sau, Sở Văn-Vương lại bày tiệc nơi quán dịch, cho quân giáp sĩ phục chung quanh, rồi mời Túc-hầu ra dự tiệc.

Lòng đã định trước, nên tiệc đến nửa chừng, Sở Văn-Vương già say rượu quở trách Túc-hầu :

— Ta có công với quý phu-nhân rất nhiều, nay quân ta đến đây quý phu-nhân lại không vì ta mà khao thường quân sĩ.

Túc-hầu tâu :

Nước tôi nhỏ bé, không săn vật thực để khao thường quân sĩ cho đủ, xin Đại-vương cho phép tôi được sắp đặt đã.

Sở Văn-Vương dập tay xuống bàn làm mặt giận nói :

— Thật là đứa bội phản, tim lời khéo léo đe lừa ta. Quân bây hãy bắt đứa vong ân trói lại.

Quân sĩ nhảy xò ra bắt Túc-hầu túc khắc.

Nàng Túc-Vi hay tin chồng bị bắt, ngửa mặt lên trời than :

— Ôi, bời rước cọp về nhà nên mới sanh tai họa.

Than rồi chạy thẳng ra vườn hoa, toan nhảy xuống giếng tự vận. Giữa lúc đó Sở Văn-Vương đã kéo binh vào cung đe tìm bắt Túc-Vi, nhưng không thấy Túc-Vi đâu mới truyền các tướng tỏa ra khắp nơi lục soát.

Nàng Túc-Vi chưa kịp tự vận liền bị tướng nước Sở bắt lại và nói :

— Phu-nhan không muốn sống đe cứu mạng chồng sao ? Tôi gì cả hai vợ chồng chịu chết ?

Túc-Vi lặng thinh. Tướng Sở dẫn nàng nạp cho Sở Văn-Vương. Sở Văn-Vương kiềm lời dịu ngọt dỗ dành :

— Nếu nàng chịu về Sở, ta sẽ tha chết cho Túc-hầu.

Túc-Vi đôi giòng lệ long lanh như mặt nước hồ thu nồi sóng, đứng im không thoát ra lời. Sở Văn-Vương phong cho nàng làm phu-nhan, và thấy đôi má nàng tựa như hoa đào nên gọi nàng là Đào-hoa phu-nhan.

Kể đó Sở Văn-Vương dày Túc-hầu ra đất Nhữ-Thủy. Chẳng bao lâu Túc-hầu đau buồn lia trán.

Nhận xét :

— Kẻ có chí lớn lúc nào cũng nhẫn nhịn những điều tức giận nhỏ nhen, để đạt những điều to tát.

Sắc đẹp của đàn bà làm cho người ta mù quáng. Lời người xưa nói : « Sắc đẹp là liều thuốc độc » thật quá không sai. Kẻ nào đã nhiễm độc rồi thì không còn đủ lý trí để phân đoán nữa.

Tí như Sái-hầu, dù cho em vợ mình có sắc đẹp đến đâu thì nàng cũng là gái có chồng, bày chuyện trêu ghẹo làm gì cho mang tiếng đời.

Tức-hầu có vợ đẹp, việc trêu chọc vợ mình tâm lý người đời ai cũng tức, nhưng nếu Tức-hầu là người cao thượng hơn Sái-hầu thì nên cười mà bỏ qua. Một cái cười vừa khinh Sái-hầu vô đạo và luân, vừa khoái trả là đã có một người vợ đẹp hơn kẻ khác.

Sở Văn-Vương trông thấy vợ người khác đẹp tìm cách đoạt vợ giết chồng thì quả là vô đạo.

Tất cả đều bị nhiễm độc hết.

Những kẻ nhiễm độc mất cả lý trí, chúng ta không cần luận làm gì & đây. Chúng ta thử xét những cái hèn hạ của Sái-hầu và Tức-Hầu, đối bạn cột chèo của họ.

Tức-hầu thù với Sái-hầu sao không dám tự mình trả thù lại đem lê vật cùu cạnh với kẻ khác để báo thù cho mình để đến nỗi vua nước Sở cướp mất vợ ? Đó là chuyện sai道理 ché.

Sái-hầu đã lâm lõi, ôm hận rồi, nếu muốn trả thù Tức-hầu thì thiếu gì việc làm quẩn tú hơn lại

làm chuyện ăn miếng trả miếng, mượn tay vua Sở quát lại kẻ có tình già đình với mình. Trong hành động rùa nhục, cả hai đều trông thấy việc nhỏ mà không kè đến cái hại lớn.

Trong việc này, nếu không kè đến lương tâm độc ác thì chỉ vua Sở thù lợi.

Vua Sở với lực lượng hùng mạnh, thủ vai tướng ngự ông thật phải lúc. Giam cầm Sai-hầu, thủ tiêu Túc-hầu, ôm áp được mỹ-nhán, tóm thầu vàng ngọc chầu báu nước Sái về kho nước Sở... thật là dịp hiếm có.

Hai con vật vì tranh miếng mồi cắn xé nhau thì kè thù lợi bao giờ cũng là kè đứng ngoài vòng nhảy vào.

Tâm gương xưa còn nêu rành rành như vậy, thế mà người đời nay nhiều kẻ chỉ vì tranh chấp quyền lợi nhỏ nhen, khiến cho huynh đệ tương tàn, anh em chém giết lẫn nhau, cùu cạnh người ngoài xen vào việc mình để cho bao nhiêu quyền lợi rơi vào người ngoài hết, rốt cuộc anh em trong nhà mắt ăch nhìn nhau, nhìn tấm thảm họa tương tranh. Lúc biết mình dại thì, than ôi, việc đã rồi, những vết thương lòng chẳng bao giờ còn hàn gắn được nữa,



CÁI DŨNG CỦA TÀO-MUỘI VÀ LỜI HỨA CỦA TỀ HOÀN-CÔNG

— *Dẫu kẻ thất phu đã hứa với ai cầu
giì cũng không sai lời, huống hồ ta là
Chúa một nước.*

Vào năm thứ nhất của vua Ly-Vương nhà Châu, Tề Hoàn-Công giao việc triều chính cho Quản-Trọng, trong nước dân tình yên ổn, binh lương dồi dào.

Tề Hoàn-Công muốn lấy danh nghĩa vua nhà Châu triệu tập các nước chư hầu để định kỳ cương, gây thế lực cho mình, nắm quyền bá chủ.

Vua nhà Châu chấp thuận ý kiến ấy, ủy thác cho Tề Hoàn-Công lập đài cao nơi đất Bắc-Hạnh (thuộc đất Tề) bố cáo khắp chư hầu đến đó họp mặt.

Cuộc họp này chỉ có bốn nước Tống, Trần, Châu, Sái đến dự. Nhưng sau cuộc họp vì nước Tống không phục nước Tề nên kéo quân bỏ về trước.

Tề Hoàn-Công tức giận muốn cử binh đánh Tống. Quản-Trọng khuyên nên đánh Lỗ trước, vì Lỗ là nước gần.

Tề Hoàn-Công y lời kéo quân đến đánh Lỗ.

Khi quân Tề kéo đến nơi, Quản-Trọng lại bàn với Tề Hoàn-Công nên gửi thư trách nước Lỗ trước, và buộc Lỗ phải đến hội kiến thì sẽ bãi binh.

Lỗ Hoàn-Công tiếp được thư, dùng dằng chưa quyết, Thi-Bá là mưu sĩ nước Lỗ khuyên Lỗ Trang-Công nên xin lỗi nước Tề và dự hội giao hòa.

Lỗ Trang-Công nghe theo lời viết thư phúc đáp. Tề Hoàn-Công liền rút quân ra khỏi nước Lỗ đóng tại đất Kha, đe chờ Lỗ hầu đến hội kiến.

Trước khi sắp sửa đến đất Kha, Lỗ Trang-Công hỏi triều thần :

— Có ai dám theo ta đến đất Kha hội diện với Tề chăng ?

Tào-Muội bước ra xin đi.

Lỗ Trang-Công nói :

— Người ba lần giao chiến bị thua nước Tề, nay đến đó không sợ nước Tề chê cười sao ?

Tào-Muội nói :

— Chỉ vì trước kia tôi đã thua Tề ba lần để cho Chúa-Công mất đất Văn-Dương, nên nay tôi muốn xin theo Chúa-công đe rửa nhục.

Lỗ Trang-Công nói :

— Người muốn rửa nhục mà lại theo ta trong chuyến đi này thì còn nhục thêm, vì đến ăn thè với họ đe cầu hòa, tự nhiên mình là kẻ chiến bại rồi.

Tào-Muội nói :

— Tôi quyết không đe cho nước Lỗ mang cái danh hiệu xấu xa ấy.

Lỗ Trang-Công nhận lời cùng Tào-Muội lên đường.

Khi đến đất Kha, Tề Hoàn-Công sai người đắp một cái đài rất lớn, bày sẵn lẽ vật, đợi Lỗ Trang-Công đến làm lê Huyết-thệ. Lại truyền lệnh chỉ cho một người được theo Lỗ Trang-Công lên đài thôi, còn bao nhiêu quân sĩ phải đứng xa, cách hai trăm thước.

Tào-Muội trong mạc áo giáp, tay cầm gươm đi theo sau lưng Lỗ Trang-Công. Lỗ Trang-Công có ý sợ, trái lại Tào-Muội rất hùng dũng. Hai người vừa bước khỏi thềm, Đông-quách-Nha là quan hầu Tề Hoàn-Công bảo Tào-Muội :

— Ngày nay hai nước giao hoà, xin tướng quân hãy bỏ đồ binh khi đi.

Tào-Muội trừng mắt nhìn Đông-quách-Nha, hai khoé mắt toét ra rơm rớm máu. Đông-quách-Nha sợ hãi lui ra sau. Tào-Muội ung dung bước theo Lỗ Trang-Công đến trước bàn hương án. Thập Bằng bụng bát máu dâng lên đè Lỗ Trang-Công cùng Tề Hoàn-Công ăn thè.

Tào-Muội mặt hầm hầm, một tay nắm áo Tề Hoàn-Công, một tay tuốt gươm nói :

— Hãy khoan !

Quản-Trọng vội vã xen vào giữa hỏi Tào-Muội :

— Quan Đại-phu làm gì thế ?

Tào-Muội đáp :

— Nước Lỗ bị suy yếu, đã hao tàn nhiều về chiến tranh, thế mà ngày nay những nước tư xung minh là minh chủ hội chư hầu đe círu giúp những kẻ suy yếu lại đến làm khõ nước Lỗ nữa. Như vậy dám tự hào là chính đáng sao ?

Quản-Trọng nói :

— Nước tôi đã làm điều gì hại cho quý quốc ?

Tào-Muội nói :

— Cậy sức mạnh đem quân lấy đất Văn-Dương của nước tôi sao lại bảo là không làm hại ? Nếu

quý quốc thực tinh giao hảo hãy trả đất ấy lại cho Lỗ, Chúa-công tôi mới chịu ăn thề, còn không tôi nhất định liều chết.

Quản-Trọng ngoanh lại nói với Tề Hoàn Công :

— Xin Chúa-công chấp thuận lời xin ấy.

Tề Hoàn-Công nói :

— Thôi quan Đại-phu hãy bước ra, tôi hứa sẽ trả đất ấy lại.

Tào-Muội nghe nói vội bỏ thanh kiếm xuống, bưng lấy bát máu trong tay Thấp-Băng dâng lên

Lỗ Trang Công cùng với Tề Hoàn-Công làm lễ huyết-thệ xong, Tào-Muội lại nói :

— Quản-Trọng giữ quyền binh nước Tề. Tôi xin cùng Quản-Trọng ăn thề để khỏi điều hối hận.

Tề Hoàn Công nói :

— Bất tất phải làm như vậy. Lời ta đã hứa, lẽ nào lại làm trái được sao ?

Lẽ tuyên thệ xong, các quan nước Tề ai nấy hậm hực, muốn tìm cách trả thù Tào-Muội, Tề Hoàn-Công nói :

— Ta đã hứa với Tào-Muội rồi. Dẫu kẻ thất phu đã ước với ai câu gi cũng không nên sai lời, huống hồ ta là chúa một nước.

Bấy giờ các quan mới chịu thôi.

Sáng hôm sau, Tề Hoàn - Công lại bày tiệc ở Công-quán để tiễn biệt Lỗ Trang-Công, rồi đem đất Văn-Dương trả lại cho nước Lỗ.

Các nước chư hầu nghe được việc ấy cho Tề Hoàn-Công là người tín nghĩa, hai nước Vệ và Tào sai sứ đến tạ tội và xin ăn thề ..

Nhận xét :

— *Coi cái chết như không trước thiên hạ
trong lúc làm việc nghĩa, ấy là kẻ dũng.
Một lời nói không thay đổi dù trong lúc
nguy cơ, ấy là kẻ tin.*

Trên đàm thề, trước bao nhiêu tai mắt của các nước
tham dự, thế mà một ông vua làm bá chủ chư hầu lại
bị một viên tướng của một nước nhỏ uy hiếp, bắt phải
chấp thuận một văn đế trái với ý muốn của mình. Đó
là một chuyện nhục nhã, có hại đến quốc thể của một
một cường quốc. Tề Hoàn-Công dĩ nhiên phải lúng túng.

Ở đây, chúng ta thấy trước nhất Tào-Muội, một
dũng sĩ, không sợ sệt trước sự uy nghiêm của nước Tề,
dám một mình một thanh girom làm cài chuyện mà không
ai có thể tưởng tượng làm được.

Cứu lấy quốc thể, đem lợi ích cho nước mình, dù
có hy sinh thân xác vẫn hiên ngang, đó là hành động
của kẻ dũng,

Kinh-Kha, một dũng sĩ, thọ ơn Thái-tử nước Yên,
xách thanh girom vào nước Tân ám sát Tân-thuỷ-Hoàng
cũng chỉ là tinh thần dũng cảm như thế thôi. Chỉ có
những kẻ phi thường mới làm nên chuyện phi thường
như vậy.

Ở đây, chúng ta cũng lại thấy Quản-Trọng, con người
lanh trí, sáng suốt vô cùng.

Tào-Muội hành động một cách bất ngờ, đột ngột
và chớp nhoáng, nếu là người kém bình tĩnh và sáng suốt
đã phải sinh lớn chuyện, nguy hại cho sinh mạng Tề
Hoàn-Công mà còn đồ vỡ việc lớn là việc đỗ vương định
bá của nước Tề nữa.

Tuy nhiên, khen Quản-Trọng là khen chỉ nhẫn nhục trong lúc quốc thê của một cường quốc bị chạm thõi, còn như việc khuyên Tề Hoàn-Công chấp thuận lời yêu cầu của Tào-Muội, chính là việc làm nằm trong chủ trương chính trị của Quản-Trọng rồi. Trước kia, Quản-Trọng đã có chủ trương lấy uy đức bang giao với các nước chư hầu bằng cách trả lại những đất đã chiếm được, thế thì việc làm của Tào-Muội sở dĩ thành công là do nhầm vào đường lối của Quản-Trọng, mà Quản-Trọng khuyên Tề Hoàn-Công như vậy là đã đúng lập trường của mình.

Ngoài những việc trên, ở đây chúng ta còn thấy câu chuyện « Tái-Ông thất mā ».

Thật vậy, Lỗ Trang-Công đắc thắng trong chuyến ăn thề này thật, nhưng cái thắng ấy lại là cái bại của mình.

Tề Hoàn-Công nhờ trả đất Văn-Dương cho Lỗ mà được các nước chư hầu trọng vọng, cho Tề Hoàn-Công là một ông vua tin nghĩa, đáng mặt làm bá chủ, do đó, địa vị Tề Hoàn-Công được củng cố thêm, và các nước chư hầu tiếp tục đến đầu phục.

Cho hay, trong cái xấu có chứa đựng cái tốt, trong cái bất lợi lại có điều lợi.

Trước một Quản-Trọng có tài trị nước, chủ trương lấy tin nghĩa thu phục chư hầu, Tề Hoàn-Công cũng trở nên sáng suốt.

Ông ta nói: « Dẫu là kẻ thất phu đã trước với ai cũng nên giữ lời hứong hờ ta là một ông vua của một nước lớn. »

Lời nói của Tề Hoàn-Công quả là một câu danh ngôn, mà các nhà chính trị không nên bỏ qua vậy.



NINH-THÍCH VỚI LỜI CHỌN CHÂN CHÚA

— Không sợ người ta không dùng mình chỉ
sợ mình không có tài khi họ cần đến

Quản-Trọng chuyền quân qua núi Dao-sơn, dọc
đường gặp một người chăn trâu, quần ngắn, áo cộc,
đầu đội nón mè, chân đi đất, đang gõ vào sừng
trâu hát nghêu ngao.

Quản-Trọng nghe tiếng hát biết không phải người
thường, khiến quân đem rượu thịt đến cho.

Người chăn trâu ăn xong hỏi quân sĩ :

— Tôi muốn được yết kiến quan Tè-tướng có
được không ?

Quân sĩ đáp :

— Xe của quan Tè-tướng di xa rồi. Vậy thi cứ
ăn cho no mà thôi, cần gì phải gặp mặt ?

Người chăn trâu nói :

— Thôi được, ta có một lời muốn nói với Tè-
tướng.

— Lời gì ? Nếu chỉ cần nói một lời thì chúng
ta nói giúp cũng được.

Người chăn trâu nói : « Nước trong leo leo ».

Quân sĩ chạy theo kịp xe Quản-Trọng và thuật
lại câu nói của Ninh-Thích, người chăn trâu ấy.

Quản-Trọng suy nghĩ mãi, nhưng không hiểu câu
nói nước trong leo leo có nghĩa là gì.

Bấy giờ Quản-Trọng có người hầu thiếp là Tinh-Nương, rất thông minh, học rộng, Quản-Trọng rất yêu quý, đi đâu cũng đem theo.

Quản-Trọng đem lời ấy hỏi lại Tinh-Nương. Tinh-Nương thưa :

— Thiếp có nghe một bài thơ xưa, trong ấy có câu rằng :

« Nước trong leo leo, cá lội giữa dòng, người đến triệu ta ta cũng băng lòng ».

Ý chừng người ấy muốn ra làm quan.

Quản-Trọng dừng xe lại sai người đòi gã chăn trâu đến hỏi.

Gã chăn trâu cúi đầu thi lễ chử không lạy.

Quản-Trọng hỏi tung tích. Người chăn trâu nói :

— Tôi là Ninh-Thích, người đất Vệ, được nghe Tướng quân là kẻ ưa hiền, chuộng sĩ, nên tìm qua nước Tề để tiến thân, ngặt không có ai tiến dẫn nên phải chăn trâu cho người trong làng mà nuôi sống.

Quản-Trọng thử thách tài học văn, Ninh-Thích ứng đáp rất rành mạch.

Quản-Trọng nói :

— Kẻ hào kiệt lúc chưa gặp vận, khó thi tho tài năng mình được. Đại binh của Chúa-công ta cũng sắp đến đây, ta viết cho nhà ngươi một phong thư, nhà ngươi an lòng ở đây mà chờ lúc nào Chúa-công ta đến sẽ trình át được trọng dụng.

Nói xong Quản-Trọng viết một phong thư trao cho Ninh-Thích rồi lên xe giã từ.

Cách ba ngày sau, Ninh-Thich vẫn còn chăn trâu ở Núi Dao-son như cũ, và đại binh của Tề Hoàn-Công đến.

Ninh-Thich lại ngồi trên minh trâu gõ sừng ca hát vang trời.

Hát rằng :

*Mặt Thường-Lan nhấp nhô đá trắng,
Thân Lý-Ngư thầm lặng xuôi dòng.*

Dời không hiền sĩ,

Đất thiếu minh quân.

Thương thân ta lại tuổi thăm,

Hồi con trâu trắng,

Hồi cùm rìng thăm,

Hùng anh sống với âm thăm mãi ư?

Tề Hoàn-Công nghe giọng ca lấp láy làm lạ, khiến kè tạ hữu bất đắc đến hỏi tên họ và quê quán.

— Tôi người nước Vệ lưu lạc nơi đây.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Người là một đứa chăn trâu, có sao lại dám chê bai thiên hạ.

Ninh-Thich nói :

— Tôi đâu dám chê bai, tôi chỉ tiếc rằng đời nay không có người hiền.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Sao người lại dám chê rằng đời thiếu Minh-quân, trong lúc Thiên-tử nhà Châu đang trị vì thiên hạ, còn ta một nước chư-hầu giàu mạnh, trên phục Thiên-tử, dưới ché ngự chư-hầu, đem lại thái bình cho thiên hạ ?

Ninh-Thích nói :

— Một Minh-quân tất phải biết mình, hiểu người, rõ được thời bình, thấy được lúc loạn, đem ân đức rải khắp nhân gian, lấy lòng nhân trị thiên hạ. Như nhà Châu hiện nay mỗi lúc một suy, trong thi dân tình không phục, ngoài thi chư-hầu bắt tuân, tài trị nước không có thì sao gọi là Minh-quân ? Đến như Chúa-công giết anh ruột mình cướp ngôi, mượn uy Thiên-tử chế ngự chư-hầu, nhưng chư-hầu đều không phục, sao gọi là giàu mạnh ?

Tề Hoàn-Công nghe nói nỗi giận mảng lớn :

— Đứa thất phu dám nói càn.

Liền hô kè tả hữu bắt Ninh-Thích đem chém. Ninh-Thích không chút sợ hãi, ngược mặt lên trời than :

— Ngày xưa, vua Kiệt giết Long-Bàng, vua Trụ giết Tỷ-Can, nay tôi cùng với hai ông ấy kè là ba người.

Thấp-Bằng thấy thế tâu với Tề Hoàn-Công :

— Người này lời nói không đưa mi, lòng không sợ uy lực, chắc chắn không phải là người tầm thường, xin Chúa-công chờ nên giết.

Tề Hoàn-Công sực nghĩ lại, cơn giận đã nguôi, bước tới mở trói cho Ninh-Thích và nói :

— Ta thử nhà ngươi đó thôi, nhà ngươi thật là người khí phách.

Ninh-Thích thò tay vào túi lấy bức thư của Quản-Trọng dâng cho Tề Hoàn-Công.

Tề Hoàn-Công nói :

— Nhà ngươi đã có bức thư của Trọng-phụ sao không tâu trình cho sớm?

Ninh-Thích nói :

— Tôi nghe nói vua hiền chọn người ngay, tôi trung chọn Chúa có đức. Nếu Chúa-công ghét người thẳng ưa kẻ nịnh thì thà tôi chết đi còn hơn đưa lá thư này để được trọng dụng.

Tề Hoàn-Công rất đẹp lòng, truyền Ninh-Thích ngồi chung xe. Tối hôm ấy đóng quân lại nghỉ, Tề Hoàn-Công sai thấp duốc tìm áo mao để phong chức cho Ninh-Thích.

Thụ-Điêu là người hầu cận của Tề Hoàn-Công thấy thế, tâu :

— Từ đây đến nước Vệ không xa, xin Chúa-công đợi đến đó hỏi xem Ninh-Thích có quả là người hiền không đã, rồi sẽ phong cũng chẳng muộn.

Tề Hoàn-Công nói :

Đã nghỉ thi không nên dùng, đã dùng thi đừng nghỉ. Giả thử Ninh-Thích trước kia có một lối nhỏ đi nữa, nay ta cũng không vì lối nhỏ ấy mà phải bỏ qua một nhân tài.

Rồi ngay đêm ấy, Tề Hoàn-Công phong chức Đại-phu cho Ninh-Thích, để cùng Quản-Trọng coi việc quốc chánh.

Ninh-Thích lạy tạ lui ra. Tề Hoàn-Công truyền lệnh tấn binh.

Chẳng bao lâu, đại binh của Tề kéo đến biên giới nước Tống, hợp với binh các nước chư-hầu đồng như kiến cỏ.

Tề Hoàn-Công họp các tướng bàn kế lấy thành.
Ninh-Thích tâu :

— Chúa-công phụng mệnh Thiên-tử đem quân chě
ngự chư-hầu, mục đích bắt họ phục tùng chứ không
phải chiếm đất. Ấy vậy, quân lực chỉ làm cho người
ta sợ uy chứ không mến phục. Theo ý tôi chó nén
danh vội. Tôi dẫu hèn mạt, dám xin đem ba tắc
lưỡi bảo vua nước Tống giảng hòa.

Tề Hoàn-Công nghe theo, truyền lệnh đóng quân
lại, sai Ninh-Thích vào trước thuyết phục Tống Hoàn-
Công.

Ninh-Thích ngồi một chiếc xe nhỏ, đem theo mấy
tên gia nhân thẳng đến Thư-Dương xin vào yết kiến.

Tống Hoàn-Công hỏi Đái-thúc Bì :

— Ninh-Thích là người thế nào ?

Đái-thúc Bì thưa :

— Tôi nghe người ấy là một kẻ chăn trâu, được
Tề-hầu mời dùng làm quan, chắc người ấy có tài
ứng đối.

Tống Hoàn-Công nói :

— Vậy thì nên đối xử như thế nào ?

Đái-thúc Bì thưa :

— Xin Chúa-công triệu vào lấy lẽ mà dãi, đề xem
ý tứ Ninh-Thích như thế nào. Nếu va có điều gì
lỗ mang tôi sẽ vuốt giải mao làm hiệu, Chúa-công khiếu
võ sĩ bắt giam lại, như thế mưu của Tề át phải hư.

Tống Hoàn - Công gật đầu khen phải, truyền
võ sĩ mai phục xong xuôi rồi mới cho Ninh-Thích vào.

Ninh-Thích mặc áo rộng thắt đai lớn, ung dung bước vào xá Tống Hoàn-Công một cái. Tống Hoàn-Công ngồi yên không đáp lè, Ninh-Thích ngược mặt lên trời than :

— Nước Tống đã đến lúc nguy khốn rồi.

Tống Hoàn-Công nghe nói lấy làm lạ hỏi :

— Ta làm đến bậc Thượng-Công, phàm trật đứng trên các chư-hầu, trong nước bình hùng tướng mạnh, dân chúng an vui, sao gọi là nguy khốn ?

Ninh-Thích nói :

— Hiền hầu có thể sánh được với Châu-Công ngày xưa không ?

Tống Hoàn-Công nói :

— Châu-Công là bậc thánh, ta làm sao sánh được.

Ninh-Thích nói :

— Châu-Công ngày xưa trong lúc thiên hạ thái bình thế mà còn phải trọng người hiền sĩ. Lúc đang ăn cơm nghe người hiền sĩ vào, vội vàng nhả miếng cơm đè ra tiếp đón. Trong lúc đang tăm nghe người hiền sĩ đến, vội vã vắn tóc đè ra mòi. Nay hiền-hầu là dòng dõi một nước đã mất rồi, lại gặp buồn loạn lạc, các liệt quốc tranh hùng, đâu bắt chước như Châu-Công, hết lòng cầu kè sĩ, chưa chắc kè sĩ đã tìm đến, huống hồ lại còn tự đắc kiêu căng thì có bao giờ người trung trực lại chịu đến qui phục hiền hầu. Thế mà lại không cho là nguy khốn sao ?

Tống Hoàn-Công nghe nói sững sờ, giây lâu mới đứng dậy nói có vẻ ăn năn :

— Ta mới lên ngôi chưa được nghe lời giáo huấn của quân tử, vậy xin tiên sinh miễn chấp.

Thúc-Bí đứng hầu một bên thấy Tống Hoàn-Công có ý xiêu lòng, vội đưa tay vuốt giải mao, nhưng vuốt đến đôi ba lần mà Tống Hoàn-Công vẫn không thèm để ý tới.

Tống Hoàn-Công hỏi Ninh-Thích :

— Chẳng hay tiên sinh đến đây có điều chi dạy bảo tôi chẳng ?

Ninh-Thích nói :

— Nay Thiên-tử suy yếu, chư hầu lộng quyền, việc tranh chấp càng ngày càng quyết liệt, dân gian đồ thán. Tề-hầu không nỡ đe cho thiên hạ lâm cảnh tóc tang, phải phụng mệnh Thiên-tử liên kết chư hầu để lo việc tương thân và trách phạt. Hiền hầu bội tin làm cho Thiên-tử nòi cơn thịnh nộ, nên sai chư hầu đến đây vẫn tội. Nếu hiền hầu cự với binh triều, thì chưa đợi giao binh đã thấy được lẽ thắng phụ rồi.

Tống Hoàn-Công hỏi :

— Theo sở kiến của tiên sinh thì việc này phải thế nào ?

Ninh-Thích nói :

— Theo ý tôi, hiền hầu nên dùng chút đinh lẽ vật mà cầu hòa, trên chặng trái với Châu-Vương, dưới vẫn dang quyền cùng Minh-chúa. Như thế Tống không cần động binh mà vẫn vững vàng như non Thái.

Tống Hoàn-Công nói :

— Trước kia ta đã không trọng ước, nửa đêm kéo quân bỏ về không dự hội, nay Tề-hầu đã đem quân đến đây biết có chấp thuận việc hòa ước của ta chăng ?

Ninh-Thích nói :

— Tề-hầu là một người đại nhân đại độ, không kè đến lỗi lầm của kẻ khác, trước đây Lỗ-hầu không chịu dự hội, sau đến xin ăn thè nơi đất Kha, Tề-hầu vẫn đem đất Văn-Dương trả lại, huống chi hiền hầu là kẻ đã có lòng đến dự hội, lẽ nào Tề-hầu lại không cho giải hòa.

Tống Hoàn-Công hỏi :

— Nay giờ phải dùng những lê vật chi để cống hiến ?

Ninh-Thích nói :

— Là một kẻ đại nhân đại độ không bao giờ xem của cải là trọng, hiền hầu chỉ dùng một vật mọn cũng đủ.

Tống Hoàn-Công mừng rõ, sai sứ mang lê vật sang dinh Tề giao hòa.

Đái-thúc Bì hòi hẹn lui ra.

Sứ Tống đến trại Tề dâng mười cặp Bạch ngọc, ngàn nén vàng ròng mà tạ tội.

Nhận xét :

— Người có tài và kẻ biết dùng người tài là hai yếu tố tương quan để đi đến thành công.

Từ xưa đến nay, kẻ có tài thường hay có tật, đó là tật « hờn mình »

Kẻ có tài thường không muốn để ai lợi dụng tài mình, mỗi khi họ đem tài ra giúp việc gì tất họ phải dán đo rất kỹ, cho nên từ ngàn xưa, chúng ta đã thấy nào Khương-tử-Nha ngồi câu thời vận, nào Khổng-Minh

Gio-Cót năm ép mình trong chốn thảo-lư v.v .. đợi cho các nhà chính trị đến cầu cạm mới đem thân ra giúp. Một khi họ đã giúp thì đem hết lòng mình ra phục vụ, không kèn đến mạng sống.

Đó là kè chân tài. Kè chân tài thường chọn người có chí lớn mà thờ.

Ở đây việc Ninh-Thích gõ sừng trâu hát nghêu ngao để tiến thân với Tề Hoàn-Công cũng chỉ là chuyện hgom minh ngày xưa thôi.

Ngày nay, theo gương ấy, chẳng thiếu chi người, tài năng không có gì cũng ra mặt kẻ sĩ không gấp thời, ngồi rong rêu chê trách thế sự. Nhưng kè áy nếu không được dùng thì họ đi nói xấu thiên hạ đủ thứ để tỏ cái biệt thấp kém của họ, nếu được dùng thì họ lại mưu lợi riêng, làm những việc tồi tàn hơn là những việc mà họ chê trách kẻ khác.

Ôi, thói đời vàng thau lân lộn. Bởi vậy, cái khó khăn nhất là kè dùng người

Một cây không làm nồi một sườn nhà, một giọt nước không làm thành bể cá. Việc quốc gia cần phải được đa số nhân tài không phải là chuyện dễ.

Kè tìm nhân tài không nên thích những lời dưa mù, cũng không nên căn cứ vào lời nói suông của họ mà phải xét ở chỗ có thực tài hay không.

Tề Hoàn-Công đốt đuốc phong Ninh-Thích, với những ý kiến kiên quyết và rắn rỏi, thật đáng là một nhà lãnh đạo sáng suốt.

Không phải như thời nay, nhiều nhà lãnh đạo một nước mà không xem nhân tài là trọng, hổn có cảm

tình với ai, hay thấy ai xu phu mình thì kéo bầy kéo
cánh vào, còn kẻ nào chỉ trich mình, không ra mình thì
không dùng đèn, mặc dù kẻ ấy có đủ tài giúp mình trong
công cuộc cứu nước, mưu lợi cho dân.

Tấm gương Tề Hoàn-Công phong chức cho Ninh-Thích
trên đây đáng là một tấm gương lưu hậu thế.



DỤC-QUYỀN CAN-VUA

— Lam tôi thấy vua sai mà sợ chết không
can gián là bất trung, can vua mà vua vẫn
không nghe theo là bất-lực.

Sở Văn-Vương đem quân đánh Sái. Sái-hầu thua
bị Sở Văn-Vương bắt đem về nước.

Vì giận Sái-hầu cậy thế nước Tề không tùng phục
mình, Sở Văn-Vương truyền đem chém.

Dục-Quyền bước ra can :

— Đại-vương đang muộn mò mang thế lực khắp
Trung-quốc, đáng gi một Sái-hầu mà không thể dung
thú đe cho thiên hạ cho nước Sở ta không phải là
một nước đại-độ ?

Sở Văn-Vương nói :

— Sái-hầu là một dứa vô lẽ, lâu nay không dẫu
phục, hận ấy chưa nguôi, nay đã bắt được lẽ nào lại
không giết ?

Nói rồi truyền quân đem chém.

Dục-Quyền can lại nói :

— Không, không, xin Đại-vương nghĩ lại, lẽ nào
vi một hận nhò mà quên đại sự. Nếu Đại-vương cho
Sái-hầu về nước chắc từ nay Sái-hau không dám ngạo

mạn nữa. Đã vậy, các chư hầu khác trông thấy sẽ mến đức Đại-vương.

Sở Văn-Vương nhất định không nghe. Dục-Quyền nỗi giận, một tay nắm áo Sở Văn-Vương, một tay rút gươm nói lớn :

— Thà tôi cùng chết với Đại vương còn hơn để Đại vương mất cả đại nghiệp.

Sở Văn-Vương thấy thế sợ sệt nói :

— Thôi, thôi, ta chịu nghe theo lời khanh.

Nói xong truyền tha Sái-hầu.

Dục-Quyền thấy vua đã tha chết cho Sái-hầu, vội vã quăng gươm quỳ tâu :

— Tâu Đại-vương, Đại-vương đã nghe lời can gián của tôi, thật may mắn cho nước Sở, nhưng tôi phạm tội hiếp vua thực đáng chết.

Sở Văn-Vương nói :

— Lòng trung thành của ngươi đã vượt quá tội lỗi. Ta không thể vì lỗi nhỏ ấy mà làm lu mờ tấm gương trung nghĩa.

Dục-Quyền tâu :

— Tâu Đại-vương, Đại-vương tưởng tình tha chết cho tôi, nhưng tôi không thể tha thứ cho tôi được.

Nói xong cúi lượm thanh gươm, cắt đứt một chân, rồi hét to :

— Kẻ nào làm tôi vô lễ với vua hãy xem đây.

Sở Văn-Vương quá cảm động, truyền đem cái chân của Dục-Quyền cắt vào kho để ghi lỗi mình không nghe lời can gián. Đoạn sai ngự y chuyên chữa cho Dục-Quyền.

Sau một thời gian, Đức-Quyền được lành bệnh, nhưng không đi được, Sở Văn-Vương phong cho làm chức Đại-môn để giữ cửa thành...

Nhận xét :

— *Bất kỳ làm cách nào mà giác ngộ
được kẻ khác trở về với lẽ phải thì kẻ
ấy quá có tài rồi.*

Có được bấy tôi như Đức-Quyền sáng suốt thấy rõ
cái hại trong việc làm của vua mà can ngăn thì làm gì
vua không hiền, tôi không trung ?

Dám liều chết uy hiếp vua, bắt vua phải nghe theo
lẽ phải, Đức-Quyền làm nỗi bất được cái can đảm và
cương quyết trong hành động của mình.

Xưa nay biết bao nhiêu trung thần đã liều chết can
vua, nhưng không ai áp dụng lời liều chết như vậy.

Đức-Quyền áp chế vua, nhưng lại tỏ được lòng trung,
làm cho vua đã không giận mà còn mến thì thật Đức-
Quyền là một kẻ khôn khéo vô cung.

Đã vậy, Đức-Quyền còn chặt chém mình để răn những
ai đã phạm tội như mình. Tự mình phạm tội, rồi lại
tự răn mình, khiến cho mọi người ai cũng thấy hành
động của Đức-Quyền đối với vua chỉ là việc bắt đắc dĩ,
đáng thương.

Can vua, bắt vua trở về với lẽ phải, mà phải bắt
cho được, để khỏi đồ vỡ việc lớn, kè ra cũng táo bạo
đối với luật lệ phong kiến thât, nhưng xét ra cũng phải,
vì quyền hạn của ông vua là quyền hạn tuyệt đối, nếu
cứ dùng lời ngay lẽ thật mà ông vua không chịu nghe,
đến lúc hối hận thì việc đã đồ vỡ rồi làm sao chuộc
lại được.

Cho nên, nếu mỗi một vị tôi thần đều áp dụng quyền can gián như Dục-Quyền cá thì dù cho ông vua nào ương ngạnh, thối nát đến đâu cũng không thể độc tài làm bậy được.



CÁI CHẾT CỦA PHÓ-HÀ VỚI Ý NGHĨA « VUI ĐÂU CHÚC ĐÁY »

— Kẻ biết tự trọng không phải thấy ai mạnh thì theo hùa.

Công-tử Nghi nước Trịnh chiếm ngôi anh là Trịnh Lệ-Công, được Tề-Túc theo phò.

Từ khi năm được quyền binh, Công-tử Nghi cậy mình thân với Sở không chịu tùng phục nước Tề. Tề Hoàn-Công có ý ghét Trịnh muốn đem binh chinh phạt.

Quan Đại-phu Ninh-Thích nói :

— Không cần đem binh đánh Trịnh mà chỉ cần làm cho nội tình nước Trịnh rối ren, át nước Trịnh phải đầu phục Tề.

Tề Hoàn-Công hỏi :

— Muốn làm cho Trịnh rối ren phải làm cách nào ?

Ninh-Thích nói :

— Công tử Đột ở bên nước Trịnh trước kia lên ngôi chỉ mới hai năm bị Tề-Túc đuổi ra nước ngoài, hiện cư ngụ tại đất Lịch. Nay Công Công chỉ cần cho quân đến đất Lịch đưa Trịnh-Đột về nước, giúp cho Trịnh-Đột đánh Công-tử Nghi chiếm lại ngôi cũ.

Được vậy Trịnh-Đột thế nào cũng mang ơn Chúa-công mà tung phục nước Tề, chúng ta không cần phải đánh Trịnh làm gì cho hao binh tốn tướng lại mang tiếng hiếu chiến.

Tề Hoan-Công khen phái liền khiển Tân-tu-Vô đem hai trăm binh ra đóng nơi đất Lịch, rồi sai người đến tỏ ý với Trịnh-Đột.

Lâu nay Trịnh-Đột đã nghe tin Tề-Túc qua đời, thường cho người dò xét nước Trịnh, có ý muốn mưu việc phục nghiệp, nay nghe được tin nước Tề giúp mình về nước lòng mừng khôn xiết, cho người đến đón Tân-tu-Vô vào thành thiết đãi.

Trong lúc ăn uống Tân-tu-Vô hỏi:

Chẳng hay nước Trịnh hiện nay ai thay cho Tề-Túc?

Trịnh-Đột đáp:

— Người thay Tề Túc là Thúc-Thiêm. Người này có tài trị nước, nhưng không có tài cầm binh.

Giữa lúc ấy có quân vào báo:

— Kinh thành nước Trịnh vừa xảy ra một chuyện rắc rối. Phía trong cửa nam môn có một con rắn dài tám thước, đầu xanh đuôi vàng cắn lộn với con rắn phia ngoài cửa dài hơn một trượng, đầu đỏ đuôi xanh. Hai con cắn nhau đến mười bảy ngày thì con rắn trong bị con rắn ngoài cắn chết. Con rắn ngoài chạy thẳng vào thành đến nhà thái miếu thi biến mất. Thiên hạ đến xem đông nghẹt, nhưng chẳng ai dám lại gần.

Tân-tu-Vô nghe nói đứng dậy chúc mừng Trịnh-Đột:

— Như thế chắc chắn hiền hầu sẽ khôi phục được ngôi nước Trịnh.

Trịnh-Đột hỏi :

— Sao ngài biết được ?

Tân-tu-Vô đáp :

— Con rắn ngoài túc là hiền hầu, vì hiền hầu là anh nên rắn ấy dài đến một trượng, còn con rắn trong cửa túc là Công-tử Nghi. Công-tử Nghi là em, nên chỉ dài có tám thước. Đến ngày thứ mười bảy con rắn bên trong chết, nghĩa là từ khi hiền hầu bỏ ngôi cho đến nay đã mười bảy năm, nay trở về phục quốc được thành công. Đó là điểm trời cho biết trước.

Trịnh-Đột mừng rỡ nói :

— Nếu quả như vậy, trọn đời tôi chẳng dám quên ơn Tề hầu.

Nói xong rót rượu mời Tân-tu-Vô. Hai người nâng chén rất tương đắc.

Sáng hôm sau, Tân-tu-Vô bàn với Trịnh-Đột đem quân lên về lấy đất Đại-Lăng. Quan giữ thành Đại-Lăng là Phó-Hà, nghe được tin Trịnh-Đột kéo quân đến đánh, vội điềm quân khai thành đổi địch, chẳng ngờ Tân-tu-Vô phục binh nơi phía sau kéo vào chiếm thành.

Phó-Hà tướng quân Trịnh-Đột, sau biết được có binh Tề giúp sức, liệu thế không chống lại, phải xin đầu hàng.

Trịnh-Đột vốn căm hờn Phó-Hà, trong mười bảy năm qua, đã giữ thành rất gắt chống lại quân mình, nên truyền quân đem chém.

Phó-Hà la lớn :

— Nếu muốn về nước Trịnh phục nghiệp mà
Chúa-công đem giết tôi là thất sách.

Trịnh-Đột nghe nói vội bão đao phủ thủ dừng
tay rồi hỏi :

— Người có kẽ gi hay sao ?

— Tôi có thè lấy đầu Công-tử Nghi được.

Trịnh-Đột lắc đầu nói :

— Người là một tiều tướong, tài cán, mưu mô
gi mà làm được chuyện đó, chẳng qua vì tham sanh
húy tử, người kiêm lời gạt ta đè khỏi chết thôi.

Phó-Hà nói ;

— Quyền chính trong nước ngày nay thuộc về
tay Thúc-Thiêm. Tôi với Thúc-Thiêm thân nhau làm.
Nếu Chúa-công không chê tôi bắt tài, đè tôi sống,
tôi sẽ về bàn mưu với Thúc-Thiêm giết Công-tử
Nghi đem đầu nạp cho Chúa-công.

Trịnh-Đột hét to :

— Tên lão tặc, dừng gạt ta. Mì muốn trở về
bàn với Thúc-Thiêm đem quân đến đây chống cự
với ta, ta đã biết rõ.

Nói rồi truyền dao phủ thủ đem chém.

Tân-tu-Vô cản lại nói :

— Vợ con Phó-Hà còn ở trên đất Đại-Lăng này,
ta hãy giam hắn lại đè làm tin.

Phó-Hà nghe nói quỷ mọp xuống đất rên ri :

— Vợ con tôi còn đó, chẳng lẽ tôi ham sống
một mình bỏ vợ bỏ con tôi sao ?

Nói xong ngược mặt lên trời thè. Lúc đó Trịnh
Đột mới tin, truyền quân mở trói thả đi.

Đêm ấy Phó-Hà lên về Kinh đô nước Trịnh vào yết kiến Thúc-Thiêm. Trông thấy Phó-Hà, Thúc Thiêm ngạc nhiên hỏi :

— Nhà ngươi đang trấn thủ Đại-Lăng sao lại về đây ?

Phó-Hà nói :

— Tề-hầu sai tướng Tân-tu-Vô đem quân đưa Công-tử Đột về nước, nay đã chiếm được Đại-Lăng sớm muộn át có đại binh kéo đến kinh thành, ngài nên làm cách nào chém được Công-tử Nghi đem đầu dâng cho Công-tử Đột mới khỏi mất ngôi công khanh. Vả lại, Công-tử Đột là anh, đáng lý phải ở ngôi mới thuận

Thúc-Thiêm ngầm nghĩ một lúc rồi nói :

— Trước kia ta đã có ý đưa Công-tử Đột là vua cũ về nước nối ngôi, nhưng bị Tề-Túc ngăn cản, nay Tề-Túc đã thắc, việc này không khó.

Phó-Hà hỏi :

— Nếu vậy thì liệu kế nào ?

Thúc-Thiêm nói :

— Tin cho binh Tề kéo đến, lúc đó ta giả đò mở cửa thành đối địch tất nhiên Công-tử Nghi phải lên mặt thành đứng xem, nhà ngươi theo hầu rút gươm chém đầu Công-tử Nghi, còn ta, ta mở cửa rước Công-tử Đột vào tôn lên ngôi.

Hai người bàn tính xong, sai người mật báo cho Trịnh-Đột.

Phó-Hà lại vào ra mắt Công-tử Nghi nói.

— Quân Tề giúp Công-tử Đột chiếm được Đại-Lăng rồi.

Công-tử Nghi giật mình nói :

— Thế thi phải tức tốc sang nước Sở cầu cứu mới được.

Thúc-Thiêm bên ngoài ra lệnh, nhưng bên trong cố ý chần chờ đã hai ngày mà không sai sứ qua nước Sở.

Bỗng có tin quân Tề kéo đến vây thành, Thúc-Thiêm xin phép Công-tử Nghi khai thành chống cự rồi khen Phó-Hà lên mặt thành mà phòng giữ.

Công-tử Nghi lèm kế cũng theo Phó-Hà lên mặt thành xem xét binh tinh. Vìa đến nơi, Phó-Hà rút gươm chém Công-tử Nghi một nhát nhào xuống đất tắt thở.

Bên ngoài Thúc-Thiêm mở cửa đón Công-tử Đột và Tân-tu-Vô vào Thành cung, bắt hai con của Công-tử Nghi giết đi, rồi cùng nhau tôn Công-tử Đột lên ngôi, lấy hiệu cũ xưng là Trịnh Lệ-Công.

Người nước Trịnh lâu nay vẫn mến Trịnh Lệ-Công nên dân tình vẫn được yên ổn.

Trịnh Lệ-Công cảm ơn Tân-tu-Vô lo lắng dài đằng, khao thường binh Tề rồi tiễn Tân-tu-Vô về nước.

Bấy giờ Trịnh Lệ-Công mới đòi Phó-Hà đến nói :

— Người giữ đất Đại-Lăng trong mươi bảy năm, cố súc cùng ta chống cự, thật đã hết lòng với Chúa cũ, nay tham sống sợ chết giết bỏ Chúa cũ dè theo ta, như vậy người là kẻ nham hiểm khó lường, tâm địa phản trắc ta phải giết nhà ngươi đi mới khỏi lo hậu hoạn.

Nói xong truyền võ sĩ đem Phó-Hà ra chém, còn vợ con thi cho vẹ...

Nhận xét :

— Gia bần tri hiếu tử,
quốc loạn thức trung thần.

Chỉ có lúc lâm nguy mới rõ được ai trung ai nịnh. Thời đời trong lúc đang hưng thịnh thì thiếu gì hạng tiểu nhân theo xu phu để dưa thế kiêm ăn.

Lúc công-tử Nghi đang ngồi trên chiếc ngai vàng vững chắc, tiền hô hậu ứng ai dám cho Công-tử Nghi là kẻ phi nhân, tiếm đoạt ngôi anh, chỉ thấy toàn những kẻ theo xu nịnh, bợ đỡ, cho công-tử Nghi là bậc Thành-Chúa thời.

Ấy thế mà lúc Trịnh-Đột đem quân về, có binh Tề giúp sức, các nịnh thần coi cái mồi Công-tử Nghi đã suy, liền phản phúc, giết Công-tử Nghi, đem thành dang cho công-tử Đột lập tức.

Phản phúc thường là những kẻ hàng ngày gần gũi mình, tỏ ra làm những người tận tâm nhứt.

Ai biết Thúc-Thiêm làm đến bậc Tề-tướng mà còn phản, ai biết Phó-Hà đã phò Công-tử Nghi giữ thành mười bảy năm mà lại phản phúc? Nếu bảo rằng Phó-Hà, Thúc-Thiêm không phục Công-tử Nghi thì sao lại phò Công-tử Nghi suốt mười bảy năm trời không tỏ ý gì phản đối?

Cùng một người đó mà lúc cao cho là tốt, lúc bảo là xấu, xấu tốt không chừng, thật đúng là những ý của những kẻ xu thời trực lợi.

Đời nay, những người như Phó-Hà, Thúc-Thiêm không thiếu gì, họ vẫn sống vinh thân phi da từ thời này sang thời khác, nay xu phu người này, mai xu phu người kia để kiêm ăn.

Nếu những kẻ cầm quyền lãnh đạo đều giàu kinh nghiệm như Trịnh Lệ-Công lúc về nước, đem đầu những bọn như Phó-Hà chặt hết ráo đi thì có lẽ những bọn nay xu phụ mai phản-phúc, dựa theo tình thế, hùa gió bẻ mảng mới hết đường sống.

Hành động của Trịnh Lệ-Công và cái chết của Phó-Hà là một tấm gương quý cho người đời sau nghiên ngẫm.



VƯƠNG-TỬ ĐỐI MỄN TRÂU HƠN THƯƠNG DÂN

— Nếu không yêu dân mến nước
thì chờ nên dự vào quốc sự.

Trước kia vua Trang-Vương nhà Châu yêu nàng Diên-Cơ, có sanh được một con là Vương-tử Đối. Châu Trang-Vương rất mến Vương-tử Đối lắm, sai quan Đại-phu là Vĩ-Quốc làm Thái-phó để dạy dỗ.

Vương-tử Đối có tính thích chơi trâu, một mình nuôi trong nhà hơn hai trăm con trâu, ngày nào cũng cho ăn, cho uống rất kỹ lưỡng, lại cao trâu mặc toàn gấm vóc và đặt tên là Văn-Thú...

Vương-tử Đối đi đâu đều có đàn trâu đi theo, giãm nát cả ruộng nương vườn tược mà không ai dám nói.

Hơn nữa, Vương-tử Đối còn kết thân với năm văn quan Đại-Phu là Vĩ-Quốc, Biên-Bá, Tử-Cầm, Chúc-Quy, và Thiêm-Phủ là những kẻ có thế lực trong triều, nên lúc Châu Ly-Vương còn ở ngôi cũng phải kính nè.

Thời gian sau, Châu Ly-Vương chết, con là Huệ-Vương lên ngôi, Vương-tử Đồi ý minh là chú càng lên mặt kiêu ngạo hơn nữa. Châu Huệ-Vương rất ghét, tìm cách trấn áp Vương-tử Đồi cùng bè đảng chằng ngờ trong cung có kẻ phản nghịch, bên ngoài vua nước Vệ là Vệ-Sóc có cừu thù với vua nhà Châu nên đem binh giúp Vương-tử Đồi chiếm ngôi vua dưới Châu Huệ-Vương trốn sang nước Yên.

Bấy giờ Trịnh Lệ-Công muốn giúp nhà Châu để lấy oai trấn áp chư hầu, nên đem quân đến đất Yên rước Châu Huệ-Vương về, một mặt cho người sang hiểu dù Vương-tử Đồi nhìng ngôi.

Vương-Tử Đồi lưỡng lự chưa quyết thì Vĩ Quốc quỳ lầu :

— Tâu bệ-hạ, ngày nay bệ-hạ ch่าง khác nào như kẻ cõi trên minh cõi, nếu bước xuống át bị cõi phân thây. Và lại mình đang làm Thiên-tử mà trở xuống làm tội là chuyện không thể được. Trịnh-Đột (tức Trịnh Lệ-Công) muốn lừa bệ-hạ đã xin bệ-hạ chờ theo.

Vương-tử Đồi nghe theo, đuổi sứ Trịnh về nước.

Trịnh Lệ-Công nỗi giận, họp binh với Quắc Công (Chúa nước Quắc) cất quân phò Châu Huệ-Vương át kéo đến Lạc-Dương vân tội.

Vĩ-Quốc vội vã vào tàu với Vương-tử Đồi, nhưng gặp lúc Vương-tử Đồi đang bận cho trâu ăn, nên không ra tiếp.

Vĩ-Quốc nói lớn :

— Việc nguy cấp lắm rồi.

Liền già mệnh vua, sai các tướng đem quân đối địch.

Quân-sĩ nhà Châu vốn không phục Vương-tử Đối, nên lúc ra khỏi thành đều chạy về phía Châu Huệ-Vương.

Vì-Quốc thấy vậy vội vã tháo chiểu sai sứ sang nước Vệ cầu cứu, nhưng tờ chiểu tháo chưa xong đã nghe quân báo :

— Châu Huệ-Vương đã vào thành ngự triều rồi.

Vì-Quốc biết không thể thoát được liền dầm gươm vào họng tự vận. Vương-tử Đối chạy ra cửa Tây, khiến Thạch-Tốc lùa trâu đi trước, nhưng vì trâu quá mập nên đi chậm, bị quân Trịnh hay được đuổi theo bắt lại. Châu Huệ-Vương khiến quân dẫn Vương-tử Đối ra pháp trường xử trảm.

Nhận xét :

MNSACH.COM.VN

— Có nhiều kẻ lấp nén sự nghiệp chỉ vì cơ hội, thì kẻ ấy cũng sẽ vì cơ hội mà mất sự nghiệp.

Vương-tử Đối đoạt ngôi của Châu Huệ-Vương chỉ là một cơ hội thúc đẩy mà thôi, thực tình Vương-tử Đối không phải là kẻ có đủ tư cách để làm một ông vua trị nước.

Đành rằng một người có sở thích riêng, nhưng đã làm một ông vua không thể vì sở thích riêng của mình mà quên cả nhiệm-vụ cứu quốc trị dân. Vương-tử Đối trong đời chỉ thích có trâu, mê trâu đến nỗi quân giặc đã vây thành mà còn lo cho trâu ăn, quân giặc đã chiếm thành mà còn lo lùa trâu đi, thế thì ông ta lo trâu hơn lo cho dân chúng rồi. Một ông vua như thế còn cai trị ai ?

Vương-tử-Đỗi lên chiếm ngôi chỉ do động cơ thúc đẩy của nhóm cường thắn, thực ra ý ông ta cũng chưa chắc đã thích làm như vậy.

Đã không đủ tư cách làm vua thì dự vào việc quốc sự làm gì cho hòng việc đê tiếng cười lại thiên thu.

Một tấm gương sáng cho người sau, những ai thấy mình không gánh vác nổi việc lớn thì thôi, chứ nên vì một cơ hội thuận tiện nào đó cũng mang râu đội mũ ra sân khấu đê rồi làm cái chuyện hè không ra hè, tướng không ra tướng.

Người ta nói kiếp ngựa trâu là khò, vì phỏng ngựa trâu sanh nhầm vào thời Vương-tử Đỗi làm vua, cho mặc gấm vóc, cho ăn cành hông thì kiếp ngựa trâu lại sung sướng hơn người vậy.

NÀNG LY-CƠ VỚI THẾ TỬ THÂN-SANH

— Cái lưỡi của người đàn bà đẹp còn sắc bén hơn lưỡi gươm của đao phủ thủ. Vì trong tai thường múa gươm nơi trận chiến thì người đàn bà lại thường múa lưỡi nơi chốn phòng khué.

Vua nước Tân là Tân Hiến-Công lúc còn ở ngôi Thế-tử cưới nàng Giả-thị làm chánh thất, nhưng không con, sau đó cưới cháu gái của Khuyên Nhung là Hồ-Cơ làm thứ thất, sinh đặng một trai là Trùng-Nhĩ, sau nữa lại cưới thêm con gái vua Tiều-Nhung sanh con là Di-Ngô.

Lại nữa, trong lúc vua cha là Tấn Võ-Công còn sống có cưới nàng Tề-Khương, con nhà tôn thất nước Tề làm tiểu thiếp, nhưng vì Tấn Võ-Công đã già, còn nàng Tề-Khương đang tuổi xuân xanh cho nên Tấn Hiến-Công tư thông với Tề-Khương (tiểu thiếp của cha) ăn ở với nhau sinh đặng một trai là Thân-Sinh.

Đến lúc Hiến-Công lên ngôi, thì chánh thất Giả-thị qua đời, Tấn Hiến-Công bèn lập Tề Khương lên làm chánh-thất, và con nàng Tề-Khương là Thân-Sinh được lên làm Thế-tử mặc dù lúc đó Trùng-Nhĩ và Di-Ngô cũng là con của Tấn Hiến-Công, đã lớn tuổi hơn.

Sau đó Tề-Khương sanh thêm một gái nữa mới mãn phẫn.

Nàng Tề-Khương chết, Tấn-hiến-Công cưới em gái của nàng Giả-thị là Giả-Quân làm tiểu thiếp, nhưng Giả-Quân không con.

Chưa hết, Tấn Hiến-Công lên ngôi được mười lăm năm, cử binh đi đánh nước Ly-Nhung, Chúa nước Ly-Nhung bị thua, dâng hai người con gái cho Tấn Hiến-Công mà cầu hòa.

Hai người con gái ấy người lớn tên là Ly-Cơ, người nhỏ là Thiệu-Co. Nàng Ly-Cơ xinh đẹp phi thường, nhan sắc không thua Túc-Vi, tướng mạo không nhường Đắc-Kỳ, lại thêm lòng dạ nham hiểm, đủ mánh khóe làm say lòng, do đó Tấn Hiến-Công rất yêu chuộng.

Chẳng bao lâu Ly-Cơ sanh đặng một trai là Hè-Tề, Còn Thiệu-Co cũng sanh đặng một trai là Trác-Tử.

Vì quá yêu nàng Ly-Cơ, Tân Hiển-Công không còn thiết gì đến mối tình nàng Tè-Khương thuở trước, muốn lập nàng Ly-Cơ lên làm chánh-thất, bèn dời quan Trái-Bắc là Quách-Yên vào triều bảo:

— Khanh thỉ bối một quẻ xem ta lập Ly-Cơ lên làm chánh thất có được không?

Quách-Yên tuân lời bối một quẻ rồi nói:

— Quẻ không Ố. Điểm ứng thay đổi lòn xòn không hay.

Tân Hiển-Công không tin, truyền quan Sứ-Tô bối lại. Quan Sứ-Tô cũng cho là xấu và nói:

— Tâu Chúa-công, chư hầu không ai được cưới vợ hai lần, nay Chúa-công đã lập chánh-thất rồi, mặc dù chánh-thất sớm lìa trần nhưng vẫn có con trai. Nếu Chúa-công lập chánh-thất nữa thì trái lẽ.

Tân Hiển-Công không nghe, chọn ngày cáo với Thái-mẫu, lập nàng Ly-Cơ lên làm chánh-thất, Thiếu Cơ làm thủ-thất.

Sứ-Tô thấy vậy thở dài nói riêng với quan Đu-phu Lý-Khắc:

— Nước Tân ta sắp mất rồi, biết làm sao?

Lý-Khắc ngạc nhiên giật mình hỏi:

— Sao thế? Ai làm mất nước Tân?

Sứ-Tô đáp:

— Nước Tân át phải bị mất về tay nước Lý-Nhung. Ngày xưa vua Kiệt nhà Hạ, đánh nước Thi, người nước Thi dâng nàng Muội-Hỷ, vua Kiệt yêu Muội-Hỷ mà nhà Hạ mất. Vua Trụ nhà Ân đánh nước Tô, người nước Tô dâng Đắc-Kỳ, vua Trụ yêu Đắc-Kỳ mà nhà Ân mất. Vua U-Vương nhà Châu đánh nước Bao, người nước Bao dâng Bao-Tự, vua U-Vương yêu Bao-Tự nên nhà Châu phải suy mất. Nay Chúa-công đi đánh nước Lý-Nhung, người

Lý-Nhung dâng gái đẹp mà Chúa-công say mê như thế lẽ nào nước Tấn còn được?

Lúc đó có quan Thái-Bốc là Quách-Yên bước vào. Lý-Khắc đem những lời Sù-Tò thuật lại, Quách-Yên nói:

— Cứ theo quẽ thì nước Tấn ta bị loạn chứ chưa mất, vì tiên quân ta mới được phong ở nước Tấn mà, nên vẫn nước còn dài.

Lý-Khắc hỏi:

— Đến bao giờ thi loạn?

Quách-Yên nói:

— Chỉ trong vòng mười năm nữa mà thôi.

Hai vị Đại-thần nhìn nhau buồn bã rồi lui về. Kế đó Tân Hiến-Công muốn lập con trai nàng Ly-Cơ lên làm Thế-tử. Một hôm nói với Ly-Cơ:

— Nay phu-nhân ở chức Chánh-cung, chẳng lẽ con trai phu-nhân là Hè-Tè không lập lên làm thế tử sao phải lẽ.

Ly-Cơ nghe nói lòng mừng khấp khởi, nhưng nàng vốn là một kẻ mưu mô, thâm hiểm, bèn nghĩ thầm:

Thân-Sanh được phong Thế-tử đã lâu, nay vô có mà phé đi, át quân thân không phục. Hơn nữa Trùng-Nhi và Di-Ngô lại thân mật với Thân-Sanh lắm, nếu bây giờ nói ra chưa làm chi được, mà họ lại biết trước để phòng thi sau này rất khó.

Nghĩ như vậy bèn tâu với Tân Hiến-Công:

— Khi Chúa-công lập Thế-tử Thân-Sanh cả chư hầu đều biết, nay Thế-tử không cõi tội gì mà Chúa

Công tính việc phế lập, thiếp thà chết chử khôn
dám vâng mạng.

Tấn Hiến-Công ngõ Ly-Cơ có lòng tốt khen ngợi
vô cùng rồi bỏ qua việc ấy không nói đến nữa.

Trong triều có hai người tội được Tấn Hiến-Công rất yêu mến, một người là Lương-Ngũ và một người là Đông-quan-Ngũ, cả hai hợp sức với Tấn Hiến-Công lo việc chấp chính. Vì được yêu dùng nên hai người này làm lầm chuyện lộng quyền, đến nỗi người nước Tấn gọi là Nhị-Ngũ. Nghe tiếng Nhị-Ngũ ai cũng phải phái sợ.

Cũng trong ấy lúc có một phuờng hát tên Ưu-Thi, trẻ tuổi, đẹp trai, có tài khôi hài rất duyên dáng, vì vậy Tấn Hiến-Công rất thích, cho phép được tự do ra vào cung điện, không ai ngăn cấm cả.

Ly-Cơ được thể tư tình với Ưu-Thi, hai bên tỏ ra tương đắc.

Một hôm Ly-Cơ đem ý muốn lập Thế-tử Hē-Tê nói với Ưu-Thi. Ưu-Thi đáp :

— Ba vị Công-tử kia còn ở tại Kinh-dô, việc đó khó thực hiện được, nay phải tìm cách đưa ba người ra trấn cõi ngoài rồi tùy cơ ứng biến. Ly-Cơ hỏi :

— Thế thì ta đem ý ấy bàn với Chúa-công có được chẳng ?

Ưu-Thi nói :

— Không nên. Nay có Nhị-Ngũ nói gì mà Chúa-công chẳng nghe theo, phu nhân nên bàn bạc mà mua lòng giao kết với họ, hê Nhị-Ngũ thỏa thuận thì việc chẳng khó gi.

Ly-Cơ liền đưa vàng bạc cho Uu-Thi đem lo lót cho Lương-Ngū và Đông-quan-Ngū.

UU-Thi lãnh mặng đến nhà Lương-Ngū trước và nói :

— Thưa ngài, phu nhân muốn làm đẹp lòng ngài nên cho tôi đem lễ vật đến đây, mong ngài không từ chối.

Lương-Ngū nghe nói ngạc nhiên hỏi :

— Phu-nhân có dặn điều chi chăng ? Nếu không nói rõ tôi tôi đâu dám nhận ?

UU-Thi đem mưu kế của Ly-Cơ thuật lại, Lương Ngū nói :

— Việc này phải có Đông-quan-Ngū giúp sức mới xong.

UU-Thi nói :

— Phu nhân cũng có lễ vật biếu Đông-quan-Ngū như ngài.

Hai người liền dắt nhau đến nhà Đông-quan-Ngū đe cùng nhau đàm luận.

Sáng hôm sau, Lương-Ngū vào triều thưa với Tân Hiển-Công :

— Đất Khúc-ốc là chỗ tiên quân thuở xưa lập nghiệp, hiện nay tên miếu hãy còn, còn đất Bồ và đất Khuất tiếp giáp với Nhung-Địch là một nơi trọng địa, ba chỗ ấy cần phải có người trấn thủ, xin Chúa-công sai Thế-tử Thân-Sanh ra trấn nơi Khúc-ốc, công-tử Trùng-Nhĩ ra trấn nơi đất Bồ, và công-tử Di-Ngô ra trấn nơi đất Khuất, được như vậy giang san nước Tân mới vững vàng.

Tân Hiển-Công nói :

— Đất Khúc-ốc thì phải rời, còn đất Bồ và đất Khuất là nơi hoang địa, tại sao lại phải cho hai vị công-tử ra trấn giữ ?

Đông-quan-Ngũ quỳ tâu :

— Tuy hoang địa, nhưng lại là nơi trọng địa, nếu xây thành sửa sang cho kiên cố thì đất ấy trở nên trù phú, và nước Tần sẽ giàu mạnh hơn các chư hầu.

Tần Hiển-Công nghe lời sai Thế-tử Thân-Sanh ra trấn nơi Khúc-ốc, có quan Thái-phó Đỗ-nghuyên-Khoản theo hầu. Công-tử Trùng-Nhí ra trấn nơi đất Bồ, có Hè-Mao theo hầu, Công-Tử Di-Ngô ra trấn nơi đất Khuất có Lã-di-Sanh theo hầu.

Ba vị công-tử đi rồi trong triều chỉ còn có Hè-Tề và Trác-Tử gần gũi với Tần Hiển-Công. Nàng Ly-Cơ lại tìm hết mảnh khẽ dè làm say lòng vua Tần.

Lúc bấy giờ Tần Hiển-Công chia quân ra làm hai đạo, thượng quân và hạ quân.

Đạo Thượng-quân thi do Tần Hiển-Công điều khiển, còn đạo Hạ quân thi giao cho Thế-tử Thân-Sanh sử dụng. Thân-Sanh cùng với quan Đại-phu Triệu-Túc và Tất-Vạn kéo quân sang, chinh phục nước Cảnh, nước Quắc và nước Ngụy, ba nước này đều đánh không lại phải đầu hàng, vì vậy, công lao của Thế-tử Thân-Sanh rất lớn, khiến cho nàng Ly-Cơ ngày đêm buồn bã tinh không ra kế dè làm hại Thế-tử Thân-Sanh.

Nhưng nàng vốn là một kẻ nhám hiêm làm sao chịu được lâu, nàng nghĩ ra một kế.

Tối hôm ấy nàng rỉ tai nói với Tần Hiển Công :

— Lâu nay Thế-tử ở nơi Khúc-ốc, nuôi lòng căm thù thiếp. Nay xin Chúa-công triệu về, nói là thiếp có

lòng nhớ mong Thé-tử đê thiếp lấy sự nuông chiều làm cho mồi hòn kia khuây khỏa, may ra Thé-tử dung mạng sống cho thiếp chăng ?

Tán Hiến-Công nghe lời viết chiếu sai triệu Thân-Sanh về.

Thân-Sanh vào ra mắt Tán Hiến-Công rồi cung chúc mừng Ly-Cơ. Ly-Cơ tiếp đón niềm nở, và đêm ấy xin phép Tán Hiến-Công làm tiệc thết đãi Thân-Sanh.

Mặc tiệc, Ly-Cơ trở vào gặp Tán Hiến-Công, nàng sụt sùi khóc lóc. Tán Hiến-Công ngạc nhiên hỏi :

— Thé-tử có điều gì không được hài lòng phu nhân sao ?

Ly-Cơ nói :

— Thiếp cũng tưởng mờ tiệc đãi đằng đê mua lòng Thé-tử, cời mờ oán thù, ai ngờ Thé-tử lại vô lễ, đùa bỡn với thiếp, giờ trò trêu hoa ghẹo nguyệt, thiếp chống cự mãi mới chạy thoát.

Tán Hiến-Công cau mày suy nghĩ :

— Thân-Sanh lâu nay là một đứa con thảo thuận, lẽ nào lại có cù chi loạn luân ấy ?

Ly-Cơ nói :

— Nếu Chúa-công không tin lời thiếp vậy Chúa công thử cho thiếp cùng Thé-tử dạo chơi trong vườn hoa, Chúa-công đứng núp trên đài nhìn xuống thi rõ sự tình.

Tán Hiến-Công y lời.

Sáng hôm sau, Ly-Cơ triệu Thé-tử Thân-Sanh cùng vào chơi trong vườn hoa, Ly-Cơ đã lập kế sẵn, lấy mặt bôi vào mái tóc, nên lúc bước vào vườn hoa ong bướm đua nhau bay đậu.

Ly-Cơ nói với Thân-Sanh :

— Sao Thế-tử không đuổi hộ cho ta ?

Thân-Sanh vô tình đâu rõ được kế độc, lấy tay áo xua đuổi đàn ong bướm. Tân Hiển-Công đứng trên đài cao trông thấy, định ninh Thế-tử có ý trêu ghẹo Ly-Cơ nên muốn đem giết.

Ly-Cơ nói :

— Mặc dầu Thế-tử bắt hiểu, nhưng nay thiếp triệu về mà Chúa-công đem giết át thiên hạ cho thiếp âm mưu. Vả lại việc đó trong vòng ám muội chưa ai biết được, xin Chúa-công nên nhẫn nhục.

Tân Hiển-Công liền cho Thân-Sanh về Khúc-ốc, rồi mật sai người bới lông tìm vết để hâm hại.

Một hôm Tân Hiển-Công đi săn nơi đất Dịch-hoàng, Ly-Cơ bàn luận với Ưu-Thi rồi cho người ra nói với Thế-tử Thân-Sanh :

— Chánh cung vừa nằm mộng thấy Tề Khương (mẹ Thân-Sanh) kêu đòi không có gì ăn, nên đến bảo Thế-tử phải lo cúng mẹ.

Thân-Sanh tuân lời bày tiệc lè tể mẹ, rồi gởi phǎn về dâng cho Tân Hiển-Công. Nhưng lúc ấy Tân Hiển-Công đi săn chưa về, món ăn phải để lại đến sáu ngày sau. Trong thời gian đó, Ly-Cơ tầm thuốc độc vào các thức ăn và rượu, đợi Tân Hiển-Công về đem dâng.

Khi Tân Hiển-Công về triều, Ly-Cơ tâu :

— Thiếp nằm mộng thấy Tề-Khương kêu đòi, lòng thiếp quá thương tâm, sai người đến Khúc-ốc bảo Thế-Tử lập dàn tế lè, Thế-tử đã tế xong và gởi phǎn về dâng Chúa-công đây.

Tấn Hiến-Công toan rót rượu uống. Ly-Cơ cản lại, nói :

— Món ăn từ ngoài đưa vào xin Chúa-công phải thận trọng mới được.

Tấn Hiến-Công rót rượu xuống đất thấy hơi độc bốc lên thất kinh khiến đưa vào một con chó đê thử, chó vừa ăn xong một miếng thịt, tức khắc ngã lăn ra chết.

Ly-Cơ lại khiến một tên nội thị ăn thử. Tên nội thị chằn chờ, nhưng Ly-Cơ bắt buộc phải ăn cho được. Nội thị ăn xong hộc máu chết.

Ly-Cơ làm ra vẻ kinh hãi hét to :

— Ôi, cơ nghiệp này là của Thế-tử, Chúa-công đã già rồi, Thế-tử không thè chờ được ít lâu nữa sao ?

Nói xong nước mắt chảy ròng ròng, bước đèn trước mặt. Tấn Hiến-Công tâu :

— Thế-tử sở dĩ bày ra kế này chỉ vì mẹ con thiếp mà thôi. Nay muốn cho Chúa-công và Thế-tử được hòa hảo, thiếp xin ăn thế những món đồ độc này mà chết.

Nói xong, cầm đũa toan gấp đồ ăn đưa vào miệng. Tấn Hiến-Công cản lại, mặt biến sắc, ôm Ly-Cơ vào lòng nói :

— Thôi phu nhân chó buồn, đê ta tuyên cáo với triều thần giết Thân-Sanh đi là xong.

Nói rồi lâm triều, triệu các quan đến thương nghị.

Các quan hiều rõ lòng Tấn Hiến-Công đã quyết, nên chẳng dám cản ngăn. Đông Quang-Ngù thưa :

— Thế-tử đã bắt hiểu như vậy, tôi xin đem quân đến Khúc-ốc bắt Thế-tử đem về cho Chúa-công trị tội.

Tần Hiển-Công liền sai Lương-Ngũ làm chánh tướng, Đông Quang-Ngũ làm Phó tướng kéo binh đến Khúc-ốc. Hai tướng tuân lệnh kéo quân ra đi.

Giữa lúc ấy tại triều có Hồ-Đột, vẫn đóng cửa nằm nhà, chừng hay được tin, viết một mảnh thư sai người đến Khúc-ốc tin cho Thế-tử Thân-Sanh hay trước.

Thân-Sanh xem thư xong bàn bạc với quan Thái-phó Đỗ Nguyên-Khoản. Đỗ Nguyên-Khoản nói :

— Phẫn tể đè trong triều đã sáu hôm thì rõ là người trong cung bò thuốc độc, nay Thế-tử làm một minh trạng gởi về triều kêu oan, lẽ nào trong triều không có ai biện bạch cho Thế-tử sao ?

Thân-Sanh nói :

— Phụ-thân tôi ngày nay đã mê Ly-Cơ đến nỗi quên ăn bò ngũ, dù có minh oan thì chẳng ích gì. Làm vua mà đã ghét con thì sớm muộn gì dứa con cũng phải chết, chỉ bằng tôi chết đi cho vừa lòng phụ-thân tôi.

Đỗ Nguyên-Khoản nói :

— Thế-tử tìm một nước khác lánh nạn, đợi cho tai biến qua sẽ trở về phục nghiệp.

Thân-Sanh nói :

— Đến một nước khác với lý do nào ? Nếu đành lôi cho thân-phụ tôi chẳng té ra bêu tiếng xấu cho thân-phụ tôi, lòng tôi không an, còn nếu tự gán cho mình tội giết cha thì còn mất mũi nào đến nước người ? Thôi thì chỉ có chết là trọng vẹn hơn cả.

Nói xong liền tự viết thư tạ ơn Hồ-Đột rồi tự thắt cổ mà chết.

Sáng hôm sau Lương-Ngū và Đông Quang-Ngū kéo quân đến, hay tin Thế-tử Thân-Sanh đã bỏ mình, liền bắt quan Thái Phó Đỗ Nguyên-Khoản đem về triều nạp cho Tấn Hiến-Công.

Đỗ Nguyên-Khoản đến trước mặt Tấn Hiến-Công tỏ nỗi oan tinh của Thế-tử :

— Thế-tử Thân-Sanh là một kẻ hiếu thảo, đồ ăn đè trong cung có thể là chuyện ám muội, vì nếu thuốc từ ngoài đem vào, đồ ăn đè đến sáu ngày được sao ?

Ly-Cơ đứng núp sau bình phong hoảng via héto :

— Đỗ Nguyên-Khoản là Thái-Phó của Thân-Sanh, mưu tính việc dữ, sao Chúa-công không giết di cùn đè làm gi ?

Tấn Hiến-Công khiển lực sĩ cầm dùi đồng đánh Đỗ Nguyên-Khoản bẽ ốc chết tươi.

Các quan trong triều ai thấy cũng động lòng nhưng không dám nói !

Khi bấy triều Đông Quang-Ngū và Lương-Ngū nói với Ưu-Thi :

— Trùng-Nhī và Di-Ngô cùng một phe với Thân-Sanh, nếu không hạ được hai kẻ ấy chúng ta còn phải lo ngại.

Ưu-Thi vào nói với Ly-Cơ. Đêm ấy Ly-Cơ khóc nức nở nói với Tấn Hiến-Công :

— Trùng-Nhī và Di-Ngô cùng dự mưu với Thân-Sanh, nay Thân-Sanh chết đi chắc hai vị Công-tử ấy

đồ lôi cho thiếp, đem quân về đánh, Chúa-công cũng nên tiên liệu việc ấy.

Tấn Hiến-Công tò ý không tin.

Sáng hôm sau khi lâm triều có kè vào báo :

— Công tử Trùng-Nhī và Di-Ngô định vào triều, nhưng khi đến cửa ngọ môn nghe tin Thé tử Thân-Sanh chết, hai vị Công-Tử quay xe lại bỏ đi hết.

Tấn Hiến-Công nói :

— Đã về triều mà không vào yết kiến ta, quả Trùng-Nhī và Di-Ngô có dự mưu đó.

Nói xong liền sai Bột-Đề đem quân đến đắt Bồ bắt Công-Tử Trùng-Nhī, còn Giả-Hoa đem quân đến đắt Khuất bắt Công-tử Di-Ngô.

Hồ-Đột hay tin vội gọi đưa con thứ của mình là Hồ-Yền nói :

Công - tử Trùng-Nhī tướng mạo khác thường, xương sườn dính liền nhau, con mắt có hai đồng-ứ, lại là người có hiếu, át sau này thay cho Thân-Sanh mà gìn giữ sự nghiệp tiên quân được. Con đến đắt Bồ họp sức với anh con là Hồ-Mao ủng hộ đưa Trùng-Nhī đi trốn.

Hồ-Yền tuân lời lập tức đến đắt Bồ phò Công-tử Trùng-Nhī.

Trùng-Nhī đang bàn với Hồ-Mao và Hồ-Yền tìm đường đi trốn bỗng có tin Bột - Đề đem quân đến vây bắt. Hồ-Mao và Hồ-Yền vội vã dẫn Trùng-Nhī trốn ra khỏi nhà.

Nhưng Bột-Đề nắm vạt áo của Trùng-Nhī lôi lại toan rút gươm chém. Hồ-Mao nắm tay Trùng-Nhī kéo tới làm cho vạt áo đứt mất.

Bột-Đề đuổi theo không kịp phải đem vật áo
trở về triều dâng cho Tân Hiến-Công. Còn Trùng-Nhi
thì trốn sang nước Địch.

Trong lúc đó thì Công-tử Di-Ngô được bọn quan
thần hộ vệ trốn sang nước Lương...

Nhận xét:

— Thuần ý trời, chiêu ý người
là thành công. Trái ý trời,
nghịch ý người là thất bại.

Xưa nay không thiếu gì bậc nữ lưu, đem sắc đẹp,
thể xác mình để mưu cầu lợi riêng. Họ sử dụng sắc
đẹp như một vị tướng tài sử dụng vũ khí ngoài chiến
trận.

Ở đây, câu chuyện nàng Ly-Cơ đối với Công-tử
Thân-Sanh có những nét đặc sắc của một người đàn
bà khôn qui, xảo quyệt, man trá và thâm độc.

Để thực hiện việc cướp ngôi Thê-tử cho Hè-Tè,
đứa con trai mình, Ly-Cơ không phải bôn chôn, hối hả,
mà thực hiện với một chủ-trương, đường lối có kế hoạch,
có thời gian định trước, chẳng khác nào một chánh
tri già mưu một cuộc đảo chánh.

Trước hết, Ly-Cơ mua chuộc một số tay chân gần
gũi vua Tân để làm hậu thuẫn sai khiến, rồi giả cách
thương yêu những kẻ mình muốn hăm hại, để Tân Hiến-
Công lầm tưởng lòng đại nhân đại độ của mình.

Sau đó, Ly-Cơ không từ bỏ một biện pháp nào
mà nàng có thể lập Hè-Tè lên ngôi Thê-tử.

Một người đàn bà khôn ngoan như vậy bảo sao
Tân Hiến-Công không sa ngã, Thê-tử Thân-Sanh không

lụy thân, và Công-tử Trùng-Nhĩ, Di-Ngô không lưu vong trốn chạy.

Điều-Thuyền dùng sắc đẹp ly khai cha con Đồng-Trác, việc thành công là do kế hoạch Vương-Doãn. Tây-Hạ được nước Ngô là nhờ kế hoạch Phạm-Lái. Riêng nàng Ly-Cơ tự mình tạo lấy hoàn cảnh, điều kiện và tự sắp xếp cho mình.

Đàn bà như vậy, nếu không kèn vè mặt đạo đức thì cũng có thể gọi là một nữ lưu tài tri vạy.

Đời nay, có một vài người đàn bà cũng muốn noi gương nàng Ly-Cơ xưa, đem nhan sắc mình mê hoặc kẻ có quyền thế để mưu cầu địa vị, sự nghiệp cho chồng con, gia đình mình. Nhưng những kẻ này không phải mua chuộc một ông vua, mà mua chuộc những ông quan thày, những kẻ làm chủ chồng mình. Rồi cũng có những ông chồng dành để vợ con mình đem xác thịt dâng cho bồ trên để hưởng lấy một lợi riêng hay một quyền thế nào đó.

Thương ai thì đem quyền lợi lại cho người đó, thói thường như vậy, chúng ta không trách Tân Hiến-Công là một ông vua tầm thường sống trong vòng sắc dục. Lúc đầu yêu Tề-Khuông thì lập Công-tử Thành-Sanh lên ngôi Thê-tử, đến lúc yêu Ly-Cơ thì lại mưu lập Hề-Tề. Sắc đẹp và lời dưa媚 của đàn bà là một thứ thuốc mê, mà Tân Hiến-Công là kẻ thích uống thuốc mê thì tránh đâu được lẽ thường tình ấy.

Tuy nhiên, chúng ta cũng thừa nhận Tân Hiến-Công ở đây mặc dù mê sắc, nhận tình vẫn còn, bởi vậy ông ta đã có một lần không tin Thê-tử Thành-Sanh có tư tưởng loạn luân. Ông ta nói :

— Thân-Sanh là đứa con hiếu đạo, làm gì có tư tưởng ấy.

Ý think ấy không phải ở trí sáng suốt của Tân Hiến-Công mà chính là do hành động hiếu thảo của Công-tử Thân-Sanh ảnh hưởng vào.

Lời thành-nhân có nói : " Người ta ở tốt với mình thì mình phải ở tốt với người ta. Người ta ở xấu với mình thì mình vẫn phải ở tốt với người ta. Minh không xấu với họ, lẽ nào họ xấu với ta sao ? "

Đây là quan niệm thành-nhân dạy ta lấy đức răn người, dùng nhân đạo để giác ngộ kẻ làm trái.

Hành động hiếu đạo của Thế-tử Thân-Sanh chính là hành động lấy " lành " trả " dữ ", gây ảnh hưởng phần nào trong tâm khảm Tân Hiến-Công.

Tuy nhiên, vẫn không sao giác ngộ được một ông vua bị đầu độc đã quá nặng.

Nhiều người chê cai chết của Thân-Sanh là hèn yếu. Tại sao lại tự hủy mình một cách dễ dàng trước ám mưu một người đàn bà thâm độc như vậy ?

Xét cho kỹ thì Thế-tử Thân-Sanh đã nói :

— Làm vua thì ghét con thì sớm muộn gì đứa con cũng phải chết, chỉ bằng tôi chết đi cho vừa lòng phu thân tôi.

Tuy quan niệm ấy có vẻ tiêu cực thật, nhưng cũng là một lý thuyết khá vững chắc.

Thật vậy, khi một ông vua, người có quyền tuyệt đối muôn hâm hại một tôi thắn thì nhất định vị tôi thắn kia phải chết, chỉ trừ khi đứng ra dùng lực chống lại. Hưởng hồ ông vua ấy là cha muôn hại

mạng con. Nếu muốn giữ tròn tấm gương hiếu đạo thế nào đưa con cũng phải lấy cái chết mà thôi.

Cái chết của Thân-Sanh không phải là hèn nhát vô ích đâu. Chính cái chết của Thân-Sanh là một đòn tâm lý đánh mạnh vào đầu óc của Tân Hiến Công, để cho Tân Hiến-Công giải độc, và cũng để tự mình oan cho mình trước con người dân bà nhan hiền ấy.

Ly-Cơ vui cho Thân-Sanh vì muốn sớm đoạt ngôi vua nên bỏ thuốc độc vào đồ ăn giết cha mình. Thế mà Thân-Sanh lại tự vẫn, chứng tỏ Thân-Sanh không có ý ấy rồi. Chết mà chưa tiếc thì còn worse muốn ngai vua làm chi?

TCái chết của Thân-Sanh từ nó đã giải oan cho Thân-Sanh, chong lại lời vú không của Ly-Cơ rồi, đồng thời cũng để giải độc cho Tân Hiến-Công nữa. Nhưng khẽ thay, Tân Hiến-Công là người quá u ám, bị liên thuốc mè oě sắc đẹp quá nặng, nên cái chết của Thủ-tử Thân-Sanh không làm cho ông ta thức tỉnh nòi.

Tiếp theo cái chết của Thân-Sanh là cái chết của Đỗ Nguyên-Khoản.

Cái chết của Đỗ Nguyên-Khoản ý nghĩa không khác nào như cái chết của Thân-Sanh. Ông ta đã bỏ thêm một liều thuốc giải độc hợp sức với Thân-Sanh, nhưng lại cũng không làm cho Tân Hiến-Công tỉnh dậy. Đau đớn thay!

Có hai cái chết của Thân-Sanh và Đỗ Nguyên-Khoản mà Hiến-Công vẫn không mày được mắt ra nhìn sự thật thì dù biết tài năng mè hoặc của Ly-Cơ đến bực nào rồi.



VƯƠNG-TỬ NGUYÊN VỚI SẮC ĐẸP/NÀNG TÚC-VĨ

— — Sắc đẹp là một sức mạnh thúc đẩy tâm hồn con người vượt qua gian nguy. Nhưng nó cũng là một sức mạnh xô con người đến vùng nho bần.

Từ khi vua Văn-Vương nước Sở ta thế thì con là Hùng-Hi lên nối ngôi.

Hùng-Hi và Hùng-Vận là hai anh em ruột do nàng Túc-Vĩ sinh ra, nhưng Hùng-Vận tài trí hơn anh, do đó Túc-Vĩ có lòng yêu dấu, cả đến người trong nước cũng mến phục.

Hùng-Hi thấy vậy muốn kiếm kế giết Hùng-Vận để khỏi di hại về sau, ngặt vì Hùng-Vận được các quan trong triều che chở nên Hùng-Hi không thể nào thực hiện được dự tính.

Lần hồi Hùng-Hi chán nản bỏ bê việc triều chính, thích săn bắn nơi chốn hoang vu. Vì vậy Hùng Hi lên ngôi đã được ba năm mà chưa chỉnh đốn được việc gì cả.

Một hôm Hùng-Vận mật sai người đón đường giết Hùng-Hi rồi nói với Túc-Vĩ là Hùng-Hi đã săn gấp tai nạn mà thác.

Túc-Vĩ lòng nghi ngờ nhưng không tiện nói ra, bèn truyền cho các quan lập Hùng-Vận lên nối ngôi, hiệu là Sở Thành-Vương.

Sở Thành-Vương phong cho Vương-tử Nguyên làm Tè-tướng.

Vương-tử Nguyên từ khi Sở Văn-Vương chết đi, đã có ý muốn cướp ngôi, lại thấy chí đâu là Túc-Vi nhan sắc đẹp tuyệt vời đem lòng ham muỗn, trước kia vì sợ Đấu Bá-Ti một vị đại thần cường trực, lại có nhiều tài trí nên chẳng dám làm càn, nay Đấu Bá-Ti đã chết, Vương-tử Nguyên không còn kinh trọng ai nữa, mới lập lên một ngôi nhà bên cạnh cung Túc-Vi ngày đêm bắt vũ nhạc múa hát, cốt làm cho Túc-Vi say lòng.

Túc-Vi nghe tiếng hỏi bọn thê nữ :

— Tiếng đàn đâu mà gần thế ?

Bọn thê nữ trả :

— Đó là tiếng nữ nhạc bên nhà mới của quan Tè-tướng đó.

Túc-Vi thở dài nói :

— Tiên quân ngày xưa chăm luyện tập binh sĩ, đánh dẹp các chư hầu, vì vậy mà các nước đều thần phục. Nay giờ quân nước Sở ta không tiến được nửa bước trên đất Trung-quốc, thế mà quan Tè-tướng không nghĩ những điều xấu hổ ấy, lại bày việc đàn ca hát xướng bên cung gái già này, thật là lùng làm sao !

Nội thị đem mấy lời ấy thuật lại với Vương-tử Nguyên. Vương-tử Nguyên lấy làm xấu hổ nghiêm thâm :

— Một người đàn bà có chí như vậy, lẽ nào ta đây là một dũng trượng phu lại chẳng nghĩ đến sao ? Nếu không đánh được nước Trịnh ta thế chẳng làm người.

Nói rồi điềm sáu trăm cỗ binh xa, khiến Đầu-
ngụ-Cương và Đầu-Ngô làm tiên phuông, Vương-Tôn-
Du và Vương-Tôn-Gia đi hậu tập rần rộ kéo đến
nước Trịnh.

Trịnh Văn-Công hay tin quân Sở kéo đến đánh
liền hội quần thần thương nghị.

Đỗ-Thúc nói :

— Quân Sở rất hùng mạnh, ta làm sao địch lại
chỉ bằng xin giao hòa rồi sẽ tính.

Sư-Thúc nói :

— Nước ta có minh thệ với nước Tề, nếu cầu
cứu át nước Tề đem binh đến giúp. Xin cứ cố thủ
chờ viện binh.

Thể-tử Hoa bấy giờ còn trẻ tuổi lỏng bồng bột
nghe nói xin đem binh đối địch.

Trịnh Văn-Công chưa quyết lẽ nào, Thúc-Thiêm
quý tàu :

— Trong ba lời nói vừa rồi chỉ có lời của Sư-
Thúc là hợp ý tôi. Tôi đoán chẳng bao lâu quân
Sở kéo về.

Trịnh Văn-Công hỏi :

— Vương-tử Nguyễn đã đem binh đến đây nếu
không bị thua lẽ nào lại chịu kéo về?

Thúc-Thiêm nói :

— Xưa nay vua nước Sở đi đánh nước ngoài
chưa bao giờ dùng binh lực nhiều như thế. Lần này
Vương-tử Nguyễn cốt ý làm vừa lòng Túc-Vĩ. Nhưng
đã cố thắng tất sợ thua. Vì vậy không đáng sợ.

Các quan còn đang thương nghị, bỗng có tin báo :

— Bình Sờ đã phá được Kiết-thắt-quan và vào đến Thuần-môn rồi.

Đỗ-Thúc nói :

— Nếu không muốn giải hòa thì phải qua nơi đất Đông-khâu để tránh nhuệ khí của giặc.

Thúc-Thiêm nói :

— Đừng sợ gì cả. Tôi đã có kế làm quân giặc phải lui.

Nói xong liền cho quân mai phục trong thành, rồi khiến mờ bét bốn cùa thành ra. Dân chúng chợ búa vẫn đi lại như thường.

Tướng nước Sở là Đấu Ngự-Cương vừa kéo quân đến, thấy vậy lòng nghi ngờ nói với Đấu-Ngô :

— Ta đến đây mà quân Trịnh không chút gì xao động, tất có mưu kế chi đây, ta không nên tiến quân vội, phải án binh chờ quan Tề-Tướng đã.

Nói xong truyền đóng quân ngoài thành cách xa năm dặm. Được một lúc, đại binh của Vương-tử Nguyên kéo đến. Đấu Ngự-Cương báo lại tình hình. Vương-tử Nguyên lấy làm lạ, trèo lên chỗ cao xem, thấy trong thành Trịnh quân sĩ có thứ lớp, cờ xi rộn ràng bèn thở dài nói :

— Nước Trịnh có ba người tài (ý nói Thúc-Thiêm, Đỗ-Thúc và Sư-Thúc) át có mưu kế chi đây. Nếu ta sơ xuất còn mặt mũi nào trông thấy nàng Túc-Vi, chi bằng cho quân thám thính kỹ, nắm được địch tình rồi sẽ liệu.

Ngày hôm sau có quân thám thính về báo :

— Quân nước Tề, Lỗ, Tống đồng hưng binh sang cứu Trịnh.

Vương-tử Nguyễn giật mình bảo các tướng :

— Nay các nước chư hầu đem binh đến đây, trong đánh ra, ngoài đánh vào, quân ta cự sao lại. Thôi thì ta tiến quân đến đây cũng gọi là thắng trận rồi. Ngày giờ rút lui về nước thì tiện hơn.

Nói xong, truyền quân cuồn cờ im trống. Ngày đêm hôm ấy lén ra khỏi địa giới nước Trịnh. Nhưng khi về đến biên giới nước Sở lại truyền mờ cờ, đánh trống lên ầm ĩ.

Về chưa đến kinh thành, Vương-tử Nguyễn sai người báo cho Túc-Vĩ hay tin quân Sở đãc thắng khải hoàn.

Túc-Vĩ nói :

— Nếu quan Tè-tướng đã đãc thắng thì cáo tế với nhà Thái miếu rồi truyền bá cho dân chúng biết chớ nói với gái goá này làm chi.

Quân về bầm lại. Vương-tử Nguyễn thẹn thùng, lệnh mènh đem quân vào thành, mặt buồn khôn xiết.

Từ khi đánh nước Trịnh không được, lại bị Túc-Vĩ thờ ơ lãnh đậm, lòng Vương-tử Nguyễn áy náy muốn cướp ngôi nước Sở. Tuy nhiên, Vương-tử Nguyễn quyết ý tư thông với Túc-Vĩ trước khi thực hành việc lớn ấy.

Gặp lúc Túc-Vĩ bị bệnh, Vương-tử Nguyễn giả cách vào thăm rồi ở mãi trong cung không chịu về. Quan Đại-phu là Đấu-Liêm hay được, liền vào cung thấy Vương-tử Nguyễn đang soi gương chải đầu, Đấu-Liêm nói :

— Quan Tè-tướng đâu là chú vua, nhưng vẫn là kẻ bẽ tôi, và lại Quốc mẫu goá chồng, nam nữ

nên tí hěm, sao Tề-tướng không nghĩ đến việc ấy ?

Vương-tử Nguyên nói giận :

— Quyền binh nước Sở hiện ở trong tay ta, sao ngươi dám nói càn.

Liken sai bọn thù hạ bắt Đấu-Liêm trói lại giam vào ngục.

Túc-Vi thấy hành động dám loạn của Vương-tử Nguyên liền sai nội thị đến báo với Đấu-Cầu Ô-Đồ (con của Đấu-bá-Tỷ) tìm mưu diệt loạn.

Đấu-Cầu tâu với Sở Thành-Vương, rồi cùng với Đấu-Ngự-Cương, Đấu-Ngô và Đấu-Bàn (con của Đấu-Cầu) đem quân đến cung.

Vương-tử Nguyên đang vui say với bọn cung-nữ, nằm ngủ mơ màng, nghe tiếng quân reo giật mình thức dậy cầm gươm chạy ra, vừa đến cửa gặp Đấu-Bàn bên ngoài cầm kiếm xốc tới, Vương-tử Nguyên héto :

— Thằng ranh con này dám đến đây tác loạn sao ?

Đấu-Bàn nói :

— Ta đâu có làm loạn. Ta đến đây để trừ loạn đấy chứ.

Nói xong vung kiếm chém Vương-tử Nguyên. Hai bên đánh nhau một lúc thi Đấu-Ngô và Đấu-Ngự-Cương đến tiếp ứng. Vương-tử Nguyên nhảm thế cự không lại, bỏ chạy.

Đấu-Bàn rượt theo chém một nhát rơi đầu...

Nhận xét :

— Khi đã bị sắc đẹp của người đàn bà sai khiến thì giá trị của người đàn ông tự nhiên giảm sút.

Vương-tử Nguyễn làm đến chức Tề-tướng, kè ra cũng đã cao sang quyền quý lắm rồi, thế mà còn nuôi chí tiếm đoạt ngôi vua.

Đứng núi này trông núi nọ, được voi đài tiên, túi tham của con người không đáy. Người có chức vị nhỏ thì mưu tiếm đoạt quyền lợi nhỏ, người có chức vị lớn thì mưu đoạt quyền lợi lớn, đó là cái xấu xa nhất của chế độ phong-kiến.

Kè như Hùng-Hi, Hùng-Vạn, hai anh em ruột, cùng chung một lòng mẹ sinh ra, thế mà còn nỡ giết nhau để tranh ngôi vua, thì người ngoài giết vua tranh ngôi, hưởng phú quý tưởng cũng không đáng trách.

Ở đây có những nét buồn cười nhất là anh chàng Vương-tử Nguyễn, một gã anh hùng rơm mê gái đẹp; Kéo quân đánh nước Trịnh mục đích không phải vì nước vì dân mà chỉ vì đe cho nàng Túc-Vĩ khen mình anh hùng thôi.

Thúc-Thiêm, quan cản thận nước Trịnh biết ý gã đàn ông ngáo ấy, nên đánh cho một đòn tâm-lý thật thảm thia.

Càng như những kẻ mang tiền đánh bạc, hễ sợ thua thì không đánh lớn, mà không dám đánh lớn làm sao ăn được nhiều.

Thúc-Thiêm bỏ thành trống mà Vương-tử Nguyễn không dám vào chỉ vì sợ rủi thắt bại làm trò cười cho người đẹp.

Mê gái, trong đời không phải chuyện lạ, nhưng ở đây khác với những việc đàn bà lợi dụng sắc đẹp, dùng lời ong tiếng én mua chuộc đàn ông. Mà ở đây chỉ có một Vương-tử Nguyên mơ tưởng, dù sự mơ tưởng đó không được một tình yêu nào đáp lại.

Đời nay cũng có nhiều người chạy theo những sắc hoa tươi, mòn hơi mệt sức mà rốt cuộc ôm hận khóc thầm. Một bài học cho những ai không hiểu mình, không hiểu người, lao đầu vào tình yêu phiền-diện, rồi phải than thân trách phận.

Vương-tử Nguyên tuy là tướng, nhưng trên chính trường lại đóng vai một anh hẽ.


TIMSACH.COM.VN

CÔNG-TỬ BAN VÀ NGŨ-NHÂN-LẠC

— Đời với tiêu nhân vô lẽ, một
là bỏ qua, hai là giết đi.

Lỗ Trang-Công lấy nàng Mạnh-Nhân làm vợ, sanh được một con là Công-tử Ban.

Một hôm nhân tiết trời không mưa, Lỗ Trang-Công đi đào Vũ, truyền bọn nữ nhạc tập duợt nơi sân nhà quan Đại-phu Lương-thị.

Quan Đại-phu Lương-thị có một đứa con gái khá đẹp, thường đi lại với Công-tử Ban, hai bên trao tình cả nước. Một hôm, Công-tử Ban đến nhà chơi, con gái Lương-thị ra tiếp, hai bên nói chuyện trao tình Công tử Ban hứa sau này lên nối ngôi sẽ phong làm phu nhân.

Vì đã gặp nhau nhiều lần, nên hôm ấy con gái Lương-thị bắt thang lên đầu tường để xem diễn nhạc, và cũng để nhìn ngắm Công-tử Ban. Chẳng may gặp Ngữ Nhân-Lạc là tên giũ ngựa đứng ngoài trông thấy.

Dẫu là phận tôi đài, nhưng khát vọng của con người đâu cách biệt, Ngữ Nhân-Lạc cất lên vài điệu hát đùa tình để ghẹo hoa :

Hát rằng :

*Hoa xuân hờ hờ nhụy đào,
Tiếc thay ong bướm chưa vào vườn xuân.
Tường cao vòi voi,
Bóng nguyệt mông lung
Ước ao cả nước tương phùng
Ấp yêu mong đẹp cho lòng phai-phai.*

Công-tử Ban nghe tiếng hát chạy đến, trông thấy Ngữ Nhân-Lạc lòng căm tức, truyền bắt vào đánh ba trăm roi, máu tuôn lai láng. Ngữ Nhân-Lạc khóc lóc van xin, Công-tử Ban mới tha cho và đem việc ấy thuật lại với Lỗ Trang-Công.

Lỗ Trang-Công nói :

— Đối với đứa tiêu nhân, vô lễ, một là bỏ qua, hai là giết đi, con đánh nó như vậy không khỏi gây thù oán. Vã lại, Ngữ Nhân-Lạc là đứa có sức mạnh phi-thường, mọi người ai cũng biết, con khá cần thận.

Quả vậy, Ngữ Nhân-Lạc tuy là một kẻ tôi đài, song sức mạnh ít ai sánh kịp. Đã có lần Ngữ Nhân-Lạc trên chòi canh cao hai mươi trượng nhảy xuống đất mà vẫn đứng như chơi, lại cầm cột chòi canh tung tinh làm cho mọi người phải khiếp sợ

Bị Công-tử Ban đánh đậm, Ngữ Nhân-Lạc đem lòng thù oán, đến xin làm tôi cho Khánh-Phủ là anh vua Lỗ Trang-Công.

Khánh-Phủ liền thu dụng.

Năm sau, Lỗ Trang-Công bị bệnh biết mình không sống được lâu, liền kêu Quí-Hữu là em vua Lỗ Trang-Công ủy thác phò Công-tử Ban kế vị mình sau này.

Chẳng bao lâu Lỗ Trang-Công từ trần, Quí-Hữu lập Công-tử Ban lên kế vị.

Kế đó, ông ngoại Công-tử Ban qua đời, Công-tử Ban nghĩ đến tình mẹ mình là Mạnh-Nhâm, nên đến tận nhà thăm viếng.

Khánh-Phủ hay được kêu Ngữ-Nhân-Lạc đến nói nhỏ :

— Người không nhớ cái thù thuở xưa ? Ngày nay con giao long đã ra khỏi mặt nước thì sức một người có thể bắt được, sao nhà ngươi không đến nhà họ Đặng (cha Mạnh-Nhâm) mà trả thù ?

Ngữ Nhân-Lạc nói :

— Nếu có điều gì xin nhờ Công-tử bệnh vực thi tôi mới dám.

Khánh-Phủ nói :

— Điều đó ngươi khỏi lo.

Ngữ Nhân-Lạc liền giật một con dao găm vào mình thừa lúc đêm tối vào nhà họ Đặng, đứng núp trước cửa phòng.

Trời tang tang sáng, nội thị mở cửa ra lấy nước, Ngữ-Nhân-Lạc lèn vào buồn ngủ. Lúc ấy Công-tử Ban cũng đã thức dậy, vừa bước chân xuống đất.

Thấy Ngữ Nhân-Lạc, Công-tử Ban sợ hãi hét lớn :

— Mày đến đây làm gì ?

Ngữ Nhân-Lạc nói :

— Ta đến để báo thù trận đòn năm trước.

Công-tử Ban liền rút thanh kiếm ở đầu giường chém một nhát vào trán Ngữ Nhân-Lạc đến lìa tủy óc ra. Ngữ Nhân-Lạc vốn có sức mạnh, tay trái chụp lưỡi kiếm, tay phải cầm dao đâm mạnh vào cạnh sườn Công-tử Ban đến lứt cán.

Công-tử Ban té nhào xuống đất tắt thở. Bọn nội thị sợ hãi kêu ầm lên. Còn Ngữ Nhân-Lạc sau khi đâm được Công-tử Ban một nhát trả thù, cũng té xu xuống đất chết ngay....

Nhận xét :

— Kẻ tiêu nhà không hành động theo lý tính mà chỉ hành động theo cảm tính.

Khác với những bậc quan tử, mọi hành động đều cần nhắc phải trái, đúng với nhân đạo, thì kẻ tiêu nhân trái hẳn lại.

Kẻ tiêu nhân hành động theo cảm tính của bản năng, không cần suy nghĩ phải trái, chỉ cần thỏa mãn sự tức bức, hoặc sự say mê của mình thôi.

Ấy vậy, đối với một kẻ tiêu nhân nhiều khi cũng phải có một đường lối hẳn hòi mới giác ngộ kẻ ấy được.

Ngữ Nhân-Lạc oán Công-tử Ban, oán ấy năm lòng chờ dịp báo thù, mặc dù cái oán của Ngữ Nhân-Lạc không đúng.

Xưa cũng như nay, trong lòng người đều có sự ái, dù là kẻ nghèo khổ, sang giàu, quân tử hay

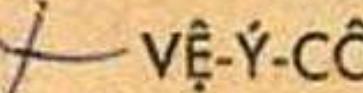
tiều nhân. Lấy vũ-lực, quyền thể trấn áp, đều bị phản ứng. Sức phản ứng ấy có thể ngầm, hoặc bộc phát cũng như dân chúng đối với những kẻ cầm quyền lực trấn áp, tuy lúc đó không thấy dân chúng có phản ứng gì, song lòng hận thù ấy phát ra.

Cho nên, một kẻ đang cầm quyền lực, lúc còn thịnh thế chủ thấy toàn là bọn xu nịnh, tai chí nghe những lời nói tăng bốc, rồi đến lúc thất thế, bên tai lại nghe toàn những lời nhục mạ, chửi rủa.

Việc ấy rất thông thường, chỉ vì lòng căm phẫn của họ trong lúc bị trấn áp họ đành lặng thinh đấy thôi.

Ngữ Nhàn-Lạc giết Công-tử Ban đó là trong trường hợp dùng quyền lực trấn áp, gây căm phẫn chưa đựng trong lòng người vậy.

TIMISACH.COM.VN



VỆ-Ý-CÔNG VỚI BÀY CHIM HẠC

— Sự ẩn nấp muôn màn
của một ông vua

Vệ Ý-Công lên ngôi đã chín năm trời mà tinh tinh biếng nhác chẳng lo chính sự, chỉ thích chơi một giống chim gọi là chim hạc.

Giống chim này tinh tra sạch sẽ, hình dung đã tao nhã, lại thêm hát hay, múa khéo.

Người trong nước thấy vua ưa thích, đua nhau bắt chim hạc đem đến dâng rất nhiều. Hễ chim nào

tốt thì được Vệ Ý-Công phong hàm phàm, cấp lương bòng, chim nào đẹp thì được ăn lộc Đại phu, xem như một triều đình chim hạc.

Mỗi khi Vệ Ý-Công đi chơi đâu, trên cò xe loan chim hạc đậu bao quanh, gọi là Hạc-Tướng-quân.

Các người nuôi hạc lúc bấy giờ ăn lương rất hậu. Triều đình phải thu thuế rất nặng, đè đủ tiền cấp lương cho hạc.

Trong triều có hai người tôi trung liệt là Thạch-Kỳ và Ninh-Tốc thấy vậy nhiều lần can gián, nhưng Vệ-ý-Công không nghe.

Vì thế dân nước Vệ sống ngoài mải dưới sự xa hoa vô ý thức của một ông vua có tánh kỳ quặc ấy. Dân chúng khóc sờ đêm ngày rên siết.

Chẳng bao lâu, quân nước Bắc-Dịch kéo đến đánh.

Gặp lúc Vệ Ý-Công đang sai người đầy xe chim hạc đi chơi, nghe báo thất kinh, hạ lệnh gọi quân di đánh giặc.

Dân nước Vệ bỏ trốn cả, không ai dám ra đi lính. Vệ-ý-Công sai quan Tư-dồ bắt khắp nơi mới được hơn trăm người dẫn về triều tra hỏi.

Dân nước Vệ thưa :

— Chúa-Công chỉ dùng một giống vật cũng có thể đẹp được quân Bắc-Dịch, hà tất phải gọi lính làm gì ?

Vệ Ý-Công hỏi :

— Giống vật gì lại có thể đuổi được giặc ?

Dân nước Vệ thưa :

— Giống chim hạc.

Vệ Ý-Công quát mắng :

— Giống chim hạc làm thế nào đánh giặc được. Các người dám dùng lời khi quân như thế sao ?

Dân nước Vệ vẫn không sợ sệt đáp :

— Chim hạc không đánh được giặc thì nó là vật vô dụng, thế mà Chúa-Công đã dùng vật vô dụng cho hưởng ơn vua, lộc nước, còn kẻ hữu dụng thì lại bỏ đi, như vậy làm sao trong cơn hữu sự dân chúng không bỏ trốn ?

Vệ Ý-Công tinh ngộ, dịu giọng nói :

— Nay ta đã hối lỗi. Ta sẽ làm theo ý dân đuổi hết ~~chim~~ hạc đi.

Thạch-Kỳ tâu :

~~TINH NGỘ~~ — Xin Chúa-Công thực hành ngay ý định ấy. Tôi e bây giờ thi đã trễ lầm rồi.

Vệ Ý-Công tức khắc cho người đi đuổi chim hạc, nhưng chim hạc lâu nay được nuôi nấng, quen nơi ăn chỗ ở, cứ quanh quẩn mãi trong cung.

Thạch-Kỳ và Ninh-Tốc thân hành ra đứng giữa chợ giảng dụ dân chúng, nói rõ lòng hối hận của Vệ Ý-Công dân chúng mới chịu nhập vào quân ngũ thì lúc đó quân Bắc-Dịch đã kéo đến đất Huỳnh-Trạch rồi.

Thạch-Kỳ bàn với Vệ Ý-Công :

— Quân Bắc-Dịch mạnh lắm, chờ khinh thường. Tôi xin sang nước Tề cầu cứu, nhờ binh Tề giúp sức mới được.

Vệ Ý-Công nói :

— Ngày trước Tề phụng mệnh Thiên-Tử đem quân chinh phạt nước ta dẫu không bắt tội, nhưng từ ấy đến nay ta chưa sang tạ tội, nay chắc gì Tề chư đến giúp ? Chi bằng ta liều quyết chiến với giặc một phen cho rồi.

Ninh Tốc tâu :

— Nếu vậy xin Chúa-công lo bảo vệ thành trì, để tôi cầm quân quyết tử cho.

Vệ Ý-Công nói :

— Nếu ta không thân hành ra trận, lòng căm thù của dân chúng không thè nào cởi mở được.

Nói xong, trao cho Thạch-Kỳ một cái ngọc quyết và dặn :

— Ta giao việc nước cho Khanh, hãy ráo vi ta mà tận tâm.

Lại giao cho Ninh-Tốc một mũi tên và nói :

— Khanh khá lo việc giữ thành. Nếu không đánh lui được quân địch ta nguyện không trở về.

Thạch-Kỳ và Ninh-Tốc đều úa nước mắt nhìn Vệ Ý-Công, nghẹn ngào không nói được nửa lời.

Vệ Ý-Công cùng với tướng Cử-Khồng khai thành, kéo quân đi.

Tuy Vệ Ý-Công đã ăn năn, nhưng lòng oán hận của dân chúng chưa nguôi. Lúc đi đường dân chúng hát lên nhiều câu ngập tràn uất ức.

Hát rằng :

Hồi chim hạc, hồi chim hạc !

Lầu son bát ngát,

*Chim hạc ăn lương.
Đồng rẫy ruộng nương
Dân thường lo cày cấy.
Hạc vui chơi bay nhảy,
Hạc xuống ngựa lên xe.
Dân khờ cực trăm bần,
Khi hữu sự bắt lê ra chiến trận.
Đi phen này số phận mong manh.*

Vệ Ý-Công nghe hát, lòng buồn rã rượi. Khi đến đất Huỳnh-Trạch trông thấy quân Bắc-Dịch ngựa xe lộn xộn, hàng ngũ không chỉnh tề, Cù-Khồng nói :

— Quân Bắc-Dịch như vậy mà bảo là mạnh thì thật chúng ta đã lầm to.

Nói xong giục trống cho quân sĩ xáp chiến. Quân Bắc-Dịch già thua bỏ chạy, dù quân Vệ đến chỗ phục quân dồn ra đánh.

Quân Vệ không có lòng đánh giặc, lại chưa được tập luyện gì cả, thấy quân địch quá mạnh hè nhau bỏ chạy.

Vệ Ý-Công và Cù-Khồng bị quân Bắc-Dịch vây vào giữa rất ngặt.

Cù-Khồng nói với Vệ Ý-Công :

— Tình thế quá hiềm nghèo, xin Chúa-công bỏ cờ hiệu, thay y phục rồi xuống xe chạy trốn may ra mới thoát được.

Vệ Ý-Công thở dài nói :

— Ta thà liều chết để tạ tội với bá tánh còn hơn.

Quân Bắc-Dịch vây mỗi lúc một dày thêm, các tướng Vệ lần lượt bỏ mạng, quân sĩ chết không biết

bao nhiêu mà kè, máu tuôn như suối. Vệ Ý-Công cầm cự đến phút cuối cùng rồi cũng chết trong đám loạn quân.

Nhận xét :

— *Lạm dụng quyền thế để thỏa mãn một ý riêng, kẻ đó thiếu trách nhiệm đối với Tù quốc.*

Rượu ngon, gái đẹp, địa vị cao, nhà lầu, xe hơi là những thứ làm cho người ta mê hoặc, sát phạt nhau, bỏ cả nghĩa vụ làm người, bỏ cả luân thường đạo lý, còn như chim hạc mà cũng mê đến nỗi mất nước mất thành thì thật là chuyện hi hữu.

Đó là chuyện đời xưa, còn như thời буди văn minh này cũng không thiếu gì hạng người giàu có, đối với một việc nghĩa nhỏ cũng không dám làm, nhưng lại có thể bỏ ra một số tiền lớn để mua chó tốt, mèo đẹp, nhiều giống lạ của các nước đem về nuôi chơi. Chó đi máy bay, chó đi xe hơi nhà lồng lẫy, chó ăn thịt bò, uống sữa... trong lúc đó đồng bào của họ quan rách ống, áo thủng báu, không có nhà ở, ngủ đâu hè xó chợ, đau không được viên thuốc uống, thế mà họ không hề nhìn đến đừng nói chuyện giúp đỡ.

Cùng như đám than dân nước Vệ đối khép, phải chịu sự cao thuế nặng đóng góp để nuôi đám hạc của nhà vua, rồi cuối cùng nước mất nhà tan, gieo tang tóc trong nhân gian một thảm họa tày trời dưới gót giày xâm lăng của quân Bắc-Dịch.

Dân chúng nước Vệ không thể đáp lời Vệ Ý-Công là phải

Biết ăn năn hối cải, đặt Tò-quốc lên trên ý thích riêng, liều thân ra chiến trường để tạ tội, đem cái chết đến nợ non sông, Vệ Ý-Công chỉ đáng thương ở chỗ ấy mà thôi.



HOÀNG DIỄN TRƯỚC CÁI CHẾT VỆ Ý-CÔNG

— *Đem xác thịt mình làm quan tài để liệm buồng gan của vua.*

Vệ Ý-Công lên ngôi chỉ thích nuôi chim hạc, không kè đến đời sống của dân.

Chẳng bao lâu bị quân Bắc-Dịch vào xâm chiếm, Vệ Ý-Công bắt dân sung vào lính đánh giặc, dân chúng trước kia khờ vì sưu cao thuế nặng đe nhà vua nuôi chim, nay oán hận vua, không phục tùng. Vệ Ý-Công biết lỗi mình, đuổi hết chim hạc, và tự mình cầm quân ra trận để tạ tội với bá tánh.

Nhưng vì quân lính lâu nay không tập luyện, nên kỹ thuật chiến đấu không có, tướng tá đều bị tử thương, quân sĩ thây chật đất, Vệ Ý-Công cũng bị quân địch giết chết trong đám loạn quân.

Thạch-Kỳ và Ninh-Tốc là hai tông trung của Vệ Ý-Công vội đưa Công-tử Thân đi lánh nạn. Dân chúng hay tin hai quan Đại-phu là Thạch-Kỳ và Ninh-Tốc đã bỏ thành, liền bồng con dắt vợ bỏ nhà ra đi, tiếng kêu khóc thảm thiết.

Hay tin thành nước Vệ bỏ trống, quân Bắc-Dịch kéo vào, một mặt đốt phá cung thất, một mặt giết người vơ vét của cải.

Sau khi tàn phá Kinh thành nước Vệ, thu góp vàng bạc lúc thóc, quân Bắc-Dịch kéo quân về nước chỉ để lại một cảnh diêu tàn, tang tóc thê lương.

Giữa lúc đó có quan Đại-phu nước Vệ là Hoàng-Diên, khi trước phụng mạng Vệ Ý-Công sang sứ nước Trần, nay trở về thấy thành quách cháy rụi, nhà cửa không còn, dân chúng trong thành thây chêt ngòn ngang, mùi tanh hôi nồng nực, lại nghe Vệ Ý-Công tử trận ở Huỳnh-Trạch. Lòng đau xót vô cùng, Hoàng-Diên vội vã đến Huỳnh-Trạch để tìm xác Vệ Ý-Công.

Dọc đường Hoàng-Diên thấy đâu đâu xác chêt cung dãy dãy, mùi tanh hôi không chịu nỗi.

Khi đến Huỳnh-Trạch, Hoàng-Diên xông vào các đống xác chêt tìm kiếm khắp nơi, chợt thấy cây cờ hiệu bỏ dưới đất, Hoàng-Diên mừng thầm nói :

— Cờ hiệu rớt nơi đây, xác Chúa-công không đâu xa.

Bèn tiến đến hai bước, bỗng nghe trong đống thịt người lại có tiếng rên rỉ, Hoàng-Diên bới lên xem, thì thấy một người nội thị chưa chết, nhưng bị cụt cả chân tay, nằm mệt ở đấy.

Hoàng-Diên hỏi :

— Người có biết Chúa công chết chỗ nào chăng ?

Người nội thị hất hàm sang một bên, nói :

— Đây là đống thịt của Chúa-công, quân giặc bầm nhỏ ra, chính mắt tôi trông thấy, vì vậy dấu bị gãy

cả tay chân tôi vẫn cố nắm nơi đây đợi người nước
Vệ đến mà chỉ.

Hoàng-Diễn rời lè, hai tay bối đống thịt đã tan
nát từng mảnh, chỉ tìm được một buồng gan còn
nguyên vẹn mà thôi.

Bèn đè buồng gan trước mặt vừa lạy, vừa khóc.

Lạy xong, Hoàng-Diễn nói :

— Nay Chúa-công đã bỏ xác như vậy không lấy
gi mà mai táng, vậy ta hy sinh tấm thân của ta làm
áo quan mà tân liệm cho Chúa-công.

Nói xong quay lại bảo tên gia nhân :

— Khi ta chết, người đem chôn ta vào khu
vườn này, đợi lúc nào nước Vệ có vua mới tường
trình câu chuyện này lại.

Đoạn cầm dao mổ bụng, xách buồng gan của Vệ
Ý-Công bỏ vào bụng mình. Qua một lúc Hoàng-Diễn
tắt thở

Tên gia nhân tuân lời dặn, đem Hoàng-Diễn
mai táng trong rừng, rồi sửa chữa một chiếc xe hú,
đưa người nội thị về thành để đồ xét tin tức trong
nước.

Nhận xét :

— Tuy vua hú hỏng, nhưng có được
bày tôi trang thì nước chưa đến nỗi mất.

Hoàng-Diễn dùng thân hình làm áo quan đè tân
liệm buồng gan Vệ Ý-Công. Thật là một ý kiến ngộ
nghĩnh, và một hành động lạ lùng từ xưa nay chưa
từng thấy.

Cái chết Hoằng-Diễn nỗi bật lòng trung can với vua. Tuy nhiên, những tấm gương trung liệt chẳng thiếu gì. Nhiều kè cưng đã hy sinh thân mình đã chết theo vua rồi.

Ở đây, với cái chết của Hoằng-Diễn chúng ta tìm thấy hai khía cạnh.

Thứ nhất về quan niệm A-Đông :

Dù cho người tàn ác đến đâu, lúc chết không được một mảnh chiếu để bờ thân, thân hình bị lõi lô thì ai cũng cho là tội nghiệp. Bởi vậy, trước cái chết mà thi thể bị tàn pha, hoặc vắt bở đầu đường, bờ bụi, thiên hạ cho là vô phúc.

Người A-Đông trọng cái chết hơn là cái sống.

Hoằng-Diễn dùng thân mình làm áo quan khâm liệm vua Vệ làm nỗi bật tâm cảm của người A-Đông về phuơng diện này.

Thứ hai về ý thức lễ nghi :

Biết đâu cái chết của Hoằng-Diễn có một dụng ý. Để thân làm áo quan chôn Vệ Ý-Công, tất nhiên cái « áo quan kia » phải được quý trọng, suy tôn. Xác của Hoằng-Diễn xem ngang hàng với xác vua Vệ, nấm mồ vua Vệ tức là nấm mồ của Hoằng-Diễn, được con cháu dòng vua thờ cúng mãi mãi.

Hy sinh cách nào cũng là hy sinh, mà hy sinh như vậy, ngoài cái tiếng trung liệt còn được hưởng mọi sự cung tế, tôn thờ của dân nước Vệ trong nhà Thái-miếu.



TỀ VÀ SỞ GIAO HÒA

— Một ý thức chính trị
của Quản Di - Ngô

Tề Hoàn-Công phụng mệnh Thiên-tử nhà Châu họp chư-hầu kéo đến phạt Sở, vì lý do Sở tiếm xưng Vương-vị và bất phục tùng nhà Châu bò lè triều cống hàng năm.

Sở-vương lúc bấy giờ uy thế đang mạnh, tuy nhiên lực lượng của 7 nước chư hầu hùng hổ lắm, nên vua Sở liệu thế khó đương cự, liền sai sứ thần là Khuất-Hoàn sang dinh Tề cầu hòa.

Quản Di-Ngô vâng lệnh Tề Hoàn-Công ra tiếp sứ thần. Khuất-Hoàn hỏi :

— Tề và Sở hai nước cách nhau, mỗi nước đều có vua và có cương giới rõ rệt, nay vì cớ gì quý quốc đem binh đến xâm chiếm nước tôi ?

Quản Di-Ngô nói :

— Chúa-Công tôi phụng mệnh Thiên-tử nhà Châu làm bá chủ chư hầu, nước nào không tuân mệnh Thiên-tử thì Chúa-Công tôi có quyền đem quân đến ván tội. Nước Sở các ông có lẽ cống hiến cỏ thanh mao hàng năm để dùng vào việc cúng tế. Chỉ có mấy bó cỏ thôi mà nước các ông cũng không giữ lẽ, để cho cho nhọc lòng chúng tôi phải đem binh đến đây.

Khuất-Hoàn nói :

— Từ khi nhà Châu suy yếu đến nay các nước chư hầu đều bò lè triều cống, không riêng gì nước

Sở chúng tôi. Nếu quý quốc đến đây chỉ đòi hỏi cỏ thanh mao thì việc đó không khó gì. Tôi sẽ về thưa lại với vua Sở.

Nói xong, từ giã quay xe về.

Sở Vương thấy Tè Hoàn-công kéo quân chư hầu đến mà chỉ đòi cống lễ cho nhà Châu mấy bó cỏ thanh mao, mỉm cười nghĩ thăm :

— Tưởng đòi việc gì quý giá chứ mấy bó cỏ thì ta tiếc gì mà không đem nạp.

Liền y tấu sai Khuất-Hoàn sang trại Tè nhận tội và hứa sẽ cống hiến cỏ thanh mao cho vua nhà Châu.

Chiến sự chấm dứt, quân sĩ hai bên đều tỏ vẻ vui mừng vì tránh được cuộc đổ máu.

Bảo Thúc-Nha hỏi Quản Di-Ngô :

— Nước Sở tiếm Vương-vị, tội ấy trọng, còn việc bỏ cống hiến cỏ thanh mao là việc nhỏ, sao Trọng phụ lại chú trọng đến cái tội nhỏ mà bỏ cái tội lớn của nước Sở ?

Quản Di-Ngô nói :

— Nước Sở tiếm Vương-vị đã ba đời nay, nếu chúng ta đột ngột bắt chúng bỏ ngay cái danh hiệu ấy thì khi nào nước Sở lại chịu cúi đầu mà nghe ta liền. Nếu Sở không nghe tất ta phải đánh, mà hè đánh thi nước ta và nước Sở phải rối loạn ít ra cũng phải vài ba năm. Nay ta trách Sở về việc không cống hiến cỏ thanh mao, khiến cho vua Sở phải bằng lòng nhận tội. Sở đã nhận tội tức là chịu quy phục nhà Châu rồi, từ chỗ giác ngộ nhỏ đi đến

chỗ giác ngộ lớn mà không phải đổ máu, gieo tang tóc cho dân hai nước.

Bảo Thúc-Nha nghe Quản Di-Ngô giải thích như vậy liền khen Quản Di-Ngô là người cao kiến.

Nhận xét :

— Sứa đòi con người phải sứa đòi từ cái nhỏ đã.

Việc gì cũng vậy, tùy theo khả năng của người ta mà đòi hỏi. Bắt người ta làm một việc không thể được thì sự bắt buộc ấy dù có phải đến đâu cũng vô ích. Trái lại, khả năng mình không có mà buộc kẻ khác phải phục tùng mình một cách quá đáng thì cũng không thể nào được.

Binh lực nước Tề đối với Sở lúc bấy giờ cũng không hơn gì bao nhiêu, nếu đưa ra đấu choi nhau chưa chắc đã ai thắng.

Ngược lại, nước Sở dù phải tan tành dưới nạn đao binh cũng không bao giờ chịu truất bỏ Vương-vị. Đó là yếu tố quan trọng trong thế cờ Tề, Sở lúc ấy.

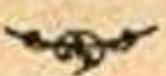
Quản Di-Ngô kéo binh đến ván tội nước Sở mà không buộc nước Sở truất bỏ Vương-vị, chỉ đòi công hiến cỏ thanh mao chính là Quản Di-Ngô đã có một lập trường chính-trị vững chắc, không đòi hỏi những cái đổi phuơng không thể làm được, cũng như liệu khả năng mình không đủ sức đòi hỏi.

Một nhà chính trị có tài phải thấy trước thê cờ, không nên đi quá bước, sa vào ngõ bì.

Đời nay có nhiều người thường không lương súc minh, súc địch, không niều minh, hiều người, đòi hỏi cái

gi thì đòi cho quá đáng, được việc này lại muốn đòi cho được việc nọ, rốt cuộc việc lớn đã không đòi được mà việc nhỏ cũng không xong.

Việc giao hòa Tè, Sở chính là một tấm gương cho những nhà chính trị đó.



NƯỚC NGU VÀ NƯỚC QUẮC

— Mọi hổ răng lạnh.

Ngu và Quắc là hai nước láng giềng thường tương trợ nhau. Hễ nước Ngu bị xâm chiếm thì nước Quắc đem binh giải cứu. Ngược lại, nước Quắc bị nạn dao binh thì nước Ngu đem quân giải nguy. Vì vậy hai nước coi như răng và môi, giữ vững tinh thần tương thân tương ái, nước ngoài không thè nào xâm chiếm nỗi.

Bấy giờ nước Tân hùng cường. Tân Hiến-Công muốn đem binh chinh phục Ngu và Quắc, nhưng không biết cách nào được, liền triệu quân thần đến văn kẽ.

Đại-thần Tuân-Tác nói :

— Tôi nghe vua nước Quắc là người háo sắc, Chúa-công nên tuyển một số gái đẹp trong nước dạy nghề ca hát cho tinh, cho ăn mặc cho đẹp, rồi đem hiến cho vua nước Quắc. Vua Quắc hễ được gái đẹp tất say mê, bỏ bê triều chính. Chừng đó ta lại đem lẻ vật lót lót cho vua Khuyển-Nhung, nhờ vua Khuyển-

Nhung cù binh sang đính. Liệu chừng nước Quắc
đã yếu, ta mới đem quân sang chinh phạt.

Tấn Hiến-Công y lời đem bộ nữ nhạc nhanh xác
xuyệt tràn hiến cho vua Quắc. Vua nước Quắc thấy
gái đẹp liền thu nhận và giao tình hòa hảo với nước
Tấn.

Quan Đại-phu nước Quắc đứng ra can vua Quắc:

— Tâu Chúa-công, đó là cái lưỡi câu của nước
Tấn muốn câu nước ta đó, xin Chúa-công chờ lấy đó
mà mừng.

Vua nước Quắc không nghe, nhất định giao hảo
với Tấn, rồi đem đoàn nữ nhạc vào cung.

Từ ấy, vua nước Quắc ngày đêm say đắm tiêu
sắc không còn thiết đến việc triều chính nữa.

Chẳng bao lâu, quân Khuyên-Nhung ham lě vật
của nước Tấn, đem binh sang quấy nhiễu nước Quắc.
Mặc dầu vậy binh lực nước Quắc vẫn còn hùng
mạnh lắm, quân Khuyên-Nhung đánh không lại nhiều lần
phải bỏ chạy.

Vua nước Khuyên-Nhung nỗi giận liền cù da
binh sang đánh, nước Quắc cũng không nhịn, hai bên
dàn quân lập trận nơi đất Tang-diễn, quyết tranh
thắng phụ.

Tin ấy đến nước Tấn. Tấn Hiến-Công hỏi Tuân-Túc:

— Ngày nay nước Quắc và nước Khuyên-Nhung
đang đánh nhau, ta có nên đem quân đánh nước
Quắc không?

Tuân-Túc nói:

— Tôi có một kế có thể lấy cả nước Ngu và nước Quắc.

Tấn Hiến-Công hỏi :

— Kế gì vậy ?

Tuân-Tức nói :

— Ngu và Quắc hai nước giao-hữu nhau, nay ta đem lẽ vật lo lót cho nước Ngu, mượn đường sang định Quắc. Hết nước Ngu nhận lẽ vật cho mượn đường thì sẽ không sang cứu Quắc, mà Ngu không cứu thì Quắc ắt mất. Lúc đã lấy Quắc rồi thì Ngu muốn lấy lúc nào chẳng được.

Tấn Hiến-Công nói :

— Kế ấy rất hay, song nước ta mới giao hảo với nước Quắc, nay lấy cớ gì gây chiến đè cho nước Ngu tin ?

Tuân-Tức thưa :

— Giữ hòa hiếu thì dễ, chứ gây chiến thì khó gì. Chúa-công chỉ cần mặt sai một số người sang biên giới nước Quắc quấy rối, thế nào nước Quắc cũng nỗi giận trách nước ta. Ta thưa dịp ấy làm duyên cớ nói với nước Ngu.

Tấn Hiến-Công y kế. Quả nhiên nước Quắc cho người sang trách, hai bên gây sự bất hòa.

Tấn Hiến-Công lại hỏi Tuân-Tức :

— Nay phải đem lẽ vật gì lo lót cho nước Ngu để mượn đường ?

Tuân-Tức nói :

— Việc này khá quan trọng, vì nước Ngu và Quắc lâu nay giao-hữu rất thâm-tình, nếu không dùng

vật báu đẽ mua lòng thì khó mà thành-công được.
Xin Chúa-công hãy hy sinh vài món quý báu trong cung
mới được.

Tần Hiển-công nói :

— Ý định của nhà ngươi thế nào cứ việc nói
cho ta nghe.

Tuân-Tức thưa :

— Vua Ngu thích nhất là ngọc quý và ngựa quý.
Nay Chúa-công có ngọc Thùy-cúc và ngựa Khuất-sản,
xin đem hai món báu vật ấy trao cho Chúa nước
Ngu tất thành công.

Tần Hiển-Công nói :

— Hai thứ ấy là hai bảo vật quý giá của ta, lẽ
nào lại đem dâng cho kẻ khác.

Tuân-Tức nói :

— Mượn đường đánh nước Quốc là việc lớn,
nếu Chúa-công không dứt bỏ chút ít quyền lợi riêng
thì sao thành công được. Vả lại, hễ mượn đường
được thì Ngu và Quốc át vế tay ta, ngọc và ngựa ấy
có mất đi đâu mà sợ ? Chẳng qua chỉ tạm cho người
khác giữ một thời gian đấy thôi.

Tần Hiển-Công còn đang dự-dự, quan đại phu Lý-Khắc nói :

— Nước Ngu có hai người tài hiền là Chung
Chi-Kỳ và Bá Lý-Hề hai người ấy thông minh hiều
rộng, chắc gì đẽ cho vua Ngu nhận lẽ vật ấy ?

Tuân-Tức nói :

— Vua nước Ngu là người tham lam, dù cho
có hiền thần can gián vị tất đã nghe.

Tán Hiến-Công nghe theo, liền đem ngọc bích và ngựa giao cho Tuân-Túc để sang hiến cho vua nước Ngu mượn đường đánh Quắc.

Thoát đầu vua nước Ngu nghe sứ thần nước Tán sang mượn đường nòi giận la hét om sòm, nhưng đến lúc thấy ngọc tốt và ngựa quý lại đổi giận làm vui, hỏi Tuân-Túc:

— Đó là những bảo vật của nước ngươi sao lại đem hiến cho ta?

Tuân-Túc nói:

— Chúa-công tôi mến lòng hiền hẫu, nên mới đem những vật ấy mà dâng, nếu được hiền hẫu thu nhận thì Chúa-công tôi không còn gì sung sướng hơn.

Vua nước Ngu nói:

— Thế thì quý quốc có muốn yêu cầu ta điều gì không?

Tuân-Túc nói:

— Người nước Quắc thường hay quấy nhiễu bờ cõi nước tôi, Chúa-Công tôi muốn cho hai nước yên vui nên đã nhiều lần giao hòa, thế mà nước Quắc vẫn sanh sự lôi thôi. Nay Chúa-Công tôi muốn mượn đường quý quốc để sang đánh nước Quắc. Hễ đánh được Quắc rồi thì bao nhiêu tiền của lấy được xin hiến quý quốc để cùng với quý quốc giao hảo.

Vua nước Ngu tỏ ý mừng rỡ. Cung Chi-Kỳ bước ra nói:

— Chúa Công chờ nên nghe. Xưa nay sở dĩ nước Tán không dám lấn áp nước ta là vì nước ta giao hảo với nước Quắc, bảo vệ lấy nhau. Nay đe mất nước Quắc thì nước Ngu sẽ bị mất.

Vua nước Ngu nói :

— Vua Tấn không tiếc đồ bảo vật đã đem hiến cho ta, lẽ nào ta tiếc một lối đi nhỏ hẹp mà không thuận ? Vả lại, thế lực nước Tấn mạnh hơn nước Quắc nhiều. Mất lòng nước Quắc mà được lòng nước Tấn thì hại gì ? Thôi, các ngươi chờ bàn bạc nhiều lời.

Cung Chi-Kỳ toan nói nữa, nhưng thấy Bá Lý-Hề nháy nhó nên thôi, vội cúi đầu lui ra.

Lúc bấy giờ, Cung Chi-Kỳ hỏi Bá Lý-Hề :

— Việc như vậy sao ngài không cùng tôi can vua, lại nháy nhó không cho tôi nói ?

Bá Lý-Hề nói :

— Tôi thiết tưởng đem lời nói phải mà nói với người ngu chăng khác nào đem ngọc vãi ra đường cái. Ngày xưa vua Kiệt giết Long Bàng, vua Trụ giết Tỷ-Can cũng chỉ vì hai người ấy cố tình can gián. Nếu ngài không chịu nghe lời tôi át nguy đến tánh mạng.

Chung Chi-Kỳ nói :

— Thế thì đành đè nước Ngu mất hay sao ?

Bá Lý-Hề nói :

— Thà đè kẻ ngu chịu mất nước hơn là đè người hiền phải thiệt mạng.

Cung Chi-Kỳ nói :

— Như vậy chúng ta đi nơi khác còn hơn chứ ở đây mà ích gì ?

Bá Lý-Hề nói :

— Ngài đi là phải, nhưng rủ thêm một người m勇士 cùng đi là có tội. Vậy cứ đè tôi ở lại đây đã.

Cung Chi-Kỳ bèn đem cả gia quyến ra đi, nhưng không ai biết đi đâu.

Còn Tuân-Túc trở về nói với Tấn Hiển-Công :

— Vua nước Ngu đã nhận báu vật và hứa cho ta muộn đường rồi.

Tấn Hiển-Công mừng rỡ toán cứ binh đi đánh Quắc, Lý-Khắc thưa :

— Nước Quắc tuy đóng đô ở Thượng-Dương nhưng Hạ-Dương lại là nơi hiểm địa. Lấy được Hạ-Dương tức là như đã lấy được nước Quắc rồi. Dẫu tôi hen mặt xin đảm đương cái việc nhỏ mọn ấy cho, nếu đánh không thắng tôi xin chịu tội.

Tấn Hiển-Công liền khiển Lý-Khắc làm Chánh-tướng, Tuân-Túc làm phó tướng, đem quân qua nước Ngu mở đường đánh Quắc.

Lý-Khắc tin cho vua nước Ngu biết ngày kéo quân đến. Vua nước Ngu ra đón tiếp và nói :

— Quý quốc đem đồ quý bảo đến tặng nước tôi, nay tôi xin tình nguyện đem quân giúp sức.

Tuân-Túc nói :

— Hiền hầu đem quân theo giúp đâu bằng cho chúng tôi lấy đất Hạ-Dương ?

Vua nước Ngu nói :

— Hạ-Dương là đất của nước Quắc, do người Quắc chiếm giữ, tôi làm thế nào được.

Tuân-Túc nói :

— Vua nước Quắc hiện tranh chiến với Khuyền-Nhung nơi đất Tang-Điền, chưa phân thắng bại, nay hiền hầu giả đem binh đến giúp nước Quắc, rồi đề cho quân nước Tấn chúng tôi trùn vào mà lấy Hạ-Dương.

Vua nước Ngu nghe lời giả cách đem quân sang giúp nước Quắc.

Quan trấn thủ đất Hạ-Dương là Chu Chi-Kiều mở cửa cho quân nước Ngu sang. Chẳng ngờ quân nước Tân lén vào đó, nên sau khi qua khỏi cửa thành, quân Tân nồi dậy đánh rất dữ.

Quân nước Quắc vỡ chạy tứ tán. Chu Chi-Kiều sợ vua nước Quắc bắt tội, phải xin đầu hàng nước Tân.

Lý Khắc và Tuân-Túc thừa thế kéo quân lấy đất Thương-Dương.

Vua nước Quắc đang ở đất Tang-Điền, hay tin Thương-Dương bị vây lập tức kéo quân về cứu, lại bị quân Khuyên-Nhung rượt theo đánh một trận tơi bời. Khi về đến Thương-Dương, vua nước Quắc hổng cuống không biết làm cách nào nữa, đành phải đóng cửa thành cổ thủ.

Chẳng bao lâu lương thực hết, quân sĩ đói khát, tình trạng rất nguy ngập. Biết không thể giữ thành được nữa, vua nước Quắc dẫn cả gia quyến bỏ trốn sang nhà Châu lánh nạn.

Tuân-Túc và Lý-Khắc kéo quân vào thành chiêu an bá tánh, vơ vét kho tàng, bảo vật đem biếu cho vua Ngu. Vua Ngu lòng mừng không xiết.

Kế đó Tuân-Túc một mặt cho người về nước báo tin cho Tân Hiển-Công biết, một mặt kéo quân sang đóng quân bên thành nước Ngu, giả đau đòn binh dưỡng binh. Vua nước Ngu ngạc nhiên ra ngoài thành hỏi Tuân-Túc :

Cách một tháng sau, có tin Tân Hiển-Công kéo binh đến, vua nước Ngu ngạc nhiên ra ngoài thành hỏi Tuân-Túc :

— Chẳng hay Tấn hầu đem quân đến đây có việc gì ?

Tuân-Túc nói :

— Chúa-Công tôi sợ chưa đánh nồi nước Quắc nên đem binh sang cứu viện.

Vua nước Ngu nói :

— Ta đã có ý muốn hội kiến với Tấn hầu, nhưng chưa có dịp, nay Tấn hầu lại đến đây thì may mắn lắm.

Nói xong vội vàng đem quân ra nghênh tiếp.

Tấn Hiển-Công đẹp lòng. Hai vua ân cần tâm sự. Chưa bao lâu Tấn Hiển-Công tỏ ý mời vua Ngu đi săn bắn nơi núi Cơ-Sơn, vua Ngu muốn nhân cơ hội ấy phô diễn binh lực của mình, nên đem cả quân giáp sĩ trong thành ra đi.

Vua đến núi Cơ-Sơn, nghe tin trong thành nước Ngu phát hỏa, Tấn Hiển-Công nói :

— Đó là dân chúng vô ý gây lửa cháy, chẳng bao lâu rồi cũng dập tắt được có chi mà sợ ?

Quan Đại-phu nước Ngu là Bá Lý-Hè mặt tâu :

— Tôi nghe đồn trong thành có biến, xin Chúa-công về ngay mới được.

Vua Ngu vội vã xin phép Tấn Hiển-Công trở về, nhưng về được nửa đường đã thấy dân trong thành bồng con, dắt vợ chạy trốn kêu khóc như ri.

Vua Ngu thắt kinh hỏi :

— Tại sao thế ?

Dân nước Ngu thưa :

— Quân nước Tấn đã chiếm mất thành đô.

Vua Ngu nồi giận kéo quân thắng về thành đô. Vì

về đến nơi thấy một viên tướng Tấn đứng trên mặt thành nói lớn :

— Ngày trước hiền hầu cho nước ta mượn đường thì nay cho nước ta mượn thành để đóng quân. Xin hiền hầu chờ buồn.

Vua Ngu cà giận xua quân phá thành. Bên trong nồi lên một hối trống, tức thi trên thành tên bắn xuống như mưa. Vua Ngu vội vã lui quân trở lại, bỗng có quân Tấn Hiến-Công kéo đến đánh dồn. Vua Ngu ngược mặt lên trời than :

— Bởi ta không nghe lời can gián của Chu Chi Kỳ nên ngày nay phải mất nước.

Nói xong ngoảnh lại thấy Bá Lý - Hề đứng bên cạnh, vua Ngu trách :

— Sao trước đây ngươi không chịu can ta ?

Bá Lý-Hề nói :

— Chúa-Công không nghe lời Chu Chi Kỳ thì có khi nào Chúa-Công lại nghe lời tôi ? Tôi không can là ý muốn lưu lại cái thân này để theo hầu Chúa công lúc hoạn nạn.

Vua nước Ngu chưa biết tính sao, xẩy có Chu Chi-Kiều là quan nước Quắc vừa đầu hàng Tấn ngồi xe tiến đến. Vua Ngu trông thấy thận đờ mặt. Chu Chi-Kiều nói :

— Hiền hầu nghĩ làm bỏ nước Quắc tôi đó là điều đáng tiếc. Tuy nhiên, việc đã qua không nhắc đến mà chi, nay nước Ngu đã mất, hiền hầu nghĩ gì mà không đầu Tấn ? Vả chăng Tấn Hiến-Công là một kẻ đại lượng, sẽ không đối xử tệ bạc với hiền hầu đâu. Xin chờ ngai.

Vua Ngu chưa biết nói sao, kể có người vâng mệnh Tân Hiến-Công đến mời vua Ngu hội kiến. Vua Ngu bắt đắc dĩ phải tuân lời.

Tân Hiến-Công tiếp đón vua Ngu và nói :

— Tôi đến đây chỉ đòi lại ngựa quý và ngọc bích.

Nói xong cùng với vua Ngu vào thành. Bà Lý-Hē đi theo vua Ngu hầu hạ.

Có người thấy thế nói :

— Sao nhà ngươi không bỏ đi còn theo làm gì ?

Bà Lý-Hē nói :

— Ta làm quan ăn lộc nước Ngu đã lâu, nay cõi theo đè đèn ơn.

Tân Hiến-Công vào thành nước Ngu. Tuân-Túc ra nghênh đón, tay trái cầm bich ngọc, tay phải đặt ngựa nói :

— Ngày nay mưu kế tôi đã thành vậy xin đem ngựa và ngọc quý trao lại cho Chúa-công.

Tân Hiến-Công rất đẹp lòng, lại muốn bắt vua Ngu giết đi.

Tuân-Túc thưa :

— Vua nước Ngu là người ngu, giết mà ích chi ?

Tân Hiến-Công khen phái, tiếp đãi tử tế, rồi tặng cho một viên bich ngọc và một con ngựa khác nói :

— Ta không dám quên ơn đã mượn đường sang Cảnh nước Quāc.

Đoàn phong cho Chu Chi-Kiều làm quan Đại-phu. Chu Chi-Kiều biết Bà Lý-Hē là người hiền nên tiến cử với Tân Hiến-Công.

Tấn Hiến-Công sai người đến dụ. Bá Lý-Hề nói :

— Bao giờ Chúa công tôi mẫn đời, tôi mới phò vua khác.

Chu Chi-Kiều nói :

— Không chịu làm quan, phò kè mắt nước mà chì gì ?

Bá Lý-Hề cười lớn nói :

— Đầu muôn làm quan cũng không thể làm quan nước địch.

Cầu nói ấy làm cho Chu Chi-Kiều chậm tự ái bỏ về, thưa lại với Tấn Hiến-Công.

Nhận xét : — Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.

Ngu và Quốc, hai nước láng giềng, tuy là nước nhỏ nhưng biết cùng nhau tương thân tương trợ thì trở thành một lực lượng bất khả xâm phạm, khiến cho các cường quốc phải kính vì.

Đoàn kết là một sức mạnh đáng kinh, xưa nay ai cũng trông thấy điều ấy.

Chỉ có đoàn kết mới tạo cho mình một thế đứng, không sợ kẻ mạnh ăn hiếp.

Ở đây chúng ta thấy vua Ngu ngu thât, ham báu vật nhỏ nhen để cho mất nước.

Thôi thường, không một cường quốc nào chịu cắn thân hay giúp đỡ một nhược tiểu mà không có ý lợi dụng, cũng như không có một ông nhà giàu nào lại giúp đỡ không cho một nông phu mà không có một dụng ý nào về quyền lợi riêng mình.

Ấy vậy, dù mình là một kẻ nghèo, dù mình là một nhược tiểu, khi nhận ân huệ của một kẻ nào, nhất định phải đề phòng lòng từ tě của họ.

Đừng cho rằng mình lợi dụng họ. Kẻ nghèo không bao giờ lợi dụng người giàu được đâu, cũng như một nước nhược tiểu không bao giờ lợi dụng một nước cường quốc được đâu, mà chỉ giữ sao cho người khác, nước khác đừng lợi dụng mình là tốt rồi.

Thời này cũng không thiếu gì hạng người như vua Ngu, đã ngu mà lại cho mình là khôn.

Những kẻ ấy chẳng khác nào vua Ngu, chỉ khi nào thiệt hại đã đến trước mặt họ mới trông thấy, còn lúc chưa mất nước họ chỉ thấy trước mắt họ chỉ toàn tiền bạc bản vật thôi.

TIMISACHII.COM.VN

BÁ LÝ-HÈ VỚI BƯỚC BƯỜNG CÔNG DANH

— Đời người hơn nhau
chỉ ở chỗ lập chí

Bá Lý - Hè vốn là người nước Ngu, tên tự là Tinh Bá, lúc nhỏ nghèo khổ, ba mươi tuổi mới lấy nàng Đỗ thị làm vợ, sinh đặng một người con trai.

Trong cảnh túng thiếu ấy, Bá Lý - Hè muốn lập công danh, song vợ con đơn độc, không biết nhờ cậy ai. Vì vậy cứ như nhú nhύ mãi không thể đứt tình.

Đỗ thi thấy vậy thura :

— Thiếp nghe nói làm trai phải lập chí, nay phu quân không tìm công danh, cứ vướng vào gia đình biết bao giờ làm nên đại sự. Thân thiếp tuy yêu đuối, nhưng cũng kiêm ăn được, xin phu quân đừng ngại.

Nói xong Đỗ thị bắt con gà mái đang ấp đem đi làm thịt để tiễn chân Bá Lý-Hè.

Nhà hết cùi, Đỗ thị phải chê phên làm cùi, nấu một nồi cơm gạo đỗ, bưng cho Lý Bá-Hè ăn.

Bá Lý-Hè ăn xong từ giã vợ con ra đi.

Đỗ thị tay ẵm con, tay níu áo chồng nói :

— Lúc phú quý xin chớ phụ nhau.

Bá Lý-Hè sang Tề, muốn xin yết kiến Tề Tướng-Công, nhưng không ai tiến dẫn, đành phải đi ăn xin nơi đất Diệt (thuộc nước Tề) trong thời gian khá lâu.

Lúc đó Bá Lý-Hè đã bốn mươi tuổi. Một hôm lang thang trong thôn dã, Bá Lý-Hè gặp một người tên Kiền-Thúc, tánh hiền hậu, có dạ thương người. Kiền-Thúc thấy Bá Lý-Hè tướng mạo khôi ngô lấy làm lạ hỏi :

— Người như ngươi lẽ nào đến nỗi phải ăn xin?

Bá Lý-Hè nói :

— Không gặp vận không thè ngồi không mà có cơm ăn được.

Kiền-Thúc mời Bá Lý-Hè về nhà làm cơm thiết đãi, rồi lưu lại trong nhà kết làm anh em. Kiền-Thúc hơn Bá Lý-Hè một tuổi nên Bá Lý-Hè gọi Kiền-Thúc bằng anh.

Kiền-Thúc nhà cũng nghèo nên Bá Lý-Hè phải đi chăn trâu thuê cho người trong làng để sanh sống. Đến lúc Công-tử Vô-Tri giết Tê Tương-Công lên ngôi, treo bảng cầu hiền, Bá Lý-Hè muốn ra làm quan, Kiền-Thúc nói :

— Tiên quân còn một người con trốn đi nước khác, nay Vô-Tri cướp ngôi tất không giữ được lâu.

Bá Lý-Hè nghe theo không tính chuyện ra làm quan nữa.

Kế đó nghe Vương-tử Đỗi nhà Châu thích chơi trâu, những người nuôi trâu được ăn lương rất hậu. Bá Lý-Hè nói với Kiền-Thúc xin qua nhà Châu tìm cơ hội.

Kiền-Thúc nói :

— Kẻ trượng phu không nên khinh thường đem thân giao cho kẻ khác. Nếu làm quan với người ta đến khi hoạn nạn lại bỏ đi là bắt trung, không bỏ đi là bất trắc. Em có đi phải cần thận trong việc đó mới được. Lúc nào anh thu xếp xong việc nhà sẽ vào kinh đô nhà Châu để thăm em.

Bá Lý-Hè vào nhà Châu yết kiến Vương-tử Đỗi, nói về cách nuôi trâu. Vương-tử Đỗi mừng lắm, toan dùng Bá Lý-Hè làm già nhân Gặp lúc Kiền-Thúc đến thăm, Bá Lý-Hè đem Kiền-Thúc vào yết kiến Vương-tử Đỗi, sau khi ra về Kiền-Thúc nói với Bá Lý-Hè :

— Vương-tử Đỗi chí lớn nhưng bất tài, lại gần gũi với kẻ nịnh tất có ngày hư việc lớn. Chỉ bằng chúng ta bỏ đi là hơn.

Bá Lý-Hè nói :

— Em xa cách quê hương đã lâu ngày, nay trở về nước Ngu thăm vợ con có được chẳng ?

Kiền-Thúc nói :

— Nước Ngu có một người tôi hiền là Cung Chi-Kỳ, người ấy quen biết với anh, nay em về nước Ngu thì anh cũng đi với, qua đó thăm Cung Chi-Kỳ luôn thè.

Nói xong, liền cùng Bá Lý-Hề trở về nước Ngu

Lúc bấy giờ vợ Bá Lý-Hề là Đỗ-thị, vì nghèo quá không gì nuôi sống, phải lưu lạc tha phương, không rõ đi về đâu. Bá Lý-Hề không thấy mặt vợ con thương xót vô dùng. Kiền-Thúc vào yết kiến Cung Chi-Kỳ thuật chuyện Bá Lý-Hề là người hiền tài, đề nghị tiến cử với vua nước Ngu. Vua nước Ngu cho đòn Bá Lý-Hề vào cho làm quan Đại-phu.

Kiền-Thúc nói :

— Ta xét thấy vua nước Ngu là người thiếu kiến thức mà tự đắc thì không phải vua hiền vậy.

Bá Lý-Hề nói :

— Em lâu nay nghèo khổ, có khác nào như cá mắc cạn đang chờ đè dưỡng thân, đâu chưa phải vua hiền cũng cứ tạm dung thân đã.

Kiền-Thúc nói :

— Vì nghèo khó mà em phải ra làm quan, anh không thè nào ngăn em được, nhưng mai sau em có đến thăm, em cứ đến làng Minh-lộc nước Tấn, nơi ấy phong cảnh tịch mịch nên anh có ý định ở đấy.

Nói xong Kiền-Thúc từ giã. Bá Lý-Hề ở lại làm quan nước Ngu

Ngày tháng trôi qua, chẳng bao lâu nước Ngu mất, Bá Lý-Hề không nỡ bỏ đi, cứ quanh quần phản nàn một mình.

— Tiếng bất tri ta đã mang lấy, thì có lẽ nào còn gánh chịu chữ bất trung nữa.

Lúc bấy giờ Bá-Cơ sang nước Tấn, Tấn Hiển-Công sai Bá Lý-Hè đi theo hầu. Bá Lý-Hè than :

— Tài của ta mà không được dâng minh quân đền thi thoả, cứ mãi đi hầu hạ người ta, có khác gì tên đầy tớ thì còn gì nhục báng. Tuy nhiên lệnh vua không thể không tuân.

Vừa đi được nửa đường, Bá Lý-Hè tìm cách trốn sang nước Tống, nhưng đường bị nghẽn nên lại qua nước Sở.

Đến đất Uyên-thành (đất nước Sở) Bá Lý-Hè gặp một người đi săn trông thấy tướng mạo của Bá Lý-Hè ngỡ là quân phiến loạn nên bắt trói lại.

Bá Lý-Hè điểm tinh nói :

— Nước Ngu của tôi bị thắt thủ nên tôi phải trốn đến đây.

Người đi săn hỏi :

— Nhà ngươi có biết làm nghề gì ?

Bá Lý-Hè đáp :

— Tôi có tài nuôi trâu.

Người đi săn cởi trói cho Bá Lý-Hè và đem về cho nuôi trâu. Bá Lý-Hè nuôi trâu rất mau lớn và rất đẹp, mọi người đều khen tặng.

Tiếng ấy đến tai vua nước Sở. Nhà vua bèn triệu Bá Lý-Hè vào hỏi :

— Nhà ngươi nuôi trâu cách nào mà béo tốt như vậy ?

Bá Lý-Hè tâu :

— Cho ăn có điều độ, không bắt nó làm quá sức, luôn luôn chăm sóc không bỏ quên nó.

Vua Sở nói :

— Nhà ngươi nói rất phải. Không riêng việc nuôi trâu phải như vậy mà nuôi ngựa cũng cần phải thế.

Bá Lý-Hề được vua Sở cho làm chức Ngũ-nhân, sai ra xứ Đông-hải chăn ngựa.

Một hôm Tân Mục Công ngồi xem sổ, kiêm điểm những người theo hầu Bí-Cơ, thấy trong sổ có tên Bá Lý Hề mà không thấy người, lấy làm lạ liền gọi Công-tử Tri hỏi :

— Tên Bí Lý-Hề có trong sổ theo hầu Bí-Cơ do nước Tân gởi sang tại sao không thấy người ấy?

Công-tử Tri thưa :

— Trước đây Bá Lý-Hề là bồ tát của nước Ngu, nhưng hiện giờ đã trốn đi rồi.

Tân Mục-Công bảo Công Tôn-Chi :

— Nhà ngươi lúc trước có ở nước Tân, chắc cũng biết Bá Lý-Hề là người thế nào chứ?

Công Tôn-Chi thưa :

— Bá Lý-Hề là người hiền. Biết vua nước Ngu không thể can nán không nói dối, là người tri, theo vua nước Ngu sang nước Tân song không chịu phò Tân ấy là người trung. Kì có tài như vậy mà chưa gặp được cơ hội cũng phải đành chịu.

Tân Mục Công nói :

— Nếu ta dùng được Bá Lý-Hề thật là may lắm.

Công Tôn-Chi thưa :

— Tôi được nghe đồn vợ con Bá Lý-Hề hiện cư trú tại nước Sở, chắc Bá Lý-Hề trốn sang nước đó, vậy ta sai người sang nước Sở tìm hiểu tin tức.

Tân Mục-Công liền sai người đi tìm. Trong thời gian đó hỏi, người ấy đã hiểu được rõ ràng nêu về tâu lại với Tân Mục Công :

— Bá Lý Hè chăn ngựa cho vua nước Sở, hiện nay ở tại xứ Nam hải.

Tân Mục-Công nói :

— Ta muốn cho người đem lè vật sang xin rước về, không biết vua Sở có thuận chăng ?

Công Tôn-Chi thưa :

— Đem lè vật chưa chắc nước Sở đã chịu cho Bá Lý Hè về.

Tân Mục-Công hỏi :

— Tại sao ?

Công Tôn-Chi thưa :

— Vua nước Sở dùng Bá Lý-Hè chăn ngựa tức không biết Bá Lý-Hè là kẻ hiền, nay Chúa-công đem lè vật sang, chẳng khác nào báo cho vua nước Sở biết Bá Lý-Hè là hiền sĩ. Chi bằng lấy cớ Bá Lý-Hè trốn đi, nay chuộc về đe trị tội, ấy là kế của Quản-Trọng ngày xưa đánh lừa nước Lỗ mà thoát thân đó.

Tân Mục-Công khen phái rồi sai người đem bộ da đe biểu cho nước Sở mà nói :

— Nước tôi có một kẻ tiện nhân trốn sang quý quốc tên là Bá Lý-Hè, Chúa-Công tôi muốn bắt đem về trị tội đe làm gương, nên gởi biểu quý quốc năm tám da đe đe xin chuộc phạm nhân.

Vua Sở sợ mất lòng vua Tân liền sai bắt Bá Lý-Hè giao trả. Thấy Bá Lý-Hè bị bắt mọi người đều có ý thương xót, lại có kẻ úta nước mắt buồn cho số phận long dong, nhưng Bá Lý-Hè mỉm cười nói :

— Tôi nghe vua nước Tân có chí lớn, từng mưu đồ đại sự, một người như vậy đâu thiết gì một kẻ theo hồn mà bắt tội. Đây chắc vua Tân muốn đem tôi về để dùng, vậy các bạn chờ buồn bã làm gì.

Nói xong dông dác bước vào từ xa để quân sĩ giải về nước Tân.

Vừa về đến nơi đã thấy Công Tôn-Chi được lệnh Tân Mục-Công ra tận biển ài đón rước để triệu vào triều yết kiến.

Tân Mục-Công hỏi Bá Lý-Hề :

— Năm nay nhà ngươi đã bao nhiêu tuổi ?

Bá Lý-Hề nói :

— Tôi đã hơn bảy mươi tuổi.

Tân Mục-Công thở dài nói :

— Đáng tiếc thay tuổi nhà ngươi đã quá cao.

TINHACI.COM.VN

— Nếu là việc lên rừng bắt hồ, xuống biển chèo ghe thì tuổi già thật, nhưng nếu bàn về việc chính trị, luận việc phải trái ở đời thì tuổi tôi vẫn còn trẻ lắm. Ngày xưa ông Lã-Vọng hơn tám mươi tuổi đầu đi câu cá ở sông Vị, vua Văn-Vương đem về làm Thượng-phụ rồi giúp nên cơ nghiệp nhà Châu. Nay tôi gặp Chúa-công thiết tướng còn sầm hơn ông Lã-Vọng đến mười tuổi.

Tân Mục-Công nghe Bá Lý-Hề nói khéo như vậy có ý kính trọng, hỏi tiếp :

— Nay nước ta tiếp giáp Nhung Dịch là một nước bất tuân Vương mạng, thường quấy rối, thế thì ta phải làm sao cho nước Tân cường thịnh ?

Bá Lý-Hề nói :

— Nếu Chúa-công không khinh tôi là kè bắt tài, hỏi đến tôi đâu dám tiếc lời. Đất Ung-Kỳ là nơi hiềm yếu, trước kia Văn-Vương, Võ-Vương cũng đều dùng nơi đó để lập nghiệp, thế mà nay nhà Châu không biết, cắt cho nước Tân ấy là lồng trời muốn cho nước Tân dựng nghiệp Bá. Vả lại, phía Tây này có hơn vài mươi nước nhỏ, các nước đó rất lợi hại cho ta. Lúc chưa chinh phục họ là hại, vì họ sẽ đem quân quấy rối làm cho nước ta bất an, nhưng nếu lúc đã chinh phục được họ thì nước ta sẽ nắm trong tay một sức mạnh oai hùng, có thể dùng chinh phục được Trung-nuyễn nữa.

Tân Mục-Công nghe nói như người chiêm bao mới tỉnh, đứng dậy xá Bà Lý-Hè một cái nói :

— Ta được nhà ngươi giúp sức nào nào nước Tề được Quản-Trọng.

Tân Mục-Công cùng với Bà Lý-Hè nói chuyện với nhau trong ba ngày mà không biết chán. Bà Lý-Hè được phong làm chức Thượng-Khanh quyền binh trong nước đều tự lo liệu, vì vậy người ta gọi là « Ngũ-cò Thượng-Khanh »

Bà Lý-Hè đang là kè chăn trâu mà được Vua Tân trọng dụng, phong chức lớn như vậy, ai lại không ngạc nhiên.

Được ra làm quan, Bà Lý-Hè không quên Kiền-Thúc, liền giới thiệu với Tân Mục-Công rước về dùng.

Còn vợ Bà Lý-Hè, từ khi bỏ nhà ra đi, lưu lạc khắp nơi, đẽ tìm kế sinh nhai. Sau đó nàng đem con sang nước Tân làm nghề giặt thuê. Con trai Bà Lý-Hè tên là Thi, tự Mạnh-Minh, không được dạy dỗ, lớn lên lêu lổng, thích theo người đi săn bắn, chẳng lo làm ăn gì cả. Đỗ thị đem lời khuyên bảo, nhưng Mạnh-Minh không nghe. Đến lúc Lý Bà-Hè làm quan Thượng-Khanh

nước Tân Đỗ thị hay tin, nhưng phận mình nghèo khổ không dám ra mặt, lại đã ba lần trông thấy Bá Lý-Hè ngồi xe, mao cao áo dài đi ngang qua đó, nhưng nàng vẫn không dám ra nhận là chồng.

Bấy giờ trong dinh Bá Lý-Hè cần một người giặt thuê Đỗ thị tình nguyện vào giặt. Nàng làm việc rất chăm chỉ, người nhà ai cũng thương, song chưa lần nào được gặp mặt chồng. Một hôm, Bá Lý Hè ngồi nơi thư trang, các phuòng nhạc đến hát dưới thềm. Đỗ-thị nói với người nhà :

— Tôi cũng biết hát xướng, xin cho tôi đến dưới thềm để đàn hát vài bài

Người nhà đưa Đỗ-thị đến dưới thềm, Đỗ-thị nói với các phuòng nhạc :

— Xin các ông cho tôi thường thức một vài tài nghệ của các ông.

Các phuòng nhạc hỏi :

— Trong các môn âm nhạc, nàng có biết thứ nào chẳng ?

Đỗ-thị nói :

— Tôi cũng biết tập tênh gảy đàn và biết hát nữa.

Các phuòng nhạc nói đặc ý đưa cho Đỗ-thị một cây đàn. Đỗ-thị cầm đàn gảy. Tiếng đàn nghe ai oán não nề. Các phuòng nhạc khen hay, vỗ tay tán thưởng, lại bảo Đỗ-thị hát lên một bài nghe chơi.

Đỗ-thị nói :

— Từ khi tôi đến đây chưa từng cất tiếng hát bao giờ, nay tôi vào thư trang hát hầu quan Thượng-Khanh một bài chẳng biết có được không ?

Các phuòng nhạc thưa lại với Bá Lý-Hè. Bá Lý-

Hè chấp thuận. Đỗ thị cầm đàn khép nép bước lên, rồi
phiếm tơ réo rắc, lẫn với giọng hát du dương :

Hát rằng :

Bá Lý-Hè . . .
Năm bộ da dê !
Nhớ ngày ly biệt,
Mồ gà mái ấy,
Nấu nồi cơm vàng . . .
Tình thiết tha.
Nay phú quý . . .
Nỡ dành quên nhau.

Bá Lý-Hè . . .
Năm bộ da dê !
Cha ăn thịt cá,
Con dõi khóc dài,
Chồng mặc áo gấm,
Vợ giặt thuê hoài.
Nay phú quý . . .
Nỡ dành quên nhau . . .

Bá Lý-Hè . . .
Năm bộ da dê !
Nhớ ngày xưa,
Chàng ra đi
Nặng dòng biệt ly . . .
Bấy giờ chàng ngồi đó
Thiếp chàng đâm gần.
Nỡ quên nhau sao ?

Bá Lý-Hè nghe câu hát ngạc nhiên vội đến hỏi, thì ra là vợ mình khi trước bèn ôm lấy khóc oà. Đoạn hỏi đến đứa con, Đỗ-thị thưa :

— Thằng nhỏ ấy theo người trong xóm đi săn bắn.

Bá Lý-Hè sai người đi kêu đến, vợ chồng con cái một nhà đoàn viên.

Nhận xét :

— Kẻ có thực tài, dù muôn mang đi náo
cũng không thể dời không biết đến. Kẻ có chí
dù công danh muôn mang cũng chưa gọi là trễ

Tài năng và chí hướng của con người thường bị hoàn
cảnh xã hội chỉ phổi, làm cho tài năng phải mai một, chí
hướng phải lu mờ.

Trường hợp Bá Lý-Hè tượng trưng cho lớp người
có tài, có chí nhưng bước đường lập thân lận đận mãi vì
cảnh gia bần.

Người ta thường nói : «Muốn lập thân trước hết phải
lập chí»

Câu nói ấy có nghĩa là phần đầu, xem thường mọi
gian nan khốn cực để đưa mình đến chỗ thành công.

Trong đời, không một thành công nào mà không gặp
gian nan, chỉ trừ những trường hợp may mắn ngoài dự
tính của con người.

Gian nan làm cho người nhút chí, nhưng kẻ có chí
lại coi thường gian nan. Cho nên, ở đời mọi việc chỉ hơn
nhau ở chỗ có chí hay không có chí mà thôi.

Không ai phủ nhận sinh hoạt xã hội con người là cái
khó khăn chỉ phổi mọi khả năng về ý thức của con người.

Như Bá Lý-Hè, không phải là người bát tri, không biết vua Ngu là kẻ ngu, nhưng vì hoàn cảnh quá cơ cực phải đem thân phò một người ngu, sống tạm cho qua ngày.

Đó gọi là những hoàn cảnh bức bách mà đời sống con người phải quyền biến.

Mang chí lớn trong lòng, nhưng thàn minh vẫn quanh quẩn mãi với bát cơm manh áo, đầu tắt mặt tối mà vợ con vẫn theo nhau đòi rách thì còn biết làm thế nào?

Và đây cũng là những trường hợp thường có trong dân gian thời xưa cũng như thời nay.

Bá Lý-Hè có chí lập thân, lại được một bà vợ đảm đang, biết điều, dám cất tình áu yếm, để cho chồng cất bước tiến thân.. Với một con gà mái ấp, một nồi cơm gạo đỏ cũng đủ khuyến khích chồng trong lúc hàn vi, và kết chặt mối tình trong lúc chia phôi tưởng như thế dù anh chồng có gặp hước phong ba bão tố trong đường công danh cũng có thêm được một sức mạnh để tiến thân vậy.

Đáng kề là tấm lòng chung thủy của Bá Lý-Hè. Thời thường trong thiên hạ : « giàu đói bạn, sang đói vợ ». Thế mà Bá Lý-Hè trong thuở hàn vi cũng như lúc cao sang phú quý, một lòng chung thủy với vợ con, bạn bè, không hề thay đổi.

Kiền-Thúc, một người bạn tâm giao trong lúc nghèo nàn, vừa mới ra làm quan với nước Tần, Bá Lý-Hè bền lòng chờ đợi chồng nhớ ngay đến tri kỷ, với giới thiệu để tiến cử.

Đỗ-thị, một người vợ xa cách hàng bốn mươi năm để theo đuổi công danh, thế mà vẫn một lòng ấp ủ mối tình ấy cho đến ngày gặp gỡ không có một tia cảm nào.

Bá Lý-Hè là một tấm gương sáng cho đời nay, đối với những ai thiếu chí hướng và bội bạc.

Đời nay, làm người khi còn nghèo khổ thì nhờ đỡ

bạn bè, hù hỉ với vợ con, vui với gia đình trong thanh bạch, đến lúc có một địa vị nào đó lại xem bè bạn mình trước kia chẳng ra gì, đến nỗi gặp mặt cũng không muốn nhìn, đòi bạn, đòi vợ, làm lám chuyện bội bạc.

Những hạng người như vậy đâu còn biết gì cái nghĩa thủy chung trong xã hội.

KIỀN-THÚC VỚI BẢN LĨNH KẺ ANH HÙNG

— Đáng trượng-phu không nên khinh thường danh tiết của mình. Khi đã đem thân phò kè nào phải dân áo, suy nghĩ kỹ. Nếu vì bất ý, không lựa đáng người, đe đến lúc họ hoạn nạn mình bỏ họ đi là bất trung, còn nếu không bỏ đi là bất tri.

Kiền-Thúc người đất Diệt, nước Tề. Một hôm gặp Bá Lý-Hề đi xin ăn, ngầm tưởng mạo khác thường, hỏi :

— Tôi xem anh không phải là người bắt tài đến nỗi phải ngửa tay sống trên sự bõ thi của thiên hạ, tại sao lại làm cái nghề này ?

Sau khi đã thấu rõ sự tinh bén đem Bá Lý Hề về nuôi, rồi kết bạn tâm giao.

Nhà Kiền-Thúc cũng nghèo, nên Bá Lý-Hề phải đi chăn trâu thuê cho người trong xóm.

Lúc bấy giờ Công-tử Vô-Tri mưu giết Tề Tương-Công, đoạt ngôi vua và treo bản cầu hiền, Bá Lý-Hề toán ra làm quan, nhưng Kiền-Thúc can :

— Tề Tương-Công còn có con là Củ và Tiều-Bạch ở nước ngoài, Vô-Tri phản loạn cướp ngôi, sự nghiệp không giữ được lâu.

Quả nhiên như lời nói của Kiền-Thúc, chẳng bao lâu Công-tử Tiều-Bạch giành lại ngôi nước Tề, dùng Quản-Trọng làm Tề Tướng.

Sau nghe Vương-tử Đồi nhà Châu chọn người nuôi trâu, Bá Lý-Hè sang giúp, Kiền-Thúc bảo :

— Đặng trượng phu không nên khinh thường, không nên không đán đo suy nghĩ trước khi đem thân phò một người nào. Nếu đã heo mà đến lúc người ta hoạn nạn lại bỏ đi là bất trung, nếu không bỏ đi là bất tr.. Em đi lần này phải nén thận trọng lắm mới được. Anh thu xếp việc nhà rồi cũng sang nhà Châu thăm em.

Sang Châu, Bá Lý-Hè trình bày thuật nuôi trâu, Vương-tử Đồi rất hài lòng, và sắp phong cho Bá Lý-Hè làm quan.

Kiền-Thúc lúc đó cũng vừa đến nơi, được Bá Lý-Hè giới thiệu vào yết kiến Vương-tử Đồi.

Lúc trở ra Kiền-Thúc bảo Bá Lý Hè :

— Vương-tử Đồi là người có ước vọng lớn, nhưng thiếu tài, lại thường giao du với kẻ nghịch, sớm muộn sự nghiệp cũng đồ vỡ

Thế là hai anh em cùng bỏ nhà Châu sang nước Ngu.

Sau khi yết kiến vua Ngu, Kiền-Thúc nói :

— Anh xem vua Ngu là người kiến thức hẹp hòi, lại hay tự đắc, như vậy không phải là một ông vua hiền.

Bá Lý-Hè vì nghèo khổ lâu ngày năn năn ở lại làm quan cho qua буди cơ cực.

Kiền-Thúc nói :

— Vì nghèo khổ uộc lòng em phải ở lại làm

quan, anh không thể ngăn em được. Mai sau nếu muốn thăm anh, em nên tìm đến làng Minh-lộc thuộc nước Tống, nơi đó tinh mịch, anh sẽ đến cư ngụ.

Đoạn anh em từ giã.

Quả nhiên vua Ngu vì kiến thức hẹp hòi đến phải mất nước.

Bá Lý-Hề lưu lạc sang Sở rồi được rước về Tân.

Tân Mục Công trọng dụng, phong cho Bá Lý-Hề làm Thượng-Khanh.

Bá Lý-Hề không quên nghĩa cũ, tiến cử Kiền-Thúc với vua Tân :

— Tôi có người anh là Kiền-Thúc, tài trí hơn tôi gấp mấy lần. Nếu được người ấy nắm quyền Tề-tướng, còn tôi phụ giúp thì đâu không muốn Tân cũng nắm ngôi bá chủ thiên hạ.

Tân Mục-Công hỏi :

— Tài tri người ấy như thế nào ?

Bá Lý-Hề thưa :

— Nguyên khi trước tôi định theo Công-tử Vô-Tri nước Tề, được Kiền-Thúc can, nên tôi bỏ Tân mà thoát khỏi tai nạn. Sau đó tôi định giúp Vương-tử Đổi nhà Châu, Kiền-Thúc cũng can, nhờ vậy tôi bỏ Châu, thoát được tai vận. Tôi lại sang nước Ngu, Kiền-Thúc cũng can, nhưng lần này tôi không nghe lời, cố ở lại làm quan, cho nên bị tù đày suýt chết. Thì ra hai lần trước tôi nghe lời Kiền-Thúc mà tròn danh-tiết, lần sau tôi cãi lời mà gần vong thân.

Tân Mục-Công hỏi :

— Kiền-Thúc hiện giờ ở đâu ?

Bá Lý-Hề nói :

— Hiện Kiền-Thúc nhàn cư nơi thôn Minh-lộc,
nước Tống.

Tần Mục-Công liền cho người đến triệu Kiền-Thúc
về đàm đạo.

Kiền-Thúc yết kiến vua Tần, nói :

— Tần chưa hưng vượng là vì chưa có uy đức
mà thôi. Không có uy thì người không kiêng phục, không
có đức thì người không mến. Không được người ta
kiêng mến thì làm bá chủ thế nào được ?

Tần Mục-Công hỏi :

— Uy và đức điều nào nên làm trước ?

Kiền-Thúc nói :

— Đức là gốc, nhưng đức phải có uy giúp vào. Vì
vậy hai việc tương quan, thường đi đôi với nhau.

Tần Mục-Công iỏi :

— Ta muốn sửa đức lập uy thì phải làm sao ?

Kiền-Thúc thưa :

— Tùy theo tình hình, phong tục mỗi nước mà thực
hiện uy đức. Như nước Tần, phong tục còn man rợ,
không biết lễ nghĩa, nay phải dùng lễ nghĩa dạy dân,
cho dân biết tôn kính kẻ trên, thương người dưới, lấy
nhân làm gốc. Đồng thời với việc giáo dục phải đặt ra
hình phạt. Có giáo dục thì dân mới biết ơn, hình phạt
thì dân mới biết sợ. Làm được như vậy tự nhiên trong
nước sẽ có uy quyền.

Tần Mục-Công hỏi :

— Cứ theo lời của khanh, ta có thể trở thành bá
chủ chư hầu được chẳng ?

Kiền-Thúc thưa :

— Như thế cũng chưa đủ. Phải có thêm ba điều

kiện nứa : Chớ nên tham, chớ nên tức giận, chớ nên vội vàng.

Tân Mục-Công hỏi :

— Ba điều kiện ấy quan hệ với việc kiến quốc như thế nào ?

Kiền-Thúc nói :

— Hễ tham lam thì tạo cho mình nhiều lối lầm, hestate tức giận thi tạo nhiều khó khăn, hestate vội vàng thi gặp nhiều thất bại. Nếu Chúa Công biết đến ba điều ấy có thể làm bá chủ chư hầu được.

Tân Mục Công khen phai, hỏi Kiền-Thúc :

— Tiên-sinh xét thử nước ta ngày nay cần làm việc gì trước ?

Kiền-Thúc nói :

Hiện nay Tề-Hầu già yếu, công việc nhà nước mồi ngày mờ suy kém, nếu Chúa công thu phục được các nước Nhung-Dịch, lấy đó dùng làm sức mạnh tiến vào Trung-nghuyên, dùng nhân nghĩa chừa những lối lầm của Tề Hầu, thì còn ai tranh được ngôi bá chủ nữa ?

Tân Mục-Công đặc ý nói :

— Tiên-sinh và Bá Lý-Hestate là bậc cao kiến trong thiên hạ.

Lienda phong cho Kiền-Thúc làm Hữu Thú-trưởng, Bá Lý-Hestate làm Tả Thú-trưởng. Cả hai cùng giữ chức Thượng Khanh lo việc binh chánh.

Nhận xét :

— Kẻ có tri dũng lý iroi điều khiển đời sống của mình.

Khác với Bá Lý-Hestate, vì quá nghèo khổ phải chạy vạy ra làm quan cho dở ngọt, Kiền-Thúc luôn luôn xem thân

danh là trọng, dù nghèo đến đâu cũng chịu, nhất quyết không đem thân phò kè bắt tài, thiếu đức, đe rỗi mang tiếng bắt tri.

Đời nay, lầm kè thời nào cũng xu phụ, ai vào kiêm ăn, đe rỗi cuối cùng bội phản. Những hạng người xu thời, thế mà bình thường lúc đặc ý họ cũng tự vỗ ngực xưng hùng, thật xấu hổ.

Những kẻ ấy rất có tài miệng lưỡi, lúc xu phụ thì họ nói tết kè họ đang xu phụ cũng nhiều, nhưng đến lúc kè họ xu phụ bị thất thế thì họ phản lại, tìm cách nói xấu rât giỏi, và họ tự bào chữa lấy họ bằng cách này cách nọ, thật mệt đạn mày dày.

Kiền-Thúc quả là một tấm gương sáng cho những ai xu thời, xu thế, nịnh bợ mà tự xưng mình là kè thạo đời, yêu nước, thương dân.

So với chính sách dựng nước của Kiền-Thúc thì Quản-Trọng thì cũng chẳng hơn gì.

Quản-Trọng chủ trương dùng quân binh, áo giáp, kỵ nữ, đầu cơ thương mãi, do thám xứ người để lấy cơ làm giàu và mở rộng nước mình. còn Kiền-Thúc thì lấy giáo hóa mà giác ngộ, ban ân, lấy kỷ luật mà lập uy.

Kiền-Thúc lại đe ra ba điểm căn bản để sửa mình : không tham lam, không tức giận, không vội vàng. Ba điểm ấy chính là cây kim chỉ nam cho những nhà lãnh đạo quốc gia.

Tề Hoàn-Công theo Quản-Trọng dựng nên nghiệp bá. Tân Mục-Công theo Kiền-Thúc và Bá Lý-Hê cũng dựng nên nghiệp bá.

Sự nghiệp của Tề Hoàn-Công tuy hiền hách, nhưng chỉ một thời, còn sự nghiệp của Tân Mục-Công tuy chậm chạp nhưng bền vững hơn.

Người đời nay thường nhắc đến sự nghiệp của Tề

Hoàn-Công mà không nhắc đến sự nghiệp của Tân Mục-Công, cũng như họ thường nhắc đến Quán-Trọng mà không nhắc đến Kiền-Thúc, chỉ vì Tân Mục-Công dựng nghiệp bá sau, và Quán-Trọng phò vua, lập đại nghiệp trước Kiền-Thúc.



DO-DƯ, MỘT NHÂN TÀI THIẾU ĐỨC

— *Thấy ai mạnh hùa vào, không kè đến tiết khí của con người thì không phải là người hiền.*

Do-Dư là người hiền nước Tân, ở Tân đã lâu nhưng không ai tiến cử, mà cũng chẳng ai dùng, nên bỏ sang nước Tây-Nhung và được phong làm quan to.

Bấy giờ quan Tề-tướng nước Tân là Bá Lý-Hè biết Do-Dư là người hiền, cho người đến triệu, nhưng đã trễ, vì Do-Dư đã sang nước Tây-Nhung rồi.

Vua nước Tây-Nhung là Xích-Ban thấy nước Tân cường thịnh, liền sai Do-Dư đem lẽ vật sang yết kiến Tân Mục-Công để dò xét tình hình.

Do-Dư đến nơi, Tân Mục-Công tiếp đón rất niềm nở, đoạn dắt đi xem tất cả các cung điện, vườn tược vừa mới sửa sang.

Do-Dư nói :

— *Những công trình quý quốc trông đẹp mắt thực, song chẳng ích gì cho việc trị nước mà chỉ phô bày những khò cực của dân.*

Tân Mục-Công nghe nói cười lớn :

— Nước Tây-Nhung không có lẽ nhạc pháp độ gì cả thì lấy gì trị nước?

Do-Dư nói :

— Lẽ nhạc, pháp độ chỉ là cái đặt ra để bó buộc, bắt mọi người tùng phục mình. Chính vì vậy mà mọi người oán hận, gây ra cuộc chiến tranh, chém giết lẫn nhau. Nước Tây-Nhung chúng tôi không cần những thứ ấy, người trên lấy nhân nghĩa tiếp đãi người dưới; người dưới lấy trung tín phụng thờ người trên. Kê trên người dưới không tạo ra một hình thức nào cả. Bởi vì lẽ giáo là một phương diện tinh thần, không phải hình thức. Bao giờ lẽ giáo không còn đặt ra những hình thức bắt buộc người phải theo thì mới gọi là thời thanh trị.

Tân Mục-Công nín lặng không nói gì cả. Sau đem lời ấy nói lại Bá Lý-Hề.

Bá Lý-Hề nói :

— Do-Dư là người cao kiến, tôi vẫn nghe danh đã lâu, lời nói ấy cũng có lý lâm chứ không phải ngụy biện đâu.

Tân Mục-Công buồn bã nói :

— Do-Dư là bậc đại hiền mà lọt vào tay Tây-Nhung ấy là một điều lo cho nước Tân chúng ta đó. Bay giờ biết làm thế nào?

Bá Lý-Hề thưa :

— Nội-Sử Sưu là người mưu trí, xin Chúa-công hỏi đến chắc có kế hay.

Tân Mục-Công cho triệu Nội-Sử Sưu đến vấn kế.
Nội-Sử Sưu thưa :

— Vua Tây-Nhung vốn man di, chưa hề nghe âm

nhạc Trung-quốc bao giờ, nay Chúa-công sai người đem bộ nữ nhạc dâng cho vua Tây-Nhung, còn Do-Dư thì giữ lại đây không cho về với, khiến cho vua tôi ngờ vực nhau, chính sự sẽ trễ biếng. Như thế đầu chúng ta có lấy cái nước Tây-Nhung vẫn còn được thay, huống hồ mua chuộc một Do-Dư.

Tân Mục-Công khen phái liền giữ Do-Dư ở lại, đối xử rất hậu, ăn cùng một mâm, ngồi cùng một chiếu. Lại khiến Bá Lý-Hề, Kiền-Thúc, Công-Tòa Chi thay đổi nhau tiếp đãi Do-Dư, mục đích dò hỏi địa thế về nước Tây-Nhung.

Kế đó, lại sai Nội-Sử Sưu đem bộ nữ nhạc sang dâng cho vua Tây-Nhung.

Vua Tây-Nhung chưa bao giờ được nghe những cung đàn réo rắc những khúc hát du dương ở Trung-Nguyên, nên lấy làm thích thú, ngày đêm say sưa, bỏ bê việc triều chính.

Cách đó một năm, Tân Mục-Công cho Do-Dư về nước. Vua Tây-Nhung thấy Do-Dư về trễ có ý không bằng lòng, đem lời khiển trách.

Do-Dư thưa :

— Tôi xin về mãi mà vua Tân không cho thi biết làm sao ?

Vua Tây-Nhung nghĩ Do-Dư có ý riêng với nước Tân nên không tin dùng nữa.

Tân Mục-Công hay tin, mặt cho người sang triệu Do-Dư. Sẵn dịp ấy, Do-Dư bỏ Tây-Nhung về đầu vua Tân. Tân Mục-Công cho làm chức Á-Khanh, cùng với Kiền-Thúc và Bá Lý-Hề chăm lo việc nước.

Do-Dư liền dâng kế đánh Tây-Nhung. Các quan

ứng tiếng tán thành. Tân Mục-Công cũng nghe theo hưng binh túc khắc.

Khi binh đến đất Tây-Nhung, Do-Dư đã thuộc cả đường nèo, lại biết những chỗ hiểm yếu, nên chẳng bao lâu kéo đến Thành-đô, vua Tây-Nhung cự không lại phải đầu hàng...

Nhận xét,

— Lúc gặp thời đồng quên thuở hàn vi.

Do-Dư nổi tiếng là một nhân tài của nước Tân, nhưng ở Tân không được dùng, phải sang nước Tây-Nhung là một nước còn man rợ để cai quản, được vua Tây-Nhung dùng.

Xét thấy vua Tây-Nhung đối với Do-Dư là một ân nhân, vì Do-Dư là kẻ thất thời được vua Tây-Nhung nâng đỡ. Thế mà Do-Dư nỡ phản vua Tây-Nhung sao?

Tôi rằng vua Tây-Nhung là vua một nước man rợ, nhưng Do-Dư đã bằng lòng đem thân phò kè man rợ kia mà?

Bảo rằng Do-Dư là một người hiền thì không đúng chút nào, Do-Dư là người kẻ ham giàu sang, phủ quý, thấy ai mạnh thì theo, thấy ai yếu thì phản, lòng phản trắc thực khó lường. Nếu bảo Do-Dư vì thời vua không dùng chỗ nên phải hành động như vậy, xét thấy cũng không đúng. Do-Dư tự đem thân đến phò vua Tây-Nhung không phải bị một sự bắt buộc nào, nếu là người hiền sao không biết chọn vua sáng mù thờ?

Bảo rằng vì thất thời nên phò vua Tây-Nhung tam bợ x? Nếu vậy thì đây phải kẻ hiền. Người hiền bao giờ cũng phải trọng khiết của con người chứ. Phò một ông vua đến lúc hoạn nạn lại bỏ đi, đâu phải là người trung liệt?

Nếu bảo rằng vì vua Tây-Nhung nghi kỵ, không trọng dụng nữa nên phải đầu Tân thì cũng không đúng. Do-Dư tiếng là một người tài, được vua sai sang Tân để đò xét, thế mà sang Tân lại mắc mưu Bá Lý-Hê và Nô-Šu Suru không biết gì gờ gác thì sao gọi là người tài?

Vua Tây-Nhung nghi kỵ là lẽ tất nhiên, nếu Do-Dư là người tài thì tất biết cách dùng tài trí mình để chống lại với ám mưu địch chúa. Giả thử không có cách gì thanh minh với vua Tây-Nhung để minh oan đi nữa thì cũng không bao giờ sang Tân. Vì làm quan nước Tân chứng tỏ lòng phản phúc của Do-Dư rồi.

Đã vậy, Do-Dư còn đe nghị vua Tân kéo quân sang diệt nước Tây-Nhung nữa thì quả là kẻ xu nịnh cầu vinh.

Đời nay không thiếu gì kẻ như Do-Dư, ham địa vị giàu sang, xua nịnh không từ một người nào, nay theo người này hại người kia, mai theo người kia hại người nọ, lòng không một chút gì chung thủy, hễ thấy ai mạnh thì tâng bốc, thấy ai yếu thì nói xấu ngay.

Bảo Do-Dư là người hiền thật không đúng. Nhưng nếu không có Do-Dư làm sao vua Tân diệt được Tây-Nhung? Không có những người như Do-Dư trong đời này lấy gì sai khiến?

Cho nên, những kẻ như Do-Dư là những tên tay sai đặc lực cho những ai biết cách khai thác lòng phản trắc của họ vậy.



MỐI THÔNG GIAO TÂN—TẤN

— Quyết lợi đặt trên tình nghĩa
thâm thủy đến đâu cũng phải mất.

Công-tử Di-Ngô nhờ nước Tân giúp binh trợ lực
về làm vua nước Tân, và hứa sẽ hiến cho nước Tân
5 thành để đền ơn.

Nhưng khi lên ngôi xong, Di-Ngô tức Tân Huệ-
Công lại bội ước.

Mặc dù vậy, Tân và Tân là nghĩa thông giao, Tân
Mục-Công bỏ vua không nói gì.

Năm sau, nước Tân bị mất mùa, kho tàng hết sạch,
dân chúng đói khát. Tân Huệ-Công muốn mượn lúa
nước ngoài đem về cung cấp, nhưng không biết mượn
nơi đâu.

Khước-Nhuế nói :

— Không phải chúng ta bội ước với Tân, chỉ xin
hoàn lại việc ấy mà thôi. Nay nếu mượn lúa mà Tân
xử bạc với ta bấy giờ ta mới chính thức bội ước.

Tân Huệ-Công khen phai, sai quan Đại phu Khánh-
Trịnh sang nước Tân bày tỏ ý kiến.

Tân Mục-Công họp các quan đại thần hỏi ý kiến :

— Nước Tân ngày trước đã bội ước không chịu
giao 5 thành, nay mất mùa lại đến vay lúa, ta có
nên giúp đỡ chăng ?

Kiền-Thúc và Bá Lý Hề cùng một ý thưa :

— Thiện tai là chuyện lớn, nếu không giúp thì
bất nhân. Việc bội tín là tội của một số người, việc

thiên tai là việc của toàn dân nước Tấn. Ghét một số ít mà bỏ số đông sao đành ?

Phi-Báo nói :

— Vua Tấn vô đạo, không lo cho dân nên dân mới mang lấy thiên tai như vậy. Nếu thương dân nước Tấn giúp đỡ đè kẽ bạo tàn ngồi vững trên ngai, áp bức dân lành, thì cũng chẳng làm cho dân Tấn sung sướng được. Chỉ bằng nhân cơ hội này đem quân sang diệt bạo chúa, đem lại yên lành cho dân nước Tấn rồi sẽ tính chuyện cứu giúp sau.

Do-Dư nói :

— Người có lòng nhân đức không nên thừa lúc người ta gặp tai biến mà trực lợi, xin Chúa-công-nghi lại điều đó.

Tấn Mục-Công suy nghĩ một lúc rồi nói ;

— Vua nước Tấn phụ ôn ta, nhưng dân nước Tấn bị đói, ta không thể vì lỗi một ông vua mà làm khổ muôn dân.

Nói xong sai người vận tải mẩy vạn hộc sang giúp nước Tấn. Dân nước Tấn được ấm no, cảm ơn Tân Mục-Công không ngớt lời.

Oái oăm thay, chỉ một năm sau, nước Tấn bị một trận bão, mùa màng mất sạch, dân chúng không còn lúa ăn.

Tấn Mục-Công nói với Kiền-Thúc và Bá Lý-Hề :

— May mà năm ngoái ta nghe lời hai người đem lúa giúp nước Tấn nếu không năm nay khó lòng sang mượn lúa nước Tấn được.

Phi-Báo nói :

— Giúp lúa cho một kẻ vong ân có mong gì trả. Vua nước Tấn là kẻ tham lam, chắc gì chịu giúp lại ta ?

Tân Mục-Công không nghe, sai Lãnh-Chi mang lè vật sang yêu cầu Tân Huệ-Công cứu nạn.

Tân Huệ-Công họp các quan nghị luận. Khước-Nhuế nói :

— Chúa-công muốn giúp lúa cho nước Tân túc là Chúa-công muốn giữ lại lời hứa giao năm thành trước kia hay sao ?

Tân Huệ-Công nói :

— Ta chỉ giúp lúa thôi, có liên can gì đến việc giao đất trước kia ?

Khước-Nhuế nói :

— Vì có gì Chúa-công lại giúp lúa ?

Tân Huệ-Công nói :

— Năm ngoái nước Tân giúp lúa ta, nay ta phải bão ơn.

Khước-Nhuế nói :

— Nếu lấy việc nước Tân giúp lúa làm điều ơn, sao trước kia Tân giúp cho Chúa-công về nước Chúa-công lại quên ơn ? Trả cái ơn nhỏ mà quên cái ơn lớn không thể làm cho nước Tân thỏa mãn được thì việc trả ơn có ích gì ?

Khánh-Trịnh nói :

— Năm ngoái tôi phụng mệnh sang nước Tân mượn lúa, nước Tân nhận lời ngay, thế mà ta không biết cái ơn ấy đâu phải nghĩa.

Lã Di-Sanh nói :

— Ân nghĩa là do chỗ tâm thành, Tân giúp lúa cho ta không phải yêu mến gì ta, mà chỉ ve vãn để cho ta nộp đất năm thành. Nay ta không giúp lúa thi Tân oán

ta, mà giúp lúa không nạp năm thành thì Tân cũng oán ta. Thà đừng giúp gì cả là hơn.

Khánh-Trịnh nói :

— Người ta gặp tai nạn, mình không giúp là bất nhân, mang ơn mà không trả là bất nghĩa. Bất nhân bất nghĩa thì sao giữ nước được?

Hàn-Giản nói :

— Khánh-Trịnh nói rất phải. Giả thử năm ngoài nước Tân không giúp lúa cho ta thì nước ta sẽ ra thế nào?

Quắc-Xạ nói :

— Năm ngoài nước ta bị thiên tai, nước Tân không biết đem quân đánh lấy nước ta mà lại giúp lúa là nước Tân dại. Năm nay trời làm nước Tân đói, nếu ta không thưa cự đem binh đánh lấy nước Tân thì ta cũng chẳng khôn gì. Cứ ý tôi nên hội với nước Lương đem binh đánh Tân, không nói làm gì chuyện ờn nghĩa. Vì nếu nước nào có nói đến chuyện ơn nghĩa chẳng qua cũng chỉ để gianh dân chiếm đất mà thôi.

Tân Huệ Công nghe lời Quắc-Xạ gọi Lãnh-Chi, sứ nước Tân, đến nói :

— Nước tôi mấy năm mất mùa, thóc lúa thiếu hụt, nay chỉ đủ dùng, không lấy gì mà giúp, xin quý quốc cầm phiền.

Lãnh-Chi thưa.

— Chúa-công tôi lấy lòng nhân giúp đỡ, thế mà quý quốc trả ơn bằng sự lãnh đạm như thế sao?

Khước-Nhuế quát to :

— Ngày trước ngươi không đồng với Phi Trịnh-Phủ đem lè vật cẩn đầy dù ta, may mà Chúa tôi ta

không mắc lừa. Nay người còn dám nhiều lời ư ? Nhà ngươi về nói với vua Tân, nếu muốn mượn thóc nước Tân phải đem quân sang đây mà đánh lấy mới được.

Lãnh-Chi tức giận lui ra, dõi mắt này lừa.

Tân Huệ-Công truyền bối triều, các quan ai về dinh nấy.

Khánh-Trịnh ra khỏi cửa ngọ môn nói nhỏ với Quách-Yên :

— Chúa-Công ta bội ơn trăng trọn e và đến không lâu.

Quách-Yên nói :

— Nước Tân lâm nguy rồi. Một ông vua bất nhân bắt tin như vậy làm sao giữ nước được ?

Lãnh-Chi về đến nước Tân, vào ra mắt Tân Mục-Công, nói :

— Nước Tân đã không giúp ta còn hợp với nước Lương kéo binh sang đánh ta.

Tân Mục-Công vô án hét :

— Ta không ngờ vua nước Tân lại vô đạo như thế ? Ta quyết đem quân đánh lấy nước Lương rồi sẽ phạt Tân.

Bá Lý-Hề nói :

— Nước ta đang mất mùa, không nên kéo dài việc chiến chinh. Nay vua nước Lương bắt quân xây thành, lập cung điện, làm khổ muôn dân, người trong nước ai cũng oán. Sớm muộn nước Lương cũng bị nồi loạn, không thể nào giúp nước Tân được. Xin Chúa-công cứ đem quân đánh thắng nước Tân thì hơn.

Tân Mục-Công y lời, uỷ thác cho Kiền-Thúc và Do-Dư ở lại coi việc triều chính, rồi cùng các tướng kéo binh sang đánh Tân.

Nhận xét :

— Dù trong lãnh vực nào, tín nghĩa cũng không thể bỏ được.

Đang là mối kẻ hùa vong được người ta đưa về làm vua một nước, hưởng cả vinh hoa phú quý nhất đời, không tồn một mảy may sức lực. Như thế tướng phải đáng mười thành cũng chưa gọi là quá đáng.

Cái đáng chê của Tân Hiến-Công ở đây là một ông vua bất tài xem thường tín nghĩa, hứa rồi lại không xem lời hứa mình ra gì cả. Nếu bảo rằng đất đai nước Tân là của dân Tân, của tiền nhân để lại, không đem bán cho nước ngoài thì cũng được đi, nhưng sao lại hứa làm gì?

Không nên coi lời hứa mình một cách quá nhẹ như vậy.

Tếu bảo đó là mảnh khoé của những nhà làm chính trị thì lại càng sai hơn. Vì nhà chính trị không phải là kẻ giài về thuật lừa đảo, bối tin. Kẻ làm chính trị là kẻ đem tri óc mình ra đổi chơi với kẻ khác trong lĩnh vực lập quốc và kiến quốc. Trong lĩnh vực này không thể bỏ tín nghĩa mà thành công được.

Muốn làm chính trị phải được lòng dân, mà dân bao giờ cũng đánh giá kẻ lãnh đạo mình trên phương diện tín nghĩa. Có tín nghĩa mới thu phục được lòng dân.

Tân Hiến-Công đã phản bội án nhân minh một cách trắng trợn như vậy, để lộ chân tướng cho thiên hạ thấy mình là kẻ bội bạc thì rõ là một kẻ tham lam, thiển cận, không phải là hạng người có bản lĩnh gian xảo.

Kẻ có bản lĩnh, dù bén trong giảo-quyết đến đâu, bên ngoài cũng không dễ lộ chân tướng của mình cho mọi người thấy.

Đã vậy, đến khi lâm nguy, múa màng mắt sạch, kho vựa trống hết, dân chang vất vả, triều thần sắp chết đói, lại

váy mặt đi cầu cạnh người bạn láng giềng mà mình đã phản bội thi thật tro: trên không gì che giấu nỗi.

Ngửa tay nhận thóc nước Tần lần này, người có chút ít liêm sỉ không thể nào làm được.

Có gan dạ và lỳ lợm nhận thóc của nước Tần mà không tự lấy đó làm răn mình, đem tình giao hảo hai nước hanh gần lại vết thương đồ vỡ ngày xưa, còn bội ước lần thứ nhì, thách đố " Phải mang quân sang đánh mới chịu trả thóc cho " thì thật nước Tần không còn một giá trị đạo đức nào nữa.

Những kẻ vong ân lòng trả nên tàn nhẫn :

"Năm ngoài nước ta bị thiên tai, nước Tần đã không đem quân đến đánh mà còn giúp lúa thì nước Tần ngu. Năm nay nước Tần bị thiên tai, nếu ta không đem binh diệt nước Tần thì ta cũng chẳng khôn gì? .."

Thật là ý thức của những kẻ phản phúc, mặt dạn dày, chỉ thấy cái lợi trước mắt mà không thấy cái hại sau lưng.

Tục ngữ có câu " Mưa hối nào vuốt mặt hối nấy." Thật đúng với hành động và tâm trạng những kẻ phản phúc như triều thần vua Tần.

Một quan cản thần nước Tần lại còn lý luận :

— " Không nói đến ơn nghĩa làm gì. Vì kẻ nào nói đến ơn nghĩa cũng chỉ đe chiếm nước giành dân thôi."

Phải ! Trên trường tranh đấu tất nhiên là thế. Phản nhiều những kẻ thi ân, những người làm ra cách nhan đạo thường lợi dụng đạo đức đe mưu lợi cho mình.

Tuy nhiên, không phải vì những kẻ ấy mà bỏ đạo đức được. Đạo đức bao giờ cũng tồn tại mãi, chỉ có mưu mô xảo quyệt của con người mới bị nguyên rùa khi đã bị bộc lộ chân tướng.

Vua sáng, có bồ tát hiền giúp đỡ, vạn nước át hung.

Vua dù rồng sáng mà biết nghe lời phái, thì vạn nước không đến nỗi suy. Trái lại vua đã không sáng bồ tát lại không hiền thì họa nước không thể tránh.

Tần Mục-Công tuy không minh lầm, nhưng biết phục thiện, biết nghe lời hay của số đông quần thần trung nghĩa, trọng đạo đức, tận tâm phục vụ bên mình thì làm gì mà Tần không hùng cường.

Bá Lý-Hề, Kiền-Thúc, Công-Tôn Chi, Do-Dư đều chủ trương một chính sách viện trợ trên lập trường nhân đạo, vì lợi của dân mà chẳng vì lối một ông vua.

Tần Huệ-Công không hiền, không minh, vừa tham lam vừa ngu, không trọn chữ tín, không biết liêm sỉ và dưới tay lại bị cả một triều thần gồm toàn người bất lương, chỉ biết có lợi cho mình, không kẽ đến nhân nghĩa, xúi vua làm cảng, thì làm gì nước Tần không nguy.

Dù một Khanh-Trịnh và Hán-Giản có hiền, chủ trương thuyết diều hòa để đem lại tình đoàn kết cho hai nước láng giềng, thì cả một triều đình không chấp thuận, cũng chẳng làm sao sửa đổi được ông vua tham lam ấy.



KHÁNH-TRỊNH VỚI VUA TÔI NƯỚC TẦN

— Trung ngôn nghịch nhì

Tần Mục-Công giúp Công-tử Di-Ngô trở về làm vua nước Tần, Công-tử Di-Ngô hứa hiến cho nước Tần năm thành, nhưng rồi lại bội ước.

Qua năm sau, nước Tân mất mùa, thiếu lúa
ăn, Tân Huệ-Công lại cho sứ sang Tân vay mượn.
Tân Mục-Công bỗng lòng giúp lúa.

Cách một năm sau, nước Tân bị thiên tai, Tân
Mục-Công cho người sang Tân đòi thóc, vua Tân
đã không trả còn thách vua Tân đem quân sang
đánh.

Tân Mục-Công giận Tân Huệ-Công phản bội,
tền cử binh sang chinh phạt.

Tân Huệ-Công hội các đại-thần thương nghị và
nói :

— Nước Tân tự nhiên đem quân sang chinh
phạt nước ta, ta nên dùng cách gì để chống giữ ?

Quan Đại-thần Khánh-Trịnh thưa :

— Nước Tân dấy quân là vì Chúa-Công bội tín
quên ơn, sao lại bảo là tự-nhiên ?

Huệ-Công nói giận truyền đem Khánh-Trịnh ra
chém vì câu nói khi quân ấy.

Các quan hết lời can gián, Huệ Công mới tha.

Chiến tranh bùng nổ...

Tân Huệ-Công dùng ngựa tiều tú kéo xe, đeo
quần ra đối địch với quân Tân. Ngựa tiều tú là giống
ngựa tầm vóc nhỏ, lông mịn, chạy rất nhanh, kéo xe rất
tốc, của nước Trịnh biếu.

Khánh-Trịnh thấy thế nói :

— Ngựa tiều-tú không phải là giống ngựa dùng trong
trận mạc. Vả lại người nước Tân dùng ngựa nước Tân
đã quen, khỏi sợ lầm đường, lại họp với thủy thồ. Chúa-
công dùng ngựa nước Trịnh e không có lợi.

Tấn Huệ-Công nạt :

— Ngựa ấy ta dùng đã quen, người biết gì mà nói như vậy.

.....

Khi hai bên xáp trận, tướng nước Tần là Công-Tông Chi hét lên một tiếng quá to, ngựa tiêu-tú chưa quen ra trận, kinh sợ lồng lênh nhảy vào vũng bùn. Người giòng xe dùng roi đánh vào ngựa đèn đít, nhưng vóc ngựa quá nhò, ngập xuống bùn sâu, không sao ngoi lên được.

Đang lúc nguy ngập, Khánh-Trịnh chạy ngang qua trông thấy, nhưng không dừng lại. Tấn Huệ-Công kêu cứu, Khánh-Trịnh ngoanh lại nói :

— Quắc Xa ở đâu mà Chúa-công phải gọi đến
Khánh-Trịnh này ?

Tấn Huệ-Công nồi giận, nhưng cũng phải làm lành bảo Khánh-Trịnh đem xe khác đến cứu nguy.

Khánh-Trịnh nói :

— Chúa-công dùng ngựa tiêu-tú đã quen, sao không điều khiển nó vượt qua vũng bùn, cần gì phải kêu cứu.

Nói xong, Khánh-Trịnh bỏ chạy sang phía tâ, định gọi Hán-Giản và Lương Do-Mỹ đem xe đến. Nhưng đã trễ, tướng nước Tần là Công-Tông Chi đã bắt sống được Tấn Huệ-Công bỏ vào tù xa giải về nước Tần.

Tấn Mục-Công muốn chém đầu vua Tần, nhưng nhờ triều thần và vợ là nàng Mục-Cơ can gián nên Tấn Huệ-Công lại được tha về nước.

Có người bạn là Nga-Tích khuyên Khánh-Trịnh nên trốn sang nước khác cho yên thân, nếu đe Tấn Huệ-Công về đến nơi thì khó toàn mạng.

Khánh-Trịnh đáp :

— Làm tướng mang quân đi đánh giặc bị thua còn phải bị tội chết huống chi tôi đã làm cho Chúa công bị bắt thì tội tôi còn to biết chừng nào. Nếu Chúa công không về tôi cũng phải mang cả gia quyến sang Tân mà chịu tội. Nay Chúa-công được tha về, tôi cứ đe Chúa-công trị tội làm gương kề khác, việc gì phải trốn tránh ?

Khi Tân Huệ-Công về đến, các quan tụ họp đón rước. Khánh-Trịnh cũng có mặt.

Tân Huệ-Công nhìn thấy Khánh-Trịnh, hậm hực nói :

— Người còn mặt mũi nào trông thấy ta nữa sao ?

Khánh-Trịnh thưa :

— Lần thứ nhất nếu Chúa-công nghe theo lời tôi; đồng thóc báo ân cho nước Tân thì đâu đến nỗi sanh ra chuyện can qua binh lửa ? Lần thứ hai, nếu Chúa-công nghe theo lời tôi đừng dùng ngựa Tiều-túi thi cũng không đến nỗi sa lầy mà bị bắt. Như vậy tôi đã chứng tỏ lòng trung, hết lòng can ngăn Chúa-công tại sao hôm nay tôi lại không dám ra đây tiếp đón Chúa-công ?

Tân Huệ-Công bảo :

— Nhà ngươi còn muốn nói gì nữa không ?

Khánh-Trịnh thưa :

— Bây giờ tôi có mảy tội đáng chết : Dùng lời trung nghĩa can vua mà vua không nghe là một. Thấy vua bị nạn không cứu lại chạy đi kêu người khác là hai. Hai tội ấy xin Chúa-công xử trị.

Quan cận thần Lương Do-Mỹ nói với Khánh-Trịnh :

— Những điều mà ông vừa kề không đáng tội chết. Ba điều này mới đáng tội chết.

Khánh-Trịnh hỏi :

— Ba điều gì ?

Lương Do-Mỹ nói :

— Chúa-công đang kẹt trong vũng bùn, ông không giải cứu lại bỏ chạy đi là một. Tôi và Hán-Giản đang vây đánh vua Tân sắp bắt sống được, ông lại chạy đến kêu cứu, làm cho vua Tân thoát thân, đó là hai. Khi Chúa công bị bắt, các quan đều cõ súc đánh và đều bị bắt như Chúa-công, riêng ông lại thoát thân trốn chạy, đó là ba.

Khánh-Trịnh ngẩn mặt lại nói với quân sĩ :

— Các ngươi hãy nghe ta nói lời này : Thủ hồi có kè làm tướng nào lại không cõ súc đánh giặc, ngồi yên một chỗ đè xin chịu tội chết bao giờ không ?

Nga-Xích quỳ xuống tâu :

— Khánh-Trịnh biết tội chết mà không trốn thi thật là một kẻ dũng. Chúa-công nên lấy lượng khoan hồng mà tha cho.

Gia Bộc-Đồ cũng nói :

— Khánh-Trịnh dẫu đáng tội chết, nhưng mấy lần đem lời trung nghĩa can vua, như vậy cũng đủ chuộc tội rồi, Chúa-công nên nghĩ lại mà tha cho hắn để được tiếng là nhân từ.

Lương Do-Mỹ trong lòng vẫn hậm hực nói :

— Nước được trị an là nhờ pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh, kẻ có công phải được thưởng, kẻ có tội phải bị trừng phạt. Nay tha Khánh-Trịnh thì từ nay không còn ai chịu đem quân đi đánh giặc nữa.

Tấn Huệ-Công nghe theo lời Lương Do-Mỹ giết Khánh-Trịnh.

Nhận xét :

Mềm quá thì yêu, cứng quá thì ghen.

Một ông vua như Tân Huệ-Công, vong ân, bội tín, mặt dạn dày, dám làm bất cứ việc sỉ nhục nào thì lời nói ngay thật còn có nghĩa lý gì.

Khánh-Trịnh, một kẻ tôi trung, biết điều phải ngăn vua, không sợ uy quyền, không sợ chết, lúc cần nói thì nói, không nề nang. Kè ra cũng gọi là kè gan dạ đây.

Tuy nhiên, đúng về mặt chính trị nhiều lúc không nên nói thẳng, vì thẳng quá thì dễ đứt, nhưng cũng không nên nề nang, vì nề nang là yếu đuối.

Giác ngộ một kẻ bẽ trên, cũng như giáo dục một kẻ bẽ dưới, cần phải tùy trình độ nhận thức của người ấy mà nói làm thế nào cho họ chịu nghe theo lời mình mời là hay.

Ở đây, Tân Huệ-Công đã là ông vua không biết phục thiện, mà Khánh-Trịnh lại là một tôi thản quá giàn. Đành rằng lời can gián của Khánh-Trịnh là phải, nhưng can gián phải đúng cách, đúng lúc, đúng với hoàn cảnh của một triều đình như vậy chứ ?

Đang này, Khánh-Trịnh như tư phụ, đem cái hiểu biết của mình để chế nhạo một ông vua, ngược lại, Tân Huệ-Công cũng lại là ông vua nhô nhen, thù vặt, câu chép thì bảo sao Khánh-Trịnh không bị giết.

Khánh-Trịnh chết là phải. Khi một ông vua đặt nặng lòng căm hờn nhô nhen lên trên lê phái, mà kẻ ghen căm hờn lại đưa đầu tới trước lưỡi dao thì bảo sao không mất đầu ?



TỔNG TƯƠNG - CÔNG VỚI LÁ CỜ NHÂN NGHĨA

— *Tương trưng cho một kẻ nam ác
vì bất chươn làm đạo đức, nhưng
không đúng cách.*

Tề Hoàn-Công chết nước Tề có nội loạn, các
vị Thê-tử tranh nhau chiếm đoạt ngôi nước Tề.

Bấy giờ vua nước Tống là Tương-Công muốn
nhân cơ hội này chiếm lấy uy thế trong chư hầu.
nên đem quân giúp Công-tử Chiêu về nước, nô
ngôi Tề Hoàn-Công.

Công-tử Chiêu lên ngôi, xưng hiệu là Tề Hiển-Công
Nước Tống tự cho mình có công lớn với Tề
nên muốn hội chư hầu đền thay Tề Hoàn-Công là
bá chủ

Tuy nhiên, Tống Tương Công lại sợ các nước
lớn không phục, mới cùng các nước nhỏ hối ước
trước đe dò ý chư hầu.

Các nước nhỏ ấy là : Nước Đằng, nước Tao
nước Châu và nước Tảng.

Nước Tao và nước Châu y hẹn đến dự, còn
nước Đằng đến hai ngày sau mới đến. Tống Tương-
Công truyền bắt vua nước Đằng là Anh giam lại,
không cho dự hội. Vua nước Tảng hay tin sợ sệt
đến sau cùng. Tống Tương-Công nồi giận hỏi quẩn
thần :

— Nước Tảng là nước nhỏ mà không chịu đến
dự đúng ngày, nay thấy ta thị uy với nước Đằng

aên mới sơ sệt mang mặt đền, như thế nếu không
trị tội thì còn uy lực gì nữa.

Quan đại phu Công-tử Đảng đề nghị bắt vua
nước Tâng giết đi để tể thần gió nơi sông Thu-Thủy.

Tống Tương-Công nghe theo, giết vua nước Tâng.

Các nước Tào và Châu thấy hành động bất nhân
của Tống Tương-Công âm thầm bàn nhau :

— Vua Tống nóng nảy, bạo ngược, không làm
được việc gì, chúng ta bỏ về là hơn.

Tào và Châu đều bỏ về. Tống Tương-Công nồi
giận kéo quân đánh nước Tào.

Tướng nước Tống là Công-tử Đảng, tướng nước
Tào là Hi Phụ-Cơ đánh nhau suốt tháng tại Kinh
đô nước Tào, nhưng hai bên vẫn cầm đòn.

Trong thời gian đó các nước Trịnh, Tề, Lỗ,
Trần, Sái lại họp với nước Sở ở đất Tề để bàn
việc giao hảo.

Tống Tương-Công nghe tin sợ Tề và Sở tranh mất
ngôi Bá chủ, vội vàng triệu Công-tử Đảng thu quân về
tề thương nghị.

Công-tử Đảng nói :

— Các nước chư hầu hiện nay chỉ có Tề và
Sở là lớn hơn cả, nhưng Tề đầu là dòng bá chủ,
nhưng con cháu tranh nhau, thế nước suy yếu, chỉ
só nước Sở là cường thịnh, lại tiêm xung Vương
tiệu, ai cũng phải sợ. Nay giờ Chúa-công nên sai
người sang lê nước Sở, mượn thế mà hội chư hầu,
rồi lại mượn thế chư hầu mà trị lại nước Sở, ấy
là kế quyền nghi tạm trong một thời.

Công-tử Mục-Di cùn :

— Nước Sở vì ta mà hội chư hầu, thì nước Sở cũng không khi nào chịu nhường quyền cho ta. Xin Chúa-công chờ nghe theo kể ấy.

Tống Tương-Công không nghe lời Mục-Di, khiến Công-tử Đằng đem lễ vật sang cầu cạnh nước Sở.

Bấy giờ Sở Thành-Vương là Hùng Vận thấy vua Tống có ý như vậy liền thu lễ vật, hẹn với nước Tống đến đầu năm sau sẽ hội như hầu nơi Lộc-Thượng.

Công-tử Đằng về thuật lại, Tống Tương-Công nói :

— Đất Lộc-Thượng thuộc Tề, thế thì ta cũng nên tin cho vua Tề biết trước.

Nói rồi cho sứ sang nói với Tề Hiến-Công. Tề Hiến-Công chấp-thuận. Đến tháng giêng năm sau, Tống Tương-Công lập đàn săn ở đất Lộc-Thượng để chờ Tề Hiến-Công và Sở Thành-Vương đến.

Qua đầu tháng sau, Tề Hiến-Công đến, Tống Tương-Công ý mình có công với Tề trước kia, nên tỏ vẻ hiu hiu tự đắc. Tề Hiến-Công vẫn giữ lẽ, coi Tống Tương-Công như một ân nhân nên không nói gì cả.

Sau đó mười ngày, Sở Thành-Vương mới đến Tống Tương-Công lên đàn, nghiêm nhiên tự nhận mình là chủ tọa, nói với Sở Thành-Vương và Tề Hiến-Công :

— Tôi muốn nhờ uy thế hai nước, mời các chư hầu hội tại nước tôi, nếu được hai nước giúp đỡ thì tôi mang ơn lắm.

Tề Hiến-Công chấp tay nhường cho Sở Thành-Vương có ý kiến trước. Sở Thành-Vương cũng chấp tay vái nhường cho Tề Hiến-Công. Hai vua cứ nhường nhau mãi, không ai chịu tỏ ý mình.

Tống Tương-Công tung thế không biết làm sao, bèn thảo một tờ biên bản, bên trong ghi rõ các điều ước, rồi đưa cho Tề và Sở xem để ký tên. Tề Hiển-Công nhường cho Sở Thành-Vương ký trước, Sở Thành-Vương lại nhường cho Tề Hiển-Công ký trước. Tống Tương-Công cầm tờ biên bản đưa cho Sở Thành-Vương mời ký trước. Tề Hiển-Công thấy thế không bằng lòng. Sở Thành-Vương mở tờ biên bản xem thấy Tống Tương-Công đã ký trước, mỉm cười nói với Tống Tương-Công :

— Một mình quý quốc triệu tập chư hầu cũng được rồi, cần gì phải có chúng tôi ?

Tống Tương-Công nói :

— Nước Trịnh lâu nay chịu ơn quý quốc, còn nước Trần và Sái thì vừa rồi có hội với quý quốc ở đất Tề, nếu tôi không nhờ uy tín của quý quốc e các nước chư hầu không đến.

Sở Thành-Vương nói :

— Thế thì xin để cho Tề ký trước rồi mới đến tôi.

Tề Hiển-Công nói :

— Tôi chịu ơn nước Tống. Việc có mặt tôi trong biên bản không uy tín bằng nước Sở.

Sở Thành-Vương vừa cười vừa ký tên. Ký xong, trao tờ biên bản cho Tề Hiển-Công.

Tề Hiển-Công nói :

— Có nước Sở ký là đủ, bắt tất phải có nước Tề ?

Tề Hiển-Công nhất định không chịu ký, vì thấy Tống Tương-Công trọng Sở khinh Tề. Tuy nhiên Tống Tương-Công không hiểu ý cay minh có ơn với Tề.

cứ ngờ là Tè Hiển-Công thực tình, nên cất tờ biên bản vào túi.

Ba nước già từ ra về. Sở Thành-Vương đem việc ấy nói lại với quan Tè-tướng Tử-Văn.

Tử-Văn nói :

— Vua nước Tống là kẻ bắt cẩn liêm sì như vậy, sao Đại-Vương giúp cho nước Tống hội chư hầu làm gì ?

Sở Thành-Vương cười lớn nói :

— Ta vẫn muốn làm Minh-chủ ở Trung-quốc. Nay sẵn dịp không lẽ từ chối.

Quan Đại-phu Thành Đắc-Thần nói :

— Vua Tống là kẻ háo danh, không mưu trí gì. Trong kỳ hội chư hầu này, nếu đem quân giáp sĩ theo át-bắt được vua Tống ngay.

Sở Thành-Vương nói :

— Đó là dự tính của ta.

Tử-Văn nói :

— Giúp người ta hội chư hầu rồi lại bắt người ta. Sao cho các nước phục minh ?

Thành Đắc-Thần nói :

— Ấy chết, chờ nên câu chấp việc nhỏ mà bỏ điều lớn. Vua nước Tống đã háo danh, tự phụ, dĩ nhiên trong lúc nhóm họp sẽ làm cho nhiều người ghét. Ta nhân dịp ấy bắt vua nước Tống đe thị uy rồi tha cho; như vậy ai không phục ? Tâm lý con người ai không muốn làm bỉ mặt những kẻ tự-cao, tự-đắc ?

Sở Thành-Vương liền sai Thành Đắc-Thần và Đầu-Bột truyền năm trăm giáp sĩ, chờ ngày hội chư hầu phục sẵn đe bắt Tống Tương-Công.

Tổng Tương-Công từ khi dự hội với Tề và Sở
với đất Lộc-Thượng trở về có ý hăm hở nói với
Mục-Di :

— Nước Sở đã thuận giúp ta hội chư hầu rồi.
Như vậy là ta đã thành công một phần nào.

Công-Tử Mục-Di nói :

— Nước Sở là giống man di, tâm địa khó
trường. Tôi e Chúa-công mắc mưu nước Sở đó.

Tổng Tương-Công nói :

— Nhà ngươi tánh đa nghi lầm. Ta đem lòng
trung tín mà dâi, lẽ nào người ta lại lừa dối sao ?

Nói xong liền truyền hịch khắp chư hầu, hẹn
đến hội nơi Vu-địa, đặt Tổng. Lại sai người sứ
sang quân dịch để tiếp đón.

Tháng bảy năm ấy, Tổng Tương-Công sửa sang
xe giá đến Vu-địa.

Công-tử Mục-Di can :

— Nước Sở cậy sức mạnh, không biết giữ lè
nhaga. Chúa-công phải đem quân theo để phòng
mới được.

Tổng Tương-Công nói :

— Hội chư hầu mục đích là giữ tình hòa hảo,
nay lại đem quân sĩ theo làm sao các nước chư
hầu tin phục.

Công-tử Mục-Di nói :

— Việc nào đáng tin thì nên tin, việc nào đáng
phòng thì nên phòng. Nếu Chúa-công muốn thủ tàn
với chư hầu thì nên đi trước, còn tôi, tôi sẽ kéo
quân theo sau cách ngoài ba dặm phục sẵn.

Tổng Tương-Công nói :

— Không nên. Nếu nhà ngươi đem quân mai phục như vậy thiên hạ hay được sẽ cười ta.

Nói xong, Tống Tương-Công truyền cho Mục-Di theo mình, vì sợ đè Mục-Di ở nhà đem quan đi tiếp thành ra thất tín với chư hầu.

Mục-Di nói :

— Nếu Chúa-công không cho tôi đem quân phòng bị thì tôi phải theo Chúa-công bảo vệ chư ở nhà sao an.

Tống Tương-Công cùng Mục Di ra đi.

Lúc bấy giờ vua sáu nước Sở, Trần, Sái, Hứa, Tào và Trịnh đã đến đủ cả, chỉ có Tề Hiến Công vì bắt phục Tống, Lỗ Hi-Công vì chưa giao hảo với Sở bao giờ nên hai nước ấy chưa đến.

Tống Tương-Công sai nghênh tiếp vua sáu nước vào nghỉ nơi công quán, rồi truyền quan Thái-sử chọn ngày khai hội.

Ngày ấy, Tống Tương-Công lấy lê chủ dài khách, sắp các nước chư hầu theo hai hàng đứng trên dàn.

Các vua chư hầu đều sợ uy Sở Thành-Vương nên nhường cho Sở Thành-Vương đứng trước.

Thành Đắc-Thần và Đầu Bột đứng sau lưng hầu Sở Thành-Vương.

Vua các nước cũng đều cho người theo hầu cả. Tống Tương-Công muốn làm chủ tọa, nhưng tự nói ra không tiện, đưa mắt nhìn Sở Thành-Vương có ý nhờ Sở Thành-Vương nói hộ.

Sở Thành-Vương cứ cúi đầu nín lặng, không nói gì cả. Các vua chư hầu thấy bỗng nã, đưa mắt nhìn nhau.

Tổng Tương-Công không biết làm sao, phải nói :

— Ngày nay tôi muốn theo bước Tề Hoàn-Công, trên uân mệnh Thiên-tử dưới giao hiếu với chư hầu, chẳng hay các nước có ý gì dạy bảo chăng ?

Vua các nước chư hầu nghe nói đều ninh bặt, liếc mắt nhìn nhau dò xét.

Sở Thành-Vương hỏi Tổng Tương-Công :

— Nhà vua nói thế là phải làm, nhưng không biết trong kỳ hội chư hầu này ai làm chủ tọa ?

Tổng Tương-Công nói :

— Kẻ nào được nhiều công trạng và cao phàm tước hơn thì làm chủ tọa.

Sở Thành-Vương nói :

— Như vậy nước tôi là nước Vương vị, Tổng vẫn là nước Công, không hơn tước Vương được. Theo lời nói của nhà vua thì hôm nay tôi làm chủ tọa.

Dứt lời, Sở Thành-Vương bước lên đài. Công-tử Mục-Di đứng sau lưng Tổng Tương-Công thấy vậy nắm tay Tổng Tương-Công niu lại, cố ý muốn cho Tổng Tương-Công nhẫn nhục rồi sau sẽ liệu. Nhưng Tổng Tương-Công vốn là kẻ háo danh, làm sao chịu nổi, liền nói :

— Nước tôi tước Công, nhưng tước Công ấy được vua phong, còn nước Sở tuy tước Vương, nhưng là tước Vương già, làm sao bi với nước tôi được ?

Sở Thành-Vương trợn mắt nói :

— Tôi là tước Vương già thì ai bảo nước Tổng mời tôi tới đây làm gi ?

Tống Tương-Công nói :

— Vua Sở đến đây là theo lời ước ở Lào
thượng trước kia chờ phải do tôi mời đâu ?

Thành Đắc-Thần hét lớn :

— Vậy xin hỏi chư hầu xem các chư hầu vì
nước Sở hay vì nước Tống mà đến ?

Các vua chư hầu đều sợ Sở, đồng thanh đáp :

— Chúng tôi vì nước Sở mà đến đây.

Sở Thành - Vương cười khanh khách nói với
Tống Tương-Công :

— Nhà vua còn lời gì dạy bảo nữa chăng ?

Tống Tương-Công thận đò mặt, toan cãi lại thì
Thành Đắc-Thần và Đầu-Bột đã cởi áo lê phục, bên
trong mặc sẵn áo giáp, có đeo gươm và cờ lệnh.

Thành Đắc-Thần phất cờ lên, dưới đàm hơn
một nghìn giáp sĩ từ xa kéo lại phu vây, tay cầm
đủ thứ binh khí.

Các chư hầu đều sợ sệt. Thành Đắc-Thần bắt
vua Tống trói lại.

Tống Tương-Công ghé tai nói nhỏ với Mục-Di :

— Tiếc rằng ta không nghe lời người, nên mới
bị lăm mưu Sở.

.....
Tống Tương-Công khiển Mục-Di trả về lo việc
nước, còn mình đành cam với số phận.

Mục-Di gạt lệ trả về, được triều thần bày kế
tôn Mục-Di lên nối ngôi đế cho nước Sở thấy nước
Tống có vua, không giết Tống Tương-Công.

Quả nhiên nước Sở thấy việc giết Tống Tương-
Công không còn ích lợi gì nữa, và Tống Tương-
Công được tha về.

Công-tử Mục-Di nhường ngôi lại cho Tống Tương-Công để tiếp tục trị nước.

Tuy được về nước nối lại địa vị cũ, nhưng Tống Tương Công lòng xấu hổ không vui.

Nhân lúc nước Trịnh sang chầu Sở Thành-Vương, muốn tôn Sở Thành-Vương lên ngôi bá-chủ, Tống Tương-Công nỗi giận quyết định cử binh đánh Trịnh.

Liền khiến Mục-Di giúp Thé-ür Vương-Thần ở nhà lo việc triều chính, còn bao nhiêu tướng sĩ đều sửa soạn tung chỉnh.

Công-tử Mục-Di can :

— Sở, Trịnh đang giao hiếu nhau, đánh Trịnh thì Sở cứu, ta làm sao địch lại quân hai nước, chỉ bằng ăn nhân chờ dịp khác.

Công-tôn Cố cũng can. Nhưng Tống Tương-Công không nghe, nỗi giận nói :

— Người không muốn đi thi đè ta đi một mình.

Công-tôn Cố không dám nói nữa, cùng với Tống Tương Công kéo binh sang đánh Trịnh.

Quân do thám về báo. Trịnh Văn-Công thất kinh, sai người sang Sở cầu cứu.

Sở Thành-Vương nói với Thành Đắc-Thần :

— Nước Trịnh trọng ta lắm, ta phải đem binh đến cứu.

Thành Đắc-Thần nói :

— Cứu Trịnh không bằng phạt Tống.

Sở Thành Vương hỏi :

— Đó là kể gì ?

Thành Đắc-Thần đáp :

— Từ khi Tống Tương-Công bị bắt, được tha

về nước, không sửa minh, nay lại không biết lượng sức, đem binh đánh Trịnh chưa chắc đã thắng đâu. Nay giờ trong nước bỏ trống, ta thừa cơ đem quân đoạt thành. Nếu lúc quân Tống hay được đem binh về cứu thi lúc đó quân sĩ đã mỏi mệt, ta có thể thắng một cách dễ dàng.

Sờ Thành-Vương khen phái, phong Thành Đắc-Thần làm Chánh-tướng, Đầu-Bột làm Phó-tướng, đem quân sang đánh Tống.

Tống Tương-Công đang xua quân đánh Trịnh, hay tin binh Sờ kéo đến biên giới nước mình lật gai rút về đóng nơi phía Nam sông Hoàng-thủy, chặn đường binh Sờ.

Thành Đắc-Thần kéo quân đến nơi hạ trại, sai người khiêu chiến.

Công-tôn Cố hay tin bàn với Tống Tương-Công :

— Nay Sờ đánh ta vì muốn cứu Trịnh, xin Chúa-công bỏ việc đánh Trịnh, cho người đem lě vật đến tạ Sờ át tránh được binh dao.

Tống Tương-Công nói :

— Xưa Tề Hoàn-Công đem binh đánh Sờ còn thắng thay, nay Sờ đem binh đến lě nào ta lại sợ ? Nếu vậy đâu dám nói nghiệp bá chủ của Tề Hoàn Công.

Công-tôn Cố nói :

— Xưa khác, nay khác, sao Chúa-công dám vi minh với Tề Hoàn-Công mà không lượng sức minh ?

Tống Tương-Công không nghe, quyết hạ chiến thư, hẹn ngày giao chiến. Lại khiến dựng cây đại kỳ sau xe, trên cờ dề hai chữ : « Nhẫn nghĩa ».

Công-tôn Cố than hảm với Dược Bộc Y :

— Chinh chiến là việc chém giết, mà Chúa-công lại đem việc chém giết nói đến nhân nghĩa. Tôi thật không hiểu ý Chúa-công ra sao cả.

Thành Đắc-Thần bắt đặng chiến thư của Tống Tương-Công liền kêu Đầu-Bột vào bàn luận. Đầu-Bột nói :

— Đêm nay tôi xin đem binh qua sông trước kèo binh Tống chặn đường e bất lợi.

Thành Đắc-Thần cười đáp :

— Tống Tương-Công đánh giặc vì háo chiến chứ không thông binh pháp. Taitori sớm đánh sớm, tôi trễ đánh trễ, có chi phải lo.

Thành Đắc-Thần cứ đề sang tờ mồi độ binh qua sông.

Công-tôn Cỗ nói với Tống Tương-Công :

— Bình Sớ đề sang tờ mồi qua sông là có ý khinh ta, vậy nhân lúc địch qua nửa sông, ta xưa binh đồ ra chặn đánh tất trọn thắng.

Tống Tương-Công chỉ cày đại kỳ nói :

— Cờ ta đề "Nhân nghĩa" há đâu làm bậy.

Công-tôn Cỗ thở dài không biết nói sao. Giây phút binh Sớ qua hết, Thành Đắc-Thần đầu đội mào ngọc, minh mặc áo thêu, giáp gấm, tay cầm roi ngồi trên ngựa điềm binh, bộ trận trông rất thư thả.

Công-tôn Cỗ lại xin xáp trận, Tống Tương-Công nhô nước miếng vào mặt, và nói :

— Người ham hàng mà chẳng kè đến lời đàm tiếu của người đời hay sao ?

Công-tôn Cỗ một lần nữa thở dài.

Thê trận binh Sớ dàn xong, người ngựa tràn đầy, binh Tống xem thấy khiếp vía.

Bấy giờ Tống Tương-Công cầm giáo ra lệnh tiêu quân,蹚 sau có Công-tử Đặng, Hương-si Phủ Công-tôn Cố hộ giá.

Bên binh Sở, Thành Đắc-Thần ngầm ra hiệu để cho Tống Tương-Công đến gần, mới hé lèn một tiếng bao vây binh Tống vào giữa.

Công-tôn Cố rán sức phá vòng vây mà chạy. Bỗng co tướng Sở là Đầu-Bột chặn lại đánh Công-tôn Cố gần đuối sức, may nhờ có Hương-si Phủ (tướng Tống) đến trợ lực, Công-tôn Cố mới giải phả được trùng vây mà chạy.

Bỗng thấy Hương-si Phủ mặt đầy máu, chạy lại nói :

— Ngài mau vào cứu Chúa-công.

Khi Công-tôn Cố vào đến nơi thì thấy Tống Tương-Công mình mẩy đầy thương tích, chân phải bị một mũi tên không đứng lên được nữa, còn Công-tử Đặng cũng đang bị thương nằm trên xe, lờ cờ nhân nghĩa đã bị quân Sở lấy mất rồi.

— Ngài có sức phò Chúa-công, tôi không sỗn được nữa.

Nói xong tắt thở.

Công-tôn Cố rán sức phá vòng vây phò Tống Tương-Công chạy về Kinh đô nước Tống.

Về đến nơi kiém điềm binh thua thấy mướp phần chết hết bảy, ngựa xe, khí giới đều bỏ lại nơi chiến trường.

Cha mẹ vợ con các thương binh từ si kéo đến triều oán trách.

— Tại Chúa công không nghe lời quan Tư-ma nên mới thảm bại như vậy.

Tổng Tương-Công nói :

— Ta lấy nhơn nghĩa mà xử, hiềm vi người
Sò quá tiêu nhơn nên ba quân mới mang hại nhơn vật.

Nhân xét.

— *Lời châm dụng nếu vượt khỏi
cõi thiền thành một quái tượng*

Tổng Tương-Công là một kẻ or nát iai bát tài, thư
mà tự vi minh như những người có kiến đạo đức.

Bắt chước Tề Hoàn-Công, muốn làm bá chủ chư
hầu, Tổng Tương-Công họp các nước để nghe hiệu lệnh
Muốn bắt chước dùng đạo đức để chinh phục nhân tâm.

Tổng Tương-Công dựng cờ nhân nghĩa kéo quân ra tranh
Thật là một tần tuồng ngày ngô khlong thử tà.

Chưa hiểu thế nào là đạo đức, thế nào là tài năng,
còn bắt chước học đòi thì làm sao tránh khỏi trò cát
trong thiên hạ.

Ngày nay, những kẻ như Tổng Tương-Công cũng
không thiếu gì trong xã hội. Đã bát tài mà cứ vi minh
như các bậc vĩ nhân, ước vọng những việc cao xa,
thực ra những việc nhỏ nhen nhất cũng không làm
tên chuyện.

Những người như Tổng Tương-Công thường là
những kẻ tham địa vị hão huyền, sự trước muôn mực
quá xa với tài năng và khôn ngoan của mình.



KHƯƠNG-THỊ VÀ TRÙNG-NHĨ

— Sắc đẹp là liêu thuốc me, nó có thể làm dừng bước chân khách anh hùng làm tiêu tan những vết đau, đồng thời cũng có thể làm cho chí dọc ngang phải tiêu diệt

Trùng-Nhĩ, Công-tử nước Tân đi úy nạn sang nước Tề, lấy nàng Khương-thị làm vợ và ở luôn đày đợi ngày về nước phục nghiệp.

Bấy giờ nước Tân, vua Tân Hiển-Công vô đạo, không theo đường lối chủ trương của cha mình, lại thân với Sở, nghịch với Tống sành nhiễu biến loạn

Bọn Triệu-Thôi theo phò Trùng-Nhĩ thấy thế bàn riêng với nhau.

— Chúng ta qua Tề nương nâu là muốn cậy uy lực của Tề để mưu lập nghiệp Nay Tề Hoàn-Công đã suy vi, chư hầu đều phản, chắc không thể nào giúp Công tử được, chỉ bằng chúng ta sang nước khác để lo liệu việc lớn.

Cả bọn lúc đó muốn bàn với Trùng-Nhĩ, ngặt vì Trùng-Nhĩ quá mê đắm Tề Khương sớm tối chẳng rời, không lo gì đến việc phục nghiệp nữa. Bọn Triệu-Thôi chau chực mấy lần mà không gặp mặt.

Ngụy thủ giận nói :

— Chúng ta tin tưởng Công-tử là người biết lo, chẳng nẽ khó nhọc đem nhau đến đây giúp sức, ngờ đâu ngày nay người lại quá tệ như vậy.

Hồ-Yền can :

— Nơi đây không thể nói chuyện riêng được. Các ông theo tôi

Mọi người dắt nhau đến một nơi gọi là Tang-âm,
xung quanh trồng toàn dâu, tàn cây phủ kín, cả ngày
bóng mặt trời không rời xuống đất được

Triệu-Thôi kêu chín người bạn cùng ngồi lại
bàn tính.

Triệu Thôi hỏi :

— Hồ Yên có kế gì hay không ?

Hồ Yên đáp :

— Nay ta phải sắp đặt hành trang cho săn, rồi đến
rủ Công-tử đi săn, khi đi ra khỏi thành chúng ta bắt
ép Công-tử theo chúng ta. Song tôi chưa biết chúng
ta phải sang nước nào bây giờ ?

Triệu-Thôi đáp :

— Vua Tống đang lo phục hưng, lại là kẻ hào danh.

Chúng ta đến đó may ra được việc.

Hồ-Yên nói :

— Tôi vẫn có quen với Công-tôn Cỗ, người này
hiện làm chức Tư mã. Chúng ta qua đó may ra có thể
thờ cạy được.

Cả bọn bàn tính với nhau suốt buổi mới về,
định nịnh không ai hay biết. Không ngờ thị tỳ của
Khương-thị đang hái dâu, ngồi trên cây, thấy lạ đề ý
tinh nghe rồi về báo cho Khương-thị biết.

Khương-thị nghe xong hét :

— Chúng bay chờ nói bậy.

Rồi sai người đem mây dứa thi tỳ nhốt vào một nơi,
đến đêm đem ra giết hết.

Khương-thị lại nói với Trùng-Nhì :

— Các tướng theo chàng định đem chàng sang nước
chắc. Mây dứa thi tỳ của thiếp đi hái dâu nghe được vè

chuật lại. Thiếp sợ tiết lậu ra ngoài hứ việc lớn của chàng nên đã đem bọn thị tỳ giết hết. Vậy xin chàng cho liệu.

Trùng-Nhĩ nói :

— Trước kia còn trẻ, ta còn lo việc tranh bá đế vương, chứ nay đã già rồi, ta chỉ ước mong được an vui là đủ.

Khương-thị nói :

— Từ khi chàng đem thân bôn ba đến nay, nước Tần chẳng lặng yên bởi Di-Ngô bạo ngược, vô đạo. Dùn trong nước không ưa, các chư hầu đều ghét, chỉ mong lập người khác, ấy là điểm trời báo cho chàng biết trước, sao chàng lại nản chí ?

Trùng-Nhĩ ham mê Khương-thị vẫn không chịu đà

Ngày hôm sau, bọn Triệu-Thôi đứng ngoài cửa cung sai người vào mời Trùng-Nhĩ đi săn. Lúc ấy Trùng-Nhĩ chưa dậy, chỉ sai con thị tỳ ra nói :

— Công tử hơi mệt, hôm nay không đi được.

Khương-thị nghe nói liền sai người mời riêng Hồ-Yên vào hỏi :

Nhà người mời Công-tử đi săn có ý chỉ chàng !
Hồ-Yên thấy trong câu nói của Khương-thị có ý nghi ngờ, nhưng vẫn làm ra vẻ tự nhiên đáp :

— Trước kia Công-tử ở nước Dịch thường săn bắn, nay đã lâu lâm không đi sợ Công-tử sanh ra biếng nhác, chúng tôi tò ch/>c cuộc săn này không có ý gì ngoài việc giúp vui cho Công-tử.

Khương-thị mỉm cười nói :

— Lần này đi săn nếu không sang nước Tống cũng sang nước Tần hoặc Sở, có phải thế không ?

Hồ-Yền giật mình nói :

— Đi săn sao lại đi xa như vậy ?

Khương-thị nói :

— Thôi đừng giấu giếm ta làm gì. Các người muốn đem Công-tử trốn đi, ta đã biết hết. Đêm vừa rồi ta cũng cố khuyên Công-tử nhưng Công-tử nhất định không nghe. Vậy thì chiều nay ta mở một tiệc rượu, ép Công-tử uống thật say, lúc ấy các người cứ việc lên xe mà đem đi là tiện hơn cả.

Hồ-Yền sụp lạy nói :

— Nếu phu nhân dứt bỏ được tình riêng, giúp cho chí lớn của Công-tử thì hiền đức ấy không ai sánh kịp.

Nói xong, Hồ-Yền cáo từ lui ra, thuật chuyện lại với Triệu-Thôi. Đoạn thu xếp hành trang kéo ra đợi sẵn ngoài cửa.

Tối hôm ấy, Khương-thị bày tiệc rượu, mời Trùng-Nhì nâng chén tâm tình.

Trùng-Nhì hỏi :

— Hôm nay có việc gì vui mà phu nhân bày tiệc ?

Khương-thị nói :

— Thiếp nghe phu quân có ý muốn về nước nên bày chén rượu nhặt tiền chôn.

Trùng-Nhì nói

— Đời người khác nào như bỗng ngựa qua cửa sổ, đâu có dọc ngang trời đất, phơi xương trai mặt tối cuối cùng chỉ vùi thân dưới ba tấc đất mà thôi. Nay ta đã hưởng được cảnh an niàn như thế này rồi còn ước mong gì nữa ?

Khương-thị nói :

— Thưa Công-tử, thiếp tưởng cõi trãm năm của loài người hơn nhau ở chỗ biết dùng cái thân mình làm lợi cho nhân quần xã hội. Biết rằng đời người ai cũng chết, nhưng có kẻ chết đi để lại cho đời những công đức không quên được, còn có kẻ chết đi chỉ làm mất một giá áo túi cơm mà thôi. Hè dâng trượng phu thì phải lập chí, nay các người heo hau Công-tử đã tận tâm giúp sức, xin Công-tử xét lại.

Trùng-Nhĩ có ý giận, bỏ chén rượu xuống không uống nữa.

Khương-thị nói :

— Công-tử thật tình không muốn đi hay đã dỗ lòng ?

Trùng-Nhĩ nói :

— Tình ta lưu luyến, có bao giờ lại dứt bỏ đi được ?

Khương thị vừa cười vừa nói :

— Một bên là chí hướng, một bên là tâm tình, nếu Công-tử ra đi thiếp vì chí hướng của Công-tử mà dâng chén chia phôi, còn nếu Công-tử không đi thiếp vì tâm tình của Công-tử mà dâng chén tương thân. Thôi, Công-tử chờ buồn, hãy vì thiếp uống cho thật nhiều để vui câu sum hiệp.

Nghe vợ nói, Trùng-Nhĩ rất hài lòng. Vợ chồng cùng nhau chén tạc chén thù, lại sai thị nữ múa hát làm cho phòng tiệc tưng bừng.

Trùng Nhĩ ham vui, uống quá chén mà Khương-thị vẫn cố ép mời nên Trùng-Nhĩ uống đến lúc không còn ngồi được nữa, say mềm nằm gục trên giường.

Khương-thị lấy chǎn đắp lại rồi cho người rờ mời Hồ-Yền vào.

Hồ-Yền biết Trùng-Nhĩ đã mắc kế Khương-thị liền khiến Ngụy-Thù và Điều-Hiệt vào cung khiêng Trùng-Nhĩ bỏ lên xe, đoạn từ giã Khương-thị lên đường.

Khương-thị tra lüyü quay vào.

Đêm ấy, bọn Hồ-Yền ra đến biên ải hiệp cùng bọn Triệu-Thôi đi suốt đêm.

Trời tang tảng sáng, Trùng-Nhĩ nằm trong xe mới cưa quây, gọi người lấy nước uống. Hồ-Yền cầm cương xe, ngồi bên cạnh đáp:

— Phải đợi trời sáng rõ mới vào trong xóm xin nước uống được.

Trùng-Nhĩ thấy chỗ nằm lắc lư, gọi bọn thị tỳ hỏi :

— Chiếc giường sao lạ vậy ? Chúng bay đỡ ta ra khỏi chiếc giường này.

Hồ-Yền mỉm cười đáp :

— Đâu phải giường ? Xe đây mà !

Trùng-Nhĩ mở mắt nhìn hỏi :

— Ai nói thế ?

— Tôi là Hồ-Yền đây.

Trùng-Nhĩ hoảng hốt ngồi dậy hét to :

— Chúng bay định đem ta đi đâu vậy ? Sao không nói trước ?

Hồ-Yền nói :

— Tôi định đem nước Tấn dâng cho Công-tử đó.

Trùng-Nhĩ nói :

— Nước Tấn đâu không thấy, nay bỏ mất Tề ta không muốn đi. Hãy đem ta trở lại.

Hồ-Yên nói dối :

— Công-tử đã ra khỏi nước Tề hơn trăm dặm rồi. Vua Tề biết Công-tử trốn đi thế nào cũng cho người theo bắt. Nếu trẽ nǎi e thiệt mạng, còn luyến tiếc làm gì ?

Trùng-Nhĩ nỗi giận trông thấy Ngụy-Thù cầm cây giáo đứng hẫu bên cạnh, liền giật lấy đâm Hồ-Yên. Hồ-Yên thất kinh vội nhảy xuống xe bỏ chạy.

Cả bọn xúm nhau khuyên can :

— Kẻ trưởng phu không vì vương vấn thê nhì mà nhại chí, đến như phận quần thoa mà có kẻ đã chịu dùi tinh, hy sinh đè bời đắp nghĩa cả, Công-tử bá chẳng thấy sao.

Trùng-Nhĩ trầm lặng một hồi, nghĩ đến mối tình thống thiết của các tướng đã theo mình, lại nghĩ đến lời nói của Khương-thị lòng hơi then thẹn đáp :

— Thôi thì ta cũng chiều theo ý các ngươi.

Chân zel :

— Một người đàn bà hiền có thể giúp chồng thành công.

Đang lúc Trùng-Nhĩ bỏ nước Tần lưu vong sang nước Tề được vua Tề trọng đãi, chu cấp đầy đủ, lại gả nàng Tề Khương làm phu nhân. Lòng tốt ấy tưởng không còn gì hơn.

Tuy nhiên nhìn vào thực tế, chúng ta lại thấy vua Tề hại chí hướng của Trùng-Nhĩ.

Thường tình, con người sống trong cảnh an nhàn sung sướng bay bổng lòng tự mãn không thiết tha đến

công việc chiến đấu nữa. Chính Tề Hoàn-Công đã đưa Trùng-Nhĩ vào con đường ấy.

Xưa cũng như nay, các chính-trị gia thường me mõm dân chúng bằng lỗi đem những cuộc vui, những trò vui mị, những thú thanh nhàn phô diễn trong cuộc sống dân gian, hão làm cho đầu óc dân gian biến thành mục tiêu của dõi truy, không còn thiết tha đến công cuộc tranh đấu, cứu quốc, lão quốc nữa.

Cho nên, nhiều nước trên thế giới, chúng ta nhìn vào thấy đâu đâu cũng vui chơi hoan lạc, bẽ ngoài sự à tưng bừng nào nhiệt, tưởng như nước ấy đang tràn ngập vinh quang, nhưng thực ra nước ấy đang lao đầu vào vực thẳm, đưa mình đến chỗ thoái hóa, trong lúc các nước khác tuy bẽ ngoài thẩy khắc khổ mà bền trong lối tang vươn lên trên một đà tiến bộ phi thường.

Như thế, Tề Hoàn-Công vô tình đã làm nhục chí Trùng-Nhĩ, đưa Trùng Nhĩ chết dần trong đêm ám chán im, trút cả chí trường phu trên giường bệnh vạy.

May thay, Khương-thị lại là người vợ rất hiền.

Đàn bà như nàng Khương-tường trong thế gian này u ai bì kịp.

Cai thâm thùy hơn hết là nàng biết trọng tình nghĩa mà cũng biết trọng chí anh hùng, lo cho nước non dân tộc, dám hy sinh tình chấn gối riêng mình để giúp chồng đạt được mục đích.

Ngoài tánh tốt ấy, Khương-thị còn là kẻ có chí lớn. Hết chóng cao sang thì vợ được vinh hiển. Hy sinh chút tình chấn gối nhỏ nhen hiện tại để muru đỡ một hạnh phúc lớn lao về sau chẳng phải là người đàn bà túc tri sa muru sao?

Khuyên chồng đứng lên đáp lời sông núi, Khương-thị am nỗi bất chí khí của người đàn bà cùn quốc của A-Đông.

Duyên dáng thay câu nói của nàng : « Một bên là ch
hương, một bên là tâm tình. Nếu Công-tử ra đi thì thiếp
vì chí hương của Công-tử mà dâng chén chia phôi. Cơ
nếu Công-tử không đi thì thiếp vì tâm tình của Công-tử
mà dâng chén tương thân. Xin Công-tử chờ buồn hây cùng
thiếp uống cho thật nhiều để vui câu sum hiệp ».

Trùng-Nhi nếu không nhờ động lực thúc đẩy của
Khương-thị thì chí làm trai đã bị mai mốt trên giường
thé nhi rồi con đau. Cho nên việc Trùng-Nhi san nãy
phục được nước Tấn phải nói là nhờ nàng ở nàng
Khương một phần lớn vậy.

Lời xưa có nói : « Vợ khôn ngoan làm quan cai
chồng ». Người đàn ông dù hư hèn, non nớt đến đâu mà
cô được người vợ biết thục đây, khuyên nhủ, thì người
chồng cũng sẽ nhờ đó mà hăng hái lên, đảm đương lấy
nhiệm vụ, mưu đồ sự nghiệp. Trại lại, người đàn ông
đã có chí lớn mà bị người yêu dung tình cảm lung lạc,
dung cái hạnh phúc của ái tình hiện tại mà mê hoặc
thì người đàn ông sẽ bị nhụt chí ngay.

Người đàn ông cần phải phản đối. Sức phản đối ấy
sẽ là n được nhiều việc phi thường. Thế mà đời nay có
nhieu người đàn bà đã không giúp ích gì được cho
người đàn ông trên đường xây dựng sự nghiệp mà còn
lầm cho họ bạn tâm, chan nán, dễ rỗi trong gia đình
không tạo lập được một cơ sở yên vui, ngoài xã hội
không làm được điều gì hữu dụng. Những người đàn
bà ấy cần phải suy gẫm nhiều về tấm gương của nàng
Khương đối với Trùng-Nhi.

TRÙNG-NHĨ VÀ NÂM ĐẤT NƯỚC VỆ

— Được cơm là chuyện đẽ, được
đất mới là chuyện cam go.

Công-tử Trùng-Nhĩ trốn sang đất Địch để lánh
cạn mưu sát của cha là Tấn Hiển-Công và mẹ ghê
là Ly-Cơ.

Nhưng ở nước Địch cũng không yên, vì em là Di-
Ngô tức vua Tấn Huỷ-Công lại sa người ám hại.
Trùng-Nhĩ phải lưu vong trốn sang nước khác

Trong khi cơ cực, người tiêu lại Đầu-Tu lại
phồng hết bạc vàng trốn đi mất. Sang nước Vệ, vua
Vệ cũng không tiếp, sai quân đóng kín cửa thành.

Ngụy-Thù và Điêu-Hiệt giận lắm, bàn với Trùng-
Nhĩ cho người đến trách Vệ hầu.

Triệu Thôi bảo :

— Con rồng vàng mà lúc thất thế cũng không
thua gì con dế. Trách người lúc này là chuyện vô ích

Ngụy - Thủ và Điêu Hiệt nói :

— Vệ hầu vô lễ thế thì ta còn nè nang làm gi
nữa, cứ việc vào làng xóm cướp lương thực mà ăn.

Trùng-Nhĩ nói :

— Không nên. Làm như vậy chúng ta trở thành
đạo tặc. Thà chết còn hơn.

Trùng-Nhĩ và bọn tôi thẫn lâm vào cảnh đói khát
đến phải đi xin ăn. Một hôm lân đến đất Ngư Lộc
cả bọn Trùng-Nhĩ đều đói lả, cơ hồ như không còn
bước đi được nữa. May sao có người làm ruộng
đang ngồi nghỉ mát dưới cội cây mờ cơm gói ra
ăn. Trùng-Nhĩ bèn bảo Hồ-Yền đến xin.

Bọn nông phu nhìn đám người của Trùng-Nhi rồi bao

— Khỏe mạnh như thế mà không biết làm gì để kiếm cơm ăn sao ? Chúng ta cày ruộng mệt nhọc như thế này nếu không ăn cho no thì làm sao cày ào ài. Cơm không có đủ ăn có đâu dư mà cho các người.

Hồ-Yền nói :

— Các người không cho ta cơm thì cho ta xin một cái bát.

Bọn nông phu không hiểu Hồ-Yền xin bát không để làm gì rồi nồi lên cười ồ. Có người trong bọn nông phu lại hốt đưa cho Hồ-Yền một nắm đất và bảo :

— Đất này bọn người có thể đem nắng thành cái bát được.

Ngụy-Thù tức giận vô cùng, xốc đên mảng bợn làm ruộng rồi giành lấy cái bát đập vỡ tan. Trùng-Nhi cũng tức giận toan giơ roi đánh bọn nông phu ấy. Hồ-Yền nghiêm trang ngăn lại thưa :

— Được cơm là chuyện dễ, được đất mới là chuyện cam go. Phải chăng đây là triệu chứng báo cho aước Vệ sẽ bị mất. Đó là điểm trời mượn tay các nông dân chất phác này để trao đất cho Công-tử đấy. Công-tử chờ nên giận dữ, đánh người ta mà phỉa lây người ta để nhận lãnh.

Trùng-Nhi nghe theo, xuống xe lạy bọn cày ruộng.

Nhận xét :

— Kẻ tri phái hiều thời, kẻ dũng phai lượng sức, không hiều thời là đại đội

Đem thân phiêu bạc xứ người để tìm chỗ nương thân, để tìm lấp tẩm cơm manh áo cho qua ngày, thì dù là hang vua chúa hay kẻ thỉ dân cũng phải dành chia câu nhẫn nhục mà thôi.

Lời xưa có nói : « Nhập gia tùy tục, đào xit tuy thân ». Kẻ nào muôn phiêu bắc lẩn đan cho yên thân đều phải phục tùng phương pháp ấy.

Quyền hành đâu nỡ, vua chúa đâu nỡ, khi phải khu vong nơi tha phương ? Một ông vua trong lúc thǎi thời thì có khác gì một thurdn ; dân điu ? Sở dĩ người ta kính trọng, xưa bợ, đưa nịnh là vì người ta sợ cái thế lực hiện có trong tay, hoặc người ta cầu cạnh dòm một địa vị nào đó thôi. Quyền hành, thế lực đã mổ đi thì thử hỏi ai còn xưa nịnh, bợ dờ làm gì ?

Triệu-Thôi nói :

« Con rồng vàng mà thất thế thì cũng chẳng horizon dễ ».

Câu nói ấy quả là kẽ hiều biết sâu xa về thời vận vay.

Chỉ có những người vũ phu như Ngụy-Thù, Diêu Hiệt mới liều lĩnh, muôn dùng cái quyền hiện đā mưu đè bắt kẽ khác tùng phục.

Trong thế gian hầu hết chỉ thấy những hoàn cảnh trước mắt, ít ai có tầm mắt sâu xa thấy được việc vi-lai.

Trước mắt những đám người tần thường ấy hễ thấy ai có tiền của, địa vị thì họ kính vùi, còn at koi rách, nghèo nàn thì họ khinh khi. Họ có biết đâu thế sự đổi đời, đời người chẳng khác đâu biền, ngày mai không phải là ngày mai, mà tất cả đều phải chịu nằm trong quy luật đổi thay của vũ trụ.

Ngược lại, nhiều kẻ cho mình là sáng suốt, tri дung non người thế mà lúc đắc thế cũng chỉ biết có hiện tại, không nghĩ đến hàn lai. Những hạng người này chẳng khác nào vua nước Vệ, toàn là những người mù quáng, thiển cận, thất đăng khinh.

Còn như bọn nông dân thực thà chất phác chúng ta chẳng nói làm chi, vì trước mặt họ chỉ thấy toàn là khổ cực họ không mong gì hơn được an thân, và rất ghét những ai uy hiếp họ. Họ thấy bọn người của Trùng-Nhĩ người nào cũng khỏe mạnh, chân tay còn lành lẹn, có xe có ngựa, thế mà lại đi xin những kẻ cơ hàn như họ, bảo sao họ không nghĩ đến đôi bàn tay chai của họ, gọt mồ hôi của họ đã đờ mà chưa đủ corm ăn để lấy sức làm việc. Chính họ đã giận những người lười mà không cho corm, ghét kẻ ngồi mát ăn bít vàng mà không tương trợ, chửi thật ra thảm tâm họ không phải khinh người. Vì họ là những người nghèo nàn, khổ cực nhất còn lên mặt khinh ai ?

Hết năm đất đưa cho bọn Hồ-Yên cũng không phải là cứ chỉ khinh người, nhưng là một cứ chỉ đầy khinh lè, một bài học rất sắc và thê tê.

Các anh hãy làm việc đi. Các anh hãy đỡ mồ hôi đi. Nhồi năn năm đất nãv đi, các anh sẽ có bát mà dùng. Các anh không thể ngồi không mà tự nhiên chén bát lẩn đèn cho các anh dùng được.



HỒ-ĐỘT VỚI TINH THẦN ÁI-QUỐC

— Chết không đáng sợ, chỉ sợ
lâm con không giữ được hiếu,
lâm tôi không giữ được trung.

Hồ Đột là một tôi thần nước Tấn.

Gặp lúc nước Tấn sa vào bước suy vi, Vua cha lập kế hại mẹ, mẹ ghê muu giết con chồng để giành

ngôi cho con riêng mình. Các vị Công-tử đều bỏ trốn ra nước ngoài mưu đồ phục nghiệp.

Hồ-Đột thấy Công-tử Trùng-Nhĩ là người hiền có thể thay vua Tấn sau này để giữ gìn cơ nghiệp, nên bảo con là Hồ-Yên :

— Cha thấy Công-tử Trùng-Nhĩ là người hiền, lại có tướng hổ, xương sườn dính liền nhau, con mắt có hai đồng tử. Nếu được Trùng-Nhĩ siu này kế nghiệp thì nước Tấn chẳng những bền vững mà muôn dân được hưởng ấm no. Hiện nay anh con là Hồ-Mao đã theo hầu Trùng-Nhĩ rồi, vậy con phải lập tức ca đất Bồ, bàn với Trùng-Nhĩ mau trốn ra nước khác để khỏi bị hại về tay Lý-Cơ người mẹ nghê độc ác đó.

Hồ-Yên tuân lời hợp lực phò Trùng-Nhĩ đến nước Địch.

Vua Tấn Hiển-Công chết, Công-tử Di-Ngô trở về đoạt ngôi tức là Tấn Huệ-Công.

Huệ-Công lại sợ Công-tử Trùng-Nhĩ về đoạt ngôi minh nên ngầm sai Bùi-Đề tuyển một số võ sĩ sang nước Địch ám sát Trùng-Nhĩ.

Hồ-Đột hay tin kinh hoàng liền viết mật thư sai người nhà len sang nước Địch báo tin, và bảo hai con là Hồ-Mao, Hồ-Yên phò Trùng-Nhĩ đi trốn.

Tấn Huệ-Công chết, con là Công-tử Ngũ lén nối ngôi tức là Tấn Hoài-Công.

Tấn Hoài-Công cũng lo Trùng-Nhĩ là người hiền, sớm muộn cũng sẽ được chư hầu giúp sức đem quân về đánh, nên ra lệnh :

— Phàm những bě tôi nước Tấn theo Trùng-Nhĩ đi trốn, hạn trong 7 tháng họ phải trở về. Nếu tại triều có ai là thân nhân họ hàng của họ cũng phải

viết thư triệu họ về. Ai về đúng hạn thì được ân xá và giữ chức cũ. Kẻ nào không về sẽ bị kết án tử hình vắng mặt, và cha mẹ, anh em ở nhà đều phải tội chết.

Bấy giờ Hồ-Đột có hai người con là Hồ-Mao và Hồ-Yên theo phò Công-tử Trùng-Nhĩ, Khước-Nhuế khuyên Hồ-Đột nên viết thư gọi về. Hồ-Đột nhất quyết không nghe.

Khước-Nhuế vào tàu với Tấn Hoài-Công.

— Hai người con của Hồ-Đột đều thuộc vào hàng hiền sĩ, nay hai người ấy theo Trùng-Nhĩ khác nào hùn vây, xin Chúa-công buộc Hồ-Đột triệu về mới được.

Tấn Hoài-Công cho đòi Hồ-Đột vào hỏi :

— Hồ-Mao, Hồ-Yên theo phò Trùng-Nhĩ sao quắc lão không viết thư gọi về ?

Hồ-Đột nói :

— Hai đứa con tôi theo phò Công-tử Trùng-Nhĩ đã lâu ngày tắt phải một lòng trung với Trùng-Nhĩ, cũng như các quan tại triều trung với Chúa-công vậy. Phỏng như chúng bỏ Trùng-Nhĩ về đây, tôi còn bắt tội giết đi huống hồ tôi lại viết thư gọi chúng về sao ?

Tấn Hoài-Công nồi giận khiến người cầm gươm kè vào cõi Hồ-Đột rồi nói :

— Nếu muốn khỏi chết phải viết thư gọi hai con về.

Khước-Nhuế lại lấy bút mực đặt trước mặt Hồ-Đột, rồi cầm tay bắt Hồ-Đột viết.

Hồ-Đột nói lớn :

— Cứ đẽ ta viết, cần gì mà phải cầm tay ?

Nói xong, Hồ-Đột viết xuống giấy mấy chữ rất lớn : « Con không hai cha, bě tôi không hai vua ».

Tần Hoài-Công giận đến tím mặt hét to :

— Người không sợ chết à ?

Hồ-Đột cười lớn đưa cõi cho hai võ sĩ chém, và nói :

— Tôi chỉ sợ làm con không giữ được đạo hiếu làm tôi không giữ được đạo trung mà thôi. Còn như cái chết là chuyện thường, đời người ai cũng không tránh khỏi, có gì mà sợ ?

Tần Hoài-Công dạy đem Hồ-Đột ra ngoài chợ khai đạo để răn dân chúng.

Hồ-Đột chết ai nấy đều rơi lệ.

Nhận xét :

— Khi mà ta tưởng con người đã có sẵn một chí hướng thì cái chết đối với kẻ ấy không đáng kể nếu làm trái chí hướng của họ.

Trùng-Nhĩ và Thân-Sinh đều là hai kẻ hiền, thế mà bị cha mẹ, em, cháu mưu giết.

Cho hay & đời chưa chắc hiền đã gặp lành.

Hiền thật đấy, nhưng nếu cái hiền của mình lại là một chướng ngại vật cho kẻ khác thì cái hiền ấy cũng đáng ngại thay.

Hiền là đối tượng với ác. Kẻ ác thường đố kỵ kẻ hiền, họ sợ người hiền chiếm đoạt lấy địa vị của họ, nên họ phải giết kẻ hiền, để cùng cõi ác của mình.

Dù là kẻ ác cũng không phủ nhận hiền là một đức tính tốt, lẽ ra họ phải học tập lấy bản thân, tạo cho mình những điều hiền đức để giành lấy ưu thế. Nhưng họ lại không làm vậy mà chỉ hy vọng & chờ dùng cái ác của mình để tiêu diệt kẻ hiền.

Những kẻ ác không thể nào hiền. Vì vậy mà họ đố kỵ với người hiền. Trong lúc đố kỵ họ lại quên rằng càng đố kỵ thì ác càng nhiều, mà ác càng nhiều thì dễ bị tiêu diệt.

Hồ-Đột là một tinh thần có chí hướng, có đức trung-trinh vì thấy Trùng-Nhĩ hiền mà mến dirc, rồi đi đến chô phumè thờ, ủng hộ cá nhân của Trùng Nhĩ. Chẳng những thế mà còn bảo hai con theo phò Trùng-Nhĩ trên bước đường lưu vong.

Tần Hoài-Công giết Hồ-Đột không phải vì Hồ-Đột biết kinh mến đức hiền lành của Trùng-Nhĩ mà sự kiện thực tế vì Hồ-Đột ủng hộ cái chướng ngại vật có thể làm lui đến địa vị của Tần Hoài-Công.

Hồ-Đột làm quan đã già, thừa hiền hành động giúp một kẻ chống lại Tần Hoài-Công là không thoát khỏi chết. Tuy nhiên Hồ-Đột lại xem cái chết ấy như một trò chơi.

Xem nhẹ cái chết của mình, không phải Hồ-Đột không có chủ trương, hy sinh mọi cách vô ích. Chính cái chết của Hồ-Đột là một bài học rõ rệt, dạy cho hai người con của ông không bỏ người hiền, thờ kẻ ác, dù cho phải nát thịt tan xương.

Hồ-Đột chết dưới tay Tần Hoài-Công gieo vào lòng Hồ Mao và Hồ-Yên một mối căm thù, khiến cho Hồ-Mao, Hồ Yên dốc lòng phò Trùng-Nhĩ nhiều hơn, để trả mối thù cha. Cái chết ấy hoàn-toàn có ý nghĩa và có tác dụng mạnh.



TRÙNG-NHĨ TRÊN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

— Lúc đầu không quen thao sơ cơ,
giàu sang không quên người hồn.

Trùng-Nhĩ lưu vong trên đường lập nghiệp, sang nước Tần mượn quân về phục nghiệp nước Tần.

Tân Mục-Công thuận tình tiếp đãi Trùng-Nhĩ rất hậu, sai dọn yến tiệc nơi núi Cửu-long tiễn đưa Trùng Nhĩ. Lại ban mỗi người một đôi ngọc bích và vật dụng không thiếu món nào, bù lại với lúc cơ cực, lang thang từ nước này sang nước khác.

Trùng-Nhĩ và bọn Triệu-Thôi tỏ lời cảm tạ. Tân Mục-Công khiếu các quan nước Tân như: Bá Lý-Hè, Đô Dư, Công-tử Tri, Công-tôn Chi hộ giá đưa Trùng-Nhĩ đến sông Hoàng-hà.

Đến nơi, ghe thuyền đã chực sẵn để đưa qua sông. Tân Mục-Công rót một chung rượu đưa cho Trùng-Nhĩ và nói :

— Công-tử về chuyến này rán lo nghiệp cả cho thành, chờ quên vợ chồng ta.

Nói xong, khiếu Công-tử Tri và Phi-Báo làm tiên phuông độ binh sang sông, còn Tân Mục-Công và các quan Tân kéo nhau trở về.

Từ lúc Trùng-Nhĩ lưu lạc ở các nước ngoài cho đến nay, Hồ-Thúc luôn luôn theo hầu một bên không rời. Nay trở về, Hồ-Thúc gom góp đồ đạc, mền chiếu, mỗi mỗi đều đem theo, dẫu rách cũng không bỏ.

Trùng-Nhĩ thấy vậy cười nói :

— Nay ta về làm Chúa nước Tân, người đem những đồ ấy về làm gì. Bèn khiếu đem những vật đó đem xuống sông.

Hồ-Yên thấy vậy than :

— Giàu sang chưa thấy mà Công-tử đã đòi lòng, quên lúc hàn vi đổi khỗ. Nay mai công tử được giàu sang chắc cũng đổi đãi với chúng tôi như những vật cũ rách này. Nhưng chưa muộn. Chung ta chưa qua sông,

chưa đặt chân lên đất Tân, chúng ta có thể bỏ đi nơi khác để sau này khỏi buồn lòng.

Hồ-Yên bước đến trước mặt Trùng-Nhi dâng viên ngọc bích của Tân Mục-Công trao tặng cho mình và nói :

— Công-tử qua sông rồi là đến đất Tân tại triều đã có các lão thần giúp sức, bên ngoài lại có các chư hầu che chở, nước Tân như đã thu lại trong tay, chẳng lo gì nữa. Vậy xin Công-tử cho tôi ở lại Tân làm ngoại thần cũng được. Tôi xin dâng Công-tử viên ngọc này làm vật giỗ-tử.

Trùng-Nhi ngạc nhiên hỏi :

— Bấy lâu nay cực khổ cõi nhau, nay sắp được hiền minh, sao người lại thối thác ?

Hồ-Yên đáp :

— Trước Công-tử còn có đơn nén tội không nỡ bỏ, nay Công-tử sắp sửa về nước làm vua, kẻ hầu người hạ không thiếu gì, vậy xin Công-tử cho tôi ra đi để khỏi phải ân hận sau này vì bị bắt hùi, như những vật cũ cách vita rồi.

— Thật ta có lỗi với các ngươi nhiều lắm.

Liền khiêm lạy các đồ vật cũ cách lên không chứa lại một mìn. Lại quăng cục ngọc xuống sông mà thề :

— Sau này ta có bội trước con cháu ta sẽ không được an vui, xin thủy thần chứng giám.

Nhân xét :

— ý thức con người là kim chỉ nam của hành động. Chưa hành động mà có ý thức thì hành động trước sau cũng sẽ đèn.

Thói thường trong cao sang người ta đổi tính. Ý thức con người bắt nguồn từ hoàn cảnh vật chất bên ngoài mà ra.

Trong lúc lưu vong nơi đất lạ quê người, Trùng-Nhĩ đã nhè tăm chân mảnh chiếu mà ấm thân, nhò mảnh vải mà khỏi lạnh. Tuy là những vật không quý giá gì, nhưng rất hữu dụng, đã từng giúp Trùng-Nhĩ trong lúc nghèo nàn.

Đến nay, chưa bao giờ lên địa vị cao sang mà Trùng-Nhĩ đã hùy bỏ nó đi, không hề hувěn tiếc. Đó chính là tư tưởng "Có mới nới cũ. Được cá quên norm".

Đời nay, những tư tưởng mất gốc cũng không thiếu gì. Từ một địa vị cao sang, họ đã quên ngay cái con người, cản bản của họ rồi. Họ tựa như chưng như họ sanh ra trong phong lưu phù quý vây.

Những người có tư tưởng vong bản thường là những kẻ phu bạc. Có những người bạn lúc nghèo nàn chơi thân với bà con hàng xóm trong cơ-circ, lúc cao sang họ quên hẳn những kẻ ấy, và chỉ biết có cao sang mà thôi.

Bon Triệu Thái trách Trùng-Nhĩ không quá đà. Trùng-Nhĩ đã có tư tưởng như vậy làm gì sau này không bỏ rơi bọn Hồ-Yen ? May thay, Trùng-Nhĩ cũng là con người có ý thức giác ngộ, kịp thời nhận thức được tư tưởng nguy hiểm của mình, nên sau này mới lãnh đạo được đám hiền thần dũng nên sự nghiệp nước Tân.

BỘT-ĐÈ PHẦN BẢN :

Kết tiêu nhân thường muối ý thức của an

Sau khi giết xong Thế-tử Thân-Sinh, vua Tân Hiến-Công hạ lệnh cho Bột Đè mang quân sang đất Bồ bắc Công-tử Trùng-Nhĩ đem về giết.

Quân lính bao vây ngôi nhà, nhưng Trùng-Nhĩ đã được mật tin chạy trốn. Bột-Đề rượt theo năm được vật áo cát đức một mảnh.

Lúc Tân Hiển-Công chết, con là Di-Ngô lên nối ngôi, tức là Tân Huệ-Công.

Tân Huệ-Công lại sợ Trùng-Nhĩ đem quân về cướp ngôi nên sai Bột-Đề một lần nữa tuyển chọn lực sĩ sang nước Địch để ám sát Trùng-Nhĩ. Nhưng chuyến này Bột-Đề cũng không thành công vì vua nước Địch kiềm soát rất ngặt, kẻ gian không thể lọt vào nước được. Việc ám hại Trùng-Nhĩ do đó bất thành.

Tân Huệ-Công chết, con là Ngũ lên nối ngôi, tức là Tân Hoài-Công.

Bấy giờ Trùng-Nhĩ nhờ quân nước Tân ủng hộ về nước để chiếm ngôi. Dân nước Tân và các tôi thần đều oán ghét Tân Hoài-Công, nên rất hâm mộ Trùng-Nhĩ về kế nghiệp. Tân Hoài-Công đánh không lại Trùng-Nhĩ nên được Bột-Đề phò tá chạy sang đất Cao Lãnh nạn. Trùng-Nhĩ mật sai người theo giết Tân Hoài-Công làm cho Bột-Đề bơ vơ phải quay về nước Tân.

Trùng-Nhĩ lên ngôi lấy hiệu là Tân Văn-Công. Khi mọi việc an bài liền mở tiệc đai đăng các tướng, còn việc thưởng phạt thì không hề nhắc đến.

Lã Di-Sanh và Khuốc-Nhuế là tôi thần của Tân Hoài-Công, tuy đã đầu hàng Tân Văn-Công nhưng lòng vẫn nghi ngại không an. Hai người định tìm Bột-Đề bày mưu tao phản.

Ngày nọ Lã Di-Sanh và Khuốc-Nhuế bàn với Bột-Đề thừa lúc đêm khuya phóng hỏa đốt cung giết Trùng-Nhĩ. Bột-Đề đồng ý và cả ba cát huyết ăn thè.

Tuy nhiên, Bột-Đề bên ngoài già bằng lồng hợp tác nhưng bên trong lại nghĩ thầm :

— Lúc trước ta lãnh lệnh Tấn Hiến-Công bắt Trung-Nhĩ, chém đứt vạt áo, sau đó ta lại được sai sang nước Địch tim giết Trùng-Nhĩ. Hai tội ấy nay có qui hàng chắc cũng không khỏi chết. Còn nếu nghe theo Lã Saah và Khước-Nhuế làm loạn thì cũng không yên thân được với chư hầu. Thôi, thà đến báo việc này cho tân quân hay, dẫu có chết cũng cam phận.

Tỉnh xong, ngay đêm ấy, Bột-Đề đến ra mắt Hồ-Yên.

Hồ-Yên thấy Bột-Đề thất kinh hỏi :

— Người là người có tội sao không trốn lại ở đây ?

Bột-Đề đáp :

— Tôi có việc cơ-mật, muốn bàn cùng tân quân xin ngại giới thiệu giùm.

Hồ-Yên nói :

— Người muốn chết hay sao mà đem xác đến dâng ?

Bột-Đề nói :

— Dẫu chết cũng cam. xin ngại cứ làm ơn tiến dâng.

Hồ-Yên bèn dẫn Bột-Đề vào cung, nhưng dè Bột-Đề đứng ngoài cửa, vào trước tâu trình với Tấn Văn-Công.

Tấn Văn-Công nói :

— Chắc không có chuyện gì cơ mật đâu. Chắc Bột-Đề vào muốn nhờ người tiến dâng đền xin tội đấy thôi.

Hồ-Yên nói :

— Muốn cho mọi người cảm phục, xin Chúa-công rông lượng với kẻ có tội.

Tấn Văn-Công nghe rồi giận làm lành, truyền mời thị đài Bột-Đề vào trách :

— Trước người chém ta đứt vạt áo, sau cõi tâm tìm ta hạ thủ may ta thoát được. Nay người còn đến đây làm gì ?

Bột-Đề nói :

— Chúa-công lưu lạc mươi mấy năm trời mà chưa thông hiều tình đời cho mấy. Vả Tiên-vương với Chúa-công là cha con, còn Tấn Huệ-Công với Chúa-công là anh em. Cha con, anh em mà còn thù nhau, huống hổ Bột-Đề này chỉ là một kẻ tội thần chịu dưới sự sai khiến của kẻ khác. Xưa Quản-Trọng vâng lời Công-tử Cử bắn Tề Hoàn-Công trúng đai da, thế mà lại được Tề Hoàn-Công yêu dùng. Nay Chúa-công hép lương với Bột-Đề này sao phải ? Tôi mà không đến đây, Chúa-công không tránh khỏi tai vạ.

Hồ-Yền tâu :

— Xin Chúa-công cho khép Bột-Đề tâu, xem có gì hệ trọng chẳng ?

Tấn Văn-Công hỏi :

— Vậy người muốn tâu việc gì ?

Bột-Đề không nói, đưa mắt nhìn hai bên. Tấn Văn-Công hiều ý đuổi hết nội thị ra ngoài. Lúc ấy Bột-Đề mới kể hết âm mưu tạo phản của Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế.

Kể xong, Bột-Đề nói :

— Nay bọn chúng có rất nhiều tay chân thù hạ trong thành. Muốn trừ tuyệt chúng, Chúa-công phải qua nước Tần cầu viện mới xong.

Hồ-Yền nói :

— Nay việc đã gấp, tôi xin hộ-tống Chúa-công sang Tần bàn kế. Việc trong nước đã có Triệu-Thôi lo liệu thì chu tất lắm.

Bột-Đè từ ta lui ra. Hồ-Yên sửa soạn một chiếc xe nhỏ, chờ đến Canh-năm, cả hai cài dặng ra khỏi thành sang nước Tân.

Rạng ngày trong cung có lệnh truyền ra :

— Chúa-công bị bệnh.

Các quan kéo vào cung để vấn an, nhưng cửa cung đóng chặt, lại có tấm bảng để "Miễn triều".

Kẻ giữ cửa nói :

— Chúa-công bị bệnh không tiếp người nào, truyền các quan đến ngày mồng một hãy đi chầu.

Ai nấy ngỡ thiệt, thở phào ra về. Lã Di-Sanh nói với Khước-Nhuế :

— Thế là trời chiều lòng chúng ta đó.

Trong lúc đó Tân Văn-Công và Hồ-Yên đã cài trang đến biên giới nước Tân, sai người đem mật thư giao cho Tân Mục-Công, mời Tân Mục-Công đến Vương-thành nghị sự.

Tân Mục-Công xem thư biết Tân hầu có biến nên vội vã lấy ngựa đi, nói dối là đi săn, thẳng đến Vương-thành bàn bạc.

Tân Văn-Công bày tỏ mọi việc. Tân Mục-Công mỉm cười nói :

— Mạng trời đã định. Bọn Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế làm sao thoát được. Ta liệu một mình Triệu-Thôi lo việc ấy đặng, hiền hảu chờ lo.

Nói rồi trở về sai Công-tôn Chi đem binh đến đóng nơi Hà khầu, chờ động tĩnh tùy nghị định liệu. Còn Tân Văn-Công ở đở lại Vương-thành chờ tin.

Từ khi có tin Tân Văn-Công bị bệnh, Bột-Đè, sợ Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế nghị nên ở luôn nơi nhà Khước-Nhuế, dối là để lo bàn công việc.

Đến ngày ấy, Bột-Đề nói với Khuróc-Nhué :

— Tân-Vân-Công hẹn mai sẽ ngự triều, nay chắc đã mạnh rồi, e thấy lửa cháy chạy trốn được. Hai ngài nên chia nhau giữ cửa trước, cửa sau. Còn tôi giữ cửa triều để ngăn người chữa lửa, đầu Trùng-Nhĩ có cánh cung không thể thoát được.

Tối hôm ấy cả bọn nai nịt, binh khí cầm tay, trang bị đồ dǎn hỏa mai phục bốn phía chờ canh ba hành sự.

Đến canh ba, bọn nội thị đang ngủ trong cung giật mình thấy lửa cháy bốn bề, xen lẫn với tiếng người hét :

— Rán bát Trùng-Nhĩ chờ để chạy thoát.

Lã Di-Sanh xách gươm vào tìm Trùng-Nhĩ, song kiểm khắp nơi vẫn không thấy. Bỗng thấy Khuróc-Nhué cũng đang đi tìm hai người chưa hết ngạc nhiên thì thấy Bột-Đề chạy vào báo :

— Các tướng Tân đem binh đến, mau mau tẩu thoát.

Lã Di-Sanh và Khuróc-Nhué thất kinh, gặp ai giết nấy, mò đường ra đến ngọ môn mới lên ngựa chạy.

Các tướng Tân dẫn quân vào cung chữa lửa nhưng không hiểu duyên cớ nào cả.

Trời sáng, lửa tắt mới biết Lã Di-Sanh và Khuróc-Nhué làm phản. Còn Tân-Vân-Công mất tích, không ai biết nơi đâu.

Bỗng gặp người nội thị tâm phúc của Tân-Vân-Công nói :

— Cách đây vài hôm, vào lúc canh năm, Chúa-công mặt thường phục ra đi với Hồ-Yen, chẳng rõ đi đâu, tên ai chưa thấy trở về.

Nguy-Thù nói :

— Cố-lê Chúa-công đã biết trước được âm mưu của bọn phản loạn nên lánh mặt. Nay tuy bọn phản loạn đã bỏ trốn, nhưng chắc đã chưa xa. Tôi xin đem quân đuổi theo bắt lại trị tội.

Triệu-Thôi nói :

— Hai tên phản nghịch ấy có trốn đi đâu cũng phải chết, Chúa-công đi vắng, chúng ta không nên động binh.

Giữa lúc đó, Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế cũng hay tin Tân Văn-Công chưa chết, lại sợ quan Đại-phu đem quân vây bắt, bàn mưu trốn ra nước ngoài tị nạn, nhưng chưa biết đi đâu.

Bột-Đề không muốn hai loạn tướng thoát vòng pháp luật, nên già cách bàn :

— Các ngài trước kia đã quen biết Tân, nay nên sang Tân nói dối là trong cung phát hỏa, Trùng-Nhĩ bỏ mình, nay xin đón Công-tử Ung về kế vị. Khi Công-tử Ung đã lên ngôi rồi thì Trùng Nhĩ có trở về cũng không tranh nòi.

Lã Di-Sanh nói :

— Vua Tân trước kia có cùng ta ăn thè ở Vương-thành, nay sang đầu chẳng biết vua Tân có dung nạp chẳng ?

Bột-Đề nói :

— Tôi xin sang trước, dò xem ý vua Tân thế nào rồi sẽ liệu kế.

Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế băng lòng, cùng đi với Bột-Đề ra khỏi biên giới nước Tân, rồi ở đó chờ tin.

Bột-Đề đến cửa sông Hoàng-hà nghe tin Công-tôn Chi đóng quân bên kia sông, liền đến nơi đại định, đem sứ tinh kẽ lại cho Công-tôn Chi biết.

Công-tôn Chi nói :

— Bọn phản nghịch đã đến đây nạp mang. Ta nên dù mà giết đi.

Nói xong viết một phong thư giao Bột-Đề đem về đưa cho Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế.

Trong thư đại-lược nói :

* Trùng-Nhi lúc về nước có hứa với Chúa-công tôi nạp năm thành, vì vậy Chúa-công sai tôi đóng quân nơi đây để cho Trùng-Nhi không dám bội ước như Tân Huệ-Công thuở nọ. Nay nghe tin Trùng-Nhi bị chết thiêu, hai ngài dồn Công-tử Ung về, Chúa công tôi cũng hoan hỉ xin mời hai ngài mau mau đến đây nghị-sự.

Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế tiếp được thư mừng không chút nghi ngờ, vội đến yết kiến Công-tôn Chi.

Công-tôn Chi ra nghênh tiếp, bày tiệc thết đãi rất hậu. Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế vui vẻ dạ ở yên.

Công-tôn Chi sai người phi báo cho Tân Mục-Công hay, và đề nghị Tân Mục-Công đến dắt Vương-thành ở thấy mặt hai tên phản loạn.

Chẳng bao lâu, Công-tôn Chi nói với Khước-Nhuế và Lã Di-Sanh.

— Nay Chúa-công tôi hiện ra công du nơi Vương-thành, hai ngài muốn yết kiến xin để bình mā nơi đây, theo tôi đến đó tôi sẽ tiến cử cho.

Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế nghe theo lời cùng với Bột-Đề và Công-tôn Chi ra đi. Đến nơi, Công-tôn Chi và Bột-Đề vào trước yết kiến Tân Mục-Công.

Tân Mục-Công một mặt sai Phi-Báo ra đón Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế, một mặt bảo Tân Văn-Công nấp sau binh-phong để nghe kè tội hai tên phản loạn.

Lã Di-Sanh và Khruoc-Nhué bước vào sập lạy Tân Mục-Công rồi tâu việc lập Công-tử Ung.

Tân Mục-công cười, nói :

— Công-tử Ung hiện nay có mặt nơi đây rồi.

Lã Di-Sanh và Khruoc-Nhué đồng thanh nói :

— Nếu vậy xin cho chúng tôi được yết kiến vua mới.

Tân Mục-Công gọi lớn :

— Tân-vương đâu, xin mời ra đây hỏi kiến ?

Tân Văn-Công từ sau bình phong bước ra. Lã Di-Sanh và Khruoc-Nhué trông thấy giật mình sập lạy xin lỗi.

Tân Mục-Công mời Tân Văn-Công cùng ngồi rồi nói :

— Hai loan tướng đã đến đây xin giao quý quốc xét định.

Tân Văn-Công chỉ vào mặt Lã Di-Sanh và Khruoc-Nhué mắng :

— Phản tặc ! Ta không xứng với chúng bay sao chúng bay lại dang tám bày trò phản phúc ? Nếu không có Bột-Đề rõ giác chúng bay đã làm hại cơ nghiệp của ta rồi.

Đến bay giờ Lã Di-Sanh và Khruoc-Nhué mới biết Bột-Đề bối-phản, lòng cảm hận nói với Tân Văn-Công :

— Bột-Đề đã cùng chúng tôi uống huyết ăn thè mà bối phản như vậy thì thật là người bất tín, xin Chúa-công giết Bột-Đề đi, đừng dùng.

Tân Văn-Công nói :

— Nếu không ăn thè làm sao rõ được âm mưu của các người ?

Nói xong, truyền võ-sĩ đem Lã Di-Sanh và Khruoc-Nhué ra thiêu, lại sai Bột-Đề làm giám sát.

Nhận xét:

— Làm người có ở chung khu. Dù him bảy đi nữa, đế hưa với ai cũng không nên quên lui nghĩa.

Kè ra Bột-Đề cũng là tay trung trinh đây. Từ lúc theo phè tá Tân Hoài-Công chạy trốn ra nước ngoài đến lúc hoạn-nạn mà không bỏ, mãi cho đến lúc Tân Hoài-Công chết mới quay về nước. Đức trung hiếu của Bột-Đề không thiếu.

Nhưng Bột-Đề là một mān người diễn hình cho kiếp con người làm quan của thời phong kiến. Con người ấy không thử ai thì thôi mà đã thử ai thì rāi trung thành.

Quay về nước trong lúc mình là kè có tội, lē ra nên hợp tác với Lã Di-Sanh và Khuréc-Nhuế để muu đồ khôi phục lại địa vị cũ của mình, Bột-Đề lại phản bội: hai người bạn mình đem cơ mưu tè giác với Tràng-Nhī.

I hé ta một lần nữa, Bột-Đề muốn đến hàn thề Chúa.

Con người Bột-Đề cẩn có Chúa đê thờ, vò thờ rất trung nghĩa, thế thôi.

Khác với Di-Sanh và Khuréc-Nhuế, con người thích lật lọng, nay phò, mai phế; Bột-Đề muốn thờ vua thôi, bất kỳ vị vua ấy thế nào, miễn là có vuơ đê thờ, và có người đê tò lòng trung thành của mình.

Mᾶa người như Bột-Đề trong thế gian này cũng không thiếu gì, đó là những kẻ có tư tưởng làm tội. Đời sống họ không cần ngai gi cao xa hơn là cõi một địa vị nào đó đê rồi cõi gắng làm tròn nhiệm vụ của kẻ khác giao phó cho mình.

Phản bội, Bột-Đề cũng không phải có ai ý với bạn, chỉ vì trong lúc Bột-Đề đang cẩn có vuơ thờ, cần có người đê sai khuên mình.

Phản bạn, Bốt-Đề không có đúng ý làp công cõi vinh, mà chỉ chứng minh con người khôn, bao giờ mang tiếng làm loạn.

Trong nhiều nước, đời sống công chúa cũng không khác gì đời sống và tư tưởng của Bốt-Đề. Các ông công chúa bắt cần nhà cầm quyền xấu hay tốt, hợp với ý mình hay không. Nay người này lên cầm quyền cũng vâng vâng, dạ dạ, tân tuy trên công việc họ sai khiến, mai người kia lên cầm quyền cũng vâng vâng, dạ dạ, và tân tuy cõi công việc họ sai khiến, trong đầu óc họ hình như chỉ có thừa hành công việc làm, không cần biết kẻ sai khiến mình như thế nào.

Những người này trở thành những công cụ cho guồng máy nhà nước, mà tư tưởng họ không còn biết đón đến hậu quả của công việc làm của họ nữa.

Đúng là một cuộc sống công bộc vậy.

"v"

ĐẦU-TU YẾT KIẾN TẤN VĂN-CÔNG

Dụng nhân như dụng mìn

Trung-Nhĩ bị vua cha và di ghê mưu sát nên bỏ trốn sang nước ngoài lánh nạn, được một số tướng lanh theo phò, trong số đó có Đầu-Tu là người tiêu lại lo việc giữ tiền, nấu ăn.

Trên bước đường lưu vong, cực khổ, may chạy sang nước này mai chạy sang nước khác mà không hề được sự giúp đỡ.

Đang khi khổ cực như vậy thì Đầu-Tu lại âm hết số tiền bạc làm hành trang, trốn đi một mình mất tích.

Trùng - Nhì và đoàn tùy tùng phải khổ cực đi tìm ăn.

Sau 19 năm lưu lạc, Trùng - Nhì về nước phục nghiệp, lên ngôi nước Tấn xưng hiệu là Tấn Văn-Công.

Để thu phục nhân tâm, chinh phục bọn phản nghịch còn sót lại trong nước, Tấn Văn-Công xuống lệnh đại xá cho tất cả dư đảng của loạn thần.

Tuy vậy, những kẻ có tội được tha bao giờ cũng áp út lo âu, nhiều lúc họ tỏ thái độ nghi ngờ không tin ở đức độ khoan hồng của nhà vua.

Cũng vì vậy mà Tấn Văn-Công có ý lo lắng lắm.

Một hôm trời lờ mờ sáng, có kẻ tiều lui là Đầu-Tu xin vào yết kiến.

Tấn Văn-Công nghe nhắc đến tên Đầu-Tu nồi giận:

— Người áy trước kia trộm tiền bạc của ta, khiến cho ta không còn gì tiêu dùng, phải đi ăn xin ở nước Tào và nước Vệ, bây giờ còn mặt mũi nào đến xin yết kiến ta nữa.

Liền khiến quân đuổi ra.

Đầu-Tu hỏi bọn nội thị :

— Có phải Chúa-công đang gọi đầu không ?

Bọn nội thị giật mình hỏi :

— Tại sao nhà ngươi biết được Chúa công đang gọi đầu ?

Đầu-Tu nói :

— Hé gọi đầu thì phải cúi xuống, trong ruột bị lộn-xộn, mà ruột bị lộn xộn thì lời nói cũng đảo-diện. Bởi thế mới không cho ta vào yết kiến. Ngày trước Chúa công dung tha Bột-Đề mà thoát được nạn Lã Di-Sanh và Khuốc-Nhuế, bây giờ lại không thể dung tha cho Đầu-Tu

này được sao ? Đầu-Tu đến đây chắc có kế giữ yên được nước Tấn, nếu Chúa-công không cho yết kiến, Đầu-Tu sẽ trốn đi.

Nội-thị vội vàng vào tâu với Tấn Văn-Công. Tấn Văn-Công thở dài nói :

— Ta đã phạm điều lỗi.

Nói xong liền đội mũ, mặc áo chỉnh tề cho Đầu-Tu vào ra mắt.

Đầu-Tu vào sụp lạy, rồi nói với Tấn Văn-Công :

— Chúa-công có biết những đồ đảng của Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế còn bao nhiêu người không ?

Tấn Văn-Công cau mày đáp :

— Dư đảng chắc hẳn còn nhiều lắm. Bạn ấy tự nghĩ mình tội lớn đâu ta có tha cũng không tin.

Đầu-Tu nói :

— Ngày trước tôi lấy tiền bạc của Chúa-công làm cho Chúa-công bị vất và đói khò, nay nếu Chúa-công đi chơi dùng tôi đánh xe, thiên hạ thấy thế sẽ cho Chúa-công là kẻ đại敵, thi không ai còn nghi ngờ nữa.

Tấn Văn-Công khen phai, giả cách đi tuần hành, dùng Đầu-Tu làm người đánh xe. Những đồ đảng của Lã Di-Sanh và Khước-Nhuế thấy vậy bảo thầm với nhau :

— Đầu-Tu là kẻ có tội, thế mà Chúa-công đã quên đi dùng làm kẻ thân-cận. Chúng ta không còn lo gì nữa.

Từ bấy giờ không ai còn nghi ngờ lòng khoan dung của Tấn Văn-Công nữa.

Nhận xét :

— Có những hạng người ranh mãnh luôn luôn khai thác hoàn-cảnh để trực lợi, và lúc nào cũng xem mình như những nhà hiền triết. Sự thật cái hiền của họ chỉ để mưu lợi riêng mình.

Làm tôi mà bỏ vua trốn đi trong lúc hoạn nạn, lại còn lấy trộm mất bạc vàng trong lúc lâm nguy, để cho cả bọn ra đi phải đối khó ở xứ người thì thật là phường bất trung bất nghĩa.

Khi vua trở về nước, làm nên sự nghiệp, lại mang mất trờ vè uốn mình cong gối, mợp lạy, đem ba tắc lưỡi hiến kế dâng mưu để cầu lấy địa-vị của mình.

Trong lúc khờ không cùng chịu, đến lúc sướng chen chân vào, Đầu-Tu đúng là con người quỷ-quyết xảo trá, khôn lanh đến cỡ thè nói là lưu-manh, và ra mặt điếm đàng.

Con người như Đầu-Tu chỉ làm lợi cho người nào khi thấy trong cái lợi của người ấy đã có cái lợi cho chính mình. Đó là hạng người thuộc loại phất cờ theo gió, hay theo đóm ăn tàn. Hạng người ấy thật đáng khinh, nhưng cũng có thè dùng được trong giai đoạn nào đó, và phải luôn luôn để phòng ngày trả mạt của chúng. Nhất là khi thế lực ta bị suy giảm là lúc chúng không lợi dụng cái địa vị của ta hiện tại nữa.

Nhưng dù sao, trải qua một thời gian lưu vong, thâu thập bao nhiêu kinh nghiệm sống, Trùng-Nhĩ chắc hiểu thâm ý và đã áp dụng câu « Dụng nhân như dụng mộc » của người xưa để lại, mà dùng Đầu-Tu vậy.



GIỚI TỬ-THÔI VỚI MỐI TÌNH TRÙNG-NHĨ

*Người hiếu tử bỏ thân thờ cha mẹ,
người trung thần bỏ thân thờ vua.*

Trên bước đường lưu vong trốn ra ngoài nước, Công-tử Trùng-Nhĩ và bọn tôi thẫn trại qua rất nhiều cam go, lầm than, khát sở đói khát...

Không tiền bạc, hết lương thực, bọn người này phải đi ăn xin.

Một hôm đói quá. Đói đến lã người, cả bọn cơ-hồ không còn đi được nữa, Trùng-Nhĩ phải kiêm gối cây có bóng mát gối đầu vào đùi Hồ Mao mà nằm.

Bọn tôi thẫn chia nhau đi bứt rau sam về luộc ăn. Bỗng Giới Tử-Thôi mang một bát thịt nóng hồi đến dâng. Trùng-Nhĩ ăn ngon lành. Ăn xong khoẻ khoắn liền hỏi Giới Tử-Thôi :

— Nhà ngươi lấy đâu được thịt ngon như thế ?

Giới Tử-Thôi chỉ vào đùi mình thưa :

— Ấy là thịt đùi của tôi đó. Tôi nghe rằng người hiếu tử bỏ thân vì cha mẹ, người trung-thần bỏ thân để thờ vua. Nay Công-tử đói không có gì ăn nên tôi đã cắt thịt đùi dâng cho Công-tử.

Trùng-Nhĩ úa nước mắt nói :

— An này biết bao giờ ta đáp được.

Tại sông Hoàng-hà, ngồi trên chiếc thuyền độ quân về khôi phục nước Tấn, Giới-Tử-Thôi chứng kiến việc Trùng-Nhĩ bảo Hồ-Thúc quăng xuống sông các vật dụng xưa cũ dùng trong lúc lưu vong và bảo :

— Sắp về làm vua nước Tấn thiếu gì đồ châu báu bạc vàng, cần gì đến những đồ vật hư rách áy nưa ?

Bất-giác Giới Tử-Thôi nòi giận, nét buồn lộ hẳn trên mặt, than :

— Ta rất lấy làm xấu hổ khi cùng đứng chung một trào với bọn người chỉ biết có danh lợi phú quý.

Từ đó Giới Tử-Thôi có ý xa Trùng-Nhĩ và bọn tôi thần của Trùng-Nhĩ.

Khi phục quốc xong, Trùng-Nhĩ lên làm vua tức là Tấn Văn-Công.

Tấn Văn-Công ban thưởng cho những người có công phục quốc chia ra làm ba hạng : Một là những người tòng vong, hai là những người tòng khoản (những kẻ giúp tiền của), ba là những người nghênh hàng (những kẻ làm nội ứng đón vua về).

Ban thưởng xong, Tấn Văn-Công còn yết nơi cửa thành một chi dụ : « Kẻ nào có công chưa được thưởng được phép kêu nài ».

Tuy Tấn Văn-Công đã đặt ra quy chế như vậy, nhưng cũng không làm vừa lòng những kẻ có công.

Hồ-Thúc thấy mình không được trọng thưởng bằng Hồ-Yền, Triệu-Thôi nên kêu nài :

— Tôi theo Chúa-công từ khi ở đất Bồ, trong lúc chu du khắp thiên hạ, lúc nào cũng hầu cận bên cạnh Chúa-công, nay Chúa-công thường tôi công quá bạo, chẳng biết tôi đã phạm tội gì ?

Tấn Văn-Công nói :

— Trong bọn tòng vong kẻ nào lấy điều nhân-nghĩa khuyên bảo ta thì được công đầu, kẻ nào vì ta mà bày mưu kế là công thứ hai, còn kẻ nào xông pha tên đạn để giữ

gin cho ta là công thứ ba. Còn những kẻ chỉ có công cực
nhọc theo ta tất nhiên phải thường phần kém hơn.

Hồ-Thúc nghe nói hò hẹn cứ đầu bước ra
Ngụy-Thù và Đien-Hiệt ý minh vũ-dũng, thấy Hồ-
Yền và Triệu-Thôi là bậc văn thần, được thường công
đầu, lòng không phục, vẫn kêu ca oán hận.

Riêng Giới Tử.Thôi cũng là người trong bọn tòng-
vong, song tánh điểm đậm ít nói, lại thấy bọn Hồ-Yền
cậy công nên từ khi Tấn Văn-Công lên ngôi chỉ vào chúc
mừng có một lần, rồi cáo bình về nhà yên phận nghèo,
hàng ngày đi vá giày thuê nuôi mẹ.

Khi Tấn Văn-Công ban thường triều thần, không
thấy Giới Tử.Thôi, nhưng cũng quên đi, không ai nhắc đến.

Người láng giềng bên nhà Giới Tử.Thôi là Giải-
Trương thấy vậy đến nói với Giới Tử.Thôi :

— Ngài cũng có công theo phò Chúa-công trong 19
năm trời, nay Chúa-công phục nghiệp lẽ nào lại không
trưởng chút công lao.

Mẹ Giới Tử.Thôi nói :

— Nhà mình nghèo khổ, trước kia con đã cắt thịt
dùi đè nuôi Chúa-công trong lúc đói lòng, sao bây giờ
không nói ra, may nhận vài chum thóc chẳng hơn đi vá
giày thuê ư ?

Giới Tử.Thôi nói :

— Tấn Hiến-Công xưa có 9 người con, chỉ có Chúa-
công là hiền hơn cả, nay Chúa-công phục-nghiệp ấy là do
trời muôn, các người theo hầu không biết, tự nhận là
công lao mình, con thấy xấu hổ lắm.

Bà mẹ nói :

— Con đã là người liêm-si, mẹ đây há lại không làm
được người mẹ của người biết trọng liêm-si hay sao ?

Vậy thi mẹ con ta tìm nơi rừng núi sống àn dật, chờ nên sống giữa cảnh thị thành.

Nghe mẹ nói, Giới Tử-Thôi mừng rõ nói :

— Con vẫn thích chốn Miên-thượng là nơi núi cao, hang sâu. Nay mẹ con ta đến đó mà ở.

Nói rồi công mẹ đến đắt Miên-thượng, vào trong hang đá nương nau.

Láng giềng hàng xóm không biết Giới Tử-Thôi đi đâu cả. Riêng có một mình Giải-Trương biết mà thôi.

Giải-Trương nghĩ tới cảnh bạc bẽo động lòng, liền lén viết một mảnh giấy, thửa lúc đêm tối đem treo nơi cửa thành. Mảnh giấy viết như sau :

« Có một con rồng lúc thất thế đàn rắn đi theo chu du thiên hạ, rồng đói, một rắn xéo thịt đùi nuôi. Đến khi rồng mây gặp hội, đàn rắn hưởng cảnh sung sướng, chỉ một rắn chẳng ai hỏi đến ».

Sáng hôm sau, quân sĩ trông thấy đem trình Tấn Văn-Công.

Tấn Văn-Công đọc xong giật mình nói :

— Đây là Giới Tử-Thôi oán hận ta đó. Khi trước qua nước Vệ, Giới Tử-Thôi cắt thịt đùi nấu cháo cho ta ăn, nay ta ban thường công thần mà quên mất Giới Tử-Thôi, ấy là điều lỗi lớn.

Liền sai người đến triệu Giới Tử-Thôi, nhưng Giới Tử-Thôi công mẹ đi mất rồi.

Tấn Văn-Công lại bắt những người láng giềng đến hỏi, nhưng không ai rõ Giới Tử-Thôi đi đâu cả.

Tấn Văn-Công truyền rằng :

— Hễ ai biết được Giới Tử-Thôi đi đâu thì sẽ phong làm quan.

Giải-Trương đến yết kiến Tấn Văn-Công tâu :

— Mảnh giấy đó không phải của Giới Tử-Thôi, chính là tôi đã viết thay đó. Giới Tử-Thôi không muốn cầu thường đã công mẹ vào trong núi Miên thượng. Tôi viết bức thư ấy cốt nhắc cho Chúa-công nhớ.

Tấn Văn-Công nói :

— Nếu không có bức thư của người ta đã bội nghĩa rồi.

Nói xong, phong cho Giải-Trương làm chức Hạ Đại-Phu, rồi khiến Giải-Trương dẫn đường đến Miên thượng mà tìm Giới Tử-Thôi.

Khi đến nơi chỉ thấy núi xanh, rừng rậm, nước chảy hoa trôi, chim hót véo von, mây che mù mịt, còn Giới Tử-Thôi không thấy đâu cả.

Tấn Văn Công truyền rằng :

— Ai thấy Giới Tử-Thôi trốn chỗ nào thì được trọng thưởng.

Quân sĩ bắt mấy người nông phu gần đấy hỏi.
Nông phu nói :

— Mấy hôm trước chúng tôi thấy một người công bà cụ già đến đây, ngồi nghỉ nơi chân núi rồi chẳng biết đi về đâu.

Tấn Văn-Công truyền đỗ xe dưới chân núi rồi sai người đi tìm.

Qua mấy ngày quân sĩ lục lạo khắp nơi vẫn không tìm được tông tích. Tấn Văn-Công nói :

— Ta nghe Giới Tử-Thôi là người chí hiếu, nay công mẹ vào rừng, lại giận ta không chịu ra yết-kiến, bây giờ ta phóng hỏa đốt rừng, thế nào Giới Tử-Thôi cũng công mẹ chạy ra.

Ngụy-Thù nói :

— Trong bọn tòng vong cũng nhiều người có công

lao, nay Giới Tử-Thôi ý mình có chút công mọn làm khò Chúa-công, đè hắn tránh lừa còng mẹ ra đây tôi mang cho xấu hổ.

Nói xong truyền phỏng-hỏa khắp khu rừng. Lừa to gió mạnh, cháy lan đến mấy dặm. Trong ba ngày lửa mới tắt, thế mà Giới Tử-Thôi vẫn nhất định không ra. Hai mẹ con ôm nhau chịu chết dưới gốc cây liễu.

Quân sĩ tìm được xác chết báo lại với Tân Văn Công. Tân Văn-Công úta nước mắt, truyền lập miếu mà thờ, đổi tên núi là Giới-Sơn.

Tân Văn-Công ở đó lo việc chôn cất xong xuôi, lấy ruộng xung quanh núi đặt làm ruộng tế điện, rồi mới truyền hộ giá về triều.

Nhận xét :

— Trong con người thường có tự ti mặc cảm.. Đó cũng là tánh tốt, nhưng nếu quá tự ti mặc cảm thì đi đến chỗ gán-

Theo một ông vua lưu vong, bỏ mẹ già trong cảnh đói rách, lại cắt thịt đùi cho vua ăn trong lúc sơ cức. Giới Tử Thôi đã làm được việc trung nghĩa mà trong sử sách ít ai làm được.

Thường thường có những kẻ tỏ lòng trung với vua, hy sinh thân mình trong lúc vua đang nắm quyền hành, những kẻ đó chỉ là những kẻ lợi dụng quyền thế nhà vua thủ lợi, chưa chắc đã trung. Kẻ nào tận tình hy sinh trong lúc túng cùng mới thật là người có nghĩa không vì lợi.

Gan dạ đúng lúc, hy sinh đúng lúc, Giới Tử-Thôi quả là con người tốt.

Nhưng cái tốt của Giới Tử-Thôi không phải ở bề ngoài như những trường hợp khác, mà nó tốt ở lòng không vụ lợi, không ham muốn quyền quý. Cái siêu-việt là ở chỗ đó.

Giới Tử-Thôi nói : « Con hiểu bỏ thân thờ cha, tôi trung bỏ thân thờ vua ». Chính quan niệm trung hiếu của Giới Tử-Thôi thuần túy là một nghĩa vụ thiêng liêng không phải vì lợi.

Thế cho nên, lúc ngồi trong thuyền, Giới Tử-Thôi chứng kiến việc Trung-Nhĩ và bọn Hồ-Thúc, Hồ-Yên bắt chẹt nhau, thế thốt làm cho Giới Tử-Thôi chán nản và tự si cho mình khi phải chen lén với bọn người chỉ biết đua nhau chạy theo danh lợi, mưu chước, lừa đảo nhau vì tiền tài chúc phúc mà không chút gì gọi là thiêng liêng, cao cả như ý muốn của Giới Tử-Thôi cả.

Thôi thường, đem thân thờ vua, ngoài mục đích an dân quốc thái, mấy ai không nghĩ đến chỗ quyền cao chức trọng riêng mình. Nhưng Giới Tử-Thôi thì khác hẳn. Ông ta quan niệm đó là một nghĩa vụ mà không cần nghĩ đến quyền lợi riêng tư.

Đem thân thờ Chúa luân lạc bao nhiêu năm trời, Giới Tử-Thôi không nghĩ đến thân mình, đến mẹ mình, gia đình mình khi thành công về nước, mà chỉ có bồn phận phục vụ trên nghĩa cả.

Quan niệm như thế tưởng thật cao quý và thiêng liêng. Giới Tử-Thôi đã vượt lên trên cái tầm thường của mọi người vây

Thêm vào đó, Giới Tử-Thôi lại có được một bà mẹ biết trọng liêm sỉ, biết tìm một lê sòng thanh bạch, từ nguyên làm một bà nệ đứng đắn để cho đức thanh cao của con mình đã thanh cao lại thanh cao hơn.

Tuy nhiên, nếu xét cho kỹ thì trường hợp Giới Tử-Thôi cũng có một vài giả thuyết đáng nghi ngờ.

Trong đời không thể có một việc làm nào không mong đạt được một kết quả, cũng như trong con người không ai lại muốn cho mình đau buồn cực nhọc khi mình có quyền

hưởng giàu sang sung sướng. Giới Tử-Thôi không mang
sang sướng và có ý chịu cực ư?

Nếu bàn như vậy e không đúng. Riêng Giới Tử-Thôi
thì thế nào cũng được, nhưng Giới Tử-Thôi còn có mẹ
già, mà Giới Tử-Thôi lại là con chí hiếu, đem thân lưu lạc
thờ Chúa bao nhiêu năm trời lẽ nào lại không mưu cầu hạnh
phúc cho người mẹ?

Giới Tử-Thôi chắc vì Trùng-Nhī bỏ quên nên tự át đến
nỗi không còn muốn sống trên đời, gần gũi loài người nữa.

Thật vậy, đứng về tâm lý mà xét nếu Giới Tử-Thôi
là một người không mang danh lợi thì đầu Trùng-Nhī có bỏ
quên mình cũng chỉ thản nhiên thôi, coi như không có việc gì
xảy ra cả, tại sao lại phải công mẹ vào rừng trốn, tạo một
cuộc sống ẩn dật. Hành động công mẹ vào rừng chứng tỏ
Giới Tử-Thôi giận Trùng-Nhī đã quên mình.

Sự giận dữ ấy lại chứng tỏ rằng Giới Tử-Thôi nghĩ
mình có công lớn với Trùng-Nhī mà không được đối xử
xứng đáng. Đã có ý ấy thì không thể gọi Giới Tử-Thôi là
một người không vì danh lợi được.

Đời nay càng có nhiều người trong lúc thất thời, xã hội
không dung đến, nằm rong dài chê trách người này kẻ nọ,
cho công danh như phù vân, cho quyền lợi như bợ bè, tỏ
ý khinh thường danh lợi. Họ làm như họ là những bậc liêm
khiết, cao siêu nhưng kỳ thật họ chỉ là những kẻ thất thời,
không đặc dụng nên bất mãn mà thôi. Nếu được dung đến
thì họ cũng như ai xem quyền lợi là nguồn sống, xem địa vị
là danh giá của đời người, và chính họ cũng là người tham
nhũng không thua những tay săn mồi lùng danh.



CHÂU TƯƠNG-VƯƠNG VỚI NÀNG THÚC-NGÕI :

— *Bản nồng con người là một mớ phức tạp, mà đời sống con người không bao giờ được thỏa mãn.*

Vua nước Trịnh là Trịnh Văn-Công liên kết với Sở, cậy thế hùng hiếp các nước yếu. Thấy vua nước Hoạt làm thân với nước Vệ, không phục Trịnh, nên Trịnh Văn-Công cử binh sang đánh. Vua nước Hoạt cứ không lại phải xin hoà.

Tuy nhiên, sau khi Trịnh rút quân về thì nước Hoạt lại liên kết với Vệ, bắt phục Trịnh.

Trịnh Văn-Công giận lắm, sai Công-tử Sĩ-Tiết làm Chánh-tướng, Đỗ Dũ - Di làm Phó-tướng cử binh sang đánh nước Hoạt lần nữa. Lúc đó Vệ Văn-Công đang thân mật với Thiên-tử nhà Châu, nên đem việc Trịnh Văn-Công hiếp nước Hoạt và tâu với Châu Tương-Vương.

Châu Tương-Vương sai quan Đại-phu Du Ty-Bá đến nước Trịnh giảng hoà cho nước Hoạt.

Trịnh Văn-Công bất mãn nói :

— Trịnh và Vệ có khác gì nhau, sao Thiên - tử lại binh Vệ mà bỏ Trịnh ?

Nói xong, truyền bắt Du Ty - Bá giam lại, chờ đánh Hoạt xong sẽ thả về.

Những người theo hầu Du Ty-Bá về báo lại với Châu Tương-Vương.

Châu Tương-Vương nói giận mắng :

— Trịnh-hầu khinh khi chẳng kè mệnh trâm phải
trừng trị mới được.

Hai quan Đại-Phu Đỗi-Thúc và Đào-Tử quỳ tâu :

— Tâu Bệ-hạ, nước Trịnh nay cậy thế có Sở nên
không sợ oai vua, muốn phạt Trịnh, Bệ-hạ phải mượn
quân nước Dịch mới được.

Quan Đại-Phu Phú-Thần can :

— Không nên. Trịnh-hầu vô đạo, song nước
Trịnh là nước thân thuộc với nhà Châu xưa nay, tờ
tiên giúp nhiều công nghiệp, còn nước Dịch là mọi
rợ, bắt tuân giáo hóa, nay không nên mượn Dịch
danh Trịnh.

Đỗi-Thúc và Đào-Tử nói :

— Vua Vũ-Vương ta ngày xưa đi đánh nhà
Thượng các nước mọi rợ đều giúp sức, nay ta lại ty
hiểm làm gì ?

Châu Tương-Vương khen phải, sai Đỗi-Thúc và
Đào-Tử sang nước Dịch mượn quân đánh Trịnh.

Vua nước Dịch vâng mạng giả cách đi săn, lén
vào biên giới nước Trịnh chiếm cứ đất Lịch-thành.
rồi sai sứ theo Đỗi-Thúc và Đào-Tử vào triều Châu
báo tin thắng trận.

Châu Tương-Vương nói :

— Nước Dịch có công với trâm, nay nhân lúc
Hoàng-hậu mới mất, trâm muốn lấy con gái nước
Dịch, các khanh nghĩ sao ?

Đỗi-Thúc và Đào-Tử nói :

— Chúng tôi nghe người nước Dịch có câu hát :

« Đoá hoa Thúc-Ngõi hai nàng

« Dung nhan diễm lệ ngàn vàng chưa cân».

Câu hát đó nói nước Địch có hai người con gái... đều tên là Thúc-Ngõi, nhan sắc cả hai đều đẹp. Một nàng là con gái nước Cao Nhĩ đã gả cho nước Tần rồi, còn một nàng là con gái vua nước Địch, hiện nay vẫn chưa lấy chồng. Xin Bệ-hạ cho sang hỏi.

Châu Tương - Vương mừng rỡ cho Đồi - Thúc và Đào-Tử sang nước Địch đè hỏi Thúc-Ngõi.

Vua nước Địch sai người đưa Thúc - Ngõi đến. Châu Tương - Vương muốn lập Thúc-Ngõi làm Hoàng - hậu, Phú-Thần can :

— Nước Địch có công thì ban thưởng, xin Bệ-hạ chờ vì công trạng mà lập gái nước Địch làm Hoàng-hậu thiên hạ chê cười.

Châu Tương-Vương nói :

— Đầu gái nước nào mà trâm đã quí mến thi có thể lập lên làm Hoàng-hậu được. Khanh chờ nhiều lời.

Nói xong lập Thúc-Ngõi lên làm Hoàng-hậu.

Ngõi - hậu tức Thúc - Ngõi tuy nhan sắc mặn mà, nhưng tính nết không được thùy mị. Khi ở nước Địch thường hay theo vua Địch đi săn bắn, cưỡi ngựa cầm cung đã quen, nay về làm Hoàng-hậu nhà Châu cả ngày kèm thúc lấy làm khó chịu.

Một hôm tâu với Châu Tương-Vương :

— Từ thuở bé thiếp ưa thú săn-bắn, nay xin bệ-hạ tổ chức các cuộc săn bắn đè thiếp được theo hầu cho vui.

Châu Tương-Vương chiều ý liền chọn một đoàn ngự lâm quân và dẫn các tướng sĩ đến núi Bắc-Khâu. Muốn làm vừa lòng Hoàng-hậu vua lại treo giải hẽ ai săn được nhiều cầm thú sẽ được trọng thưởng.

Trong số những người được trọng thưởng có Vương-tử Đái là kè bắn được nhiều cầm thú nhất.

Vương-tử Đái mặt mũi khôi ngô, hình dung tuấn tú, vốn là thứ đệ của Châu Tương-Vương. Người trong nước đều gọi là Thái-Thúc.

Năm trước, Vương-tử Đái đã lập mưu muốn tranh ngôi, nhưng bị thất bại phải trốn sang Tề, bà Huệ-hậu hai ba lần nói với Châu Tương-Vương lấy lòng nhân từ đối đãi với anh em, vì vậy Châu Tương-Vương bắt đặc dì phải tha tội cho Vương-tử Đái và đòi về.

Nay Ngõi-hậu thấy Vương-tử Đái đem lòng yêu mến, nói với Châu Tương-Vương :

— Giờ này hãy còn sớm, xin Bệ-hạ cho phép thần thiếp được săn bắn chơi một lúc để trọn cuộc vui.

Châu Tương-Vương nhận lời truyền quân sĩ sửa soạn binh khí để Ngõi-hậu đi săn.

Ngõi-hậu cởi áo ngoài, mặc áo ngắn, lưng đeo tên trông rất phong nhã.

Ngõi-hậu lại tâu với Châu Tương-Vương :

— Thần thiếp ở nước Địch thường đi ngựa, và xin Bệ-hạ cho thần thiếp được dùng ngựa mà săn bắn.

Ngõi-hậu sắp sửa lên ngựa, Châu Tương-Vương ngăn lại nói :

— Cần phải có người theo bảo vệ mới được. Đề trâm chọn một người cởi ngựa giỏi theo ái khanh.

Vương-tử Đái xin đi. Bọn thị nữ lên ngựa cùng với Vương-tử Đái theo sau. Ngõi-hậu giục ngựa vòng theo sườn núi. Chẳng bao lâu ngựa Vương-tử Đái theo kịp. Hai ngựa song song.

Ngõi-hậu nói với Vương-tử Đái :

— Vương-tử Đái thật là bậc đại tài, thiếp nghe tiếng đã lâu đến bây giờ mới biết mặt. Vương-tử Đái khiêm tốn đáp :

— Tôi mới học cưỡi ngựa còn kém Hoàng-hậu xa lâm.

Người-hậu nói :

— Sáng mai Vương-tử vào cung Huệ-hậu giả cách vẫn an đê thiếp có một câu chuyện cần nói.

Nói chưa dứt lời, bọn thị nữ đã đến kịp. Người-Hậu liếc mắt đưa tình nhìn Vương - tử Đái.

Vương-tử Đái khẽ cúi đầu rồi quay ngựa lui lại. Giữa lúc đó trong rừng có một đoàn hươu chạy ra, Vương-tử Đái rút tên bắn một mũi hạ được một con, còn Người - hậu cũng bắn được một con, mọi người vỗ tay hoan hô.

Người-hậu quay ngựa trở về. Châu Tương-Vương ra đón. Người-hậu đem hai con hươu dâng nạp cho Châu Tương-Vương.

Châu Tương - Vương khen người không cùng rời truyền lệnh hồi loan, mở tiệc vui vầy.

Ngày hôm sau, Vương-tử Đái vào cung thăm Huệ-hậu, đã thấy Người-hậu ở đó rồi. Người-hậu đem tiền bạc đút lót cho bọn cung nhân, rồi ngày hôm ấy tư thông với Vương-tử Đái trong một phòng riêng. Khi từ giã hai bên có vẻ tương đặc làm.

Người-hậu nói với Vương-tử Đái :

— Thỉnh thoảng Vương - tử nhớ vào đây thăm thiếp nhé.

Câu chuyện này bọn cung nhân đều biết, nhưng vì Vương - tử Đái là con của Huệ-hậu, nên không ai dám hỏi mội. Vương-tử Đái từ ấy ngày nào cũng giả cách vào cung thăm mẹ, đê tư tình với Người-hậu. Huệ-hậu cũng biết nhưng vì thương con không dám nói ra.

Trong bọn cung nữ có một nàng tên Tiều - Đông nhan sắc mặn mà, lại ca hát rất hay. Một hôm Vương-tử Đái đang cùng với Người - hậu uống rượu, sai Tiều -

Đóng thời sáo đè Vương-tử Đái theo nhịp mà hát. Đến lúc Vương-tử Đái rượu đã chênh choáng có ý lợi là, nắm tay Tiều-Đông đứa cợt.

Tiêu-Đông sợ hãi cởi áo bỏ chạy. Vương-tử Đái giận lắm, rút gươm chạy theo nói :

— Nếu nàng không thuận ta quyết chẳng dung tinh.

Tiêu-Đông chạy thẳng đến cung Châu Tương-Vương kè hết chuyện Vương-tử Đái tư thông với Ngõi-hậu.

Châu Tương-Vương nghe nói nỗi giận rút thanh kiếm nơi đầu giường đi tìm giết Vương-tử Đái.

Song nghĩ lại :

— Vương-tử Đái là con cưng của Thái-Hậu, nay chưa có bằng cớ gì mà giết đi e Thái-hậu bất bình. Vả lại Vương-tử Đái vô nghệ cao cường, đánh tay đôi khó thắng, chỉ bằng đè mai lâm triều đem ra xử trước mặt bá quan là hay hơn.

Tỉnh xong, Châu Tương-Vương lên giường nằm thở dài, lại sai nội thị đi nghe tin tức bên hậu cung.

Giây lâu, nội thị về báo :

— Vương-tử Đái sơ tội đã bỏ trốn.

Hôm sau, Châu Tương-Vương đòi các cung nhân đến tra hỏi. Tất cả đều chối dài. Châu Tương-Vương sai dân Tiều-Đông ra đối chứng cả bọn mới chịu cung khai.

Xét xong, Châu Tương-Vương truyền bắt Ngõi-hậu giam vào lánh cung.

Từ khi Vương-tử Đái bỏ trốn sang nước Dịch, Thái-hậu buồn rầu sanh bệnh. Còn Đồi-Thúc và Đào-Tử thấy có sự chư vậy lén bàn riêng với nhau :

— Xưa việc viễn binh đánh Trịnh và rước Thúc-Ngõi về Châu đều do ý kiến của hai ta cả. Nay Ngõi-hậu

bị dày lanh cung, còn Vương-tử Đái trốn sang nước Địch thế nào Vương-tử Đái không mượn binh nước Địch đem về trả oán Nếu Vương-tử Đái thắng thế thì chúng ta không thể nào sống yên được. Chỉ bằng chúng ta theo Vương-tử Đái sang nước Địch đè tinh kế lâu dài về sau.

Bàn tính xong, cả hai len trốn ra khỏi thành hàng đến nước Địch. Đến nơi, Vương-tử Đái chưa kịp vào thành Đồi-Thúc và Đào-Tử bàn với Vương-tử Đái rồi vào thành nước Địch trước, tâu với vua nước Địch :

— Trước kia hai tôi lanh mệnh vua quý quốc rước nương nương về cho Vương-tử Đái, nào ngờ Châu Tương-Vương thấy đẹp, chiếm phong làm Hoàng-hậu. Một hôm Hoàng-hậu sang cung Thái-hậu vẫn an, dọc đường gặp Vương-tử Đái, hai bên nhắc chuyện cũ, bị cung nhân trông thấy gièm pha. Châu Tương-Vương chẳng nghĩ đến tình chồng vợ, dày Hoàng-hậu vào lanh cung, đuổi Vương-tử Đái ra khỏi nước. Nay Vương-tử Đái sang đây mượn binh quý quốc đem về phục hận, và cũng đè cứu Hoàng-hậu khỏi bị tù, xin hiền hầu giúp sức.

Vua Địch hỏi :

— Vương-tử Đái hiện giờ ở đâu ?

Đồi-Thúc và Đào-Tử thưa :

— Vương-tử còn ở ngoài thành chờ lệnh.

Vua Địch sai người rước vào. Vương-tử Đái vào lấy lễ chàng rè cha vợ mà ra mắt.

Vua Địch truyền Đại-tướng Xích-Dinh dẫn năm ngàn quân sang đánh Châu.

Châu Tương-Vương được tin liền khiến quan Đại-

Phu Đèm - Bí lèm sứ, qua bỏ việc Vương-ử Đại loạn
luân cho vua Địch biết để rút quân về.

Vua Địch không nghe, chém sứ, rồi kéo quân thẳng
đến chân thành nhà Châu quyết ý chinh phạt.

Châu Tương Vương cả giận sai Nguyễn Bí - Quản
lãm Đại-tướng Mao-Vệ làm Tòng-binh đem ba trăm cỗ
xe ra hành cự địch.

Nguyễn Bí-Quản khiến quân đem chiến xa đi chung
quanh như một bù thành, Bình Địch không sao phi nòi.

Xích - Đ nh, tướng nước Địch nghĩ ra một kế, sai
quân vào Thủy-vân sơn, lập một đồi cao, dựng cờ Thiên-
tử, lừa mìn quân già làm Vương-ử Đại ngồi ăn uống
trên đài cùng các cung nữ có nhạc giúp vui ầm ĩ, chọc
cho quân Châu nồi giận ra đánh.

Lại khiến Đô-Thúc và Đào-Tử dẫn hai ngàn quân
qua phía tả dinh Châu mà mai phục

Còn Xích Phong-Tử đem năm trăm quân đến trước
dinh Châu, đợi quân Châu kéo ra thi đánh cầm chừng
rồi giả thua bỏ chạy, dụ cho quân Châu đến hiềm địa
sẽ ra tay.

Xích Phong-Tử lãnh lệnh khiêu chiến khiến quân
chửi mắng nhiều lời thậm tệ.

Nguyễn Bí-Quản đứng trên thành thấy quân Địch
ít, muốn xông ra đánh, Mao-Vệ vội can :

— Thuở nay dân Địch có tiếng là quỷ quyết,
Tướng quân chờ nóng, chờ đợi bọn caung mỏi mệt
hãy ra quân.

Tuy nhiên, quân Địch khiêu khích quá sức, Nguyễn
Bí-Quản không nhịn được, liền thét quân mở cửa thành
dày xe ra đánh

Xích Phong-Tử thấy binh Châu đã trúng kế liền bỏ

cả ngựa kéo quân chạy bộ, Bình Châu tham rượt bắt những con ngựa bỏ không hàng ngũ lộn xộn.

Xích Phong-Tử chạy thẳng lên núi Thúy-Vân chỗ có phục binh Nguyên Bá-Quán thúc quân đuổi đến trông thấy Vương-tử Đái đang ngồi za dài cao uống rượu với cung nř, liền chỉ tay hét lớn :

— Tên phản thần kia rồi !

Liền truyền quân phủ vây. Xiy nghe tiếng pháo nồ, hai bên kẹt núi quân phục nồi lên vây binh Châu vào giữa. Hai đội binh phục này do Đái-Thúc và Đào-Tử cầm đầu.

Biết đã trúng kế, Nguyên Bá-Quán truyền quân lui lại, nào ngờ quân Dịch bỏ cây chặn đường, nên xe tối lui không được.

Liệu trốn không thoát, Nguyên Bá-Quán xuống ngựa cõi áo mao giả dạng quân sĩ bỏ trốn

Nhưng có một tên hầu cận biết được hỏi :

— Bây giờ Tướng quân chạy đi đâu ?

Đái-Thúc nghe được truyền quân bao vây bắt được Nguyên Bá-Quán.

Binh Châu thua trận về báo cho Mao-Vệ hay. Mao-Vệ run rẩy đóng chặt cửa thành, sai quân về trào xin viện binh.

Đái-Thúc nói với Vương-tử Đái :

— Chúng ta bắt được Nguyên Bá-Quán. Mao-Vệ sợ hãi bế thành, đêm may chúng ta đến cướp trại ắt thành công

Vương-tử Đái khen phai liền bàn với Xích-Định. Xích-Định bằng lòng truyền canh ba cướp trại.

Đến canh ba Xích-Định dẫn quân đến dinh Châu, dùng búa đồng phá lủng thành xe, rồi càn rô vào nồi

lửa đốt Lira gấp gió lan tràn cháy khắp nơi, binh Chiêu bỏ chạy. Đôi-Thúc thừa thế dẫn quân xông vào chém giết. Mao-Vệ bỏ dinh xông ra ngoài chạy trốn, rủi gặp binh Vương-tử Đái bắt gặp.

Quân nước Dịch thừa thắng kéo tới Vương thành vây phủ.

Châu Tương-Vương nghe tin bại binh than với Phú Thân :

— Bị trấn không nghe lời can gián của khanh nên quốc gia mới nguy vong như vậy.

Phú-Thân nói :

— Thế quân Dịch mạnh, quân ta cự không nổi, xin Bệ-hạ tìm phương lánh nạn, sau sẽ cầu viện với chư hầu.

Chu Không nói :

— Dẫu bại trận, nhưng quân triều còn đông, sao ta không liều chết với quân địch một trận xem sao ?

Châu Tương Vương than :

— Ngoài thanh giặc vây tứ phía, trong cung Thái-hậu đang bị bệnh ngặt, trẫm không nỡ bỏ đi, nhưng không đi thì không được.

Bèn kêu Châu-Không và Thiệu-Quá nói :

— Nay trẫm buộc lòng phải bỏ đi, xin hai khanh vì trẫm giữ gìn chính trị, chờ ngày trẫm về, chờ phụ lòng trẫm.

Chu Không và Triệu-Quá cúi đầu vâng mạng.

Sau đó Châu Tương-Vương cùng Phú-Thân sang Trịnh cầu cứu.

Vương-tử Đái vào thành trước hết thả nàng Ngõi-hậu ra rồi giả chiếu của Thái-hậu lập mình lên làm vua, lại vào cung tìm nàng cung nữ Tiều-Đông, nhưng Tiều-Đông đã sơ hãi nhảy xuống giếng tự vận rồi...

Nhận xét :

— Khi một người nắm trong tay một trách nhiệm thì việc của có nhân người đó có ảnh hưởng không ít đối với đại cuộc chờ xem thường.

Chân Tương - Vương nhờ quân nước Địch phạt Trịnh cứu lấy uy danh, đó là vì tình thế lúc ấy, không đáng trách.

Để trả ơn nước Địch, Chân Tương - Vương lấy nàng Thúc-Người, gái nước Địch, việc ấy cũng không có gì nguy hại.

Nguy hại ở chỗ Chân Tương - Vương không biết xét người, phong cho Thúc-Người làm Hoàng hậu.

Rất ít người để ý đến ảnh hưởng của người đàn bà khi gần gũi với một người đàn ông có ưu thế xã hội.

Dẫu rằng quyền lập gia đình là quyền riêng của mỗi người, song nếu người ấy là đại diện của dân chúng, cầm trong tay vận mệnh quốc gia thì đời sống riêng của người ấy cũng ảnh hưởng với đời sống dân chúng không ít. Ấy cũng chính là thời phong kiến, một tiếng nói của nhà vua là tiếng nói tuyệt đối, ý kiến của nhà vua là ý kiến tuyệt đối.

Trong một người đàn bà mất tư cách, đưa một người đàn bà mất tư cách, lên làm một địa vị cao cả thế nào cũng đưa đến một kết quả tai hại.

Nàng Thúc-Người là một hanh tàn hả dạ dâm dật, còn Vương-tử Đii cũng chỉ là phuơng háo sắc đa tình. Người đàn bà dâm dật gặp phải người đàn ông háo sắc đa tình, hai bên mến nhau là chuyện thường. Chân Tương - Vương không biết xét người, gây tai họa cho mình là phải.

Nếu là kẻ rành đời, hiểu tâm lý đàn bà nhiều, Chân Tương - Vương đãi gì phong cho con đàn bà dâm dật ấy lên chức Chánh-cung để tạo điều kiện gặp gỡ với phuơng háo sắc làm bậy.

Đời nay cũng thế, nhiều người lên được chức vị cao, nắm trọng trách trong xã hội, thường cho vợ ra mò mày mò mặt với người ta, thời phồng tài năng của vợ mình lên, nhưng thật ra người đàn bà được đề bạt ấy bắt tài thiếu đức, chỉ làm trò cười cho xã hội và chỉ tác hại cho danh giá địa vị của chồng, làm hại cho guồng máy xã hội thôi.

Đó là một kinh nghiệm thực tiễn cho những ai muốn đưa vợ lên làm sang.

Đưa một người lên mit địa vị không phải để cho họ sang trọng mà phải thấy họ có làm được ích lợi gì cho cái địa vị của họ không đã.

Cái tài không phải ở chỗ có địa vị mà ở chỗ có làm xứng đáng với cái địa vị ấy hay không.

TIMSAI.COM.VN

TÂN VĂN-CÔNG NHẬN ĐẤT NHÀ CHÂU

— Việc làm tương trưng cho một
kế sách chính trị.

Châu Tương-Vương bị người em là Vương-tử Đái đoạt vợ cướp ngôi phải bỏ trốn sang nước ngoài cầu viện với chư hầu đe phục nghiệp.

Bấy giờ Tân Văn-Công cố tình muốn giúp nhà Châu đe mưu đồ việc bá chủ, liền kéo binh đến đóng nơi đất Dương Phàn sai Khước Tân đem quân vây Ôn áp, lại khiến bọn Triệu Thôi sang Di-Thành đưa Châu Tương-Vương về Kinh đô.

Người Ôn áp hay tin Châu Tương-Vương đã về liền họp nhau giết chết hai tên phản thần là Đỗi-Thúc

và Đào-Tử rồi mở toang cửa thành rước Châu Tương-Vương vào.

Vương-tử Đái thấy thế thất kinh, liền đem Thúc-Ngỗi, Chánh-hậu của Châu Tương-Vương lên xe bỏ trốn sang nước Địch. Nhưng quân sĩ trong thành vì hận Vương-tử Đái, nên đóng chặt cửa thành không cho Vương-tử Đái phò Ngỗi-hậu ra đi. Vương-tử Đái nói giận rút gươm chém mấy tên quân, bỗng có Ngụy-Thù đến kíp hép lớn :

— Nghịch tặc, ngươi định trốn khỏi tay ta sao ?

Vương-tử Đái nói :

— Nếu nhà ngươi tha cho ta trốn sau này ta sẽ đến ơn.

Ngụy-Thù nói :

— Đè tôi vào kinh lâu với Thiên-tử đã.

Vương-tử Đái mặt hầm hầm rút gươm chém Vương-tử Đái nhảy lên xe chém chết Vương-Ngụy-Thù. Ngụy-Thù nhảy lên xe chém chết Vương-tử Đái. Ngỗi-hậu một mình ngồi tro tro không biết nói lời nào.

Ngụy-Thù chỉ vào mặt nói :

— Đứa dâm phụ thì còn đè sống làm gì ?

Nói xong truyền quân xúm lại đánh ché. Thị đem hai cái xác Vương-tử Đái và Ngỗi-hậu đến nạp cho Khuróc-Tấn. Khuróc-Tấn nói :

— Sao ngươi không bắt đem về nạp cho Thiên-tử lại giết đi ?

Ngụy-Thù nói :

— Thiên-tử đã tránh tiếng giết em nên mượn nước Tấn ta trừ đứa dâm tặc, thi chúng ta còn đè chúng sống làm gì ?

Khuróc-Tấn truyền đem xác hai người chôn ngoài thành, rồi sai người báo tin cho Tân Văncông biết.

Tấn Văn-Công được tin Vương-tử Đái và Ngỗi-hậu đã chết lập-tức vào Kinh-thành yết kiến Châu Tương Vương báo tin thắng trận.

Châu Tương-Vương bay tiệc thất đài, lại đem các đồ lụa là tặng thường cho Tấn Văn-Công. Tấn Văn-Công sụp lạy nói :

— Tâu Bệ-hạ, công ơn tôi chẳng có là bao, không dám nhận lễ chỉ xin một điều là lúc chết được Bệ-hạ cho tôi tống táng theo vương lê là đủ.

Châu Tương-Vương nói :

— Vương lê là dành riêng cho các bậc Thiên-tử, trẫm không vì ơn riêng của hiền hầu mà bỏ lệ công. Vậy trẫm sẽ cất đất phong cho hiền hầu để đền ơn.

Nói xong truyền đem đất Ôn đất Nguyễn, đất Dương Phàn và đất Toàn-Mao phong cho nước Tấn.

Tấn Văn-Công lạy tạ lui ra, sai Ngụy Thủ đến nhận đất Dương-Phàn. Điêu-Hiệt đến nhận đất Toàn-Mao, Loan Chi đến nhận đất Ôn, còn đất Nguyễn là đất trước kia đã phong Nguyên Bá-Quán, nhưng vì Nguyên Bá-Quán thua trận, Châu Tương-Vương lấy lại phong cho Tấn Văn-Công. Tấn Văn-Công sợ Nguyên Bá-Quán không giao nên phải thân hành đến nhìn đất ấy.

Khi đến đất Toàn-Mao và đất Ôn có quan trấn thủ mờ cửa thành nghênh tiếp, duy có đất Dương-Phàn quan trấn thủ không chịu giao, nói :

— Nhà Châu còn được bao nhiêu đất mà phong cho nước Tấn nhiều như vậy, ta quyết không giao.

Nói xong, đem quân lên mặt thành chống giữ. Ngụy Thủ tuân lệnh Tấn Văn-Công đến nhận đất, hay tin giận lâm, đến bên thành la lớn :

— Nếu không giao ta giết hết cả thành.

Người giữ thành là Dương-Cát đáp :

— Dương-Phản là chốn Kinh kỳ, dân trong thành phần đông là dòng dõi Thiên-tử, sao người lại vô lễ nói như vậy ?

Ngụy-Thù sai người về báo với Tấn-Văn-Công. Tấn-Văn-Công viết một bức thư trao cho Dương-Cát, trong thư nói :

« Bởi Thiên tử phong cho tôi, tôi mới dám nhận, xin Tướng quân vì Thiên tử mà không trái mệnh, còn như những họ hàng thân thích của Thiên tử, nếu muốn di nơi khác tôi không dám cản trở ».

Dương-Cát tiếp được thư, thấy lời nói nhã nhặn có ý phục, liền rao khắp dân chúng trong thành ai muốn về nhà Châu thi đi, ai muốn theo nước Tấn thì ở lại.

Dân trong thành xin đi quá nửa. Dương-Cát mở cửa thành cho Ngụy-Thù vào nhận lãnh.

Còn Tấn-Văn-Công khi đến đất Nguyễn, Nguyễn-Bá-Quán nhất định không giao.

Tấn-Văn-Công hỏi Triệu-Thôi :

— Bây giờ muốn lấy được đất Nguyễn phải làm sao ?

Triệu-Thôi nói :

— Đối với dân thì tín nghĩa là trọng, xin Chúa-công giao cho quân sĩ chuẩn bị lương thực trong ba ngày, nếu người đất Nguyễn không muốn đầu ta thi kéo về, đừng tranh chấp làm gì.

Tấn-Văn-Công y lời. Qua ba ngày Tấn-Văn-Công truyền quân giải binh về nước.

Dân trong thành thấy Tấn-Văn-Công có lòng nhân đức rủ nhau mở cửa thành đón tiếp. Còn Nguyễn-Bá-Quán thấy dân mến Tấn-Văn-Công nên phải quy hàng.

Tấn Văn-Công vào thành đai Nguyễn Bá Quán theo lê khanh sĩ, và cho ở đất Hà Bắc lại sai Triệu-Thôi trấn thủ đất Ôn, kiêm lãnh đất Toàn-Mao. Từ đấy uy đức Tấn Văn-Công mỗi ngày một mạnh.

Nhận xét :

— Dùng sức mạnh chiếm đất thì chiếm chẳng được bao nhiêu đất, nhưng chiếm rồi lại khó giữ, còn lấy nhân nghĩa chiếm đất, thì chiếm bao nhiêu cũng được, lại không cần phải giữ.

Tấn Văn-Công có công với nhà Châu, được Châu Tương-Vương phong đất, như vậy việc nhận đất là cái quyền chính đáng của Tấn Văn-Công, không ai có thể cản trở được. Thế mà Tấn Văn-Công lại lấy đạo đức đai người, không vì mình có quyền mà hống hách.

Lòng dân bao giờ cũng thế, ưa thích những gì hiền từ, đức hạnh không thích những hống hách ý thị.

Cho nên, làm một nhà lãnh đạo phải biết tâm lý của dân mới có thể trị dân và điều khiển dân được.

Đời nay, nhiều người ý tài, cậy thế, làm nhiều việc không kè đến nguyện vọng của dân, bắt ép dân phải chịu theo ý muốn của nhà lãnh đạo.

Đinh rằng ý thức của dân có những việc rất đúng, lại có những việc không đúng với chủ trương từng thời gian, từng hoàn cảnh của mỗi lúc, nhưng một nhà lãnh đạo giỏi không vì thế mà đè cho dân chúng bất mãn, phải làm sao cho dân chẳng trong suốt những cái lợi hiện thời, để vui vẻ thi hành.

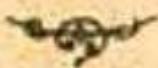
Quan niệm thân dân là quan niệm đạo đức. Đạo đức không đem lý lẽ ra để áp dụng mà phải đem lòng thương ra để thi thố. Dân mến thì làm việc gì cũng được, chả

trương gì cũng thành công, làn không phục thì dù có tài bá đến đâu cũng không thể nào giữ vững được bối ma, cai trị.

Từ xưa đến nay, nhiều nhà lãnh đạo đã trông thấy dân là gốc. Yếu tố quyết định là lòng dân. Được lòng dân là thắng, không được lòng dân là bại, thế mà xưa nay rất ít người áp dụng nỗi yếu tố ấy, chỉ vì trong con người thường có những cá tính không thể dùng lý trí mà gột rửa được. Cá tính ấy là tự cao tự đại, ý mình có quyền thế, coi dân như cỏ rác, bởi lẽ dân là gai cắp thấp nhất, bất kính không dám nói ra, muốn gì không dám thực hiện, bị hù hiếp thi chí cái đầu than trách.

Ngân cõi kêu không thấu rời là địa vị của người dân, kẻ có quyền thế rất dễ ăn hiếp và làm càn. Những người nào thiểu tư cách đều mắc phải bệnh xa dân...

Tần Văn-Công dùng đạo đức tiếp thu đất nhà Châu quâ là một tấm gương sáng cho những nhà làm chánh trị trong thời nay vậy.



TÂN VÀ TÀO GIAO TRANH

— Đánh nhau bằng đòn côn nô.

Tần Văn-Công là Trùng-Nhi, sau khi lưu vong được các tôi thắn và chư hầu giúp sức trở về khôi phục nước Tần.

Mộng làm bá chủ chư hầu, Tần Văn-Công đem quân phạt Vệ rồi kéo sang đánh Tào.

Tào Cung-Công hay tin họp các quan triều thán thương nghị.

vào, nhưng đoàn quân chưa vào được một nửa thì cửa thành đóng sầm lại, binh Tào nồi dày bắn như mưa. Bột-Đề và cả đoàn quân chết sạch.

Tân Văn-Công hay tin nồi giận đốc quân vây thành rất ngặt.

Tào Cung-Công sợ hãi :

— Ké ta không thành tựu, không giết được Tân Văn-Công bây giờ quân Tân vây thành, biết làm sao ?

Vũ Lang nói :

— Tuy không giết được Tân Văn-Công nhưng cũng đã giết được một số binh Tân làm cho binh Tân hạ nhuệ khí. Bây giờ chúng ta nên đem những xác chết đã giết được quăng ra ngoài thành, để cho quân Tân khiếp via. Lòng quân đã sợ thì không khôi sanh ra trễ biển. Chúng ta chờ trong ba hôm chắc có quân Sở đến cứu.

Tào Cung-Công nghe lời, truyền đem thây binh Tân bị chết chặt đầu quăng ra ngoài thành.

Tân Văn-Công trông thấy thất kinh, hỏi Tiên-Trần :

— Quân-Tào làm như vậy e quân ta khiếp sợ sanh biển, phải làm sao ?

Tiên-Trần nói :

— Không hề chi. Nay phäu mộ của người nước Tào đều chôn ngoài thành. Ta giả cách đem quân quật mõ lên lấy đất chôn xác chết của quân ta. Như vậy người trong thành tất phải sợ mà sanh loạn. Ta sẽ thừa cơ tiến đánh.

Tân Văn-Công theo kế, truyền quân sĩ phao tin quân Tân sắp quật mà người nước Tào

Dân trong thành Tào hay được kêu khóc ầm ĩ.

Tào Cung Công thấy lòng dân chan động liền cho

người trèo lên mặt thành yêu cầu quân Tân đừng quật mả. Lần này xin thặt tâm đầu hàng.

Tiên-Trần liền sai người trả lời :

— Nước người đánh lừa giết quân ta, lại quăng xác trên mặt thành quân ta nhất định quật mả của tôi tiên chúng bay mà chôn xác quân ta. Nếu muốn quân ta rút lui, bay phải báo Chúa bay khâm liệm xác quân ta tử tế.

Người nước Tào trả lời :

— Nếu vậy thì xin hoãn trong ba ngày.

Tiên-Trần nói :

— Nếu trong ba ngày mà không khâm liệm xác quân ta cho tử tế thì ta sẽ làm nhục tôi tiên các ngươi.

Tào Cung-Công quả nhiên đem những xác chết quân Tân trên mặt hành xuống khâm liệm.

Tiên-Trần mật sai Hồ-Mao, Hồ-Yên, Loan-Chi, Nguy-Thù, chia quân làm bốn đạo, mai phục sẵn, chờ quân Tào mở cửa thành đem xác chết ra trả, sẽ ập vào.

Đến ngày thứ tư, Tiên-Trần sai người đứng dưới cửa thành quát lớn :

— Hôm nay có giao trả thi thể của quân ta không ?

Người nước Tào đứng trên thành nói :

— Xin quý quốc kéo quân ra khỏi thành năm dặm, nước tôi sẽ giao trả.

Tiên-Trần nói với Tân Văn-Công :

— Xin cír lui binh cách năm dặm.

Binh Tân vừa lui, binh Tào mở cửa thành xe xác chết ra. Bốn đạo binh phục của quân Tân thừa cơ tiến vào. Tào Cung-Công đang đứng trên mặt thành, Nguy-Thù nhảy lên bắt trói lại. Vu Lăng nhảy qua mặt thành bỏ trốn bị Điện Hiệt caém chết.

Tân Văn Công dẫn các tướng vào thành, kiềm diêm binh mà ôm sách kho tàng.

Ngụy-Thù giải Tào Cung-Công vào nạp, còn Điện-Hiệt đem đầu Vu-Lang đến dâng...

Nhận xét :

- Kẻ có năng lực trị dân phải hiểu tâm lý của dân, Kẻ có bản lĩnh làm loạn phải rành những gì dân uất ức.

Tình cảm của dân, quan niệm của dân gắn liền với sự nghiệp của đất nước.

Trên lĩnh vực chính trị không thể nào tách rời quan điểm quân chủng mà thành công được.

Muốn làm cho binh Tân rời loạn, nước Tào đã bày mưu đem xác chết của binh Tân ném ra ngoài mặt thành để cho quân Tân sợ. Đó là một đòn chiến tranh về tâm lý. Trong lúc người nước Tân đang sùng bái thần thánh, coi việc chặt đầu, phơi xác là chuyện thảm khốc, đau đớn ghê sợ, thì người nước Tào đã lợi dụng lòng tin ngưỡng đó để khai thác.

Ngược lại, quân Tân cũng không vừa, biết người nước Tào lại còn tin ngưỡng hơn đe dọa quật mõ người chết.

Xét ra hai bên đều khai thác tâm lý quân chủng để giành thắng lợi.

Giữa chiến trường lại không đánh nhau bằng gươm giáo, không thắng nhau bằng vũ lực mà thắng nhau về đòn tâm lý ấy, thật ít thấy.

Câu chuyện trên đây tuy ít người để ý, song nó lại là một bài học đáng nêu cho hậu thế.

Kẻ làm chính trị không thể tách rời ý thức quân chủng được.

Ý thức quần chúng là một sức mạnh, nếu không làm thỏa mãn được ý thức quần chúng thì không bao giờ sử dụng được lực lượng của quần chúng, vì một khi ý thức đã bát mìn tất nhiên lực lượng phải chênh lệch.

Những nhà lãnh đạo có tài không bao giờ đứng ra ngoài quan điểm quần chúng mà hướng dẫn, trái lại họ phải đứng trong quan điểm quần chúng để dắt dẫn quần chúng tiến tới chỗ tươi sáng hơn.

Bàn rong hơn, có nhiều nhà lãnh đạo chỉ thắc cái tát cái đeo trước mắt, ôi! quần chúng phải hướng theo mình mà quên nghĩ rằng cái tốt cái đẹp ấy chưa hợp với trình độ tiến triển của dân chúng hiện hữu. Bất họ làm một việc, dù đi đến chỗ tốt đẹp mà họ chưa thích thì không thè nào làm cho họ hướng ứng được. Quần chúng không hướng ứng tất đến lại những thất bại của các nhà lãnh đạo.

TENSACH.COM.VN

(XIN XEM TIẾP QUYỀN II)



溫
故
知
新

PRINTACHE.COM.VN